

# VĂN-HÓA

## NGUYỆT-SAN

### CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

### LOẠI MỚI - SỐ 48 THÁNG 1 - 2 NĂM 1960

## MỤC-LỤC

### I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

— Chung quanh vấn-đề thành-lập chữ quốc-ngữ vào năm 1645.	L.M. NGUYỄN-KH.-XUYỀN	1
— Nhân-chủn-học, một vấn-đề văn-hóa quan-trọng . . . . .	NGHIÊM-THÂM	15
— Những bậc kỳ-tài Đông Tây . . . . .	BAO-LA cư-sĩ	33
— Việt-Nam thông-khảo tổng-luận. . . . .	Á-NAM dịch	54
— Bóng vang lòng cũ . . . . .	ĐOÀN-THÊM	62
— Thanh-tâm tài-tử . . . . .	TÔ-NAM và HÀM-CỒ	
(tiếp theo)	phiên-dịch	65
— Tưởng-niệm cụ Từ-Long Lê Đại (tiếp theo). . . . .	NGÔ-BẰNG-GIỰC	71
— Lịch Đông Tây (tiếp theo) . . . . .	NGUYỄN TRIỆU	83
— Ngải Chàm (t. theo và hết) . . . . .	NGUYỄN-KH-NGŨ và BỐ-THUẬN	88

— Cờ-tích danh-thắng Việt-Nam (t,theo)	TU-TRAI	96
— Bùi-huy-Bích (1744-1818)	TRỌNG-ĐỨC	102
— Thi-ca : Xuân-tử	BỮU CẦM	117
— Văn-tế Bà Trưng tế ông Thi-Sách	THÙY-THIỆN	118
— Cờ-Mâu thắng-cảnh	VÕ-LANG	119
— Cơm, cháo, bánh, xôi (Thơ Việt và bản dịch Anh-văn)	VŨ-ĐỨC-TRINH	120
— Tết mưa	ĐÔNG-XUYỀN	122
— Đêm trăng đi xe lửa Đà-Lạt	BÀ HỒNG-THIỆN	122
— Quê tôi	NGUYỄN-VĂN-HÀU	122

## II— VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

— Các hệ-thống Thư-viện trên Thế-giới	NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG	124
— Nền giáo-dục Nhật-Bản hiện-đại : Phương-pháp giáo-dục ở thời ấu-trì (t,theo)	ĐOÀN-VĂN-AN	129
— Thú xem truyện Tàu (tiếp theo và hết)	VƯƠNG-HỒNG-SÈN	138
— Cuộc sinh-diệt của thiên-thê	THÙY-NHÂN	144
— Tìm hiểu văn-chương Anh-Cát-Lợi	LM. TRẦN-PH-YY	153
— Luận về sự lập-chí theo quan-niệm của Khổng-Tử	ĐẶNG-MỘNG-LÂN	157

## III— TIN-TỨC VĂN-HÓA

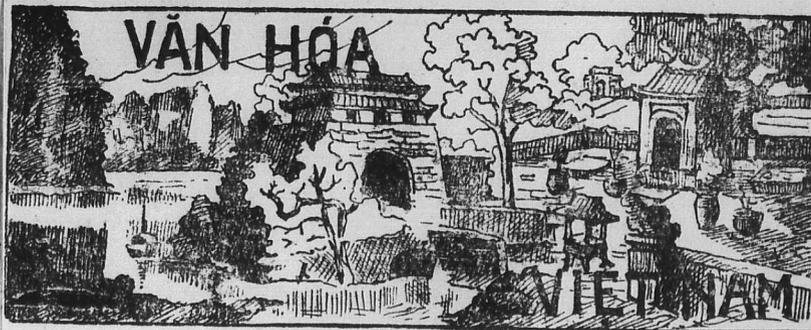
— Tin trong nước	161
— Tin ngoài nước	169

## TRANH ẢNH TRONG SỔ NÀY

- Chùa một cột (Hà-nội)
- Nghiên-mực bằng ngọc thạch (của vua Tự-Đức)



22



CHUNG QUANH VĂN-ĐỀ THÀNH-LẬP CHỮ QUỐC-NGŨ

## CHỮ QUỐC-NGŨ VÀO NĂM 1645

L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYÊN

Với cuốn kỹ-thuật của Christophe Borri (1631), chúng ta có thể biết hình-thức chữ quốc-ngữ, có thể nói là hình-thức phối-thai (Xem : *Văn-hóa nguyệt-san số 42, tr. 685-693*). Chúng ta tự hỏi từ Borri cho tới năm 1651, còn tài-liệu nào đề cho chúng ta theo dõi sự tiến-triển của thứ chữ đó không ? Chúng tôi trả lời là có. Và sau đây là cuộc khảo-cứu một văn-kiện viết tay năm 1645, nghĩa là chỉ có sáu năm trước khi thế-giới được đọc ba tác-phẩm của Cha Đắc-Lộ. Văn-kiện này hiện nằm trong Viện Bảo-tàng của Dòng Tên tại Rôma dưới ký-hiệu Jap-Sin 80, ff. 35-39.

Hẳn đã có nhiều người bao lần hồi-hộp và cảm-động khi lần dở những trang giấy viết tay cò, những tờ nhiều khi đã gần mục-nát. Hẳn đã bao lần người ta kính-cần mở những trang vô-cùng quý-hóa, như sợ nó tiêu-tan dưới sức mạnh của ngón tay, mặc dầu người ta đã nung như nung trứng, hứng như hứng hoa. Phải, đã nhiều lần chúng tôi hồi-hộp mở đến những chồng giấy cũ-kỹ, hy-vọng tìm được vết-tích người xưa, nhưng, như

W. 25515

đ 101

chúng tôi đã viết trong một bài trước, chúng tôi đã hầu như thất vọng. Những tài-liệu về chữ quốc-ngữ cổ sau cha Đắc-lộ thì tương-đối kể là phong-phú, song những bút-ký trước ngài thì thật là hiếm-hoi, gần như không có.

Thật vậy, chúng tôi, cũng như nhiều bạn khác, đã say-mê đọc những giòng chữ do chính giáo-sĩ Francesco Buzomi khởi-thảo, đề ngày 20 tháng 5 năm 1622 (ARSI, Jap-Sin 68a ff. 1-4 và 6-10) tại Nước Mặn tỉnh Quỳnh-ơn, nhưng tuyệt-nhiên không thêm tia sáng nào về chữ quốc-ngữ vào thời kỳ đó, trừ ra mấy lần hiện lên từ-ngữ « *Thiên-chu* » (tờ 8 hạ); không có dấu mũ cũng như dấu hỏi như ngày nay (Thiên-Chủ, Thiên-Chúa 天主). Cũng thế, chúng tôi đã chăm-chú đọc những bút-tích của chính Cha Đắc-Lộ viết tại Hội-an đề ngày 16 tháng 6 năm 1625 hoặc tài-liệu viết tay khác của ngài (ARSI, Jap-Sin. 68 II, ff. 13-14), nhưng vấn-đề phiên-âm Việt-ngữ trước năm 1631 vẫn còn lần-khuất sau đám sương mờ-mịt.

May thay, chúng tôi khám-phá ra một văn-kiện nhỏ gồm năm tờ viết hai mặt (ARSI, Jap-Sin 80 ff. 35-39), theo đó chúng ta có thể quyết-định về tình-hình chữ quốc-ngữ vào khoảng năm 1645. Đó là tờ biên-bản ghi lại ý-kiến của đoàn giáo-sĩ thừa-sai. Dòng Tên thuộc các miền hay giáo-khu Trung-Hoa, Việt-Nam và Nhật-bồn về công-thức phải dùng trong Việt-ngữ để làm phép thụ-giáo hay phép Thánh-tây (Rửa tội).

Đề đọc-giả nhận-định rõ vấn-đề, trước hết chúng tôi xin lược-trình tình-hình công việc, dĩ-nhiên thuộc phạm-vi tôn-giáo, rồi chúng tôi sẽ bàn-giải về thứ chữ quốc-ngữ trong bút-tích kể trên.

### I — VẤN-ĐỀ DỊCH CÔNG-THỨC THÁNH-ÂY

Trong Kytô-giáo, có một nghi-lễ, hay đúng hơn, một Bí-tích hay Nhiệm-tích (Sacramentum, Sacrament) — tích là chứa-đựng, từ-ngữ chỉ chứa-đựng sự huyền-bí, sự huyền-nhiệm, màu-nhiệm. Nhiệm-tích này thiết-yếu tuyệt-đối để gia-nhập tôn-giáo hay thụ-giáo, vào đạo: đó là phép Thánh-tây hay phép Rửa tội. Để cử hành, theo cách-thức thông-thường ngày nay, thì người ta vừa đổ nước trên đầu kẻ vào đạo, vừa đọc một công-thức do chính Đức Kytô, Đấng sáng-lập Giáo-hội đã ban-bổ và do chính-quyền ấn-định. Công-thức ấy rất văn-tắt và giản-dị, song phải đọc đúng từng lời, từng chữ, như thế phép thụ-giáo mới hoàn-thành, nói cách khác,

mới hữu-hiệu. Theo tiếng la-tinh, thì người ta đọc: « *Ego te baptizo in nomine Patris, et Filii, et Spiritus sancti* » ! Nhưng trái với qui-luật khác trong Giáo-hội la-tinh, công-thức này không bó-buộc phải đọc bằng la-ngữ. Mỗi nước sẽ dịch ra ngôn-ngữ của mình, miễn là giữ đúng ý của công-thức. Bởi thế, mỗi lần đạo-giáo truyền sang một nước, một dân-tộc, một văn-hóa, thì lại một lần đặt lên vấn-đề dịch-thuật, dịch trước hết là cái công-thức vô cùng hệ-trọng đó sang tiếng bản-thờ.

Theo những sự-việc đã xảy ra bên Trung-hoa và có lẽ ở bất cứ một nước nào, thì có thể phân-chia sự sử-dụng công-thức đó làm ba giai-đoạn. Thứ nhất là giai-đoạn hoàn-toàn dùng la-ngữ. Người ta để hiểu sự-kiện này, bởi vì một đảng các thừa-sai thường là người ngoại-quốc mới chân ướt chân ráo bước lên đất xa-lạ, cho nên ngôn-ngữ của dân bản-thờ các ngài đều có tường; đảng khác, bởi vì qui-luật bó-buộc phải đọc đúng từng chữ, từng lời như chúng tôi đã nói ở trên, nên chỉ một khi các ngài đã thấu-triệt không còn hồ-nghi, thì các ngài mới dám mạnh-bạo dùng tiếng của dân bản-thờ. Kết-cục, chắc-chắn hơn cả, các ngài cứ dùng tiếng La-tinh, tiếng nói chính-thức của Giáo-hội Rôma. Như thế, lương-tâm được bình-an, hữu-hiệu của phép Nhiệm-tích được bảo-đảm.

Nhưng thực ra, không thể kéo dài tình-trạng này mãi được. Mục-dịch cứu rỗi hết mọi người, đòi mỗi người phải và nên thuộc lòng công-thức linh-thiên ấy, bởi vì hết mọi người đều có thể cử-hành nghi-lễ cứu-độ ấy trong những trường-hợp khẩn-cấp, cả đến người ngoài Kytô-giáo, nếu chú-ý làm như Giáo-hội làm. Nhưng nếu không phiên-dịch ra tiếng bản-thờ thì người trong xứ phần đông đâu có thể sử-dụng quyền-lợi và nhiệm-vụ kia được. La-ngữ và những lời la-ngữ nói trong công-thức, đối với đa-số, chỉ là những lời man-di xa-lạ. Song như chúng ta đã rõ, việc phiên-dịch những danh-từ tôn-giáo của một ngôn-ngữ này sang ngôn-ngữ khác, đâu có phải là công-việc của một người hay một lúc: mỗi thời, mỗi người, trong sự dò-dẫm, uôm-thử, táo-bạo của mình, tùy theo trí sắc bén của mình, mỗi người sẽ đem lại một chút giúp vào giải-pháp trọn-hảo sau cùng. Bởi thế, chúng ta đi đến giai-đoạn thứ hai trong vấn-đề này.

Ở đây, người ta không hoàn-toàn dùng la-ngữ, cũng không hoàn-toàn dùng Hoa-ngữ, song thi-hành lối « chiết-trung », hay nếu muốn, lối « đầu Ngô

mình Sô" nghĩa là có chữ la-tinh mà cũng có chữ bản-thờ. Trong Hoa-ngữ, chúng ta thấy công-thức thánh-tây trong giai-đoạn thứ hai này như sau : « *Ngã tây như nhân Patêlê, cập Feilto, cập Spiritu santo danh giê* ». Như vậy ba danh-từ rất thánh, tên Ba Ngôi Thiên-Chúa chưa được dịch sang Hoa-ngữ, nhưng vẫn còn là la-ngữ phiên-âm : Patêlê (Cha), Feilio (Con), Spiritu santo (Thánh-Thần). Với công thức chiết-trung này, trong khi đem ra thực-hành, nhất là đối với thường-dân ít học, rất có thể và đã xảy ra những sự hiểu lầm hay sai-lạc hoặc gây-ngộ mà lịch-sử còn ghi-chép.

Bởi thế, chúng ta thấy cần-thiết phải hoàn-toàn dịch sang tiếng Bản-thờ. Chúng ta bước sang giai-đoạn thứ ba, giai-đoạn cuối-cùng. Vẫn theo tí-dụ trên, người ta không còn công-thức "lai" : « *Ngã tây như nhân Patêlê, cập Feilto, cập Spiritu santo* », song một mệnh-đề hoàn-toàn Trung-hoa: « *Ngã tây như, nhân Phụ, cập Tử, cập Thánh-Thần chi danh* ». (Cf. P-M. D'Elia, *De prima forma baptis matis apud Sinenses signis sinensibus expressa*, trong *Periodica*, t.2, Romae, 1938, tr. 340-348).

Tại Việt-nam, từ cuối thế-kỷ XVI và đầu thế-kỷ XVII, chúng tôi thiết-nghĩ: giáo-đoàn Kytô tiên-khởi đã trải qua một giai-đoạn chịu ảnh-hưởng của Trung-quốc. Chúng tôi muốn nói đến việc sử-dụng mấy cuốn sách giáo-lý bằng chữ nho, mấy công-thức Nhiệm-tích và một số kinh cầu-nguyện bằng chữ nho. Là vì một đàng, các văn-nhân thời đó chuộng Hán-học và sách hán-tự là cách-thể hầu như độc-nhất để thâm-thái tư-tưởng, đàng khác các giáo-sĩ lớp đầu đặt chân lên đất Trung-hoa đã bắt đầu soạn các sách bằng chữ Hán, không những cho người Trung-quốc, Nhật-bản mà còn cho người Việt-nam nữa. Những phái-đoàn ngoại-giao của ta sang triều-cống Bắc-kinh, khi trở về đã đem theo những sách của các giáo-sĩ Dòng Tên viết, như hơn một lần, người ta đọc thấy trong sử-sách. Hơn nữa, những thừa-sai nước ta, thường đem theo những sách đó đệ lên vua, hoặc phát cho các nho-gia. Bởi thế, chúng ta có thể đoán được rằng: công-thức thánh-tây tại Việt-nam ban đầu hoàn-toàn bằng La-ngữ, hay Bồ-ngữ, rồi tới giai-đoạn dùng cả chữ la-tinh hay Bồ-đào-nha lẫn với tiếng Việt, để về sau, trong giai-đoạn cuối-cùng hoàn-toàn tiếng Việt.

Theo bút-tích chúng tôi bàn-giải ở đây, thì chúng ta thấy công-thức thánh-tây được công-nhận trong thời-kỳ này đã được ấn-định như sau : *Tau rủa mắt nhần danh Cha, và Con, và Spiritu santo* (Tao rửa mắt nhân danh Cha và Con

Spírito sauto; Spírito sauto nghĩa là Thánh-Thần). Trong câu này, chỉ còn hai chữ Spírito sauto là tiếng la-tinh hay tiếng Bồ-đào-nha, còn tất cả đã được phiên-dịch sang tiếng Việt.

Thực ra để đi tới một công-thức kè là đã sáng-sủa, dễ hiểu, dễ học và dễ đọc như trên, người ta đã phải trải qua gần một thế-kỷ, kể từ buổi tiếp-xúc sơ-khai giữa Kytô-giáo và dân-tộc Việt-nam, hoặc nếu kể từ ngày tổ-chức qui-cử của Dòng Tên thì gần một nửa thế-kỷ. Nếu xét cho kỹ, nếu không có ý-kiến đối-lập của một số giáo-sĩ, trong đó có Cha Đắc-Lộ và là người « cố-chấp » nhất trong vấn-đề này, thì hai chữ « *Spiritu sauto* » đã được dịch là Thánh-Thần như trong công-thức Hoa-ngữ. Về việc này, có thể xem Tự-diễn Việt-Bồ-La của Cha Đắc-lộ : chữ Thánh, cột 748 và chữ Thần, cột 742. Ngoài ra còn nhiều bản viết tay đề cập tới như : tài-liệu viết tay của giáo-sĩ Marini, trong Thư-viện Quốc-gia Ý, Roma, *Fondo gesuitico 3383*, ff. 68-77 ; *Fondo gesuitico, 1254, N° 19, ff. 79-86* ; hoặc trong Viện Bảo-tàng của Dòng Tên tại Rôma, *Jap-sin 80, f. 96r và Jap-Sin 80, ff. 78-79*, hai tài-liệu sau cùng này đã được in thành phụ-bản trong cuốn sách nhan-đề : Nguyễn-Hồng, *Lịch-sử Truyền-giáo ở Việt-nam*, I, Sài-gon, Hiện-tại, 1959, tr. 144 và 161.

Thực ra tài-liệu về công-thức thánh-tây này hiện khá phong-phú. Song ở đây, chúng tôi không đề-cập nhiều về quan-điểm thần-học và mục-vụ (théologique et pastorale), hay những yếu-tính của cuộc tranh-luận, chúng tôi sẽ bàn-giải về hình-thức chữ quốc-ngữ trong thời-gian này, nghĩa là vào khoảng năm 1645.

## II.- CHỮ QUỐC-NGỮ VÀO NĂM 1645

Cũng như cuốn ký-thuật của Christophe Borri không chuyên nói về vấn-đề văn-tự hay chữ quốc-ngữ, song như đã tình-cờ để lại một vết-tích quý-hóa về từ-ngữ, thì ở đây cũng thế. Theo sự hiểu-biết của chúng ta ngày nay thì trước những tác-phẩm Việt-ngữ của Cha Đắc-lộ (1651), chỉ có hai cuốn Tự-diễn đã mất của Gaspar d'Amaral và Antonio Barbosa với những dấu-vết trong « *Relazione* » của Borri, sách in (1631) và Công-thức thánh-tây, viết tay năm 1645.

Đây là một tờ biên-bản sau cuộc hội-họp của 36 giáo-sĩ. Dòng Tên đang làm việc truyền giáo tại Trung-quốc, Nhật-bồn và Việt-nam. Then chốt của việc bàn-cãi không ở sự dịch những chữ thần-học như *Cha*, *Con*, cũng không ở từ-ngữ ngoại-lai « *Spirito santo* », cũng không ở những tiếng bình-dân như « *Tau rửa mặt* », nhưng ở từ-ngữ Hoa-Việt « *nhân danh* », dịch từ tiếng la-tinh « *in nomine* » (Pháp-ngữ : *au nom de...*).

Nhưng tại sao lại tranh-luận về từ-ngữ « *nhân danh* » ? Nếu đã xem kỹ bản điều-trần này, người ta nhận thấy rằng : không phải vì từ-ngữ trên là tiếng do Hán tự, nhưng vì một điểm có liên-hệ đến giáo-lý của đạo, chúng tôi muốn nói đến vấn-đề cốt-yếu của Kytô-giáo về Thiên-Chúa. Theo quan-niệm của Kytô-giáo, thì chỉ có một Thiên-Chúa, chứ không ba hay nhiều. Người Kytô-giáo tin chỉ có một Thiên Chúa, nhưng một Thiên-Chúa-Ba-Ngôi-vị. Nói : Ba Ngôi-vị, một Thiên-Chúa, chứ không Ba Thiên-Chúa. Song từ-ngữ « *nhân-danh* », theo một phái chủ-trương, hay phe đối-lập, có thể làm cho người ta hiểu là Ba chứ không Một. Bởi vì « *danh* » ở đây chỉ trống, và người ta có thể hiểu là nhiều danh chứ không một danh. Nếu nhiều « *danh* » thì chẳng phải là chủ-trương nhiều Thiên-Chúa ư ? Như vậy, giáo-lý căn-bản của đạo sẽ bị sai-lạc. Bởi thế mà giữa đoàn thừa-sai giáo-sĩ đã có sự chia-rẽ, nói cho đúng, trong việc sử-dụng công-thức thánh-tây, đã không có sự duy-nhất. Người thì cứ dùng « *nhân danh* » như bên Trung-quốc,

### Chú-ích Phụ-bản I →

Trong những trang viết tay khi thì bằng La-ngữ, lúc thì bằng Bồ-ngữ, chúng ta thấy những chữ quốc-ngữ đều có gạch một nét ở dưới.

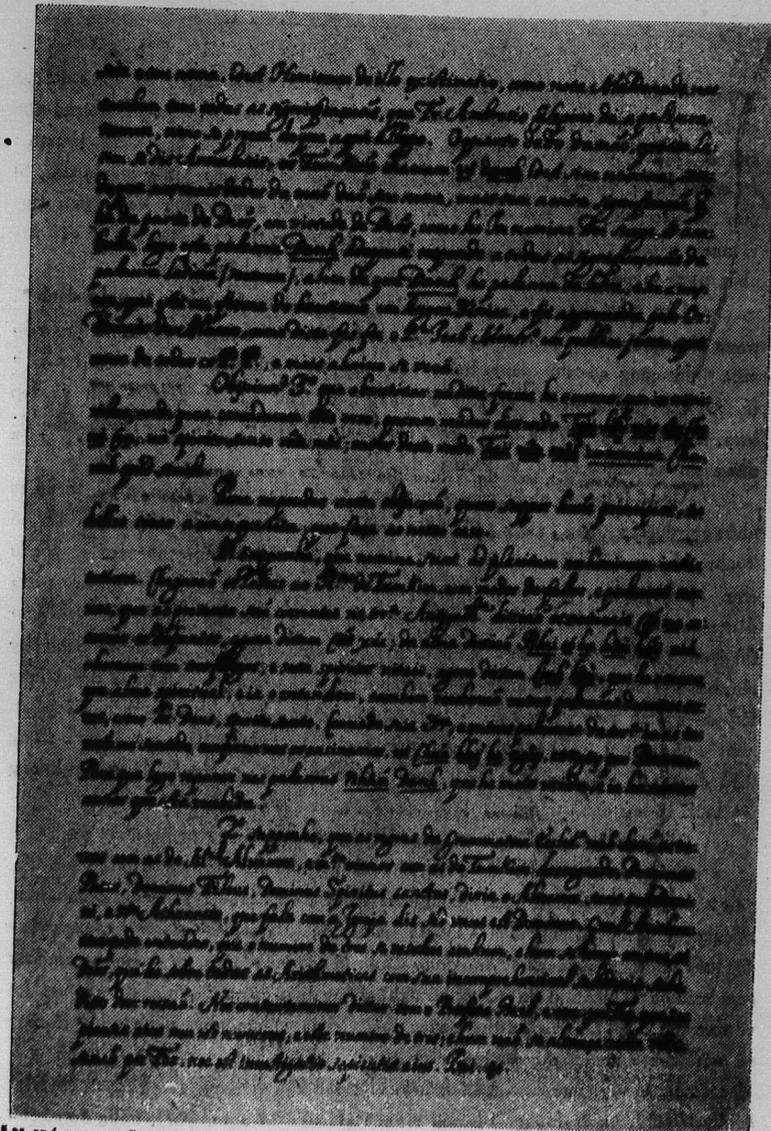
Chúng ta chú-trọng tới ba câu :

1.— Giòng 13-14 : « *Tau lấy một tên Cha và Con và Spirito santo rửa mặt* ».

« *Tau rửa mặt in nomine Cha...* »

2.— Giòng 21 : « *Blai có ba hồn bảy vía* » (Trai có ba hồn bảy vía).

3.— Giòng 25 : « *Chúa blờy ba ngòy* » (Chúa trời ba ngôi).



người ta đã dùng; kẻ thì do-dự và đã dùng tiếng la-tinh « In nomine » và công-thức thành ra : *In nomine Cha và Con và Spirito santo* ; nhưng còn một khuynh-hướng khác, họ dùng tiếng Bồ-đào-nha chứ không tiếng la-tinh : *In nome Cha và Con và Spirito santo*, từ-ngữ « in nome » này về sau đã bị phe đối-lập nhại là « in a-mê » với ý-nghĩa chữ a-mê trong Việt-ngữ. Bởi vì muốn chấm dứt cuộc tranh-chấp cũng như đem lại sự hòa-thuận và duy nhất trong ngôn-ngữ và hành-động nên đã có cuộc hội-hợp này.

Câu hỏi đặt ra đầu tiên là tại sao lại dùng chữ Hán « nhân danh », trong khi tiếng Việt có từ-ngữ « lấy tên », như vậy nếu có thể nói « *tau rửa mắt* » thì cũng có thể dùng hoàn-toàn chữ nôm bình-dân « *tau lấy t<sup>n</sup>...* » (f. 35 v). Nhưng người ta đáp lại rằng : hai chữ « nhân danh » gọn và đẹp hơn, hơn nữa tại Trung-hoa, người ta cũng đã dùng. Mà nếu Trung-quốc đã dùng thì tại sao chúng ta không thể dùng được ?

Về số ít hay số nhiều của chữ « danh », để thấu-hiểu người ta đã trưng ra những tí-dụ lấy trong ngôn-ngữ hằng ngày của dân chúng. Kết-luận là số ít chữ không số nhiều. Quả vậy, một đàng chữ danh tuy nguồn gốc là chữ Hán, song đã biến thành chữ Việt bởi đã dùng nhiều trong dân-gian. Đàng khác, khi người ta nói « *tốt tên, tốt danh, tốt tiếng*, » thì danh và tên cũng là một. Chữ « tiếng » như hậu-quả, dư-âm của danh hay tên, bởi thế người ta đã có từ-ngữ « danh tiếng ». Thực ra chữ danh đã được dùng khi phiên-dịch kinh « *Lạy cha* » (Pater noster, Notre Père), khi phải dịch câu « *sancti fetur nomen tuum* » (Que votre nom soit sanctifié) : « *danh Cha cả sáng* ». Cũng theo đường lối đó, nghĩa là số ít, nên người ta nói : *vô danh*, để chỉ sự không tên-tuổi, không danh-tiếng.

Như chúng tôi nói ở trên, phe đối-lập không nhận từ-ngữ « nhân danh » vì sợ có nghĩa là nhiều danh, nhiều tên, chứ không phải một tên, một danh. Cho nên, phe này chủ-trương phải dùng « nhân nhất danh ». Cha Đắc-Lộ thuộc về phái này. Bởi thế, trong quyển Tự-diễn Việt-Bồ-La của ngài, trong chữ « *Danh* » người ta đọc thấy những giòng này : « *Nhìn danh Cha : in nomine Patris, est dubium an habeat eum sensum* » (Nhân danh Cha: hồ-nghi không biết có phải nghĩa ấy không). Là vì như trên, Cha Đắc-Lộ cương quyết phải viết là « nhân nhất danh » cho rõ-ràng số một, chứ không phải « nhân danh ».

Thực vậy, người ta còn tìm được một văn-liệu viết tay (Đã kể trên, in phụ-bản tr. 161, Nguyễn-Hồng, Lịch-sử truyền-giáo ở Việt-nam, q. I), trong đó có chữ

ký của 12 người Việt trình-bày ý-kiến phải dùng « nhân nhất danh » chứ không « nhân danh ». Mấy giòng đầu được ghi chép như sau :

« Nhân danh Cha và Con và Sư-phi-ri-tô sang-tô. f nói An-nom các bản đạo thì tín rằng là ba danh. Vì bồng muốn f làm một thì phảy nói nhân nhất danh Cha... » (ARSI, Jap-Sin 80, f.78v).

Chúng ta thấy chỉ vì từ-ngữ « nhân danh », « nhân nhất danh » mà sự chia rẽ cũng như tranh-luận và hoạt-động càng thêm khó-khăn, đến nỗi người ta đã thấy nảy ra năm cách-thức đọc công-thức thánh-tây : 1) dùng « nhân danh » ; 2) dùng « nhân nhất danh » ; 3) dùng chữ la-tinh « in nomine » ; 4) dùng chữ Bồ-đào-nha « in nome » ; 5) và cách cuối cùng « *lấy một tên* » trong « *Tau lấy một tên Cha và Con và Spirito santo rửa mắt...* » Khuynh-hướng này thực ra đã theo « nhân nhất danh » (lấy một tên).

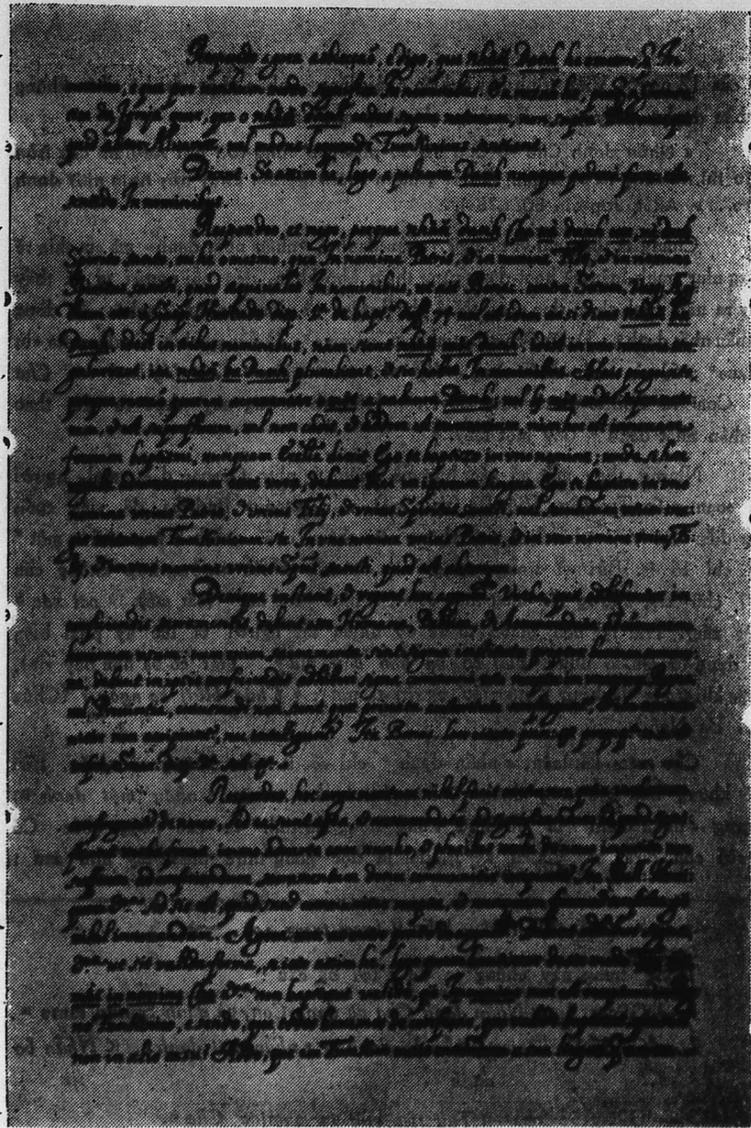
Nhưng theo một số các học-giả khác, tỉ như Gaspar d'Amaral, người đã soạn cuốn Tự-diễn Việt-Bồ (thất lạc) và Antonio Barbosa, đã viết cuốn Tự-diễn Bồ-Việt (thất lạc) thì không cần thêm chữ « nhất » hay chữ « một » để chỉ số ít. Bởi vì trong tiếng Việt, có rất nhiều trường-hợp không cần tới chữ đó, nhưng vẫn hiểu theo số ít, tỉ như « *cát ma* » (cát mả), « *cát xác* » (cát xác). Trái lại nếu muốn tỏ ra số nhiều thì người ta lúc ấy phải biến rõ dung-từ chỉ-số như « *blai có ba hôn bảy vía* ». (Trai có ba hôn bảy vía), hoặc khi trong danh-từ Kytô-giáo, người ta nói : « *Chúa blôij ba ngôy* » (Chúa trời Ba Ngôi).

Cho nên kết-luận, « nhân danh » chỉ số ít chữ không số nhiều. Bởi thế không bao giờ nên dùng « *nhân ba danh* », hoặc « *nhân một danh* », nhưng « nhân danh » là đủ như trong tiếng la-tinh và các tiếng khác. Có người còn đưa ra ý-kiến kỳ-dị, đó là đọc công-thức thánh-tây như sau :

#### Chú-thích Phụ bản II (xem trang 10) →

Trong trang này chúng ta đề ý tới ba câu :

- 1.— Giòng 7 : « *Nhân danh Cha và danh Con, và danh Spirito santo* ».
- 2.— Giòng 10-12 : « *Nhân ba danh* », « *nhân một danh* », « *Nhân ba danh* ».
- 3.— Giòng 33-34 : « *Tau rửa mắt in nomtne Cha* ».



« nhân danh Cha, và danh Con và danh Spirito santo ». Ý-kiến này bị bác-bỏ và cuối cùng, công-thức đa-số chấp-thuận từ nay sẽ là : « nhân danh Cha và Con và Spirito santo ». Từ-ngữ « nhân-danh » dịch đúng la-ngữ và diễn-tả đúng ý-nghĩa của công-thức : « in nomine ». Người ta đưa ra hai chứng-cứ : Thứ nhất là chứng-cứ văn-pháp Việt-ngữ và thứ hai là uy-thể của Hán-tự, bởi vì người Trung-hoa cũng đã dùng hai tiếng « nhân danh » trong công-thức thánh-thầy.

Dưới tờ biên-bản, có hai cột danh-sách các vị đã dự vào cuộc tranh-luận và biểu-quyết. Cột bên trái gồm 33 vị, trong đó có hai vị « bỏ phiếu trắng ». Nhiều vị trong danh-sách là những nhà thần-học hay giáo-sư. Giáo-sĩ Antonio Barbosa được phê là « peritus Linguae » (thông-thạo tiếng) và giáo-sĩ Gaspar d'Aamral là « peritissimus linguae » (rất thông-thạo tiếng). Phe đối-lập vền-vện chỉ có giáo-sĩ Đắc-lộ « xưa đứng đầu đoàn truyền-giáo Đàng Trong » và giáo-sĩ Metellus Saccanus, vị này là đồ-đệ học tiếng Việt của Cha Đắc-Lộ.

Như chúng ta đã thấy, trong khi chúng tôi cố biên rõ thứ chữ quốc-ngữ cỡ ở trên, có một vài diêm dị-đồng không đáng kể tí như những do-dự giữa *t, tj* và *y*: *lấy*, (*lây*), *mặt*, (*mày*), *bây*, (*bây*), *blòij*, (*blời*), *ngôy*; (*ngôi*). Ngoài ra người ta cũng đề ý tới dấu hai chấm (') thường gặp trong tài-liệu, tí như mấy chữ trên và chữ «*tau*», (*tao*). Còn chữ quốc-ngữ ở đây giống chữ quốc-ngữ trong các tác-phẩm của Cha Đắc-Lộ, với những âm-vận và các dấu khá rõ-rệt. Hình như đã bắt đầu có một cương-chỉ qui-định xác-đáng. Cho nên nếu quả thực bút-tích này đã được thảo năm 1645 thì chúng tôi có thể bẳng vào chứng-cứ mà quyết luận rằng : chữ quốc-ngữ đã thành hình và đi tới chỗ trọn hảo muộn lắm là năm 1645 này, nghĩa là trước năm 1651 sáu năm.

Nếu đối-chiếu với chữ quốc-ngữ trong Borri (1631) thì chúng ta nhận thấy hệ-thống của Borri chưa có dấu và theo cách đọc của người Ý, trái lại hệ-thống trong văn-liệu này đã có dấu và cách đọc theo tiếng Bồ:

<i>Borri</i> (1631)	<i>Công-thức</i> (1645) và <i>Đắc-Lộ</i> (1651)
1) Chưa có dấu	1) Đã có dấu
2) Một vài âm-vận theo tiếng Ý như: <i>GN</i> : <i>gnin</i> (nhin, nhân)	2) Âm-vận theo tiếng Bồ-đào-nha như: <i>NH</i> : <i>nhin</i> (nhin, nhân)

### III — KẾT-LUẬN CHUNG

Trong khi khảo-cứu nguồn-gốc chữ quốc-ngữ và công-trình của giáo-sĩ Đắc-lộ trong phạm-vi văn-hóa, chúng tôi đã muốn đi tìm những sửa soạn cho những tác-phẩm của Đắc-lộ năm 1651, nói cách khác tìm những ảnh-hưởng cũng như những mò-mẫm, có lúc thành-công, có khi thất-bại của những người sống trước hay đã làm trước giáo-sĩ Đắc-lộ. Bởi thế chúng tôi đã thử học về vấn-đề

#### Chú-thích Phụ-bản III →

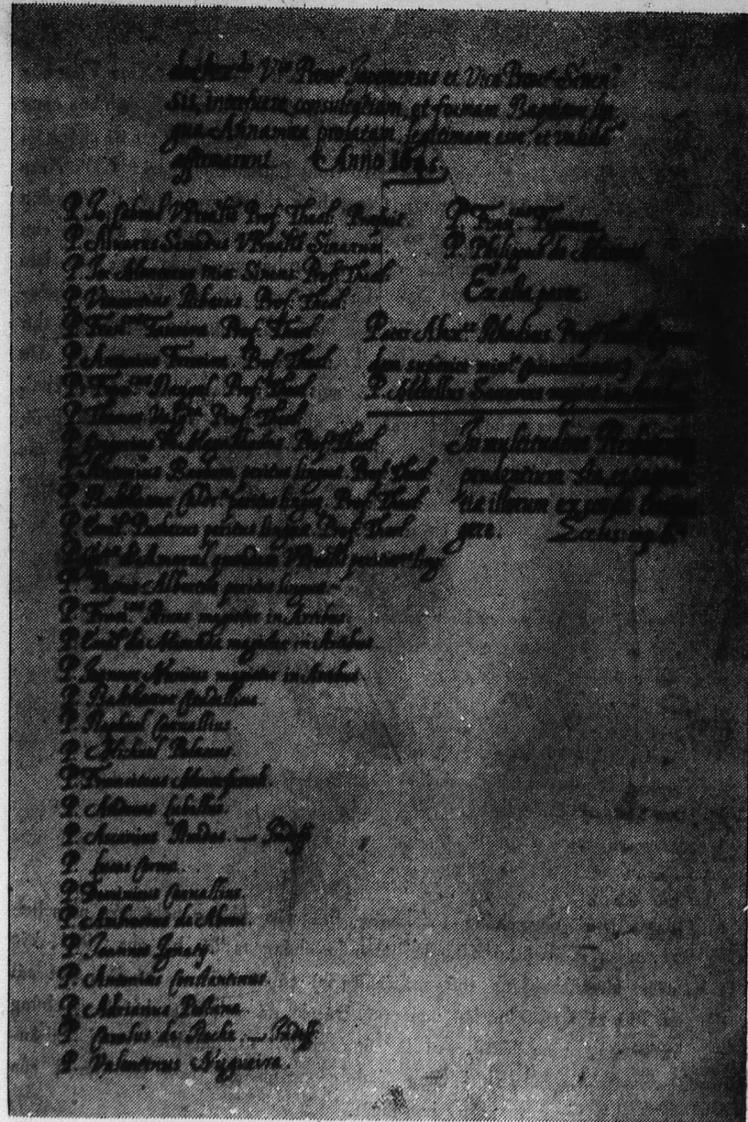
Danh-sách những vị đã tham-dự vào cuộc tranh-luận và quyết-nghị. Hai chủ-trương: nhân danh và nhân nhất danh.

A.— *Bên nhân danh* có tất cả 33 vị trong đó người ta nhận thấy:

- 1.— Cha Cabrol, chủ-tọa và Cha Semedus, phụ-trách Trung-hoa.
- 2.— Cha *Barbosa* (tác-giả cuốn Tự-diễn Bồ-Việt, thất-lạc) với phụ-đề là: *peritus linguae* (thông-thạo tiếng) và Giáo-sư Thần-học. (giờng 10)  
Gaspar d'Amara (tác-giả cuốn Tự-diễn Việt-Bồ, thất-lạc) với phụ-đề: xưa làm Phụ-tỉnh và *peritissimus linguae* (rất thông-thạo tiếng) giờng 13.
- 3.— Ngoài ra còn ba vị nữa cũng được kê-khai là thông-thạo tiếng và 2 vị đứng trung-lập (*Indifferens*) trong đó có Cha Carolus de Rocha học-trò Việt-ngữ của Cha Đắc-lộ năm 1645 tại Áo-môn.

B.— *Bên nhân nhất danh* chỉ vắn vắn có 2 vị, một thầy, một trò đó là:

- 1.— Cha Đắc-lộ (cột bên phải, giờng 5 sau « *Ex alta parte* » (phái bên kia) hay phái đối-lập.  
Cha Đắc-lộ không được ghi-chú và thông-thạo tiếng, song là « Giáo-sư thần-học » và khi xưa làm Bề-trên phái-đoàn truyền giáo Đàng trong.
- 2.— Cha Metellus Saccanus « *magister in Artibus* ». Vị này là một trong hai học-trò Việt-ngữ của Cha Đắc-lộ năm 1645 tại Áo-môn cùng với Cha Carolus de Rocha ở trên.



Rôma-hóa hay la-tinh-hóa Nhật-ngữ trong thế-kỷ XVI — XVII (Xem *Văn-hóa Nguyệt-san* số 39), rồi vấn-đề chữ quốc-ngữ Trung-hoa hay Hoa-ngữ la-tinh hóa cũng trong thế-kỷ XVI — XVII (Xem *Văn-hóa Nguyệt-san* số 43—44); sau đó chúng tôi đã tìm-kiếm những bước đầu của chữ quốc-ngữ trong Christophe Borri (1631; Xem *Văn-hóa Nguyệt-san* số 42) và trong Công-thức thánh-tày (1645; Xem *Văn-hóa Nguyệt-san* số này). Dĩ nhiên tất cả việc khảo-cứu của chúng tôi vẫn còn có thể thiếu-sót. Có lẽ sẽ có những cuộc khám-phá mới khác ngổ hầu làm sáng tỏ nguồn-gốc chữ quốc-ngữ, một thứ chữ mà dân-tộc Việt-nam hiện-ngang sử-dụng trong công-cuộc trau-giồi văn-hóa và tư-tưởng học-thuật, thứ chữ « quốc-ngữ » mà hiện nay dân-tộc Trung-hoa đang đi tìm và bắt đầu thực-hiện, dân Nhật-bản và Cao-ly có lẽ một ngày kia. Vậy sau khi khai-thác những nguồn-gốc xa cũng như gần với những tài-liệu mong-mạnh ít-ôi, chúng tôi hy-vọng có thể đề-cập tới chữ quốc-ngữ trong các tác-phẩm của giáo-sĩ Đắc-lộ (1651) hay là công-trình của ngài trong việc thành-lập chữ quốc-ngữ (1).

L.M. NGUYỄN-KHẮC-XUYẾN



(1) Viết tới đây, chúng tôi không thể nào không nghĩ tới niên-lịch 1651-1951, nhất là 1660-1960. Bởi vì nếu chúng ta đã bỏ qua 1951, kỷ-niệm ba trăm năm khai-sinh chữ quốc-ngữ thì có lẽ chúng ta sẽ làm một cái gì để giỗ 300 năm vị sáng-lập : giáo-sĩ Đắc-lộ đã tịch năm 1660 và chúng ta đã bước sang năm 1960. Ấu là cũng cơ-hội tỏ lòng biết ơn vị đại-ân-nhân của dân-tộc và đồng-thời cũng ý-thức mãnh-liệt hơn về địa-vị của văn-tự nước nhà trong tư-tưởng học-thuật.



## NHÂN-CHỦNG-HỌC MỘT VẤN-ĐỀ VĂN-HÓA QUAN-TRỌNG

(Lời kêu gọi của một nhà Nhân-chủng-học Việt-Nam)

NGHIÊM-THÂM

**N**HÂN-CHỦNG-HỌC là một khoa-học có mục-dịch khảo-sát và so-sánh các nền văn-minh của nhân-loại. Trước đây, các nhà bác-học còn coi nhân-chủng-học như đề khảo-cứu về các giống người chưa đạt tới văn-minh của các nước kỹ-nghệ-hóa và tân-tiến. Nhưng rồi quan-điểm đó đã thay đổi đi, ngày nay khoa nhân-chủng-học bao gồm cả công việc khảo-cứu các xã-hội tân-tiến. Tại Hoa-Kỳ ta thấy những nhà nhân-chủng-học được dùng làm chuyên-viên hay cố-vấn tại các công-sở hay các xí-nghiệp. Bồn-phận các nhà nhân-chủng học này là làm sao dung-hòa được những kết-quả của khoa-học nhân-chủng để có thể xây dựng trên một căn-bản hoàn-toàn khách-quan những chương-trình hoạt-động-phù-hợp với mọi người.

Ta xem vậy thì biết rằng khoa nhân-chủng-học là cần, không những đứng riêng về phương-diện khoa-học mà cũng là cần cho các nhà cầm quyền. Những công việc khảo-cứu nhân-chủng-học cũng giúp ích đề hiệu tâm-lý và nhu-cầu của các giống người cùng chung sống trên một lãnh-vực quốc-gia.

Vì ngày nay vấn-đề thích-nghi văn-hóa (acculturation) trở nên rất quan-hệ. Trong thời-đại này vì các đường giao-thông thuận-tiện, và các nền kinh-tế thường lệ-thuộc nhau nên các xã-hội chậm tiến bắt buộc phải sống chung đưng với các người của các xã-hội tân-tiến hơn. Và vì vậy có những sự thay đổi về hình-thức cũng như vật-chất trong các nền văn-hóa cổ-truyền đang ở trong thời-kỳ chậm tiến. Những biến-đổi như vậy rất ảnh-hưởng đến đời sống tinh-thần của các xã-hội chậm tiến. Ta thấy có nhiều người đâm ra loạn óc vì họ không biết làm sao dung-hòa được những truyền-thống cũ của họ với nền văn-minh mới của kỹ-nghệ ngày nay. (Xem cuốn « *Kỹ-thuật Bảo-tàng-học và Giáo-dục căn-bản* », trong loại sách dịch những chuyên-khảo của UNESCO, do Nha Văn-Hóa, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ấn-hành, Nghiêm-Thâm dịch, Sài-gòn, 1959, trang 31 ...). Vậy làm sao cho các người ở các xã-hội chậm tiến canh-tân được văn-hóa cổ-truyền của mình để có thể tồn-tại được trong thời-đại này.

Các công cuộc khảo-cứu của các nhà nhân-chủng-học đã giúp nhiều cho việc tìm hiểu các xã-hội chậm tiến và vì vậy đã có thể làm bớt được những sự thay đổi quá đột-ngột làm hại cho đời sống tinh-thần của các người thuộc các xã-hội chậm tiến.

Khoa nhân-chủng-học còn có mục-dịch giúp nhân-loại hiểu biết nhau, để tránh được những sự tự-tôn, tự-đại nó đưa đến sự một giống người tự coi là trung-tâm trong nền văn-minh của nhân loại (ethnocentrisme). Lịch-sử đã cho ta hay là người Hy-Lạp và người Trung-Hoa khi xưa đã mắc phải chứng bệnh tinh-thần đó Người cổ Hy-lạp cùng người Trung-Hoa thời trước, vì chưa hiểu các nền văn-minh khác nên cho rằng ngoài người Hy-Lạp hoặc người Trung-Hoa ra thì các giống khác đều là dã-man cả. Nếu lấy ngay người Việt làm thí-dụ thì chúng ta cũng đã mắc phải chứng bệnh này. Trên lãnh-thổ Việt-Nam, ta coi các giống người khác không phải là giống Việt đều là dã-man. Những chữ Mường, Mán, Mọi, Rợ đều có ý nghĩa miệt-thị. Nếu ta chịu khó hiểu kỹ người Mường thì ta biết rằng họ còn đáng trọng hơn người Việt ở đồng bằng. Vì theo các công cuộc khảo-cứu, giống Mường ngày nay có lẽ là những người Việt khi trước đã không chịu đồng-hóa với các người Trung-Hoa sang cai-trị trong thời Bắc-

thuộc Họ rút lui vào rừng núi để giữ nguyên vẹn tính-chất của giống-nòi. Nếu ta xét kỹ về văn-hóa Việt-nam và văn-hóa Chăm thì ta hiểu rằng người Việt đã chịu nhiều ảnh-hưởng của người Chăm. Những vết-tích của các công-trình kiến-trúc cách đây chừng nghìn năm cho ta hay là chính thợ Chăm bị bắt ra Bắc-Việt đã xây dựng những cung-điện ở thành Đại-La và Thăng-Long khi xưa.

Khoa nhân-chủng-học khi khảo-cứu về các giống người giúp ta hiểu rõ giá-trị của các nền văn-minh và khi khảo-cứu về những bộ-lạc còn đang sống lẻ-loi trong một nền văn-minh thô-sơ đã giúp ta hiểu rõ hơn về lịch-trình tiến-hóa của lịch-sử văn-minh loài người trong các thời đã qua.



Tại các nước tân-tiến, khoa nhân-chủng-học rất được tôn-trọng. Ta thấy nhiều nước trợ-cấp tiền cho các nhà bác-học đi khảo-cứu các giống người, viết sách và sưu-tầm tài-liệu về cho các viện bảo-tàng nhân-chủng. Mục-dịch chỉ để biết và hiểu rõ thêm các giống người chứ không có chi là vụ-lợi.

Sau đây tôi xin nói qua về khoa nhân-chủng-học tại hai nước Pháp và Thụy-Điền là nơi tôi đã được sống lâu ngày để học và tập-sự các viện bảo-tàng của các nước đó (1950-1955 ở Pháp và 1955-1956 ở Thụy-điền). Tại Paris, khoa nhân-chủng-học được dạy tại đại-học công-lập : Institut d'Ethnologie de l'Université de Paris, đại-học văn-khoa Ecole du Louvre. Những khoa-học có ích cho nhân-chủng-học như tôn-giáo-học, ngôn-ngữ-học v.v... được giảng trong Collège de France và Ecole Pratique des Hautes Etudes (ban khoa-học tôn-giáo và ban khoa-học kinh-tế và xã-hội). Ngoài ra còn có hai trường tư-thục thuộc bậc đại-học chuyên về nhân-chủng-học : Ecole Anthropobiologie và Ecole d'Anthropologie. Tại Paris có tới 22 giáo-sư về khoa nhân-chủng-học. Ngoài các trường còn có viện bảo-tàng nhân-chủng « Musée de l'Homme », trong đó có các ban Âu-Châu, Á-Châu, Phi-Châu, Mỹ-Châu, Úc-Châu, ban Âm-nhạc, ban tiền-sử-học, ban nhân-loại hình-thể-học. Trong viện bảo-tàng có sưu-tầm rất nhiều tài-liệu của các giống người từ thời tiền-sử cho tới thời nay. Viện Bảo-tàng nhân-chủng đó có một thư-viện có nhiều sách để công-chúng đến khảo-cứu. Đó lại là nơi để các hội khảo-cứu về các giống người ở Thái-bình-dương, ở Mỹ-châu v.v... họp và cũng là trụ-sở của nhân-chủng học-viên của đại học Paris.

Ngoài ra Viện Bảo-tàng nhân-chủng « Musée de l'Homme » trong có các tài-liệu về đủ các giống người, còn một viện Bảo-tàng chuyên về mỹ-thuật và tập-quán của quần-chúng Pháp, « Musée des Arts et Traditions populaires ». Viện Bảo-tàng này chuyên khảo về phong-tục của người Pháp và ở ngay cạnh Viện Bảo-tàng Nhân-chủng. Khi tôi trở về nước cuối năm 1956, ông G. H. Rivière Giám-đốc Viện Bảo-tàng đó có nói với tôi là Viện Bảo-tàng đó sẽ lập một Viện Bảo-tàng ở giữa trời (musée en plein air), như kiểu các Viện Bảo-tàng về loại này ở các nước ở Bắc Âu-châu như Thụy-điền, Na-uy và Đan-mạch (xem ở đoạn sau). Viện Bảo-tàng mỹ-thuật và tập-quán của quần-chúng Pháp sưu-tầm mọi tài-liệu về văn-hóa bình-dân của Pháp, thường làm những triển-lãm trong một thời-gian ngắn chuyên về một đề-tài.

Tại Viện Bảo-tàng này cũng có một thư-viện khảo-cứu riêng về phong-tục của quần-chúng Pháp.

Tại Pháp có mấy tạp-chí chuyên về nhân-chủng-học.

a) Tạp-chí Anthropologie thiên nhân-chủng hình-thể-học và tiền sử. Trong tạp-chí này có mục quan-trọng là mục điểm các sách nói về nhân-chủng-học ;

b) Tạp-chí Ethnographie khảo-cứu phong-tục các giống người ;

c) Tạp-chí Arts et Traditions populaires thiên về khảo-cứu phong-tục Pháp.

Nhân-chủng học-viện của đại-học Paris xuất-bản trong loại Travaux et Mémoires de l'Institut d'Ethnologie (Université de Paris) những sách khảo-cứu về các giống người.

Ngoài ra, trong khoảng gần đây các nhà xuất-bản như Payot, N.R.F., Plon v.v... cũng xuất-bản nhiều sách rất có giá-trị về nhân-chủng-học.

Tóm lại, tại Pháp khoa nhân-chủng-học rất được đề ý, có nhiều nhà bác-học chuyên về khoa đó Viện Bảo-tàng Nhân-chủng « Musée de l'Homme » là một viện Bảo-tàng rất lớn có nhiều sưu-tập quan-trọng về đủ các giống người.

Nước Thụy-điền là một nước nhỏ ở Bắc-Âu nhưng đã sản-xuất được nhiều nhà nhân-chủng-học nổi tiếng. Khoa nhân-chủng-học được giảng dạy

ở trong đại-học. Viện Bảo-tàng nhân-chủng thành phố Goteborg đã là Viện Bảo-tàng được lấy làm mẫu để làm Viện Bảo-tàng Nhân-chủng của Paris. Ông G.H. Rivière, hiện là Giám-đốc Viện Bảo-tàng Mỹ-thuật và Tập-quán của quần-chúng Pháp đã sang Goteborg khảo-sát về phương-pháp của Viện Bảo-tàng Nhân-chủng Goteborg để về tổ-chức Viện Bảo-tàng Nhân-chủng Paris. Tại Goteborg có nhiều sưu-tập về các giống người ở Nam Mỹ. Tại Stockholm, Viện Bảo-tàng Nhân-chủng chuyên về Á-châu nhiều hơn. Chính tại Thụy-điền đã có sáng-kiến thành lập một Viện Bảo-tàng ở giữa trời (musée de plein air) ở Stockholm. Đó là Viện Bảo-tàng Nordiska Museet, nơi một khu Bảo-tàng ở giữa trời là Skansen. Nước Thụy-điền ngày nay là một nước tân-tiến vào bậc nhất của Âu-châu nhưng vì các nước Bắc-Âu rất tồn cổ và rất bị đau lòng khi đứng trước đời sống máy-móc của thời-đại kỹ-nghệ phải thay đổi các tập-quán cũ. Vì vậy giáo-sư Artur Hazelius, năm 1872 mới nảy ra ý-kiến là phải bảo-tồn những sản-phẩm của văn-hóa cổ-truyền Thụy-điền. Ông bỏ tiền riêng mua các nhà cũ sắp bị dỡ phá đi đem về cất lại ở khu vườn Skansen và mua lại tất cả các dụng-cụ để dùng trong nhà do thủ-công-nghệ khi trước sản-xuất. Tất cả các kiểu nhà của các địa-phương Thụy-điền đều được đem về làm lại trong khu vườn đó. Trong các nhà cũ-kỹ và cổ-kính đó, các đồ-đạc cổ xưa đều được trưng-bày như khi xưa. Những người canh gác mặc những kiểu quần áo cổ của từng địa-phương, làm những công việc cổ xưa mà ngày nay vì có kỹ-nghệ sản-xuất những loại đồ đồng loạt nên những thủ-công-nghệ đó đã bị kỹ-nghệ làm chết. Người thời-đại này sống trong những ngôi nhà building muốn biết khi xưa các ông cha sinh sống ra sao thì vào Viện Bảo-tàng Nordiska Museet xem các sưu-tập, các đồ bày trong tủ kính, tra-cứu các sách của thư-viện của Nordiska Museet. Và muốn xem cách sinh sống thật sự ra sao thì sang khu Skansen. Ở đó sẽ thấy mỗi vùng của nước Thụy-điền người dân ăn mặc ra sao, trong nhà bày-biện như thế nào và có những thứ đồ dùng, bàn ghế mà ngày nay không đâu làm nữa. Ta có thể chính mắt xem các thợ làm những sản-phẩm thủ-công-nghệ như nghề làm giấy (cũng gần như cách làm giấy bản của các cụ ở Việt-nam khi trước hồi Nho học còn thịnh), nghề làm đồ bạc, nghề làm các lọ, vại, thủy-tinh v.v...

Chiều nào cũng có một chương-trình giải-trí thay đổi từng tuần để thu hút các người đến xem. Những ban nhạc, những bản hát, những điệu nhảy múa của từng vùng và tùy theo từng mùa trong một năm, được biểu-diễn lại như thời trước cho quần-chúng xem.

Tại Nordiska Museet còn có những sưu-tập về giống người Lapon, một dân-tộc thiểu-số ở Bắc Thụy-điền, và tại Skansen còn có một khu có những túp lều của người Lapon và có những người Lapon mặc quần áo của họ ở trong khu đó nữa.

Nay trong Skansen cũng có một khu có nuôi các thú-vật có ở trên lãnh-thổ Thụy-điền.

Tóm lại nếu muốn biết người Thụy-điền sinh sống ra sao từ thời trung-cổ cho đến trước thời nước Thụy-điền bước vào đường kỹ-nghệ-hóa ra sao thì ta vào Nordiska Museet và Skansen.

Skansen hiện nay là một giải-trí trường quan-trọng trên thế-giới. Trong có các hàng bán các thức ăn, có hòa nhạc, có biểu-diễn các vũ-điệu cổ. Đó là một trung-tâm văn-hóa vào bậc nhất và cũng là nơi để nhóm họp các hội-nghị của quốc-gia Thụy-điền.

Nếu xét số các người đã vào xem Skansen thì cơ-quan này đứng vào bậc thứ ba trên thế-giới, sau British Museum của Londres và vườn Bách-thú New York với tổng-số là 1.500.000 người vào xem trong một năm. Kinh-đô Thụy-điền, Stockholm chỉ có một dân-số chừng 750.000, nhưng tất cả các du-khách ngoại-quốc khi qua Thụy-điền đều đến thăm Skansen.

Tại Thụy-điền có tới 400 Viện Bảo tàng giữa trời nhưng không cái nào lớn bằng Skansen. Ta nên biết là dân-số Thụy-điền là 6.000.000 người và chỉ có 2.600 làng mạc, như vậy trung bình có một Viện Bảo-tàng giữa trời cho 6 làng-mạc và cho 15.000 người.

Một cơ-quan khác cũng thuộc về Viện Bảo-tàng Nordiska Museet là Viện Khảo-cứu đời sống và phong-tục của quần-chúng Thụy-điền « Institutet Folkliive Forsning ». Cơ-quan này có nhiều chi-nhánh ở các tỉnh làm những công việc điều-tra về đời sống và phong-tục của dân-tộc Thụy-điền. Viện Khảo-cứu về phong-tục này gửi các người đi điều-tra các vùng, cũng có khi gửi các bản in ronéo có các câu hỏi về một đề-tài để các nơi trả lời.

Viện Bảo-tàng Nordiska Museet có xuất-bản nhiều sách về các thú-công-nghệ, phong-tục tại các tỉnh của Thụy-điền.

Ngoài ra còn có những bộ sách của các Viện Bảo-tàng Nhân-chủng Stockholm và Coteborg trong đó có các công-trình khảo-cứu về các giống người.

Nhiều nước ở Âu-châu đã theo gương Skansen để làm những Viện Bảo-tàng ở giữa trời như Đan-mạch, Na-uy, Phần-lan, Hòa-lan, và sau hết là nước Pháp. Ông G.H. Riviere có nói với tôi là bắt đầu từ năm 1956 tôi về nước, nước Pháp cũng làm một Viện Bảo-tàng giữa trời như kiểu Skansen ở khu rừng Vincennes ngay cạnh Paris. Từ khi về nước tới nay tôi không biết rõ ông G.H. Riviere đã thực-hiện được Viện Bảo-tàng giữa trời ở Vincennes chưa.



Các nước khác như Anh, Đức, Ý, khoa nhân-chủng-học cũng đều được giảng tại đại-học và cũng có nhiều Viện Bảo-tàng Nhân-chủng.

Tại Anh Viện Bảo-tàng British Museum có những sưu-tập rất quan-trọng về nhân-chủng-học. Viện Royal Anthropological Institute có xuất-bản tạp-chí « Man », có ảnh-hưởng rất lớn cho các công-cuộc khảo-cứu nhân-chủng-học.

Tại Mỹ mỗi đại-học thường chuyên-chú vào việc sưu-tầm và khảo-cứu của một địa-phương như đại-học Havard chuyên Phi-châu và Mỹ-châu đại-học Columbia chuyên về Mỹ-châu và Úc-châu, đại-học Yab chuyên về phương-diện tâm-lý của các giống người, đại-học Washington chuyên về thổ-dân của Hoa-kỳ tại vùng Washington và lân-cận v.v ..

Cơ-quan Bureau Of American Ethnologic, thuộc Viện Smithsonian Institution tại Washington là một trung-tâm nghiên-cứu rất quan-trọng về nhân-chủng-học, xã-hội-học và ngôn-ngữ-học.

### Quan-hệ và tương-lai của khoa nhân-chủng-học tại V.N.

Đứng về phương-diện nhân-chủng-học, ta có cái may-mắn là có nhiều giống người cùng sống chung trên lãnh-thổ Việt-Nam. Ta có từ giống người Cil, trong tỉnh Tuyên-đức, chuyên ở trên các ngọn núi có thung

mộc, là giống người còn ở trong trạng-thái thô-sơ nhất trong số các người Thượng, cho đến giống người đã hưởng, hấp-thụ một nền văn-hóa rất cổ xưa và rất cao của Ấn-độ như người Chăm, hoặc giống người đã chịu ảnh-hưởng sâu-sắc của văn-hóa Trung-hoa như người Việt.

Trước đây, người Pháp cũng có lập sở Nhân-chủng-học tại Pháp-quốc Viễn-đông Học-viện (Ecole Française d'Extrême-Orient). Trường đại-học Y-được Hà-nội cũng đã sản-xuất nhiều luận-án về nhân-chủng hình-thể-học và kỹ-yếu của Viện Giải-phẫu thuộc đại-học đó cũng có nhiều công trình nghiên-cứu về nhân-chủng-học. Từ năm 1938 đến 1945 có một hội chuyên về nhân-chủng-học «Institut Indochinois pour l'Étude de l'Homme» đã hoạt-động và đã xuất-bản tập kỹ-yếu có nhiều bài có giá-trị. Ngoài ra trong kỹ-yếu của Pháp-quốc Viễn-đông Học-viện và của hội Đông-dương học (Société des Etudes Indochinoises) cũng có đăng nhiều bài khảo-cứu và nhân-chủng-học. Một Viện Bảo-tàng nhân-chủng đã được mở tại Hà-nội, khu Đấu xảo nhưng đã phải đóng cửa để nhường chỗ đó cho quân đội Nhật-bản đóng trong trận chiến-tranh vừa qua tại Việt-nam.

Những công-trình khảo-cứu về nhân-chủng của người Pháp tuy có giá-trị nhưng còn nhiều giống người chưa được khảo-cứu tới hay mới chỉ được khảo-cứu sơ-sài. Một bản-đồ nhân-chủng và ngôn-ngữ (carte ethnolinguistique) đã được thành-lập do nhà Địa-dư xuất-bản, nhưng còn rất thiếu sót, cần phải bổ-khuyết thêm nhiều.

Công việc sưu-tầm tài-liệu và khảo-cứu các giống người sống trên lãnh-thổ Việt-nam rất cần trong giai-đoạn này. Vì các người Thượng kể từ mấy năm gần đây đã tiếp-xúc nhiều với người Việt và nền văn-minh mới. Nhiều phong-tục cổ-truyền đã bị bỏ hoặc sửa đổi đi. Nhiều thủ-công-ngệ đã bị xao-lãng vì các đồng-bào Thượng có thể mua đồ do kỹ-ngệ mới sản-xuất. Nếu ta không mau sưu-tầm các tài-liệu thì chỉ vài chục năm nữa sẽ không thể kiếm ra được nữa. Hồi tôi còn học ở Viện Bảo-tàng Nhân-chủng ở Paris, chính ở đó cũng than là chưa có nhiều các sưu-tập về tất cả các giống người hiện sống tại Đông-dương.

Sau khi đã học xong ở Paris, tôi có ý định sang học và tập-sự tại

Thụy-diễn. Tôi có liên-lạc với Bác-sĩ K. G. Izikowitz, giáo-sư nhân-chủng-học tại đại-học Goteborg và là Giám-đốc Viện Bảo-tàng Nhân-chủng tại tỉnh đó. Giáo-sư Izikowitz trước đây, hồi 1935 — 1937 đã qua Đông-dương để khảo-cứu về một giống người Thượng còn rất thô-sơ ở Lào, giống Kha Lamet. Giáo-sư Izikowitz có viết thư cho tôi nói rằng «..Riêng tôi, tôi rất chú-ý đến việc ông tới Thụy-diễn và tôi chắc-chắn là ông sẽ học được nhiều về cách tổ-chức các Viện Bảo-tàng Thụy-diễn. Lẽ cố nhiên nhiều điều có thể áp-dụng được tại quê-hương của ông. Về công việc đi nghiên-cứu về nhân-chủng học tại Việt-nam còn phải làm nhiều lắm. Tại rất ít nơi, còn có thể sưu-tầm được nhiều tài-liệu khoa-học như ở chính Việt-nam, nhưng những việc sẽ phải làm thì phải làm ngay trước khi không còn vết-tích gì nữa, vì lẽ đó nên tôi nghĩ ông rất nên liên-lạc với các cơ-quan Thụy-diễn chuyên về nhân-chủng-học...»

Cũng vì Giáo-sư K. G. Izikowitz đã nghiên-cứu về nhân-chủng ở Đông-dương trong hai năm, và đã biết rõ những thiếu-sót nên đã khuyên tôi đi Thụy-diễn học thêm và đã có can-thiệp với Bộ Ngoại-giao Thụy-diễn để tôi được đặc-biệt có một học-bổng sang học tại Thụy-diễn (năm 1954, Thụy-diễn chưa công-nhận Cộng-hòa Việt-nam nên việc cấp học-bổng cho người Việt-nam rất khó-khăn, phải tới 1955 mới quyết-định cho tôi một học-bổng sang học và tập-sự tại Thụy-diễn).

Khi sang Thụy-diễn tôi đã lưu lại tại Viện Bảo-tàng Nhân-chủng Goteborg để thảo-luận về các vấn-đề nhân-chủng-học tại Việt-nam và cũng để nghiên-cứu cách trình-bày các sưu-tập trong Viện Bảo-tàng đó. Trên tôi đã nói là Ô. Rivière cũng đã đến Goteborg một tháng để nghiên-cứu về Viện Bảo-tàng Nhân-chủng để về chỉnh-đốn lại Viện Bảo-tàng Nhân-chủng ở Paris. Và khi đến Stockholm tôi đã ở trong Viện Bảo-tàng Nordiska Museet và Skansen để nghiên-cứu hoạt-động của các Viện Bảo-tàng này trong ba tháng.

Hiện nay nhiều nhà nhân-chủng-học cũng đồng một ý với Giáo-sư Izikowitz là cần phải sưu-tầm ngay tài-liệu trong khi còn có thể được vì nếu để chậm vài chục năm nữa thì khó kiếm được ra những tài-liệu đó. Trong tập *Informations UNESCO*, số 210, ngày 12-11-1956 cũng đã có bài : « Các nhà nhân-chủng-học cầu-cứu » (Les Ethnologues appellent au secours) của Ô. Georges Fradier. Trong bài này tác-giả nói đến trường-hợp nhiều giống người đã tiệt-chủng trong hồi gần đây mà chưa nhà nhân-chủng-học nào

kip ghi chép và khảo-cứu nền văn-minh của các dân-tộc đó. Tôi thấy cần phải dịch lại vài đoạn trong lời kêu gọi đó :

« Nhưng nếu than khóc về những sự tàn hại đã qua là vô ích thì ta nên nhận-định về những sự tàn-phá đang có trong lúc này. Hiện nay có những bộ-lạc đang bị tiêu-diệt, những ngôn-ngữ đã mất đi, những tôn-giáo rồi đây bị chôn vùi trong sự quên-lãng. Và trong nhiều trường-hợp, những bộ-lạc đó và những nền văn-hóa của họ không ai biết đến : chưa một ai đã nghiên-cứu các bộ-lạc đó. Ta hiểu tại sao các nhà nhân-chủng-học phải kêu gọi. Vì đã sắp trở nên quá muộn rồi... Ta phải gửi nhiều phái-đoàn đi khảo-cứu. Và phải cho chúng tôi các phương-tiện để làm việc... Đã từ 80 năm nay ta đã thấy lời kêu gọi đó. Và từ đó, tuy các nhà bác-học và các cơ-quan khảo-cứu của họ đã cố-gắng, tổng-số những sự diệt-vong đã quá lớn. Ngày nay, nguy-cơ đó càng nặng hơn. Năm 1952, tại hội-nghị các khoa nhân-chủng-học lần thứ IV, một nhà bác-học Áo Robert Heine Geldern, đã lo ngại tự hỏi : « Chúng ta có nên chấp-nhận sự đó với thái-độ của các người theo thuyết tiền định không, và coi như là một việc đáng tiếc nhưng không thể tránh được ? Chúng ta có thể tiếp-tục làm các công việc khảo-cứu với một nhíp đó và một cách đó, tùy theo may rủi được không ? Hay là chúng ta sẽ hết sức cố-gắng để tăng-gia, để dầy mạnh, để chỉnh-đốn lại những công cuộc khảo-cứu ? ».

Những thí-dụ về các công cuộc cần phải làm ngay có thể tìm ở mọi nơi... Theo các nhà chuyên-môn thì ta còn chưa biết rõ về nhiều dân-tộc ở Miến-điện, ở Việt-Nam, ở Nam-đương...

Đứng trước tình-thế đó các nhà nhân-chủng-học tự tuyên-bố là đang ở trong tình-trạng nguy-cấp. Trong hội-nghị quốc-tế lần thứ V họp tại Philadelphie, sau khi lập « Hội liên-hiệp quốc-tế của khoa-học nhân-chủng » (Union Internationale des Sciences Anthropologiques et Ethnologiques), các nhà nhân-chủng-học đã gửi một nghị-quyết được toàn-thể tán đồng lên UNESCO và Tổ-chức quốc-tế về Lao-động (Organisation Internationale du Travail). Các nhà nhân-chủng-học xin với các cơ-quan đó khuyến-kích những công cuộc khảo-cứu nhân-chủng về những giống người, mà nền học-thuật và ngôn-ngữ đang sắp bị đổi thay, phân-tán hay tiêu-diệt.

Ta phải hy-vọng là những tổ-chức lớn, những viện đại-học, những viện hàn-lâm chịu hiểu là không thể lãng bỏ di-sản văn-hóa của bất cứ một giống người nào, dù đó là một bộ-lạc không biết chữ viết, mà ta không làm nghèo thêm nền văn-minh chung của chúng ta. Khoa nhân-chủng-học chỉ cần xin một sự giúp đỡ giản-dị : chỉ cần xin một ngân-khoản như đã cấp một cách dễ-dàng cho các công cuộc khảo-cứu khác, có khi những công cuộc khảo-cứu đó không cấp bách bằng công cuộc khảo-cứu về nhân-chủng-học. Về điểm này, Giáo-sư Heine Geldern có nhắc lại cho các bạn đồng-nghiệp biết đến những số tiền khổng-lồ đã tiêu-phí để trèo lên ngọn núi Everest : « những số tiền đó, theo lời Giáo-sư Heine Geldern, có thể giúp cho rất nhiều những cuộc đi nghiên-cứu các giống người mà ta không thể bao giờ dám mơ tưởng tới. Ta khó mà tin được rằng khi leo cao được một trăm thước ở ngọn núi lại có thể có lợi nhiều cho khoa-học để có thể chứng-minh những sự tiêu-phí đó. Nhưng nếu là đúng thật, thì ngọn núi Everest vẫn còn có thể đứng nguyên đó trong hàng bao nhiêu nghìn năm nữa, trong khi đó những bộ-lạc, những học-thuật, rất nhiều ngôn-ngữ sẽ bị tiêu-diệt trong vòng ba hay bốn chục năm nữa ».

Trên đây tôi đã nói là ta đã có cái may mắn là có nhiều các giống người sống trên lãnh thổ Việt-nam. Nhưng cái may đó buộc ta có bổn-phận phải sưu-tầm các tài-liệu về các giống người trên đất Việt-nam để gom góp vào công cuộc khảo-cứu lịch-sử văn-minh của nhân-loại.

Trong thời-kỳ gần đây, vì được ủy-nhiệm việc sưu-tầm các sản-phẩm của đồng-bào Thượng để trưng-bày tại một cuộc triển-lãm văn-hóa Việt-nam, nên tôi đã có dịp đi thăm hầu hết các giống người sống ở lãnh-thổ Cộng-hòa Việt-nam. Vì thế tôi thấy bản-đồ nhân-chủng và ngôn-ngữ của Nba Địa-đư còn thiếu-sót. Khi thành-lập bản-đồ đó, Pháp-quốc Viễn-đông Học-viện đã dựa vào những tài-liệu sơ-sài viết cách đây chừng năm chục năm.

Vì có dịp đi thăm các giống người trên lãnh-thổ Việt-nam nên tôi thấy rằng những tài-liệu sách vở về các giống người đó có thể nói là chưa có gì, đúng như lời của Giáo sư K.G. Izikowitz đã nói với tôi, và đúng như lời kêu gọi của các nhà nhân-chủng-học, ta còn chưa biết rõ về nhiều giống người sống trên đất nước của chúng ta.

Các nhà bác-học của Pháp khi trước chỉ mới viết có ít sách và bài khảo-cứu về các đồng-bào Thượng Số sách có giá-trị và số người đề tâm khảo-cứu về đồng-bào Thượng có thể đếm trên đầu ngón tay được. Và cũng chỉ có vài bộ-lạc được may mắn có người khảo-cứu kỹ tới mà thôi. Nhưng trên lãnh-thổ Cộng-hòa Việt-nam, đâu có phải chỉ có những giống người đó. Khi tôi qua quận Daksut, thuộc tỉnh Kontum, thấy giống người Dié còn ở đó vài nghìn người. Người Dié chưa hề được ai khảo cứu, và ngay gần Đà-lạt, giống người Cil cũng đã được ai khảo-cứu tới đâu ! Chính các người Thượng cũng coi giống người Cil là thấp kém nhất, họ thường bảo người Cil sống như hươu nai trên các đỉnh núi có thông mọc. Người Cil đã quên mất ngôn-ngữ của chính họ mà ngày nay chỉ nói tiếng của những bộ-lạc mà họ phải thường giao-dịch. Rồi mai đây, ngày đó chắc cũng không lâu là bao, người Dié, người Cil sẽ tiêu-diệt dần đi và rồi cũng như bao các giống người đã bị tiêu-diệt trong đầu thế-kỷ XX, các nhà khảo-cứu sau này sẽ khổ tâm vì không có một công-trình khảo-cứu đứng đắn về phong-tục ngôn-ngữ của các giống người đó.

Những tài-liệu về đời sống vật-chất và tinh-thần của các giống người hiện sống ở đất nước Việt-nam cần phải được gìn-giữ trong các Viện Bảo-tàng Nhân-chủng. Đành rằng đời sống của văn-minh ngày nay sẽ buộc các giống người hậu tiến phải sửa-đổi phong-tục của họ để sống kịp với thời-đại. Nhưng những tài-liệu vật-chất và tinh-thần (ngôn-ngữ, tôn-giáo, phong-tục) của các giống người, dù ngày nay chỉ còn vài nghìn hay vài trăm người cũng cần phải được bảo-tồn trong các Viện Bảo-tàng Nhân-chủng, vì đó là thuộc về lịch-sử nhân-loại nói chung chứ không phải riêng gì cho nước Việt-nam ta.

Các nhà bác-học nghiệm thấy những dân-tộc đang ở trong một nền kinh-tế sơ-khai và giản-dị, khi bắt buộc phải sống theo kịp đời sống phức-tạp, khó-khăn, phải tranh đấu nhiều của các nền văn-minh tân-tiến, thường có những kết-quả không ngờ và tai-hại. Vì có những sự thay đổi quá đột-ngột trong nếp sống của họ, những tập-quán cổ-truyền phải dứt bỏ một cách nhanh chóng mà họ chưa hề được huấn-luyện, được sửa-soạn để sống với nền văn-minh kỹ-nghệ của ngày nay, nên có những cuộc xáo-trộn trong tinh-thần, phong-tục trở nên đồi-bại vì không còn có những tập-quán cũ kèm-chế

nữa. Ta thấy số người mắc chứng bệnh thần-kinh đột-nhiên có nhiều. Một khi phong-tục đồi-bại thì nền-tảng gia-đình bị tan vỡ. Sự đó có quan-hệ đến mọi hoạt-động xã-hội và đến sự sống còn của một dân-tộc.

Muốn tránh những mối họa đó nhiều chính-phủ hay hội tư-nhân ở các nước tân-tiến đã cố giúp cho các dân-tộc bán-khai có thể tồn-tại và phục-phục-hưng lên được.

Ta thấy những hội như « National Association on Indian Affairs » ở Hoa-kỳ, mục-dịch là đề săn-sóc đến các thổ-dân còn đang ở thời-kỳ sơ-khai và để tìm mọi phương-sách nâng cao đời sống của họ lên và để tránh cho họ khỏi diệt-vòng.

Trong cuốn sách nhỏ « Kỹ-thuật Bảo-tàng-học và Giáo-dục Căn-bản », mà tôi đã dịch ra tiếng Việt cho Ủy-hội Quốc-gia UNESCO, có nói đến trường-hợp, nhờ những tài-liệu trưng-bày trong các Viện Bảo-tàng Mỹ mà hai bộ-lạc của thổ-dân Hoa-kỳ Pueblo và Navajo đã phục-hưng được nền kinh-tế của họ và nhờ đó đời sống vật-chất của họ không bị thiếu-thốn cơ-cực. Hai bộ-lạc này đã nhờ đến những đồ gốm và những chân bằng len kiểu cũ trưng-bày ở trong các Viện Bảo-tàng mà có thể làm sống lại thủ-công-nghệ riêng-biệt của họ. Nhờ những thủ-công-nghệ đó mà họ kiếm ra tiền, không những để sống dư-dật mà còn thừa đủ để cho các con cháu đi học tại các đại-học đường tại Hoa-kỳ. Hội « National Association on Indian Affairs » đã giúp-đỡ và khuyến-khích nhiều để phục-hưng thủ-công-nghệ của hai bộ-lạc này. Sau này, nếu chúng ta gặp những trường-hợp như bên Hoa-kỳ, thí-dụ cần phải phục-hưng những thủ-công-nghệ của người Thượng để giúp họ thêm phương-tiện sinh-sống thì ta hy-vọng có thể có được những tài-liệu trong các Viện Bảo-tàng để làm kiểu mẫu. Nhưng muốn vậy, ngày nay ta phải nghĩ đến việc sưu-tập các tài-liệu để thành-lập Viện Bảo-tàng Nhân-chủng học. Khi đi công-tác trên Kontum, tôi thấy tại một làng của người Sedang có dùng một thứ đồ bằng tre đan rất đẹp như kiểu đĩa có chân cao để đựng thức ăn của họ, tôi hỏi mua, người làng đó không bán vì họ chỉ có một hai chiếc để dùng, họ mách tôi là họ mua ở một làng Sedang khác, chỉ ở đó mới có người làm. Khi tôi đến làng này thì người làm được thứ đồ đó đã chết và hiện nay

không ai làm được nữa vì ngày nay người Thượng có thể ra chợ mua những chậu bằng nhôm để đựng thức ăn. Tiện thì quả thực có tiện nhưng không có giá-trị về thẩm mỹ như đồ bằng tre đan lúc trước.

Một thí-dụ khác : những người Thượng miền Bắc-Việt như Thái đen, Thái trắng, Thổ, Mán, Mường trại di-cư vào miền Nam đã bỏ dần những tập-quán cũ. Những người Mán gốc ở Quảng-yên, hiện ở quận Di-linh tỉnh Lâm-đồng đã bỏ dần dần những y-phục thù rất công-phu của họ để dùng thứ vải và quần áo bán sẵn ở chợ. Vài năm nữa, ta không còn có thể kiếm được một bộ quần áo Mán để bày trong Viện Bảo-tàng nữa. Những đồ trang sức bằng bạc của họ ngày nay cũng không ai biết làm nữa. Đó là những điều rất đáng tiếc. Vì nếu ta không sưu-tầm ngay tự bây giờ những tài-liệu đó thì ta sẽ không bao giờ kiếm ra được nữa. Hay nếu sau này ta muốn khảo-cứu về những giống người trên đất Việt-nam thì phải đi đến các Viện Bảo-tàng Nhân-chủng của ngoại-quốc, vì may ra ở các nơi đó đã có những nhà bác-học có sáng-kiến hay là đã mua về để trưng-bày trong các Viện Bảo-tàng của nước họ.

Không những chỉ khảo-cứu về các bộ-lạc Thượng ta thiếu tài-liệu mà ngay chính về người Việt ta cũng không có nhiều tài-liệu. Các phong-tục cũ mỗi ngày thêm mai một đi. Gần đây cũng có vài nhà văn muốn ghi lại những các thú chơi tại các ngày đình đám trong các làng. Nhưng đó không phải là những bài khảo-cứu rõ-ràng.

Bao nhiêu nghề thủ-công đã mai một đi, bao nhiêu tục-lệ đã chết, ta không còn tài-liệu nào để xem xét nữa. Ta phải hiểu, với cái đà này rồi đây vài chục năm nữa ta sẽ quên hết những phong-tục cũ của ta. Đáng-rằng không thể cản được sự tiến hóa của xã-hội, nhưng ta cần phải sưu-tầm các tài-liệu để sau này ta có thể biết lịch-sử tiến-hóa của xã-hội Việt-nam.

Một thí-dụ : muốn viết lịch-sử y-phục Việt-nam hiện nay ta hoàn-toàn thiếu tài-liệu. Ta không biết cách đây độ trăm năm thôi, người Việt ăn mặc ra sao. Và ngay đến y-phục cách đây mới độ năm chục năm như nón quai thao, dép da mũi cong, guốc bằng gốc tre, những túi đựng trầu

cau v.v... ta cũng không hề giữ lại được một thứ nào cho Viện Bảo-tàng Nhân-chủng. Hồi còn ở Thụy-điền, tôi được xem trong các Viện Bảo-tàng những bộ quần áo xưa hàng nghìn năm. Và ngay trong Nordiska Museet, mỗi năm đều có giữ cả những quần áo đủ các kiểu. Ta chưa nói đến những vật-liệu thường dùng trong nhà. Ngày nay, những đồ do kỹ-nghệ làm đã thay thế hầu hết những thứ đó. Ngày nay, may ra còn có thể có một vài gia-đình còn có những đồ đó, nhưng chỉ vài chục năm nữa ta không còn có thể kiếm đâu ra nữa. Những siêu nước, những hỏa lò tuan bằng đồng đã bị những siêu nước bằng nhôm thay-thế và ta không thể kiếm được những đồ dùng chỉ mới cách đây chừng ba mươi năm mà thôi.

Muốn biết đời sống vật-chất của người Việt cách đây chỉ năm mươi năm, ta đã thấy khó kiếm tài-liệu thì đủ biết sau này muốn khảo-cứu về lịch-sử các đồ dùng trong nhà, các y-phục, các thú chơi của tổ-tiên ta, công việc phải là khó-khăn.

Đây là ta chưa nói đến sự tìm nguồn-gốc của người Việt, của văn-minh Việt-nam. Về vấn-đề này tôi xin đưa ra vài điều nhận-xét để các nhà khảo-cứu suy-ngẫm và để các nhà nhân-chủng-học tương lai đào sâu vấn-đề đó thì may ra ta có thể có những kết-quả hay được.

Điều chắc-chắn là người Việt-nam có một nền văn-minh Việt-nam (civilisation Vietnamienne), nền văn-minh này có phủ một lớp của nền học-thuật Trung-hoa (culture Chinoise) và chỉ có giai-cấp thượng-lưu, trí-thức là chịu ảnh-hưởng nặng-nề của học-thuật Trung-hoa mà thôi, người thường dân còn giữ được nhiều dấu vết của nền văn-minh Việt-nam cổ xưa.

Nhờ những nhận xét nhỏ nhỏ về tập-quán, về y-phục, về tín-ngưỡng mà ta thấy sự đó.

Tại Trung-hoa, trong các làng không có những nơi riêng để hội-họp như các đình ở các làng Việt-nam. Những nơi này chỉ để riêng đàn ông hội-họp. Nếu ta đi đến các làng Thượng ở Kontum, ta thấy trong những làng đó có một ngôi nhà, kiến-trúc lớn đẹp và kỹ-lưỡng hơn kiến-trúc của các nhà thường. Ở nơi này chỉ có đàn ông trai-tráng hội-họp. Nếu ta để ý đến vài cái

đình ở vùng Đan-phương (tỉnh Hà-đông, Bắc-Việt), hay vài đình cổ xưa ở Sơn-tây thì ta thấy những đình này được làm trên kiềng sàn ở trên cột (sur pilotis). Ta có thể so-sánh những kiềng đình cổ đó với những nhà rộng của người Thượng ở Kontum. Đình và nhà rộng đều là những kiến-trúc lớn và đẹp trong một làng, đều là những nơi để đàn ông trai-trắng hội-hop.

Người Trung-hoa không có khăn đội trên đầu mà dùng một thứ mũ. Trái lại người Việt-nam có khăn đội trên đầu. Trước khi phát-minh ra khăn xếp bán sẵn ở các hiệu thì người Việt dùng một khổ vải dài, gấp nhỏ lại và mỗi lần lại quấn lên đầu. Các người Thượng hiện nay cũng có nhiều giống có quấn khăn trên đầu như vậy. Áo của người Trung-hoa tay rộng, áo của người Việt tay hẹp, và áo của các người Thượng và người Chăm tay đều hẹp như áo của người Việt. Người đàn bà Trung-hoa mặc quần, người đàn bà Việt khi xưa (và ngày nay ở Bắc-Việt vẫn còn như vậy) và người đàn bà Thượng mặc váy chứ không mặc quần như người đàn bà Trung-hoa. Trong cuốn An-nam chí nguyên của Cao-hùng-Trung, bản hiệ-tính của E. Gaspardonne, do Ecole Française d'Etrême-Orient xuất-bản năm 1932, trang 28 và 29 có ghi là trước thời Tiền Lê (thế-kỷ thứ X), người đàn ông Việt-nam không dùng quần và đàn bà dùng váy.

Người Việt thuộc về khu các giống người nhuộm răng đen và ăn trầu ở Đông-nam Á-châu chứ không như người Trung-hoa để răng trắng và không ăn trầu.

Nếu sau này có những bài khảo-cứu kỹ-lưỡng về người Việt và các giống người Thượng thì có lẽ sẽ thấy rõ là nguồn gốc người Việt là ở chung một giống với các người Thượng mà các nhà bác-học gọi là giống Indonésien.

Người Việt không phải chỉ chịu ảnh-hưởng của học-thuật Trung-hoa mà thôi. Chắc chắn là có chịu ảnh-hưởng của học-thuật Ấn-độ hoặc trực-tiếp hoặc gián-tiếp qua trung-gian người Chăm. (Trong một dịp khác, tôi sẽ trình-bày ảnh-hưởng của người Chăm trong văn-minh Việt-nam).

Tóm lại, sau này nếu ta định tìm những đặc-điểm của văn-minh Việt-

nam và nguồn-gốc của giống người Việt thì tôi chắc những công-cuộc khảo-cứu về các đồng-bào Thượng sẽ giúp ích rất nhiều cho công-cuộc đó.

Muốn có tài-liệu để khảo-cứu thì ta phải sưu-tầm các tài-liệu ngay từ lúc này, ta phải có cả các tài-liệu của các đồng-bào Thượng và các tài-liệu của người Việt.

Cũng như ở hầu hết các nước, một cơ-quan của Chính-phủ không thể có đủ phương-tiện và ngân-khoản để thực-hiện ngay công cuộc đó. Vì vậy phải nhờ đến sự góp sức các hội có tính cách văn-hóa và các tư-nhân.

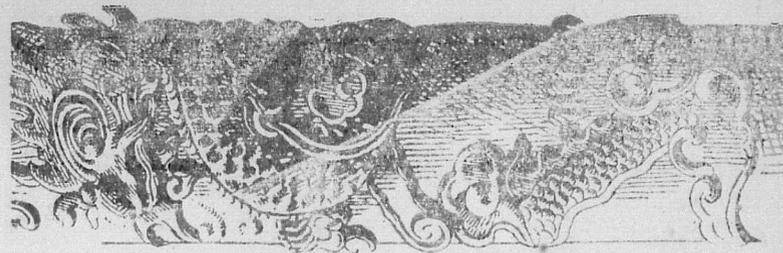
Ta phải ghi chép ngay những phong-tục tập-quán của các giống người trên lãnh-thổ Việt-nam. Các bạn độc-giả, như các vị giáo-chức, các vị linh-mục hay mục-sư, các vị đại-diện chính-quyền ở địa-phương được tiếp-xúc luôn luôn với các giống người Thượng có thể ghi chép những nhận xét của các bạn và làm những bài khảo-cứu nhỏ về các bộ-lạc mà các bạn đã có may mắn được tiếp-xúc với họ trong lâu ngày. Ta nên nhớ rằng hiện nay những tài-liệu có giá-trị về nhân-chủng-học tại Việt-nam là do các người Pháp hồi trước ở trong các ngạch hành-chánh và vị linh-mục viết. Tại sao ta lại không có thể tiếp-tục công việc sưu-tầm tài-liệu đó được, các bạn sẽ là những cộng-sự viên quý-giá của Viện Khảo-cổ và các bạn có thể tự-hào là đã giúp ích cho nhân-chủng-học và đã góp công xây-dựng lịch-sử văn-minh Việt-nam nói riêng và lịch-sử nhân-loại nói chung.

Về việc thành-lập một Viện Bảo-tàng Nhân-chủng đầy-đủ thì cũng trông mong rất nhiều ở các bạn độc-giả. Nếu trong gia-đình các bạn, hay trong gia-đình các bạn hữu và thân-thuộc của các bạn có những tài-liệu như đồ dùng cũ của ông cha ta để lại và đã hư-hỏng, các bạn không muốn giữ nữa thì các bạn cứ cho Viện Khảo-cổ, chúng tôi sẽ giữ-gìn, sửa-chữa, chỉnh-đốn lại để làm tài-liệu cho Viện Bảo-tàng Nhân-chủng. Tư-nhân của các nước tân-tiến cũng thế, họ đã cho các Bảo-tàng viện rất nhiều đồ và như vậy ta mới hy-vọng có thể có được một Viện Bảo-tàng Nhân-chủng để lưu lại các phong-tục, tập-quán, đồ dùng của các ông cha ta, để các thế-hệ mai sau có tài-liệu mà khảo-cứu về văn-minh Việt-nam.

Tôi hy-vọng với sự giúp sức của các bạn độc-giả tha-thiết với sự sống còn của văn-ninh Việt-nam, chúng ta sẽ có thể thu-thập được nhiều tài-liệu để thành-lập một trung-tâm nghiên-cứu nhân-chủng học và một Viện Bảo-tàng Nhân-chủng xứng đáng cho một nước đã mệnh-danh là có hơn bốn nghìn năm văn-hóa mà hiện nay ta phải thú-nhận một cách tủi thẹn là ta chưa có một Viện Bảo-tàng và một trung-tâm để nghiên-cứu về phong-tục và tập-quán của chúng ta.

Tôi hy vọng sau này ta cũng có thể theo gương nước Thụy-điền làm được một Viện Bảo-tàng Nhân-chủng đầy đủ và một Viện Bảo-tàng ở giữa trời, trong đó có thể cất được các kiến-trúc của từng giống người, của từng địa-phương của tổ-quốc chúng ta và trong đó ta có thể làm sống lại những thủ-công-nghệ, những phong-tục, những tập-quán của tổ-tiên chúng ta.

#### NGHIÊM-THÂM



BUỔI THIẾU-THỜI CỦA

## NHỮNG BẬC KỲ TÀI ĐÔNG TÂY

*(Bao-La cơ-sí)*

#### LỜI NÓI ĐẦU

Cây có nhiều loại, thứ lớn ngang tàng vươn mình thẳng tắp, dương tàn lá giữa khoảng trời xanh, thứ vừa vừa thì khiêm tốn, chịu sống quây quần thành bụi; có thứ quá mềm yếu phải nhờ cây khác chống đỡ để khỏi bị mưa gió phủ-phàng.

Nhưng nghĩ cho cùng, mỗi cây có một đặc-tính, hồ để loại nào đã kém loại nào?

Cây lớn đành rằng sức mạnh như lim, cây nhỏ lại sinh-sản cực mau như cỏ, còn giầy leo thì nhẫn-nại vô cùng, nó luôn vất khắp nơi, hồ để mấy ai triệt nỗi?

Con người nào có khác gì, mỗi người mỗi vẻ, so ra nào đã có tài nào đáng khinh và tài nào mới là đáng trọng? Có chăng đừng như cây lúa muốn làm cột đình, cây đa thay gạo, mới o chước lấy thất bại chua cay.

Mỗi người đều có sở trường sở đoản, các bạn trẻ nên tìm hiểu sở-năng mà gắng biến thành sở-thích, kết-quả sẽ không phụ các bạn đâu.

Các bạn cũng không nên quá chần chờ, thời-gian để rèn-tập tuy dài nhưng nếu không sớm dùng nó sẽ qua đi rất chóng.

Cũng không nên vì một duyên cớ gì mà tự nghi ngờ, đến nỗi vùi dập tương lai trong sự tầm thường, thiệt cho mình và cả cho đất nước.

Trong ít câu truyện tôi sắp công-hiến về các bậc danh-nhân trong lúc thiếu thời, các bạn sẽ thấy các danh-nhân kim cò không phải toàn là thần đồng, cũng không phải là những kẻ có sẵn nhiều phương-tiện.

Sở dĩ họ đã lưu danh thiên cổ, được hậu thế biết ơn, là do họ đã giống nhau ở hai đặc điểm :

« Tự khám phá ra sở-năng và sớm biết vun trồng sở-năng ấy. »

#### LÊ-QUI-ĐƠN

Lê-Quy-Đôn (1726 — 1784) quê ở Thái-Bình (Bắc-Việt), lúc nhỏ rất thông-minh, lên sáu tuổi đã biết làm thơ văn.

Lê-Quy-Đôn học nhớ dai, phàm các sách vở nào đã học qua là nhớ từ đầu đến cuối. Một hôm đến chơi nhà ông Lý-Trường trong làng, nhắc trong thấy quyển sổ biên tên dân đinh và tiền thuế của mỗi người phải nộp. Lê-Quy-Đôn dở ra xem qua. Đến khi nhà Lý-Trường bị cháy, sổ sách tiêu ra tro, không biết đâu mà tra cứu. Đôn đến chơi thấy Lý-Trường rút đầu rút tai, tỏ vẻ bối rối liền nói : « Đề tôi chép lại cho ông xem ». Thế là Đôn cầm cụi chép lại theo trí nhớ, không sai một tí gì.

Nhờ óc thông minh và trí nhớ lạ lùng mà Lê-Quy-Đôn đã đậu thủ-khoa năm 18 tuổi và đậu bằng-nhơn lúc 20 tuổi. Đáng lẽ ông đậu trạng-nguyên ; nhưng vì khi mượn sách về học, người cho mượn sách chơi xấu xé mất một tờ, nên khi vào thi ông không thuộc đoạn ấy nên chỉ chiếm số 2 ở bảng vàng mà thôi.

Lê-Quy-Đôn là một nhà bác-học đã để lại rất nhiều sổ sách, chứng tỏ là một tay cự phách của thời đại bấy giờ.

#### THOMAS EDISON

Cậu Thomas Aloa Edison (1847-1931), quê ở tiểu-bang Ohio « Mỹ-quốc », được cha cho vào làm bé con khuôn vác ở sở Hỏa-xa, khi cậu chưa đầy 12 tuổi. Lợi dụng hoàn-cảnh đó, cậu xin với viên quản-lý tiệm bán thức ăn trên tàu ứng trước cho cậu vài « xu » để mua vài tờ báo và thuốc lá bánh ngọt, các thứ giải khát để bán trên xe lửa. Cậu bán đắt hàng nên vài tuần sau, cậu kiếm bốn đũa nửa trạc tuổi cậu vào làm giúp.

Một hôm, tàu dừng ở một ga, cậu trông thấy một cái máy in cũ mà người ta muốn bán. Cậu mua với giá rẻ, mang lên tàu, và đặt máy trong một góc toa. Đoạn cậu liên-lạc với một hãng thông-tin để nhờ gửi cho cậu mỗi khi tàu đỗ ở các ga chính, những tin-tức giờ chót bằng bru-diện. Được tin tức rồi, cậu cho lên khuôn, in vài trăm số, đi bán khắp các toa.

Báo của cậu bán rất chạy, ai cũng thích xem. Thế rồi cậu lại xoay ra làm thí-nghiệm về lý-hóa học. Cậu đặt những dụng-cụ thí-nghiệm trong một góc toa tàu. Một hôm tàu đang chạy nhanh, bỗng vấp phải một vật gì dừng phắt lại. Một miếng lân-tinh ném xuống, sàn tàu bốc cháy. Người ta dập tắt được ngay, nhưng người coi đầu máy vứt hết cả những dụng-cụ ăn-loát và thí-nghiệm khoa-học của cậu Edison.

Hắn đánh cậu mấy cái bạt tai mạnh đến nỗi mà sau này người ta nói là vì mấy cái bạt tai đó mà cậu Edison cứ hay đau óc.

Cậu bé không nản lòng. Cậu được cha mẹ cho phép đặt một phòng thí-nghiệm ở dưới hầm nhà.

Cậu tiếp-tục in báo. Một hôm cậu đăng một bài chỉ trích một cá-nhân : hắn tức giận, nắm lấy đũng quần cậu ném cậu xuống hồ nước, may cậu lại biết bơi. Thomas Edison rất thích nghiên-cứu về điện và cách truyền tin. Ông là người đã phát minh ra nhiều điện-cơ, nhất là cái bóng đèn điện đã đem ánh sáng đến mọi gia-đình và hang cùng ngõ hẻm.

#### TRẦN-QUỐC-TOÀN

Trần-Quốc-Toàn, là cháu gọi Hưng-đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn bằng chú. Hồi ấy vào cuối thế-kỷ XIII giặc Mông-cổ xâm lấn nước ta. Vua hội họp các vương hầu lại để tìm kế chống giặc. Lúc đó, Trần-Quốc-Toàn mới 15 tuổi không được vào phòng họp, tức giận, tay cầm quả cam bóp bẹp lúc nào không biết. Xong buổi họp, các vương hầu ra về, sửa soạn thuyền bè binh lính để đánh giặc. Trần-Quốc-Toàn cũng chiêu mộ ít quân sĩ, may một lá cờ đề 6 chữ « Phá cường địch, báo hoàng ân », mai phục ở trong rừng, chờ lúc giặc Mông-cổ thua chạy qua, đem quân đánh tập hậu. Trận nào Toàn cũng thắng, giặc Mông-cổ nghe tiếng hoảng sợ, trông thấy Toàn là chạy, gọi Toàn là « Anh hùng tý-hon ».

Khi lớn lên, Trần-Quốc-Toản lại lập được nhiều công trạng, danh tiếng vang lừng trong nước.

#### ĐẠI-TƯỚNG DROUOT

Đại-tướng Antoine Drouot (1774 — 1847) khi lên 3 tuổi đòi đi học, nhưng không được nên cậu khóc lóc mãi.

Khi cậu đến tuổi nhập trường, ngoài giờ học, cậu phải giúp cha đưa bánh mì cho khách hàng và làm những công việc vặt trong gia-đình. Ban ngày cậu không học bài được vì cửa hàng đông khách ra vào, nói cười ầm-ĩ. Buổi tối trong nhà đèn tắt sớm vì hà tiện dầu, cậu bé Drouot phải học dưới ánh trăng. Hai giờ sáng cậu đã dậy, có khi sớm hơn. Cậu học dưới ánh sáng lò mờ của ngọn đèn dầu. Trời chưa sáng rõ, đèn đã tắt rồi, cậu phải mang sách đến lò bánh mì mà học như Châu-Trí đốt lá đa mà học vậy. Năm cậu đi thi nhập học trường võ bị, cậu đổ đầu với cấp bực thiếu-úy, được giám-khảo khen ngợi và ban tờ chức ca tụng. Về sau Drouot trở nên một vị tướng tài của Nã-phá-Luân và lập nhiều chiến-công oanh-liệt.

Đại-tướng Drouot mỗi khi về làng, đều có ghé lại nhà trường thăm thầy cũ, đầu râu tóc bạc và tỏ ra rất cung kính. Về sau Đại-tướng đã tình nguyện theo Nã-phá-Luân bị đày ra đảo Elbe, tỏ ra một người trung nghĩa đáng làm gương cho hậu thế.

#### VŨ-CÔNG-DUỆ

Vũ-công-Duệ, người làng Trịnh-xá tỉnh Sơn-Tây (Bắc-Việt), nhà rất nghèo, khi còn nhỏ chơi với trẻ con thường nặn đất làm voi, bắt hai con bướm làm hai tai, cắm một con đĩa làm vòi, lấy bốn con cua làm chân. Thành ra con voi đất mà vẩy tai được, vòi co lên và bốn chân đi được. Ai cũng lấy làm lạ và cho là thật tài tình.

Một hôm cha mẹ đi vắng có người đến đòi nợ, hỏi rằng:

— Bố mày đâu?

— Bố tôi bứng cây sống trồng cây chết, còn mẹ tôi bán gió buôn trăng.

Người kia lấy làm lạ không hiểu sao, gặng hỏi mãi thì Duệ cứ cười. Người chủ nợ bảo:

Nếu mày nói thật, bao nhiêu nợ tao sẽ tha cho nhà mày.

Duệ sẵn cục đất trên tay liền đưa ra bảo người ấy in năm ngón tay vào để làm tin. Người kia bằng lòng ngay. Duệ mới giải-thích rằng:

— Cha tôi đi nhờ mạ và cấy mạ. Còn mẹ tôi đi buôn quạt bán dầu. Người kia ra về thăm phục thẳng nhờ rất thông-minh.

Vài hôm nữa người kia trở lại gặp cha mẹ của Duệ liền đòi nợ thì Duệ mang cục đất ra để làm bằng. Người chủ nợ chịu Duệ là khôn ngoan và khuyên cha mẹ nên cho con đi học.

Quả nhiên, Duệ học rất giỏi; các sách, kinh, thư, chỉ học qua một lượt là thuộc. Đến đời vua Lê Thánh-Tôn (1442-1497), Duệ thi đậu trạng-nguyên, lúc ấy mới 20 tuổi.

Ra làm quan, Duệ tất thanh-liêm cương-trực, ai cũng kính phục. Khi Mạc-đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, Vũ-công-Duệ lúc ấy đang giữ chức Ngự-Sử trong Triều, không chịu hợp-tác, bèn trả ấn từ quan ra đi tu tiên ở Động Thần-Phù rồi biến đi mất.

#### THIỆU CON VUA TẤN NGUYÊN-ĐẾ

Thiệu là con vua Nguyên-Đế nhà Tấn, lúc nhỏ đã cực-kỳ thông-tuệ. Một hôm, có sứ-thần ở Trường-An lại, vua Nguyên-Đế hỏi Thiệu:

Trường-An gần, hay mặt trời gần hơn?

Thiệu đáp:

— Trường-An gần hơn.

— Tại làm sao?

— Tôi chỉ thấy nói có người ở Trường-An lại, chưa từng thấy nói có người ở mặt trời lại bao giờ cả.

Vua lấy làm lạ, đem câu chuyện kể lại quần thần nghe, nhân Thiệu đứng hầu bên, vua lại hỏi đùa:

— Trường-An gần hay mặt trời gần hơn?

— Mặt trời gần hơn.

Vua ngạc-nhiên hỏi:

— Tại làm sao?

— Tôi ngừng đầu lên thấy mặt trời chứ không thấy Trường-An đâu cả. Vua càng thấy làm lạ và đoán thẳng nhỏ này sẽ làm nên sự-nghiệp lớn.

#### LƯƠNG-HỮU-KHÁNH

Lương-hữu-Khánh, con của Lương-đắc-Bằng, xã Hội-Trào, tỉnh Thanh-hóa. Thuở nhỏ cha mất sớm nhà nghèo, học giỏi thông-minh, 10 tuổi đã biết làm văn,

nhưng phải cái tật ăn nhiều, mẹ phải nhin đói dề con ăn. Một hôm ông xin phép mẹ đi nơi khác để kiếm ăn. Mẹ ứa nước mắt than rằng : mẹ con không nuôi được nhau phải tha phương cầu thực, mẹ tủi lòng quá ! Ông bèn đến nhà người bạn làm văn viết đối dề hộ thân.

Một hôm, ông qua bến Tam-kỳ gặp năm, sáu nhà sư đi làm lễ về, mang nhiều xôi oản ; thấy ông đang đói, cho vài chiếc oản. Ông từ chối : « Học trò nghèo, nhin đói mấy hôm rày, ăn vài ba chiếc thắm chi ».

Sư rằng : « Ủ thì hãy làm một bài thơ ta xem thế nào sẽ cho cả ».

Đò chưa cập bến mà thơ đã xong. Thơ rằng :

*Một pho kinh sử, nếp kim-cương,  
Đáy đầy cùng sang một chuyến đường,  
Trong hội có dăm người thảng thích,  
Trên ngôi đài các tổ nghênh ngang.  
Truyện xưa người vẫn cảm Hàn-Dũ (1),  
Việc trước ta còn oán Thủy-Hoàng (2).  
Gào gở mấy may rồi tạm biệt,  
Kẻ trên quả phúc, kẻ vinh xương.*

Các nhà sư chịu là tài, liền cho hết bị oản. Khách đi đường thấy lạ tặng thêm một quan tiền.

Sau lớn, ông học với Trạng-Trình Nguyễn-bình-Khiêm (1491 — 1589).

#### KHẤU-CHUẨN

Khấu-Chuẩn lúc nhỏ hay chơi bời, không giữ lễ phép. Bà mẹ đánh mắng luôn, mà Chuẩn vẫn không chừa. Một hôm ông bỏ học, mẹ giận lắm, cầm quả cán ném ông trúng phải chân, máu chảy đầm đìa. Từ đấy, ông chăm-chỉ học hành, thi đậu làm quan đến tể-tướng. Mỗi khi ông nhìn đến vết thương ở chân lại nhớ đến mẹ, nước mắt đầm-đìa mà than rằng « chính nhờ vết thương này mà ta nên người đây ».

(1) Hàn-Dũ bài đạo Phật, khủng-bố thầy tu.

(2) Tần Thủy-Hoàng đốt sách, chôn học trò,

#### BÀ CHƯỜNG-THỊ-NGỌC-CHỮ

Con gái Diêu Quận-Công Trường Dự người làng Như-quỳnh, Trấn Kinh bắc (Bắc-Ninh), giỏi quốc-văn. Thuở bé thường ngày phải đi chăn trâu cắt cỏ ở bên đường.

Một hôm chúa Trịnh thành-linh đi ngang qua : dân chúng sợ hãi chạy trốn ; duy bà vẫn điềm nhiên như không biết, vừa cắt cỏ vừa hát rằng :

*Tay cầm bán nguyệt xênh xang,  
Một trăm bó cỏ lai hàng tậu tay.*

rồi lại hát :

*Mặc ai che tán, che tàn,  
Ta đây mặc sức nghềh ngang cõi bờ.*

Chúa Trịnh nghe được, dò đến hỏi : tại sao dám hát ớn như vậy ?

Ngọc-Chữ thưa rằng : « Tôi là dân quê, vâng lệnh mẹ ra cắt cỏ bên đường. Xa giá của chúa đi ngự, thì cứ đi ngự ; phận tôi cắt cỏ thì tôi cứ cắt cỏ, chúa hỏi để làm gì? »

Chúa nghe nói kính mến sự khăng-khái, liền xin cưới về làm vợ. Ngọc-Chữ có tiếng giỏi về quốc-văn, có làm thơ nhưng tiếc thay không còn lưu truyền nữa.

#### TÔ TIÊU-MUỘI

Tô Tiêu-Muội người ở tỉnh Tứ-Xuyên, con một nhà bác-học tên là Tô-Tuần, tự Minh-Doãn và là em gái của Tô Đông-Pha, nhà thơ danh tiếng với bài Xích-bích Phú ở đời nhà Đường.

Tô Tiêu-Muội thông-minh quán thể, thiên tư vượt bậc, tài thi văn từ phú nổi tiếng một thời.

Năm Tô Tiêu-Muội 16 tuổi, bị anh chể là trán gồ và mắt sâu :

*Trong sâu chưa khỏi năm mươi bước,  
Trán đã nhô ra đến cửa rồi !  
Bao hồi lau lệ sáu khổ tới,  
Mệnh móng chảy tựa suối hai giong.*

Năm sau, bọn thanh-niên trong vùng toan bản sẽ bày thi văn, nhưng bị Tô Tiều-Muội bác bỏ, duy có quyền của Tàn Quán là được mắt xanh để ý; nàng phê rằng: ngày nay từ tài thông minh, ngày khác phong-lưu học-sĩ, khác tiếc hai Tô cùng thời, nếu không, hoành hành một thuở. Biết ý con gái, Tô Tuần liền sắp đặt cho con gặp Tàn Quán.

Tàn Quán tự Thiếu-Du, người quận Cao-lưu, đất Dương-Châu, không chịu đến. Tuy nhiên nghe tiếng Tiều-thơ, chàng cũng ước xem trán cao hơn đỉnh núi, mắt bầm tựa lòng sông, không biết vấn tóc thế nào?

Dò ngóng mãi, mới biết ngày mùng một tháng hai Tô Tiều-Muội sẽ đến miếu Động-nhạc dâng hương.

Đúng ngày ấy hóa trang ra Đạo-sĩ, đến miếu thì vừa gặp nàng đang xuống kiệu, tuy không nhận xa cá lặn, nhưng cũng mặt mà nhà đạm khác thường.

Hai bên vừa trạm trán, Thiếu-Du liền giả vờ đọc «tiều-thư có phúc có thọ, xin mở lòng từ bi». Tiều-thư biết có ý trêu ghẹo liền đáp lại: «Đạo-sĩ nhân không đức, không tài, dám cầu bổ-thí». Đạo-sĩ tấn công liền: «Nguyện tiều-thư mình như cây thuốc, trăm bệnh chẳng vin».

Nàng gay gắt:

« Dù đạo nhân miệng nở hoa sen, nửa đồng không thí. »

Đạo-sĩ nhân-nại thêm vài vế:

« Tiều nương-từ một trời hoan-hỉ, có sao tay khép nón vàng »

Tiều-Muội ném một bó gai vào mặt:

« Phong đạo nhân làm đất sâm-si, đầu được thân vào hang bạc ».

Quả sau này, Thiếu-Du đỗ tiến-sĩ, xem hoa thượng-uyển, bề quê cũng trắng, đại đẳng khoa xong liền nghĩ đến tiều đẳng khoa.

Tô Tiều-Muội trước khi khứng chịu lại ra một bài thơ có nghĩa là «Hóa duyên đạo nhân».

Thiên-Du viết rằng:

*Hóa công sao khéo giục xuân hoài,  
Duyên đến vườn xuân, hoa tư khai.  
Đạo ấy gió xuân chiêng có chủ,  
Nhờn như ai dám tới hoa đài.*

(Thanh-Đạm dịch)

VĂN-HÓA — SỐ 48

Liều-Hoàn thấy Thiếu-Du viết xong tiếp lấy đưa vào kẻ cửa và hô to « Tàn-lang nộp quyền ».

Bên trong, Tiều-Muội dở hoa-tiên xem cười tùm-tùm nói:

Hóa duyên đạo nhân trả lời khéo đấy, liền trao một phong bì thứ hai có bài thơ:

*Hơn cha hùng lược ai bì?*

*Đêm đêm đục vách đục thi mượn đèn.*

*Vá may, dợng nhớ mẹ hiền,*

*Lão ông tựa cửa liền miễn tối ngày.*

Đạo-sĩ Thiếu-Du biết đó là một bài thơ đố về nhân-sĩ đời xưa, nên viết trả lời: « Tôn-Quyền, Khổng-Minh, Tử-Tư, Thái-công Vọng ».

Cách thức sát-hạch theo kiểu « test » của Mỹ vậy, khiến cho Thiếu-Du nực cười, và khắp khời mừng thầm; như các thí-sinh làm đúng bài toán, và viết xong bài ám đọc, chỉ đợi kỳ vấn-đáp đề cõi gió tung mây.

Vấn đáp đây là một câu đố:

*Bé môn suy xuất song tiền nguyệt*

*(Đông cửa đẩy trăng ra trước song).*

Thiếu-Du mới đọc cho là dễ, nhưng muốn đố cho cao kỳ để tỏ vẻ bản lãnh cao cường phái khoa. Nhưng suy đi tính lại chẳng có được một chữ nào này ra cả.

Đi đi lại lại mãi trong sân, bóng trăng đã xế! Nếu mà đi thi thật, thì ông Giám-khảo đã đánh rớt rồi, nhưng đây giai-nhân là giám-khảo và cũng có ý chờ đợi... nên Thiếu-Du được dễ-dãi đòi phầa. Tô Đông-Pha thấy em rề mình bí lối, tội nghiệp và lại có ý ghét cô em đã chê mình râu rậm và mặt dài, muốn gà nhưng không biết làm cách nào; vì lỡ la lớn lên cô em nghe, chằm hổng thì nguy. May thay, Thiếu-Du ngừng chân bên một hồ nước, mặt trăng phản chiếu long-lanh — Đông-Pha đang háng một tiếng rồi cúi xuống lượm một hòn đá ném vào hồ. Mặt nước xao-động làm mảnh trăng rung-rinh tan vỡ, như vàng vụn bắn cả lên mặt Thiếu-Du. Như chợt tỉnh, Thiếu-Du nẩy thi tứ đối rằng:

*Đầu thạch xung khai tỉnh đề thiên*

*(Ném đá vỡ trời toang đáy nước).*

VĂN-HÓA — SỐ 48

Câu thơ vừa đối xong thì đã thấy một thị-tý duyên-dáng từ trong phòng bước ra tay bưng bầu rót rượu bỏ-đào vào chén « ngọc dạ quang » lên tân-lang và chúc rằng :

— Thực là tài-tử. Xin cạn ba chén rượu này, đây là ly rượu tài hoa tiêu-thư tôi kính dâng Công-tử.

#### NEWTON

Ngày 4-1-1643, tại Woolsthorpe vùng Lincolnshire bên Anh-cát-Lợi, Isaac Newton ra chào đời.

Không ai ngờ được rằng cậu bé con yếu ớt ấy về sau lại là một nhà bác-học quần chúng, làm lu mờ cả danh tiếng của Descartes, và ngự-trị lâu năm trên tư tưởng khoa-học của thế-kỷ XVII.

Sự toàn thắng của Newton trên lãnh vực khoa-học cũng lại là sự toàn thắng của phương-pháp giáo-huấn tự do của trường Cambridge nó không hề bó thắt học trò theo một chương-trình nào mà để cho học trò tự ý chọn lấy môn mình ưa thích.

Newton là một danh-nhân quá ưa quen thuộc, thiết tưởng chỉ cần nhắc qua sự-nghiệp của ông cũng đủ. Mới 22 tuổi, nhân nhà trường đóng cửa vì bệnh dịch hạch, phải về quê ở Wolsthorpe, cậu đã có 3 phát minh tối quan-trọng đó là vi-tích phân học (calcul infinitésimal), luật vạn-vật hấp dẫn (gravitation universelle) và lý-thuyết về quang-học (théorie de la lumière).

Về sau ông vẫn trung thành với công việc tìm tòi và coi nhẹ danh vọng, tuy danh vọng vẫn cứ đến với ông, khiến ông vô cùng bức nhọc vì mất công tạ khách mà vẫn bị quấy rầy. Hội khoa-học Hoàng-gia Anh, trước những kết-quả ngày thêm rực-rỡ của ông về quang-học, về thiên-lý kính và có lẽ cũng một phần bị ảnh-hưởng của sự ngưỡng-mộ của người đương thời đối với ông nên tuy ông chỉ mong được yên thân khảo-cứu trong bóng tối, người ta cũng cứ bầu ông làm hội-viên. Về sau bức mình về những lời Robert Hooke chỉ trích không đầu bản thuyết trình của ông về « phân-tích ánh sáng và thuyết phát xạ của ánh sáng », Newton gửi giấy từ chức không nhận Hội-viên, nhưng hội Khoa-học Hoàng-gia vẫn từ chối, không chịu mất một Hội-viên lỗi lạc như ông.

Từ 1684 đến 1686, ông cặm cụi viết quyển « Các nguyên-tắc » (Les Principes), rồi đến 1687 do nhà thiên-văn-học Halley chịu tiền xuất-bản, cuốn « Những

nguyên-tắc toán-học của nền triết-học tự nhiên», (Principes mathématiques de la Philosophie naturelle) của ông lại được ra đời.

Không cần kể đến các công cuộc khác của ông, riêng hai tác-phẩm trên cũng đã đủ là những kho-tàng vô giá và vĩ-đại mà các bác-học khai thác « hơn hai thế-kỷ vẫn chưa hết » (lời của ông Joseph Bertrand trong cuốn « Những nhà khai sáng ra nền thiên-văn tối-tân »).

Ngoài ra ông và Leibniz, một toán-học gia trứ danh đương thời, đều riêng rẽ xây dựng nền tích phân học (calcul intégral), một phương-pháp nhiệm màu hiện nay rất đặc dụng.

Trong học thuyết Newton, cũng lại có một định-tắc không chứng-minh được chính-xác, đó là quan-niệm tuyệt đối của Newton về không gian và thời gian.

Newton coi không gian như một thực-thể bất di bất dịch, chứa đựng mọi sự vật và thời gian cũng lại như một giòng nước đều đặn trôi qua, trong đó được diễn ra mọi biến-cố.

Nếu phủ-nhận tính cách tuyệt-đối của không gian và thời gian thì những định-luật về cơ-học của Newton sẽ mất cả ý nghĩa, vì không còn lấy chi làm chuẩn-đích nữa.

Mà những định-luật của Newton thì không biết bao nhiêu lần người ta đã phải công nhận giá-trị của chúng, do đấy, gián-tiếp thực-nghiệm làm vững cái quan-niệm tuyệt đối của Newton.

Nhưng ngày nay cũng lại có kẻ dám nghi ngờ những sự-kiện có vẻ « hiển nhiên » và hợp lý này, đó là Albert Einstein.

#### ALBERT EINSTEIN

Albert Einstein sinh tại Ulm (nước Đức) ngày 14-3-1879, lúc thiếu thời đã tỏ là một học-sinh thông minh và cần mẫn. Năm 23 tuổi, ông đã đương nhiên là một kỹ-sư của cơ-quan cấp bằng phát-minh tại Berne, thũ-độ Thụy-sĩ Hai năm sau, ông đã là tác-giả lý-thuyết toán học về sự nung chuyển của các phân tử (mouvement brownien) và nhất là về hiện tượng điện-quang (effet photoélectrique).

Sự nung chuyển của các phân tử dưới ảnh hưởng của sức nóng đã được ông Brown, một nhà thực vật học chứng-minh năm 1827, nhưng Einstein đã giải thích rõ ràng bằng toán học.

Còn về điện-quang thì trước ông, nhà bác-học Max Planck đã tìm ra là năng-lượng cũng có những trị-giá bất khả phân mà ông ta đặt tên là quantum. Einstein đem khắp đều đó với sự phát-mình của Hertz năm 1887 về hiện-tượng điện-quang, khi một luồng ánh sáng chiếu vào một vài chất thì nó làm bắn ở chất ấy ra một số điện tử, gây ra những giòng điện nhỏ yếu. Những chất đó người ta dùng để tạo những « con mắt điện », để điều khiển súng tự động trong thế-giới chiến-tranh thứ hai, để canh phòng gian phi ở những cửa hàng lớn v.v... và gần ta hơn cả là để tiếng, những vật sáng đậm nhạt ngoằn ngoèo bên đĩa cuộn phim thành tiếng nói trong các rạp chiếu bóng.

Một khi năng-lực không còn liên-tục như giòng nước mà lại có tính cách gián-đoạn như những viên bi, hòn đá, khúc cây thì ánh sáng vốn dĩ là thứ năng-lực thuần-chất nhất, há chẳng là những hạt ánh sáng ư? Và lại không là những hạt thì ta cũng khó cắt nghĩa cái hiện-tượng điện-quang nói trên kia.

Einstein không ngần ngại kết-luận là ánh sáng gồm những « hạt ánh sáng » cực nhỏ, nó bắn vào chất vật-chất và làm cho những hạt điện tử không vững chắc phải bắn ra gây thành dòng điện. Hồi đó là năm 1905, người ta đã nhiều lần phủ nhận cái thuyết « phát xạ » (émission) của ánh sáng mà quay về thuyết « ba động » (ondulatoire) cho rằng ánh sáng không phải là những vật bắn đi mà chỉ là những sự rung-chuyển của « thuần tinh » tức éther, một cái gì nằm khắp không gian mà không choán chỗ. Nay Einstein kết-luận như trên tức là lại bênh vực thuyết « phát xạ » mà họ cho là « lỗi thời » nên ông bị người đời la ó chế nhạo dữ dội. Tuy vậy, sự thật vẫn là sự thật, và ngày nay các « hạt ánh sáng » ấy đã được công nhận và gọi tên là « quang tử » (photon).

Có lẽ bị la ó là số phận của các nhà bác-học kỳ tài chẳng, nên về sau ông lại bị la ó và bị phản-đối kịch-liệt về thuyết « tương đối » nữa. Mà lần này cái phản-ứng đối lập ấy kéo dài hàng mấy chục năm liền đến nay cũng vẫn còn rớt lại một số người không hiểu thấu đưa ra chế giễu.

Nhân đây thiết tưởng ta cũng nên nói qua về cái thuyết tương đối, nhất là cái « đường cong » về không gian của Einstein.

Xưa kia, khoa-học vẫn tin là ánh sáng lan trong một thứ thuần tinh bất động. Nhờ một thứ máy cực kỳ chính xác đo bằng sự giao thoa của ánh sáng (Inter-

féromètre), ông Albert Michelson đã đo thử thì thấy ánh sáng chạy ngược hay xuôi chiều quay của trái đất cũng vẫn không thay đổi. Mà cái độ quay ấy nào có bé gì: mỗi giây trái đất chạy quanh mặt trời được 30 cây số, tức gần gấp 100 lần tiếng động, thừa dè cho chiếc máy của ông nhận thấy, nếu tốc-độ có thay đổi.

Một nhà bác-học Ái-nhĩ-Lan là Fitzgerald đoán rằng có lẽ trong chiều xô dịch, chiếc thước của Michelson đã bị rút ngắn vừa đúng để cho Michelson không đo thấy sự sai biệt. Cái lý-luận « miễn cưỡng » ấy về sau lại được nhà bác-học Lorentz, năm 1903, đặt thành công-thức toán học hân hoan. Mặt dầu, chẳng ai là người tin cái thuyết kỳ-dị của hai ông cả.

Hai năm sau, 1905, Einstein công bố một bản thuyết-trình làm cho mọi người nhao-nhao phản đối. Nhưng đến nay nó đã thành như bản « sấm trạng » đối với giới khoa-học.

Trước hết ông vứt cái thuyết « thuần tinh » đi vì đã nhiều lần nhân-loại còn bị lừa về những cái hiển nhiên mà không chứng-minh được, huống hồ cái « thuần tinh » kỳ quặc này, đã không hiển nhiên lại không sao nhận thấy được sự hiện diện của nó.

Còn như tốc-độ của ánh sáng, tại sao ta lại cố bắt nó theo những định luật về cơ-học cổ-điền? Phương-pháp hiệu-nghiệm đã giúp khoa-học tiến-triển há chẳng phải là bao giờ cũng chỉ « bắt luật-lệ phải cắt nghĩa được thiên-nhiên » đấy ư? Có đâu lại « gò bó thiên-nhiên vào những định-luật » của mình?

Cả cái không gian và thời gian tuyệt đối của Newton kia cũng phải bỏ đi nốt vì chẳng được chứng-minh, không khác gì cái định-tắc của Euclide đã giam hãm tư-tưởng nhân-loại trong một cái bề mặt phẳng tuyệt-đối, hơn 20 thế-kỷ.

Einstein đã dùng toán-học xây dựng cả một thuyết tương đối trên cái căn-cứ vững chắc do thực-nghiệm chứng-minh là tốc-độ ánh sáng bất di bất dịch, dù rằng kẻ nhìn thấy nó có xô-dịch hay không.

Nói một cách khác, dù anh đứng yên nhìn ngọn đèn đăng xa hay anh chạy đến với nó, nếu anh đem máy ra đo thì anh vẫn thấy ánh sáng của nó đến với anh với một tốc-độ bất di bất dịch là 300.000 cây số mỗi giây.

Einstein đã đi đến những kết-luận là vật gì ta « thấy xô-dịch » thì vật đó sẽ ngắn lại trong chiều xô-dịch của nó, và thời-gian của nó lại dài ra hơn thời-gian nơi ta đứng.

Tôi nói «thấy xê-dịch» là vì trong vũ-trụ này chẳng có một điểm nào đứng yên, tất cả đều chuyển động. Ta ngồi trên xe hòa thì đối với ta nhà cửa cây cối đều chuyển động, chỉ riêng có đoàn tàu là đứng yên. Trái lại, đối với người dưới đất thì đoàn tàu vẫn chạy còn nhà cửa cây cối có chuyển động gì đâu? Trong trời đất cũng thế, các tinh tú mặt trăng mặt trời, đến những dải ngân-hà đều quay cuồng với những tốc-độ kinh-khủng có khi tới gần một triệu cây số một giờ (chùm sao trong đó có thái-dương hệ xê-dịch trong dải ngân-hà với tốc-độ 792.000 cây số một giờ).

Nhưng đây mới là cái thuyết tương đối thu hẹp (relativité restreinte).

Mở rộng ra nó còn có những kết-luận kỳ quặc hơn nữa.

Einstein cho rằng: Khi một vật rơi xuống trái đất thì ta thấy nó bị hút mỗi lúc một mạnh hơn. Nhưng ví thử ta cùng nhảy xuống với vật ấy thì ta thấy vật ấy đứng yên mà chính trái đất mới vọt lên đón chúng ta một cách dữ tợn. Như thế là một sự chuyển vận gia tốc (mouvement uniformément accéléré) có thể hủy bỏ được dẫn lực của trái đất riêng đối với ta.

Khi ta ngồi trong xe mà xe đột nhiên khởi hành rất nhanh thì ta bị dính lưng vào tựa xe như có một sức hút ta vào đấy. Đó lại là trường hợp sự chuyển vận gia tốc gây ra hiện tượng giống với dẫn-lực.

Và đây lại một sự so sánh kỳ dị hơn; một sự vận-động đẳng tốc nhưng theo vòng tròn (mouvement circulaire uniforme) cũng lại gây ra được một sự ly tâm có tính cách vận-động gia tốc như dẫn-lực, khiến cho đồ vật để ở gần trung tâm bị văng ra mỗi lúc một nhanh thêm.

Rồi Einstein kết-luận rằng dẫn-lực không phải là một lực-lượng có thực mà chỉ là một lực-lượng ta «cảm thấy», gây ra hoặc vì sự chuyển động gia tốc hoặc vì sự chuyển-động đẳng tốc nhưng theo vòng tròn (khi ấy nó đồng nghĩa với ly tâm lực) và sau hết do sự hiện diện của những khối vật-chất, như các vị tinh tú.

Rồi ông cho rằng vật-chất đã làm méo mó cả không gian đi, những «thó» của không gian cũng vì thế mà cong nót. Tỷ như ta lấy một bó tấm dài, nguyên những chiếc tấm ấy đều thẳng tắp. Nhưng nếu ta uốn cong cả bó lại thì những chiếc tấm ấy cũng cong theo, và vật gì thường theo đường thẳng của tấm nay sẽ theo đường cong vậy.

Mà trong vũ-trụ cái gì đi theo đường thẳng? Thưa đó là ánh sáng. Vậy thì những thớ không gian đã cong tất ánh sáng cũng đi cong nót.

Tất cả những kết-luận này thuộc về Tương-đối thông-luận (Relativité générale), nó càng làm cho Einstein bị công kích dữ. Nhưng khôn thay những con tính của Einstein quá ư chặt chẽ không sao phá được.

Và về sau các khảo-cứu của khoa-học mỗi ngày một chứng-minh rằng chính cái thuyết kỳ quặc của Einstein mới đúng chứ cái lý tứ thông thường của con người lại hoàn-toàn không phù-hợp.

Và gần đây thuyết của ông lại được chứng-minh một cách rục rịch : đó là nguyên tử lực.

Nguyên các công-thức của Einstein cho biết rằng tốc-độ của ánh sáng là tốc-độ giới hạn mà không một vật gì lại có thể vượt được.

Đây là một điều kỳ lạ. Theo cơ-học, người ta biết rằng cho một vật đi nhanh hơn thì hoặc giữ nguyên khối-lượng của nó (masse) tăng thêm động-lực (force), hoặc giữ nguyên vận động-lực mà giảm bớt khối-lượng. Sở dĩ như vậy là vì động-lực gây ra tốc-độ còn khối lượng lại có quán tính chống lại sự gia tăng tốc-độ.

Nay ta dù tăng thêm vô cùng tận động lực mà cũng không thể gia tăng mãi tốc-độ, như thế chỉ có một nghĩa là tốc-độ đã làm tăng quán tính (tức là tăng cả khối lượng) của vật-chất vậy.

Rồi Einstein kết-luận rằng « động-năng » đã làm tăng « khối-lượng » của vật-chất. Nói tổng quát hơn thì « năng-lượng » và « khối-lượng » cũng là một. Và sau hết ông đã đưa ra công thức :  $E = MC^2$  trong đó E là năng-lượng, M là khối-lượng của vật-chất và C là tốc-độ của ánh sáng.

Nói một cách vắn vẻ hơn thì vật-chất chỉ là năng-lượng « đọng » lại mà thành.

Từ đời thượng cổ, người ta vẫn coi vật-chất là cái đựng (contenant) và năng-lực là cái bị đựng (contenu). Thí-dụ hòn đá ném đi có động năng, tức là phải có vật ấy để chứa đựng động-năng. Thanh sắt hơi nóng có nghĩa là nó chứa đựng nhiệt năng. Thế mà nay lại coi cái đựng lẫn cái bị đựng cùng là một chất thì trách nào Einstein chẳng bị người ta công kích?

Và lại theo công-thức trên kia chỉ một gờ-ram vật-chất biến đi là đủ cho ta

tới chín vạn tỷ kilogrammètres tức là một số năng-lực đủ ném « Ba nghìn chiếc chiến-hạm không lồ loại 80 ngàn tấn lên nóc những tòa nhà 100 tầng » thì mấy ai là người tin được.

Nhưng một lần nữa những trái nấm ghê-gớm của bom nguyên-tử đã chứng minh rằng Einstein nói đúng. Và hiện nay hy-vọng lớn nhất của nhân-loại, để tự cung cấp năng-lực cần thiết cho một nền văn-minh có khi đỡ số gấp bội, chính hoàn toàn trông vào pháp-lực của cái công-thức  $E = MC^2$  ấy vậy.

Thế là Einstein đã thâu gồm hình-học, cơ-học, và vật-lý học vào một mối cắt nghĩa của cái to lớn vô biên như sự nở ra của vũ-trụ, đến cái cực nhỏ như đời sống của phân tử Mésôn, hay sự biến hóa vật-chất thành năng-lượng.

Nhưng Einstein nổi tiếng chưa được bao lâu đã lại có hai nhà bác-học trẻ tuổi xuất-hiện làm cho thế-giới kinh-ngạc chẳng kém gì Einstein, đó là Chen Ning Yang và Tsung Dao Lee.

#### CHEN NING YANG và TSUNG DAO LEE

Chen Ning Yang 34 tuổi và Tsung Dao Lee 32 tuổi là đôi bạn chí-thiết từ khi còn theo học tại trường Đại-học Trung-hoa ở Côn-Minh, hồi 1940 giữa năm khói lửa ngút trời. Đến năm 1946 họ lại tái-ngộ ở Đại-học đường Chicago. Bác-sĩ Yang được chính-phủ Mỹ cấp học-bằng và từng tập dưới sự chỉ dẫn của hai nhà Nguyên-tử học lừng danh là Edouard Jellier và Eurico Fermi.

Hiện nay Bác-sĩ Yang là giáo-sư chính thức của Viện Đại-học Princeton và Bác-sĩ Tsung Dao Lee giảng dạy tại Đại-học đường Columbia.

Hai người được hai giải-thưởng cao quý nhất là giải-thưởng Albert Einstein và giải-thưởng Nobel cùng trong một năm 1957.

Hai ông đã tìm ra cái gì lạ lùng đến nỗi làm cho giới khoa-học toàn thế-giới cực kỳ xao-xuyến và khiến phải công-nhận là một sự phát-minh lớn lao nhất sau lý thuyết tương đối của Einstein.

Đó là vì hai ông đã có một thành-tích vẻ vang như Einstein, dám dấn phá một quan-niệm có vẻ cực kỳ « hữu lý và hiển nhiên », đó là thuyết quân đẳng (la parité).

Tôi không tiện nói dài vì thuyết này, nó bao gồm bao nhiêu luận-lý và khảo-cứu. Tôi chỉ xin đưa ra một thí-dụ dễ hiểu để các bạn có một quan-niệm về thuyết ấy.

Khi các bạn có một miếng nam châm (aimant) mà không có được một dụng-cụ gì để thử như từ-trường trái đất, kim chỉ nam v.v... thì thử hỏi các bạn có cách nào để phân-biệt được đầu bắc và đầu nam của nó chẳng ?

Thưa không, dù chỉ cho hút sắt, thì sức mang của 2 đầu cũng giống nhau biết đâu mà phân-biệt ? Theo lý-luận thì điều đó rất dễ hiểu, Cực bắc và cực nam của trái đất là do ta đặt tên, rồi do đấy so với từ trường của trái đất mà đặt cho là cực Bắc và cực Nam của từ-trường. Còn như đối với thiên-nhiên thì cực Bắc hay cực Nam chẳng có chi khác, đó chỉ là 2 cực của một từ-trường mà thôi, không có một lý gì thiên-nhiên lại ưu-đãi 1 trong 2 cực ấy.

Cái tính cách vô-tư của thiên-nhiên đối với các biến-cổ xảy ra trong vũ-trụ này là luật quân đẳng vậy.

Khoa-học đã rất nhiều lần căn cứ vào luật quân đẳng để lý-luận mà không sai lầm.

Chúng bạn nguyên-tắc phân lực cho rằng khi một vật vỡ làm hai mảnh bắn ra 2 chiều ngược nhau trong không gian thì công thức  $M \times V = M' \times V'$  trong đó M là khối lượng (masse) và V là tốc-độ (vitesse) bao giờ cũng đúng, bất luận là 2 chiều ấy nằm trên một hướng nào của vũ-trụ, vì theo luật quân đẳng, trong vũ-trụ không có một hướng nào được ưu-đãi hết (aucune direction n'est privilégiée).

Luật này đã trở nên một định-tắc cố nhiên, không một ai nghi ngờ nữa.

Thì đột nhiên hai nhà bác-học Trung-hoa này đã căn cứ vào những hành-vi kỳ dị của hạt mésôn mà dùng toán-học chứng-minh rằng luật quân đẳng không đúng, hay ít ra nó cũng không đúng với những liên động tác yếu (interaction faible) trong thế-giới tế vi của nguyên-tử.

Trước những con toán chặt chẽ của hai ông, giới khoa-học Mỹ nao động, vì nếu hai ông không lầm thì biết bao điều kỳ-dị họ gặp phải trong thế-giới nguyên-tử sẽ gỡ được mối. Vì thế họ đã không ngần-ngại để các ông xử dụng những dụng-cụ thí-nghiệm khổng-lồ của các đại-học đường để kiểm soát xem thuyết của các ông có đúng không.

Người được chỉ-định hoàn thành cuộc thí-nghiệm lại là một nữ giáo-sư Trung-hoa, bà Chen Shing Wu. Bà này được rất nhiều người coi là một nữ bác-học lỗi-lạc nhất thế-giới.

Bà đã hạ nhiệt-độ của chất cobalt xuống gần độ không tuyệt đối (-213° 15) để cho sự rung chuyển của các phân tử (mouvement brownien) khỏi cản trở cuộc thí-nghiệm, rồi bà lập ra một từ-trường cực mạnh, bắt tất cả các nhân nguyên-tử Cobalt phải xoay lại bao nhiêu cực bắc của chúng đều về cùng một phía và bao nhiêu cực nam của chúng về một phía, vì chính chúng cũng có từ-trường riêng. Sau khi bắt chúng xếp hàng như vậy thành một miếng nam châm bằng cobalt rồi, bà mới đem máy đếm đếm thì này lạ chưa, một đầu thấy phát ra nhiều điện-tử hơn hẳn đầu kia !

Như thế là sự quân-đăng giữa 2 cực của nam châm cobalt đã không có trái hẳn với định-lý quân-đăng và chứng-minh rạch-rỡ thuyết của hai bác-sĩ Yang và Lee.

Chắc hẳn có người ngạc-nhiên thấy Trung-hoa lại sản-xuất ra được những bác-kỹ-tài ấy, đó chỉ vì tự lâu họ vẫn coi thường cái khối người đông đảo, hướng về nội-giới và sự tu-thân hơn là ham chuộng kỹ-thuật cơ-khí.

Nhưng riêng đối với chúng ta, khoa học cũng là sản-phẩm của tinh thần, mà về phương-diện này, ai có quyền coi thường xứ-sở của nhà đại hiền triết của muôn thuở là Khổng Phu-tử.

#### KHÔNG PHU-TỬ

Sách truyền lại rằng bà Nhan-Thị, mẹ Đức Khổng Phu-tử, sợ mình không sanh đặng con trai, liền lên núi Ni-Khu cách quận Khúc-Phù chừng 100 dặm về phía tây-nam, dâng lễ vật cho trời, cầu xin được toại nguyện. Đang lúc bà Nhan-Thị trèo núi, thì một luồng gió nhẹ thổi qua làm cho lá cây rụng cả lên trời. Khi bà xuống núi, lá cây ở trên cành rụng lại.

Khi Đức Khổng-Tử ra đời người ta nhận thấy trên trán người có một cái bướu trông giống như hình mỏm núi Ni-Khu đã được chứng-giám. Cái bướu trên trán của Ngài là một nét đặc-biệt trên khuôn mặt mà sau này, khi vẽ hình Ngài, không ai dám bỏ quên.

Sách còn nhắc lại rằng trước vài ngày Đức Khổng-Tử ra đời, một con kỳ-lân bỗng xuất-hiện ở quận Khúc-Kỵ. Nó đến tận nhà bà Nhan-Thị, miệng ngậm một mảnh đá trong đó có ghi mấy dòng chữ như sau : « Con trai của Thủy-tinh, thừa kế nhà Châu sắp suy-tàn, sẽ giáng sinh và lên ngôi để trị-vì

cả thiên hạ tuy không có ngôi vì ẩn kiem ». Bà Nhan-Thị buộc một cái dây bằng lụa đỏ trên sừng con kỳ-lân. Hai ngày sau, nó biến mất mang cả cái giây lụa đi.

Đêm hôm Đức Thánh giáng-sinh, người ta trông thấy rất lâu ở trong sân nhà của Ngài, hai con rồng xanh lượn chung quanh năm cụ già mặc áo màu sắc-sỡ. Nhờ đó mà người ta đoán rằng Ngài chính là con của Thủy-tinh, tướng tinh Ngài xuất-hiện có bốn vị tinh nữa theo sau là : Kim-tinh, Mộc-tinh, Thổ-tinh và Hỏa-tinh.

Khi còn nhỏ, ngài thích lấy hoa và những đồ tế-lễ bày bàn để cúng vái. Ngài dạy các bạn trẻ cách thức tế-lễ trước bàn thờ. Quanh vùng, người ta kéo nhau đến xem ngài tế-lễ nghiêm trang và kính cẩn. Thật là một hiện-tượng lạ lùng mà ngài đã bày ra, nhất là hồi bấy giờ, (tức là thời Xuân-Thu chiến-quốc) mọi người chỉ nghĩ đến chuyện chém giết nhau, khuyên loát lẫn nhau, vất bỏ cả luân-thường đạo-lý, mà ngài đã biết cô-xúy nên đạo-đức lễ nghi, trọng sự tôn-ti trật-tự. Sau này ngài được người ta mến phục một phần lớn vì đạo-đức, cao dày của ngài.



Vài ngày trước khi ngài từ trần, người ta lại trông thấy con kỳ-lân xuất-hiện với một giây lụa đỏ buộc ở sừng, chân đi khắp khênh. Khi người ta dắt con vật đến, ngài khóc nói rằng : « con đường mà ta đã vạch ra đã hết ».

Thế rồi ngài mất, con kỳ-lân cũng không thấy đâu nữa.

Con đường của ngài đi đã hết, nhưng đạo-lý của ngài vẫn còn và sẽ còn mãi mãi. Đạo-lý của ngài được chứng-minh trong câu chuyện sau đây giữa ngài và ba đồ đệ trung thành và xuất-sắc nhất của ngài.

Đức Khổng-Tử có lần đi chơi núi Nông-Sơn, tại miền Bắc nước Lỗ, cùng với các đệ-tử là Tử-Lộ, Tử-Cống và Nhan-Uyên. Đức Khổng-Tử đứng ngắm trông khắp bốn bề, ngâm-ngùi mà than rằng : « Nếu tứ suy xét của người ta cũng rộng-rãi, man-mác như thế này thì không một việc gì là không nghĩ ra được cả. Vậy mỗi thầy hãy trình bày về chí hướng của mình, để ta đây sẽ lựa chọn. »

Ông Tử-Lộ liền tiến lên thưa rằng : « Do » tôi (Do tên húy Tử-Lộ) được gặp một toán địch quân hùng mạnh, hiệu cờ kết bằng lông « vũ » trắng

như mặt trăng, chuông trống âm-ỹ, vang lừng bốn cõi, cờ xí phát-phối che rợp năm hướng. « Do » tôi sẽ đem một đạo quân đến để chống lại và tất nhiên sẽ thắng địch quân đuổi dài ngoài nghìn dặm, cướp được cờ xí, róc xác thịt xương quân địch, lập chiến công oanh-liệt. Việc ấy để cho « Do » tôi làm mới nổi, còn hai thầy chỉ có việc nghe.

Đức Không-Tử khen : « Dững cảm lắm thay » !

Từ-Cống tiến lên thưa rằng : « Từ » tôi (Từ tên húy Từ-Cống), nhân lúc nước Tề, nước Sở đang rập lá cà giữa chiến-trường rộng lớn cát bụi mịt-mù, gươm giáo tua tủa. Từ tôi mặc một bộ áo mũ trắng, (thời bấy giờ nhưng phục dùng màu trắng), cố đến tận nơi giải-quyết, trình bày những điều lợi hại để gỡ mối nguy cho nước. Việc ấy chỉ có Từ tôi mới làm nổi, còn hai thầy kia chỉ có việc nghe theo.

Đức Không-Tử nói : « Hùng biện lắm thay » !

Còn Nhan-Uyên lặng thinh đứng nép ở sau. Đức Không-Tử quay lại hỏi « Hồi » (Hồi tên húy Nhan-Uyên), nhà ngươi không có ý-kiến gì sao ?

Nhan-Uyên thưa : « Có hai việc đáng nói là « văn », « võ » thì hai thầy đã bàn đến cả rồi, nên Hồi tôi không biết thêm gì được nữa ».

Đức Không-Tử lại nhủ : « Đã hay rằng thế, nhưng ai cũng phải trình bày ý-kiến của mình. Nhà ngươi nên tỏ rõ đi cho ta nghe ».

Bấy giờ Nhan-Uyên mới thưa rằng : « Hồi » tôi thường nghe « cô huấn » (cô thom) với « cô Du » (cô hôi) không thể cấm chung vào một lọ ; vua Nghiêu (vua rất nhân đức) với vua Kiệt (vua rất tàn ác) không thể cùng trị vì một nước, vì hai loại cách biệt nhau xa. « Hồi » tôi chỉ ước thờ những bậc Minh-Vương, Thánh Chúa, ham phổ-biến năm thường (năm thường là cha phải có nghĩa, mẹ phải nhân-từ, anh phải hòa-thuận, em phải cung kính, và con phải có hiếu) biết lòng dân, trọng lễ-nhạc, khiến cho họ phải xây thành đắp lũy, không vượt quá bờ cõi, biến gươm giáo thành nông-cụ, đem trâu, ngựa thả ngoài đồng, nhà cửa ruộng trâu không phải lo đến sự phân tán hoang phế, nghìn năm không có họa chiến-tranh, thì tứ dưng của người Từ-Lộ thì thổ vào đầu, và tài hùng-biện của người Từ-Cống đầu cần dùng đến.

Đức Không-Tử nghiêm-ngự đáp rằng : « Đức tốt vậy thay ! »

Ông Từ-Lộ chấp tay kính cẩn hỏi lại : « Xin Phu-Tử cho biết định chọn ý-kiến của ai ? »

Đức Không-Tử trả lời : « Những việc làm không tốn của, không hại dân và không cần biện-thuyết, chỉ có thầy Nhan làm được thôi ».

Thời bấy giờ Nhan-Uyên là một bậc đại hiền, tài đáng làm Vương-Tá, đức-hạnh quán thế, căn-cứ vào quan-niệm của ông đã trình với Đức Không-Tử, khiến Đức Không-Tử rất hài-lòng còn khen ngợi, tôi thấy rõ cần lấy đức mà hóa dân, khiến dân giác-ngộ, tự nhiên khỏi họa chiến-tranh. Chính đó là thuyết xây dựng hòa-bình bằng đạo-đức, có một giá-trị trường cửu.

### KẾT-LUẬN

Với ít câu truyện kể ra trên đây, chính tôi không có tham vọng nhắc nhở đến tất cả các bậc kỳ tài trong thiên hạ, mà chỉ đưa ra ra một số gương sáng để chúng ta soi chung.

Và cũng để chứng-minh là tài-năng chẳng khác chi hoa rừng, nó nở ra khắp nơi cùng chốn. Bồn-phận của mỗi người chúng ta là gắng-công vun-dắp chất chiu, vì hương thơm không riêng của một hoa mà là để cả khu rừng đều hưởng, thì về tài-năng, cá-nhân chúng ta có bồn-phận trau-giồi rèn luyện để thành người hữu-ích cho xã-hội, cho quốc-gia và cho cả nhân-loại nữa.

BAO-LA cư-sĩ





# VIỆT-NAM THÔNG-KHẢO

## TỔNG-LUẬN

Á-NAM  
dịch-thuật

### TỔNG LUẬN CÁC TRIỀU-ĐẠI TRONG SỬ VIỆT

*Nguyên Hán-văn của Lê-Tung, Tiến-Sỹ khoa Giáp-thìn đời vua Hồng-Đức triều Lê (1484), sung chức Kim-Tử Vinh-Lộc Đại-Phu, Thiếu-Bảo Lễ-Bộ Thượng-Thư, Đông-Các Đại Học-Sỹ, kiêm Quốc-Tử-Giám Tể-Từu, Tri Kinh-Duyên Giảng-Sự Đôn-Thư Bá Trụ-Quốc, viết khoảng năm thứ 6 đời vua Hồng-Thuận triều Lê (1514).*

*Thần nghe* : Ngu-điền tức sách của nhà Ngu, từ khi Khổng-Tử sửa kinh Thượng-Thư làm ra Điển-Mô, mà cái đạo tu tề trị bình của các bậc đế vương lại càng được rõ. Xuân-Thu tức là sử của nước Lỗ, từ khi Khổng-Tử sửa kinh Xuân-Thu, định lời bao biện, mà cái quyền điển lễ mạnh thảo của các vị Thiên-tử lại càng được tôn. Bởi thế, thánh-đế minh-vương trị thiên-hạ, đã có chí nghĩ đến trách-nhiệm làm vua, làm thầy thì không thể không nghiên-cứu cái học của Đế Vương. Đã có chí nghiên-cứu đến cái học của Đế Vương thì không thể không sáng tỏ cái lý của cổ kim. Vậy thời sử sách làm ra, cốt để dùng làm qui giám cho các bậc nhân quân, là có ý vậy.

Khâm duy, Hoàng-đế bệ-hạ ta : Học thánh sáng cao, lòng đạo trong lặng. Phúc đức nhờ tổ dựng tôn xây ; cơ hội đúng trời cho người thuận. Nghiệp lớn

đã thành, công hay đã định ; bèn đề ý đến cuộc thái-bình, lưu tâm về phần kinh điển. Chăm tìm cái học của đế vương khi trước ; xét kỹ các sách của thánh hiền khi xưa. Xem đọc các tập Thiên-Nam Du-Hạ của Thánh-Tôn Thuần Hoàng-đế mà hiểu sâu khuôn phép thánh-mô ; lần dịch các cuốn Lạc-Uyển Du-Nhàn của Đức-Tôn Kiến Hoàng-đế mà thấu suốt gốc nguồn thánh-phạm.

Khi nhận hạ thì ngâm nga theo v.ệc, ngụ ý khuyên răn, tức như lời ca « lại thiên » của vua Thuấn ; với đồ vật thì ghi khắc tùy nghi, tỏ lòng sửa giữ, tức như lời răn « bản minh » của vua Thang.

Phàm những văn kinh thiên vi địa, những đạo trị quốc tề gia, không gì là không thông suốt. Hằng ngày mở cuộc kinh-duyên, giảng cầu trị-lý. Bèn sai Binh-Bộ Thượng-Thư Quốc-Tử-Giám Tư-Nghiệp Kiêm Sử-Quán Đò-Tổng-Tài là Vũ-Quỳnh, soạn pho Việt-Giám Thông-Khảo, thuật từ đời Hồng-Bàng tới 12 Sử-quân riêng làm Ngoại-Kỷ ; từ Đinh Tiên-Hoàng tới năm đầu Đại-dịnh đời Thái-Tổ Cao-Hoàng-Đế bản triều, làm thành Bản-Kỷ, tất cả gồm 26 cuốn. Lớn từ đạo cả tam cương ngũ thường, nhỏ tới sự vật li-ti, không gì là không chép nhặt. Lại sai bọn Bị-Thư-Giám Hoàng-Khu viết thành bản riêng để truyền vĩnh viễn.

Rồi đó, Hoàng-Đế Bệ-hạ, lại đem hết tấm lòng sâu rộng, bao quát cả khối kiến khôn ; dùng hết trí sáng quang minh, soi rõ cả vầng nhật nguyệt. Ý muốn tóm tắt đại-yếu, hầu cho xem qua một lượt mà cái đạo cương thường của thiên địa càng rõ, cái đạo trị bình của đế vương càng rành ; khác nào giường lưới cất lên thì các mắt đều theo lên cả ; gương sáng treo cao thì các vật đều soi thấy hết ; sự quan hệ đối với thế-giáo to lớn biết là chừng nào ? Vì thế bèn sai thần là Lê-Tung làm bài tổng-luận... Riêng thần tự xét tài học thô sơ, kiến văn nông cạn, sao đủ bàn bạc các việc cỡ kim mà xét ra những điều chí lý ? Nhưng đã vâng lời chiếu chỉ, khi nào lại dám diếm nhiên khó-g theo mệnh lệnh nhà vua ? Vậy thần kính cần cúi đầu mà dâng lời bình luận như sau :

Thần nghe trong sách Chu-Dịch có nói : « Hữu thiên địa nhiên hậu hữu vạn vật, hữu vạn vật nhiên hậu hữu phu phụ, hữu phu phụ nhiên hậu hữu phụ tử, hữu phụ tử nhiên hậu hữu quân thần » (Có trời đất mới có muôn vật, có muôn vật mới có vợ chồng, có vợ chồng mới có cha con, có cha con mới có vua tôi).

Trong sách Đại-Học có nói : « Tâm chính thì hậu thiên hạ bình ». (Tâm

chính rồi sau thân mới tu, thân tu rồi sau nhà mới tề, nhà tề rồi sau nước mới trị, nước trị rồi sau thiên hạ mới bình).

Vậy cái đạo của trời đất, không thể ngoài cái cương thường mà lập nên được chốt yếu; cái đạo của đế vương cũng không thể ngoài cương thường mà làm nên thịnh trị vậy.

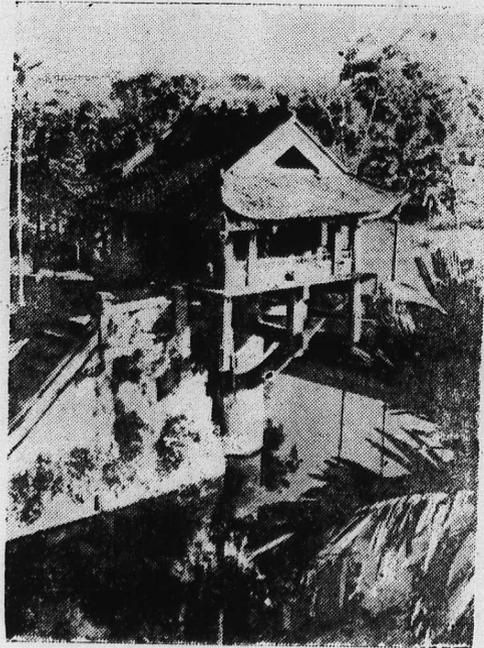
Xét lại, từ họ Hồng-Bàng có vua Kinh-Dương nối theo dòng dõi Thần-Nông, lấy con gái vua Động-Đình làm vợ, đó tức là làm sáng cái đạo phu phụ mà làm chính cái gốc phong hóa vậy. Trên vua thì đem đức để hóa dân, rủ áo khoanh tay mà không khó nhọc; dưới dân thì cày ruộng đào giếng, ra làm vào nghỉ mà chẳng than phiền. Phải chăng đó là thuần phong thái-cổ của đời Viêm-Đế ngày xưa?

Vua Lạc-Long nối dõi Hồng-Bàng, lấy nàng Âu-Cơ mà sinh đặng trăm trai, làm tổ Bách-Việt sau này, là do từ đó. Rồi đó hưởng nước lâu dài, phú thọ nhiều con, từ xưa tới nay chưa từng bao giờ được thế.

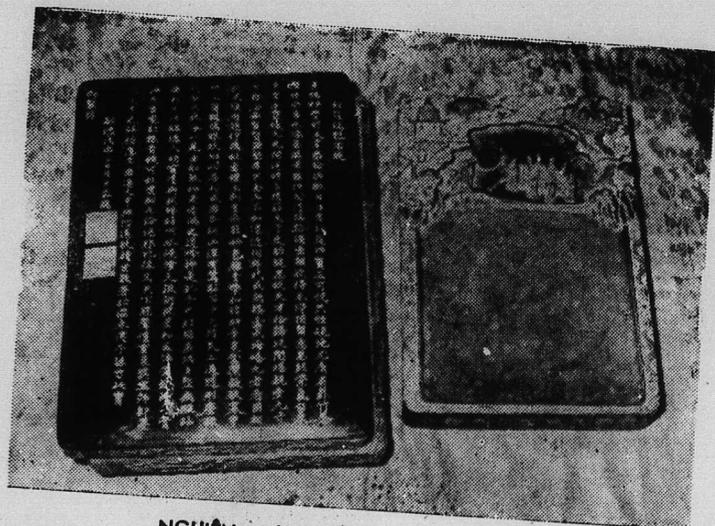
Vua Hùng-Vương lại nối tiếp Lạc-Long, chăm ra ân đức, yên vỗ muôn dân; chuyên theo công việc nông tang, không gây những tai binh họa. Cháu còn nối dõi, theo hiệu Hùng-Vương, truyền 18 đời, trải hai ngàn năm có lẽ. Trong bao lâu, kết thành (thắt nút giây để thay chữ nghĩa) để mà cai-trị, nhân dân không hề dấy trá gian ngoan, dù chứng tỏ phong-tục thuần-phác đáng ưa. Hiềm vì ông vua cuối cùng, đức đã suy kém, biếng lười chính sự, bỏ võ-bị không thêm thiết đến, duy tưu sắc ham lấy làm vui. Đến nỗi quân Thục kéo tới mà mất nước ngay!

Vua Thục An-Dương, phía tây rời bỏ Ba-thục, phía nam diệt nước vua Hùng, đóng đô Loa-thành, chiếm giữ Âu-lạc; nhờ có nỗ thiêng qui-trào, mấy phen chống nổi quân Tần. Rút cục ý mình chiến thắng, kiêu ngạo yên vui, xui nên quân Triệu tới nơi, biên-cương không còn giữ được!

Đến Triệu Vũ-Đế, nhân khi Tần loạn, gồm có Linh-nam, đóng đô Phiên-ngung, cùng vua Hán đứng hàng vua một cõi. Đã có nhân yêu thương dân-chúng, lại có trí giữ vững giang-san. Võ công khắp tới phiên bang, văn giáo nổi quanh Tượng-quận. Đem thi thư dạy rèn tục nước, lấy nhân nghĩa cổ kết lòng người. Dạy dân cấy cấy, khiến cho binh mạnh nước giàu. Ngoài ra



CHÙA MỘT CỘT  
(Hà-nội)



NGHIÊN MỤC BẰNG NGỌC-THẠCH  
(của vua Tự-Đức)

lại còn thông sứ với nước Trung-hoa, đưa ra những lời khiêm tốn, khiến cho nam bắc giao hoan, thiên hạ bình yên vô sự, hưởng nước tới hơn trăm năm, thực đáng là một chúa anh hùng tài lược.

Văn-Vương đời Triệu, lấy tư cách là đích-tôn của Võ-Vương lên nối cơ-nghiệp, phàm các chế-độ điền-chương, thầy đều noi theo thành hiến của đời vua trước: lấy nghĩa cảm phục lân-bang, đuổi giặc giữ yên cảnh thổ, cũng được là một ông vua kế nghiệp thủ thành.

Qua đời Minh-Vương, chỉ vì vui chơi phóng túng, để cho Cù-Hậu có quyền, mà Triệu-Cơ bị phế; đến nỗi trong nước mất cả yên vui, kỷ-cương xây ra rối loạn.

Vua Ai-Vương nối lên, tuổi còn thơ dại, việc nước chưa tương; trong thì mẫu-hậu kiêu dâm, ngoài thì quyền thần chuyên chính, mà cơ-đồ họ Triệu sa sút lần lần.

Tới Vệ Dương-Vương là anh của Ai-Vương, được lập lên bởi tay những kẻ quyền thần, song trí lực tầm thường, đến rồi giặc mạnh xâm-lãng, rồi giang-san nhà Triệu từ đó phải đến tiêu tan!

Tóm lại, cái họa của Ai-Vương, tuy phát ra bởi tướng Lã-Gia, song xét đến sự thực thì chính bởi Minh-Vương nuông chiều Cù-hậu mà gọi mối ra. Cho hay, nữ-sắc đổ nước nghiêng nhà đến như thế đó, nghĩ ra càng đáng khuyên răn!!!

Vua Trưng-Vương vốn là dòng dõi Hùng-Vương khi trước, chị em nổi tiếng dũng lược hơn người. Giận tay Tô-Định tham tàn, tụ hợp các bộ, nổi toán quân hùng, uy danh lừng lẫy, quận huyện nối theo. Vì thế đã lược định 65 thành Lĩnh-ngoại, thu về bờ cõi nước Nam; kể ra cũng là một bậc hào-kiệt trong đám nữ-lưu. Tiếc vì trời không thương họ Lạc, quân Hán lại xâm lăng; vì chẳng lúc đó có được một chúa anh-hùng tài lược, thì nhà Hán làm chi nhòm nõi Lĩnh-Nam?

Đời ông Sĩ-Vương, vốn nổi phong lưu nước Lỗ, học văn rộng xa, nhún mình tôn sĩ; hóa tục nước bằng thi thư, luyện lòng người bằng lễ nhạc; trị nước hơn 4 chục năm, trong cõi được bình yên vô sự. Tiếc vì con là Huy, nhẹ tin lời nói Sĩ-Khuông, hăng hờ không cần binh bị, xui nên Lã-Đại hại mình!

Bà Triệu-Âu là một người con gái Cửu-Châu, tự hợp trong nơi rừng núi, đánh phá thành ấp, các bộ hòa theo để như trở một bàn tay. Dầu chưa chiếm giữ thành quách như kiểu Trưng-Vương ngày trước, song cũng là một bực hùng tài trong đám quần thoa.

Vua Nam-Đế nhà Tiên-Lý, sẵn có chí tính thông minh, gồm đủ kỳ tài văn võ: Phía bắc đánh đuổi Tiêu-Tur, phía nam dẹp yên Lâm-ấp, dựng hiệu nước, chính ngôi vua, đặt trăm quan, nêu niên-hiệu, không kém đại lược qui hoạch của các bậc đế vương. Nhưng không ngờ quân ở Triệu-hồ vừa tan thì thế giặc Bá-Tiên đương mạnh! Bức thư bạch-ngưu có lẽ cũng bởi số trời?

Đào-Lang Vương, lấy tư cách là anh vua Nam-Đế, thu đám quân tàn một trận bị thua, lui về giữ chốn Dã-năng, cũng bởi uy lực không thể thì hành được nữa!

Vua Triệu Việt-Vương, tiếp theo dòng giống Nam-Đế, nắm giữ được đất Châu-duyên, bắt đầu cùng vua Đào-Lang thừa dịp cùng xưng vương, rồi cuộc lại cùng nhà Hậu-Lý chia đôi non nước. Cũng may nhờ được móng rồng ủng-hộ, phá nổi quân Lương. Nhưng Loa-thành đắp chưa ráo đất, thì toán quân Nha-Hải đã chìm? Cái họa nga-mao, hỏi ai gây nổi?

Vua Nam-Đế nhà Hậu-Lý, thừa được di-sản của hai anh, gây nên độc-lập trong 4 kỷ (10 năm là 1 kỷ); nhưng bội nghĩa mà diệt họ Triệu, trông gió mà hàng nước Tùy, gây nên cái nhục về sau, chẳng qua là tự mình lại chuốc cho mình.

Than ơi! Mệnh trời khôn vững, lòng người khó tin! Trước đây An-Dương Vương cậy có cái lạ móng rồng, sinh lòng biếng trễ mà cơ-nghiệp tan tành. Sau đó Triệu Việt-Vương cậy có cái diềm móng rồng, sinh lòng kiêu ngạo mà giang san nghiêng đổ. Những diềm hay lạ, phỏng có ích chi?

Triệu Vũ-Đế cho Trọng-Thủy gả hôn nhân với con gái An-Dương, rồi thừa cơ đánh trộm móng rồng mà cướp lấy nước. Cái kế của Triệu Vũ-Đế thực thâm hiểm vô cùng, nhưng rút cục lại mất về tay nhà Hán.

Hậu Nam-Đế sai Nhã-Lang xin làm rề ở ngay nơi Triệu Việt-Vương, rồi lập mẹo tháo trộm móng rồng, để cướp lấy ngôi. Cái thuật của Nam-Đế thực sâu cay quá đáng, nhưng sau cùng lại mất bởi bọn quân Tùy.

Ôi! Minh cướp nước của người, rồi người lại cướp nước của mình, đạo trời rõ-rệt, thực đáng làm gương.

Vua Mai Hắc-Đế nổi lên từ đất châu Hoan, tức giận người Sở bạo tàn, cất quân ra đánh; phía nam chiếm lấy Hải-lĩnh, phía bắc chống chọi Lý-Đường, cũng có thể coi là một người hào-khết. Tiếc vì tự mình không đủ cái tài giữ giặc, đến nỗi lòng người chán-nản mà rút cục không giúp nổi cái loạn của Dương-Tur-Húc.

Phùng Bồ-Cái là một anh-hào ở đất Đường-Lâm, căm tức Chính-Bình bạo ngược, anh em thừa thời quật khởi, cứu dân dẹp loạn, ra đức lập công, có thể gọi là một chúm nhân hậu. Tiếc vì con là An không giữ nổi được, đã lập lên nhờ tay Phá-Lặc, lại đón rước mà đầu hàng Triệu-Xương; bởi vậy tuy có kẻ tôi mưu quốc như Đỗ-Anh-Hàn, song cũng không thể cứu nổi họ Ngô khỏi mất!

Khúc Tiên-Chủ đời đời là nhà cự-tộc, chí hùng mưu giỏi, nhân khí nhà Đường bị mất, lòng người phục theo tôn lên làm chủ, đóng đô ở đất Lạc-thành, giữ được dân yên nước trị. Nhưng tiếc vì công đức chưa được thấm nhuần thì tuổi trời đã không cho hưởng!

Đến Khúc Trung-Chủ noi theo nếp cũ, giữ nghiệp tiền nhân, vận mưu quyết thắng, ngoài ý tưởng tượng của mọi người; kết cuộc chống được các nước bên phía Bắc, tự lập nước nhà, thực đáng là một ông chúa rất hay của nước Việt. Nhưng khi định ra các chức phủ tịch quân giấp, chế-độ vừa mới dựng lên thì nửa chừng lại không hưởng được thọ! Lành tới Hậu-Chủ, nhằm việc can qua, nặng nề mưu dịch, trăm họ oán giận làm than, đến nỗi bị nhà Nam Hán diệt tan!

Dương Chính-Công buồn vì nước Việt bị quân Nam-Hán chiếm giữ quá lâu bên thu dung hào-khết, nổi cánh nghĩa quân, hai phen đánh tan quân giặc, thu lại giang-san. Chỉ vì không đủ mưu-cơ phòng hoạn, xui nên bị hại bởi đứa con nuôi!

Ngô Tiên-Chủ giết tặc-thần Công-Tiến, phá cường địch Hoảng-Thao, đặt văn võ trăm quan, định luật lệnh y phục, thực là một bậc kỳ tài tế thế. Chút vì trao gửi không được có người xứng đáng, xui nên tai họa cho con cháu về sau!

Dương Tam-Kha là một kẻ thân ngoại thích, đã nhận trách-nhiệm thác-cổ (trong nom con nhỏ bỏ cõi của chủ), mà lại bỏ con chủ để tự lập mình làm chủ, rút cục không tránh được cái họa bị người cướp giết đến thân!

Hậu-Chủ họ Ngô khôi phục được cơ-nghiệp của tổ-tiền, giữ yên được nhân dân trong nước, cũng gọi là ông chủ thừa hưởng thái bình. Nhưng buồn vì chính sách cô tức (tạm bợ cầu thả như trò con trẻ đàn bà), khinh nhảm việc vũ không thôi, xây nên tự mình tai họa!

Thiên-Sách Vương nguyên là con đít của Tiên-chủ, lúc đầu bị kẻ gian thần tranh cướp, đã không trị được tội ngay; cuối cùng lại có Nam-Tấn tới đón mà cũng không chịu nhường công; và lại tự ý chuyên quyền làm oai làm phúc, xui nên bỏ mất cả nghĩa anh em. Như thế cũng là hạng chúa thường, không gì đáng kể!

Than ôi! Bất đầu có trời đất, tức là đã có cương thường. Cha làm cương cho con, vua làm cương cho tôi, vạn cổ tuyệt nhiên không thể rời. Kia như Kiều Công-Tiến là con nuôi của Dương Chính-Công, nỡ quên bỏ cái ơn dưỡng dục, đem đồ dâng đến giết Chính-Công. Thế tức là con mà giết bố, nên rồi cũng bị Tiên-chủ giết ngay!

Tam-Kha là người cũ của Ngô Xương-Ngập, nay phản bội những lời ký thác, đuổi con vua mà tự lập lấy mình, rồi sau bị Hậu-Chủ giết chết. Những phường loạn tặc, khi sống đã không thể dung được trong khoảng trời đất, khi chết lại không thể tránh nổi cái phép bao biếm của Xuân-Thu! Bởi thế sử-thần chép vào Thông-Giám, trong đó để ý biết bao?

Họ Ngô đã mất, 12 Sứ-quân, thừa cơ nổi dậy như ong, : Ngô-Nhật-Khánh giữ đất Đường-lâm, Lý-Lãng-Công chiếm nơi Siêu-loại, Kiều-Thuận chiếm giữ Hồi-bồ, Ngô Nam-Đề chiếm miền Dạ-trạch, Nguyễn-Siêu giữ mạn Phù-liệt, Phạm-Phông-Át chiếm lấy Đàng-châu, Trần-Minh-Công thì giữ Trường-châu, Ngô-Xương-Xý giữ ngả Bình-kiều, Kiều Công-Hân chiếm nơi Phong-châu, Nguyễn-Thái-Bình thì giữ Tam-đới, Đỗ-Cảnh-Thạc giữ miền Đỗ-động còn Nguyễn-Thủ-Thiếp thì chiếm lấy Tiên-du : mỗi người đều riêng khu vực, không ai kiểm chế nổi ai. Thế đạo đã đến thế này thì phong tục còn chi mà nói?

Vì sao? Mười hai Sứ-quân kia cũng đều là tôi cũ của vua Ngô, lẽ ra ngay khi Hậu-Chủ đi đánh Đường-Nguyên, bị tên thuốc độc mà chết, thì các

thần hạ đều phải ra sức phục thù để rửa hận cho vua Hậu-Chủ; mà đồng thời lại nên vì nước lập ngay vua nối để tiếp theo dòng dõi chủ xưa. Ngờ đâu đấng này, khi vua bị hại thì chur thần điếm tính không hề nghĩ tới, mà hơn nữa lại còn tranh-giành rồi-rít với nhau. Như thế không những đắc tội với đương thời mà cũng lại để tiếng cười cho hậu-thế. Rồi rốt cuộc bị vua Tiên-Hoàng nhà Đinh tiêu-diệt, thực cũng đáng đời! Bởi vậy, Sử-thần ngắt từ 12 Sứ-quân về trước, cho là ngoại-kỷ, tức là để phân biệt giới-hạn trong ngoài; còn từ Đinh Tiên-Hoàng trở xuống chép làm chính-thống, để cho rõ-rệt cái nghĩa vua tôi. Cái cơ thế đạo xuống lên, coi đó thì ta khác rõ vậy.

(Còn tiếp)

Á-NAM

### THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$ — 1 năm	10 số :	120\$
	nửa năm	5 số :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$ — 1 năm	10 số :	240\$
	nửa năm	5 số :	120\$

Giá bảo-đảm, mỗi số tính thêm 7\$00

Ở ngoại-quốc, xin gửi thêm cước-phi

- ★ Mua dài hạn V.H.N.S, xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HÓA, số 266, Đường Công-lý, Sài-gòn.
- ★ Bài soạn đăng tạp-chí, xin gửi về Ô. CHỦ-BÚT VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN, số 266, đường Công-lý, Sài-gòn.
- ★ Bài của các bạn gửi đến tòa soạn, nếu không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.



## BÓNG VANG LÀNG CŨ

ĐOÀN-THÊM

Từ đô-thị là nơi cư trú, học tập, sinh nhai, được ngày nghỉ trời êm gió thoảng, khách động lòng quê. Lên xe kéo, lạch cạch về làng, không xa lắm, chỉ mười lăm cây số. Qua tỉnh-lỵ mái gianh chen ngói đỏ, dăm bảy xã thôn rào tre nghiêng bóng, tới ven sông uốn khúc lững lờ.

Có thể sang chiếc cầu lim cột run sóng gợn, xe đưa đến tận cổng nhà. Song trông bờ cỏ-thụ um-tùm, trúc lau xào xạc, lại thích đáp thuyền nhỏ theo đàn vịt trắng và ngọn bèo xanh trôi với nước mây.

Xã Thượng, thôn Trung, hết gò Ba Đống, đây rồi cố-hương ! Cây đa lớn mười ôm rễ quấn, bóng cả khuất trời. Bậc bến đá, vết chân bao thế-hệ lên xuống chưa mòn, nơi hò-hẹn của những tâm-hồn chờ đợi trăng thanh và tiếng hát véo von, chốn đưa tiễn băng-khuâng lòng cố-hữu. . . .

Bước lên đường, mấy trẻ mắt óc nhồi bụng phính, ông lão móm quặt nan phe phẩy, khom lưng ngồi dựa gốc bàng :

chẳng nhớ ra ai, thấy khách cứ hất hàm chào hỏi, sơ cũng thành thân.

Lần theo ngõ trúc lá tre rọi là tà, găng rợp duối, tia ánh trời cao le lối soi thấu u-tình cổ gà hoa đại, sợi tơ-hồng vương-vấn rặng bô-rô (1).

Xóm mát, giậu thưa kết liền bầu bí, mái rạ ám mơ màng khói biếc, bề nước mưa bẹ cau bắc máng, thiên-lý leo giàn ; chum ngâu lấm-tấm giọt sông Ngân, hoa gieo hương thoảng ; dây trầu không quyến luyến gốc cau già. . . .

Mái rêu phủ, chích-choè yên phận, tổ đầy đàn riu rít. Sân gạch thóc vàng phơi nắng, lũ chim sẻ xinh xinh nháy nhót, vù bay trốn chú mần con. Cúc-cục đâu đây ? Chuồng sơn trắng cửa tròn, bồ-câu rứt cỏ, quên sinh-nhai vì ấp ủ duyên nông. Đầu trái, nhện buông lưới phòng xâm-lãng muỗi mắt ; cún, vện, vằn nhìn khách vẫy đuôi cong.

☆

Trời tang tảng rặng đông, lũy tre cột kết, qua đêm sương đàn vạc kiếm ăn về. Vật cùng người chợt tỉnh giấc mê, ánh lửa bếp lập lòe đun cám lợn. Gà cộc-tác thi đua khắp xóm, giục xã Xấu ra sông kéo vó, hương Rằm mời rơm chằm thuốc sùng sục điệu cày ; cô cả Lũ, chị ba Thung, thất lạng buộc múi, quảy hàng xén xuống đò qua chợ tổng, chú cu Ti lon ton đón ngõ dận mưa quạ.

(1) bô-rô, hay ô-rô, là thứ cây lá nhỏ nhưng rậm rạp có gai, nhựa có chất sà-bông con trẻ dùng bôi bong bóng, hay được trồng làm hàng rào ở vùng quê tỉnh Hà-Đông.

Ánh mặt trời cao lấp lánh trên sông, ngan ngỗng lội giữa dòng rung tinh-tú. Màng lưới kéo, nước gieo hạt ngọc, con cá mè vẩy bạc vẩy vùng. Thoảng gió nồm, hoa gạo phát phơ bông, tuyết mắc cành bàng xoe tán. Bờ vắng vẻ, kẻ bộ hành lững thững, vết tròn ô trắng từ từ thu nhỏ quăng xa, khuất bóng sau ngàn dâu biếc: nhớ ai qua, ve để vắng cung sầu ?

Cảnh tịch-mạc, khách tìm mát ngả lưng gốc nhãn, lắng tai nghe âm thanh thôn-dã, cảm-giác lan man... Tu-hú giục lệ-chi mau chín mộng, sao giọng thê-lương ? Cúc-cu chim gáy gọi yêu đương, đây thương nhớ tuy ngây thơ êm ái ? Chuồn-chuồn lướt cánh, chập chờn rung cành khoai ráy, con châu-chuộc giết mình rơi tõm, nước ạo bèo sóng sánh giãn mơi vòng...

Bóng cau ngả, vạch dài hai chục bước, nhạt dần theo ánh chiều hôm. Lũy tre cùng vườn được xanh om, rực nắng vàng, pha ráng đỏ, lần lượt nhuộm thắm. Cỏ cây lui vào cảnh âm thầm, người vẫn sống trong nhịp đời muôn thuở :

Ngân tiếng thu-không, vắng sáo diều; mỡ lốc cốc, tù và rung rúc; cối xay lúa ù ù xoay chuyền; chà gạo thấp cao, canh khuya chưa chồn chân mõi gối. Ai đồ đưa, giéo-giắt bên sông ? Nhạc chan chứa ruộng đồng, run họa để ...

*B.T.*



THANH-TÂM TÀI-TỬ  
QUÁN-HOA-ĐƯỜNG BÌNH-LUẬN

THÀNH-THÁN NGOẠI-THƯ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 47)

TÔ-NAM và HAM-CỎ  
phiên-dịch và nhuận-chính

HỒI III

兩 意 堅 藍 橋 有 路  
通 宵 樂 白 壁 無 瑕

Phiên âm

Lưỡng ý kiên Lam-Kiều hữu lộ,  
Thông tiêu lạc bạch bích vô hà.

Dịch

Đôi bên vững dạ, sẵn lối cầu Lam,  
Hợp mặt thâu đêm, không sòn nét ngọc.

**N**HẮC lại khi Thúy-Kiều đề xong bài thơ, ý muốn gửi ngay cho Kim-Trọng, nhưng chưa tìm được cách nào tiện. Tính quanh tính quẩn mãi đến mấy ngày hôm sau, gặp lúc ở bên nhạc-gia có tiệc mừng thọ, Vương-ông sửa lễ vật, đem vợ con sang; Thúy-Kiều giả bệnh ở lại coi chừng nhà. Đợi khi cha mẹ và hai em đi khỏi, nàng bèn hối hả sửa soạn mấy món đồ ăn, và

hồ rượu ngon, xăm xăm ra lối vườn sau, đi tìm Kim-Trọng để tạ lại câu chuyện cảnh thoa hôm trước. Ngờ đâu nàng vừa leo lên đầu tường trông sang bên kia đã thấy chàng Kim đương ngồi ủ-rủ ! Chợt trông thấy nàng, chàng liền dậm chân lên tiếng trách móc : « Nàng nhẫn-tâm thực ! Từ bấy đến nay, sao chàng đoái hoài, khác chi khanh đã giết ta rồi đó » !

Kiều đáp : « Thiếp đây há lại chẳng rõ lang-quân có tình tha-thiết, chỉ vì trên còn cha mẹ dưới lại hai em, lúc nào cũng sát bên cạnh nên đành lỗi hẹn với ai vậy » .

Kim-Trọng nói : « Nếu khanh đã thấu nỗi khổ của tôi thì tôi có bị chết ngay tức khắc, tôi cũng cam lòng ! Nhưng xin hỏi thực, hôm nay sao khanh lại bạo dạn quá vậy ? »

Kiều đáp : « Hôm nay được dịp cả nhà cùng sang bên ngoại chúc thọ, thiếp cáo bệnh không đi, và đánh bạo sang đây để tạ cái ơn hôm trước » .

Kim-Trọng nói : « Xin đa tạ lòng tốt của khanh ». Vừa nói chàng vừa lấy chiếc thang ngắn dựa luôn vào tường, trèo lên trên đầu tường ngó sang, thì mặt vừa giáp mặt, tường như bắt gặp người tiên ! Chàng vui mừng quá đỗi, đến nỗi bủn-rủn cả chân tay, thiếu chút nữa thì té nhào xuống đất. Thúy-Kiều liền trao bài thơ cho chàng rồi nói : « Đây là bài thơ của thiếp cảm-tác hôm trước, xin chàng coi qua ; chàng sẽ thấy rõ cả chân-tình của thiếp gửi ở trong đó » .

Kim-Trọng đỡ lấy bài thơ xem qua một lượt, rồi chàng tấm tắc khen ngợi : « Thư-thư quả có tài lắm, tôi rất khâm-phục ! Bài thơ này có thể ví như bông hoa, tuy rụng xuống đất mà không hề than thở một lời, mà nhân-phẩm của tác-giả cũng thanh-tạo như bông cúc : quả là một áng văn thơ tuyệt tác ; tiểu-sinh này đành chịu cứng lưỡi, không thể tán-tụng thêm một lời nào » !

Thúy-Kiều cười đáp : « Chàng quá lời khen ngợi, chữ thơ của Thiếp vì tất đã hay. Lang-quân vì lòng mến thiếp mà tán-thưởng thơ của thiếp thì phải ; nhưng thôi, hãy gác chuyện đó lại, bây giờ thiếp có một việc cần phải thương-lượng với chàng. »

Kim-Trọng vội hỏi : « Việc gì ? »

Kiều đáp : « Hôm nay, thiếp có sửa-soạn sẵn bình rượu, muốn cùng lang-quân đàm-luận suốt ngày, chỉ hiềm một nỗi tường cao ngăn lối biết làm thế nào ? »

Kim-Trọng nghe Kiều nói vậy, mừng quá không kịp nghĩ-ngợi, đáp luôn ngay rằng : « Nếu khanh đã có nhã ý đó, sao chẳng trèo luôn sang đây, để cùng nói chuyện. »

Kiều đáp : « Không được, không được. Nếu thiếp mạo-hiềm trèo lên, ngộ nhỡ xây tay, thì thực là nguy-hiềm. Thiếp nghe nói cái vườn này xưa vốn là đất của gia-đình bên ấy, về sau chia đôi thì mới ngăn bằng một tòa núi giả (non bộ), chắc trong khe núi, thế nào lại chẳng có lối thông sang ? Ấu là thiếp với lang-quân vào trong hang hốc, tìm kiếm một phen, họa may có chỗ đục được một lối thông sang chẳng hơn mạo-hiềm leo qua sao ? »

Kim-Trọng đáp : « Phải lắm, vậy ta cùng xuống chân núi tìm coi. » Thế rồi chàng tìm ngay thấy một lỗ nhỏ, nhìn thấu sang bên kia, mà nơi ấy chỉ bị lấp bằng mấy tảng đá cùng gạch ngói vụn. Hai người mừng quá reo lên : « Đây rồi ! Đây rồi ! Cầu Lam có lối đây rồi ». Reo xong, chàng bèn lấy cây gậy sắt, thọc vô lỗ hồng, xoi một cái, gạch đá rơi ra rồn-rần, mở thành lối hèm, chàng liền lách mình chun qua, ôm choàng ngay lấy Thúy-Kiều.

Kiều ngỡ-ngợng quá, cự liễn : « Ô hay, sao chàng lại giở thói diên cuồng như vậy ! Chàng nên nhớ rằng chúng ta chưa thành vợ thành chồng kia mà ! »

Kim-Trọng đáp : « Tiểu-sinh may-mắn từng đã được nàng hứa làm phu-phụ, hỏi phu-phụ nào mà lại chả thế, chứ có cường vọng gì đâu ? Sao khanh nỡ cự tuyệt ? Phải chăng khanh đã đổi lòng ? »

Kiều đáp : « Không phải vậy đâu, thiếp đâu lại dám thay lòng. Chỉ vì thiếp thấy nam nữ yêu nhau và muốn thành gia-thất, thì không có hại gì đối với danh-giáo. Nhưng thiếp e rằng ban đầu quá nặng chữ tình, một phen lầm lỡ chiều ý lương nhân, đến khi hoa đước động phòng, còn đâu tấm thân xử nữ ! Như vậy một đoạn ân-tình tốt đẹp về trước, sẽ diễn thành một cảnh xấu-xa, lỗi này là do nữ-giới không biết tự trọng, để mở đường cho bọn nam-tử bạc

hánh (1) tình si, đến khi ăn-năn lại thì đã không kịp. Xem như cảnh *Thôi Oanh-Oanh* 崔鶯鶯 và *Trương Quân-Thụy* 張君瑞, tình đôi bạn trẻ ấy quả là tốt đẹp. Nếu ngay lúc gặp gỡ đầu tiên, khi Trương-sinh giờ thối cưỡng vọng, mà Oanh-Oanh liền cự lại như chuyện ném thoi của cô hàng xóm nào đó (2) thì chắc hẳn về sau Trương-sinh cũng không ruồng bỏ nàng để nàng phải nuốt mối sầu hận trọn đời. Thật vậy nếu ban đầu chính-đáng thì mới giữ được tư-cách về sau. Tiếc thay Oanh-nương đã coi rẻ mình để chiều Quân-Thụy!

Quân-Thụy yêu thật dấy nhưng sự rẻ-rúng đã chấp chứa trong lòng rồi, người ta thấy chàng bỏ nàng ngay sau cái ngày chàng đi qua kinh-thành. Biết đâu lẽ

(1) *Bạc hánh* 薄倖 là người lều-lồng trụ lạc, tức như nhà thơ Đỗ Mục 杜牧 đời Đường khi còn lưu-lạc ở Dương-Châu 揚州, đắm đuối cùng bọn gái thanh lâu. Sau mười năm qua rồi cuộc lại ông chỉ được cái tiếng là một chàng bạc hánh trong chốn lầu xanh. Vì thế ông có bài thơ khiên hoài như sau:

落曉江湖載酒行  
楚腰纖細掌中輕  
十年一覺揚州夢  
贏得青樓薄倖名

Lạc phách giang hồ tải tửu hành,  
Sở yêu tiêm tế chưởng trung khinh.  
Thập niên nhất giác Dương châu mộng,  
Dinh đắc thanh lâu bạc hánh danh.

*Dịch:*

Giang hồ xách rượu chạy rong,  
Tay ôm gái Sở lưng ong nhẹ nhàng.  
Mười năm tình giấc châu Dương,

Được tên bạc hánh với phường lầu xanh.

(2) Thời nhà Tấn 晉 có chàng Tạ-Côn 謝邨 tên tự là Ấu-Dur 幼與 thăm yêu một người con gái cùng xóm; bỗng có một hôm nàng đương dệt vải, chàng lại gần để chọc ghẹo, nàng nghiêm sắc mặt cự lại, nhân tiện tay đương cầm thoi, ném thẳng vào mặt, làm chàng gãy mấy chiếc răng, thế mà về sau trở nên đôi lứa tốt đẹp.

cái ý định ấy đã nảy nở ra từ lúc cùng nhau chẵn gối! Vì thế, nên khi tái-hội khiến không khỏi coi nhau như khách qua đường (1). Vậy thiếp mong rằng chàng nên tính kế bách niên, còn thiếp xin giữ chính-chuyên một dạ. Đồi ta hãy cùng nhau thồi tiêu lựa khúc, ngắm nguyệt để thơ, thường hết phong nhã của tài-tử giai-nhân, mà không đập vào vết nhơ của gian-phu dâm-phụ. Như vậy mới dám gương danh-giáo cho muôn đời, chẳng phải cũng tốt đẹp lắm sao? \*

Kim-Trọng đáp: « Tiều-sinh vì nỗi thăm yêu trộm nhớ nên lòng cũng muốn hái trộm chút hương thơm, nay được nghe những lời đoan-trang nghiêm-hình, khác hẳn những thói trên-bộ trong dẫu, khiến cho Sinh này chẳng những mến yêu lại thêm kính nể, không dám nghĩ đến những điều bất chính như hưa. Nay xin mời khanh quá bộ sang chốn thư phòng để cùng nhau đàm-luận ».

Kiều đáp: « Xin vâng, nhưng phiền chàng hãy chờ một chút để tiếp quay về lấy rượu, mang sang cùng chàng mở hội phác-diệp cho vui. » (2)

Thế rồi chỉ trong chớp mắt, Thúy-Kiều sách hồ rượu ra; Kim-Trọng đỡ lấy hồ rượu, rồi dắt nàng chui qua lối hẻm. Nàng vừa đi vừa hỏi: « Bên chàng có đồng-bộ (gia-nhân) nào không? » Sinh đáp: « Không, từ lúc thấy khanh, thì tôi đã cho chúng đi chơi hết rồi. »

Hai người vừa đi vừa nói chưa dứt câu chuyện đã tới thư phòng. Thoạt bước chân vào, Thúy-Kiều nhìn lên phía trên thấy treo tấm biển trong đề ba chữ « đại-tự » là « Thừa-phượng-hiên » (乘鳳軒), một bên thì treo những bức cồ-họa, một bên thì xếp sách vở, quang cảnh coi rất u-nhàn, phong-nhã. Bất giác nàng phải mở miệng khen rằng: « Tốt quá! Đẹp quá! Kém chi phong vị của một trai-phòng (phòng chay)! »

Kim-Trọng nói: « Vâng, nhưng khanh biết đâu chính cái cảnh tịch-mịch ấy nó đã giết từng khúc ruột của thư-sinh này! »

(1) Xin xem truyện Tây-Sương-ký.

(2) *Phác-diệp* 撲蝶 nghĩa là bắt bướm-bướm, theo tục ở Đông-Kinh 東京 ngày xưa, hàng năm đến ngày 12 tháng 2 gọi là Hoa-Triều 花朝 tức là một buổi sáng của mùa hoa, khắp nơi đều có mở hội phác-diệp, 'giai-nhân tài-tử nó-nức đi coi, cũng giống như tiết Thanh-Minh vậy.

Kiều mỉm cười nói : “ Thôi từ đây trở đi, thiếp chắc rằng cái phong-vị u-tịch ấy sẽ không còn nữa. ”

Kim-Trọng nói : “ Khó lòng mà được như vậy được, trừ khi lúc nào mà cây đàn-que đứng cạnh chị Hằng-nga. ”

Kiều nói : “ Hằng-nga ở tận trên Cung-quang để gì mà lấy được ! ”

Kim-Trọng vừa chỉ vào Kiêu vừa nói : “ Không, Sinh đây ao ước Hằng-nga sống, chứ không mơ tưởng chị Hằng-nga ở trên trời đâu ! ”

Thúy-Kiều khiêm-tốn đáp : “ Thiếp đâu dám sánh với Hằng-nga, nhưng về phần thanh-khiết trắng như băng trong như ngọc, thì thiếp cũng không chịu kém đâu ! ”

Kim-Trọng nói : “ Thôi, nếu vậy Sinh này tạm mượn hoa để dâng cúng Phật (1), và hỏi chị Hằng xem chừng nào mới may xong bộ áo cưới. Vừa nói chàng vừa rót một chén rượu để mời nàng uống. Nàng không chối từ, đỡ lấy chén rượu uống ngay rồi lại rót chén khác để đáp lễ chàng và nói : “ Áo cưới thì đã may xong, tuy vậy chúng ta còn phải đợi. Nay xin chàng hãy cạn một chén, để công-nhận cho thiếp được giữ phận khấn lạy từ đây ! ”

Kim-Trọng đỡ lấy chén rượu rồi nói : “ Tiều-sinh xin lãnh chén quỳnh-tuong này, và nguyện tình đôi ta được giai lão bách niên ”.

Uống xong chén rượu mình-thệ, chàng liền đưa tập văn thơ của mình cho nàng bình-phâm. Nàng vừa coi vừa tấm-tắc khen : “ Văn thơ của chàng ví như châu ngọc, thật đáng bậc danh-nho ! Tiệp-thiếp e rằng phúc bạc không được hưởng-thụ lâu dài ”.

Kim-Trọng nghe Kiêu nói vậy tỏ vẻ ngạc-nhiên : “ Sao Khanh lại thốt ra những câu lạ lùng như vậy ? Hay là lại đem lòng ngờ vực gì tiều-sinh chăng ? ”

Kiều đáp : “ Không, thiếp đâu lại dám nghi chàng. Sở dĩ nói thế chỉ vì thiếp nhớ tới câu chuyện cũ. Khi hầy còn thơ ấu, có người thầy tướng đoán định cho thiếp mấy lời như sau : “ Số này là số một đời tài hoa, ngàn

(1) 待我借花獻佛.

thu bạc mạnh, công bình Ngô dẫu to, nhưng hận Tây-Giang khó tránh ”.

(1) Lại mấy hôm trước đây, khi chơi hội Đạp-Thanh, ban ngày viếng mà Đạm-Tiên, tối về thấy nàng bảo mộng. Nàng bảo Thiếp đề mười bài vịnh trong tập *Đoạn-trường* 斷勝. Đó chàng thử coi, số mạng của thiếp nếu quả như vậy, thì còn mong gì lấy được lang-quân ”. Nói xong, nàng bỗng xúc-động, hai hàng nước mắt chảy xuống ròng-ròng. Chàng Kim thấy vậy vội vàng đề chỗ rượu xuống đất mà thề rằng : “ Kim-Trọng đây nếu không được cùng Vương Thúy-Kiều kết làm phu-phụ, thì kết-quả cũng như chén rượu này ”. (2)

Thúy-Kiều thấy chàng thề thốt như vậy biết mình đã trót lỡ lời, vội vàng gạt lệ rồi nói : “ Thiếp phạm lỗi rồi, hôm nay là ngày hợp mặt sao ta lại nhắc đến câu chuyện đoạn-trường nhỉ ? ” Nàng bèn rót tuần rượu khác, hai bên chén tạc chén thù rất là vui-vẻ. Giữa lúc ấy nàng nhìn lên vách tường thấy bức tranh tùng, chưa có đề vịnh. Nàng tấm-tắc khen ngợi : “ Thiếp coi bức tranh, sắc vàng màu lục, nét đậm nét thanh, quả thực thần-diệu, có sao lại chưa đề thơ ”.

Kim-Trọng đáp : “ Bức họa này tiều-sinh mới vẽ nên chưa kịp đề. Mong rằng Khanh hãy giúp cho mấy câu đề tặng phâm-giá ”. Đương khi choáng váng hơi men, cảm thấy hồn thơ lai-láng, nàng nhận lời ngay, và nói : “ Vâng, nếu bức họa ấy chính tay chàng vẽ thì thiếp đâu dám dấu sự vụng về của thiếp. ” Nói xong nàng liền đỡ lấy bút mực đề một bài thơ tứ tuyệt như sau :

十月經寒葉未凋  
淡黃疏綠短長條  
無情有態堪憐處  
日角雲頭露半腰

(1) 一代才情, 千秋薄命, 縱有平吳之功, 不免西江之恨. Câu này thầy tướng dẫn việc Tây-Thi 西施 giúp Việt-vương Câu-Liền 勾踐 phục thù được Ngô rồi sau đem nàng trăm hà cho đến chết. Lại ám-chỉ sau này Kiêu giúp Hồ-Tôn-Hiến 胡宗憲 bình được Từ-Hải 徐海 nhưng rồi nàng cũng trăm mình xuống sông Tiền-Đường.

(2) 我金重若不得王翠翹為妻, 有如此酒.

Thập nguyệt kinh hàn điệp vị điều,  
Đạm hoàng sơ lục đoản trường điều.  
Vô tình hữu thái kham liên xứ,  
Nhật đốc vân đầu lộ bán yêu.

*Dịch :*

*Lá chằng vì sương rụng tháng mười,  
Sơ le cảnh ngọn nét xanh tươi.  
Vô tình hữu ý nên thương chỗ,  
Bóng ác đầu mây lộ nửa người.*

Thúy-Kiều đề xong liền trao lại cho chàng. Kim-Trọng thấy nàng có tài mẫn-tiếp, lời thơ lại rất thanh tân, nên nức-nở khen ngợi : « Bài thơ này mỗi chữ khác gì một hạt minh châu, và hạt minh châu ấy, dẫu có 15 tòa liên-thành chưa dễ mà đòi được ! (1) »

Thúy-Kiều nói : « Chàng quá khen như vậy, làm thiếp hồ-thẹn vô cùng. »

Kim-Trọng đáp : « Có chi là quá, theo ý Sinh này, thì lời khen đó chỉ mới đáng một trong muôn phần đó thôi. »

Kiều hỏi : « Vậy cứ ý chàng thì còn đến thế nào nữa ? »

Kim-Trọng đáp : « Cứ như ý tôi thì giá này phải đúc nhà vàng họa chằng mới xứng. » (2)

Kiều nghe nói như vậy tỏ vẻ bùi-ngùi và đáp : « Thiếp đây số phận mỏng manh, chắc gì được hưởng cái diễm-phúc, theo như lang-quân mong mỏi. »

Kim-Trọng nói : « Căn-cứ theo sự nhận-xét của tôi, thì khanh quả là tiên-nữ tạm bị đày ải xuống trần-gian ; kẻ phàm-tục này nếu được núp bóng

(1) *Liên thành bích* 連城壁, vua Huệ Văn-Vương nước Triệu ngày xưa, mua được viên ngọc bích của họ Hòa người nước Sở. Viên ngọc ấy có đặc-diễm là trong lúc đêm tối phóng ra tia sáng soi thấu năm cỗ xe sau. Vì thế vua Chiêu-Vương nước Tần nghe tiếng, sai sứ sang nói với vua Triệu xin đổi 15 thành để lấy ngọc bích ấy.

(2) *Kim-ốc* 金屋, xem điển-tích này ở hồi thứ hai.

vinh quang, thì dẫu ngày đêm khói hương phụng-sự, còn e thất-thổ, há nhẽ chỉ đúc nhà vàng mà thôi ư ? !

Thúy-Kiều đáp : « Cảm tạ lang-quân có lòng quá yêu, ơn đó Thiếp xin tạ dạ, nhưng kiếp này thì chắc đâu thiếp đã báo đáp được mỗi tình thâm của chàng ? » Nói xong nàng khóc nức-nở và ngã vào giữa lòng chàng. Chàng Kim thấy vậy vội-vả tìm lời an-ủi : « Nàng ơi, ta thường nghe nói lòng kiên-quyết còn chắc hơn đá, nay đôi ta đã quyết, chắc rằng trời đất cũng đoái thương cho thành lứa đôi tốt đẹp ».

Kiều đáp : « Thiếp thì không tin như vậy. Trời xanh vốn hay ghen-ghét, có để cho ai đây đủ bao giờ, nhất là ghen tài ghen sắc thì lại quá tẻ ! Tức như số mệnh nàng Kiều-Hồng (1) ngày trước, chàng lại chả thấy đó sao ? »

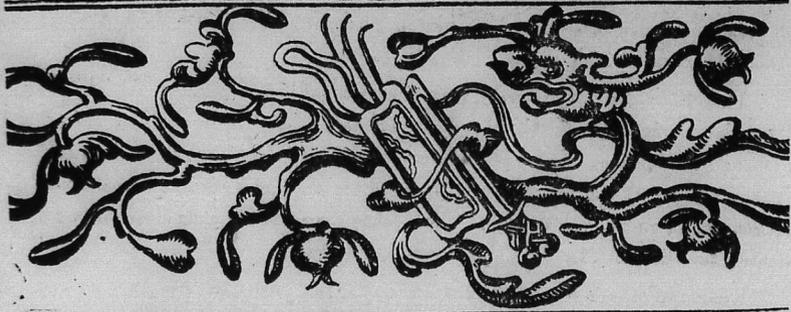
Nói xong nàng lại bưng mặt khóc không ngừng, chàng Kim lại phải kiếm lời khuyên giải : « Thôi Khanh hãy yên tâm. Vì phỏng sau đây có xảy chuyện gì bất trắc, ta quyết vào sinh ra tử với khanh cho trọn thủy chung, chứ không như kẻ bạc-hành, phụ tình mà khanh lo ngại ».

(Còn nữa)

TÔ-NAM và HÀM-CỒ  
phiên-dịch và nhuận-chính



(1) Chúng tôi không kiếm ra điển-tích này. Xin nhờ độc-giả chỉ dẫn, ơn ấy không quên.



TUÔNG-NIỆM

## CỤ TỬ'-LONG LÊ ĐẠI

Thùy-Thiên  
NGÔ-BÀNG-GIỰC

LẠI từ năm 1906, các đồng-chí đã có mở một hiệu bào-chế thuốc Bắc tại Hà-nội, phố Hàng Bông, lấy tên là « Tụy-Phương Dược-Phòng » và ủy-thác việc quản-lý hiệu này cho cụ Vũ Hoành tức cụ Bảy Quang vì cụ Vũ giỏi nghề thuốc Bắc. (Ấy chính cụ Vũ Hoành có dự cuộc kháng-chiến vừa qua tại Nam-Việt, đứng vào hàng ngũ quốc-gia, nhưng nay cụ cũng đã mất rồi).

Theo lời cụ Nghè Nguyễn-Sĩ-Giác thì từ đầu năm 1907 đã có nhiều đồng-chí lui tới hiệu bào-chế Tụy-Phương và năm 1908, cụ Vũ Hoành đã có liên-lạc với các bạn trong đội khổ đò. Một hôm vào đầu năm 1908, ngẫu-nhiên cụ Nguyễn đến tìm cụ Vũ thì gặp cụ Vũ trên lầu, đương nói chuyện với một ông cai khổ đò tên là Nga, lúc bấy giờ lại có cả cụ Lê Đại ngồi đó. Đệ nửa giờ sau thì thấy cụ Vũ bung mâm rượu lên thết ông cai Nga, rồi nhân tiện mời cả cụ Lê, cụ Nguyễn cùng uống rượu. Cơm rượu xong thì các tán.

Mấy tháng sau, phát sinh ra việc các chí-sĩ trong hàng ngũ khổ đò mưu đầu độc sĩ-quan Pháp rồi khởi sự. Việc bại-lộ, sĩ-quan Pháp phòng-bị ngay, rồi cho bắt các chí-sĩ, trong số đó có ông đội Nguyễn-chí-Bình cùng hai h sĩ-quan khổ đò. Ba ông này bị xử tử một tuần lễ sau khi bị bắt.

Ông cai Nga cũng bị bắt rồi giải vào Hà-Đông, giao cho Tổng-đốc Hoàng-trọng-Phu tra khảo.

Các chí-sĩ Vũ Hoành, Lê Đại, Nguyễn Quyền, Nguyễn-Hải-Thần, Dương-bá-Trạc, Hoàng-tăng-Bí, Nguyễn-khiêm-Ích, Nguyễn-triệu-Trung v. v.,, cùng chung một số phận với ông cai Nga.

Sau đó, ông cai Nga bị tra tấn rất tàn-nhẫn, suốt người đầy thương-tích bởi sự cùm-kep tra tấn. Tuy vậy, ông nhất-định không khai một câu nào. Hỏi có quen biết ai trong đám văn-thân không, ông nói không quen biết ai cả.

Không may, hôm ông đến uống rượu với cụ Vũ Hoành, ông lại có đem theo một đĩa châu độ 16, 17 tuổi để mang mấy thang thuốc về trước. Không ngờ sở mật-thám Pháp hay Nha Tổng-Đốc Hà-Đông lại biết, cho bắt liền cháu ông Nga để cho nhận diện các chí-sĩ đương bị giam.

Cháu ông Nga, ngày-thor, phần vì còn trẻ tuổi, phần vì sợ uy-vũ, nhận ngay là hôm đó có đi theo chú đến hiệu « Tụy-Phương », rồi ngồi đợi độ một giờ thì thấy chú lên lầu uống rượu với ba bốn ông, còn y thì đem mấy thang thuốc về trước.

Đến khi Tổng-đốc Hà-Đông đem bọn chí-sĩ bị giam cho y nhận diện thì cố-nhiên y nhận cụ Vũ Hoành là chủ hiệu bào-chế, và cụ Lê Đại là có mặt trong mâm rượu hôm đó. May cho cụ Nguyễn-Sĩ-Giác không bị bắt giam hồi ấy, chứ giá có bị bắt giam thì thế nào cũng bị nhận diện để đi đến chỗ tù đầy.

Cuộc nhận diện xong, cụ Lê Đại liền bị liệt vào hàng trọng-phạm và bị nhốt vào sào-lim.

Khi bị giam ở Hà-Đông cụ Lê Đại bị Tổng-đốc họ Hoàng dùng cách tra tấn thời trước, nghĩa là nọc ra mà đánh bằng roi tấn. Song cụ bền gan, không chịu khai tên các đồng-chí mà nói rằng: nếu tôi khai thì còn mặt mũi nào trông thấy sĩ-phu trong nước nữa. Hoàng-trọng-Phu tức lắm bảo cụ rằng: « Anh đã một mực không chịu khai, thì rồi anh sẽ biết. Nếu đầu anh không rơi xuống đất thì chân anh cũng ra đến Côn-lôn. »

Mấy tháng sau, cụ và các chí-sĩ khác bị giải ra Hà-nội để giam tại ngục Hỏa-lò, chờ ngày Hội-đồng Đê-hình xét xử.

Trong thời-gian ấy, Lê tiên-sinh có làm nhiều văn thơ hoặc nôm hoặc chữ, song những bài còn chép lại được đều để cả ở ngoài Bắc. Ở trong này

những bài nào, câu nào còn nhớ được thì tôi biên ra đây để độc-giá tán-thưởng.

Thơ bằng chữ Hán

Vong-quốc di-dân thảm hĩ tai,  
Vấn thù cơ thử lệ chi giai.  
Nhất chiêu văn-tự kỳ oan-ngục,  
Thiên cổ danh-nhân đợi vũ-đài.  
Vạn biến bất thấu duy đảm định,  
Bán sinh đa nạn vị thời quai.  
Chư quân thí giải thuong-thiên ý,  
Thị đố tài da ? thị dưong tài ?

Bài này có người dịch ra Việt-thi như sau :

Nước mất dân xiêu thảm lấm trời !  
Nốt-niêm đến thế, hỏi vì ai ?  
Biết đâu văn-tự mà nên lụy,  
Thường vẫn anh-hùng phải đóng vai.  
Biển-cổ chẳng tròn nhờ đờm lớn,  
Gian-nan đành chịu, đợi thời cot...  
Anh em thử đoán lòng con tạo,  
Rèn-cấp hay ghen kẻ có tài ?

Sau bài thơ chữ Hán, có bài Việt-thi như là :

Trói buộc chi nhau lũ chúng mình ?  
Chém cha để mẹ cái sà-lingh.  
Một then cửa ních hai lần động,  
Năm thước tường vây bốn mặt thành.  
Thấp-thoáng bóng trời, đèn cách bức,  
Mơ-màng hồn nước, trống tan canh.  
Đêm đêm thường gặp nhau trong mộng,  
Roi cũng không sờn, súng chẳng kình.

Trên đây là hai bài thơ thất-ngôn Đường-luật, Lê tiên-sinh làm trong

VĂN-HÓA — SỐ 48

khi bị giam tại ngục Hỏa-lò còn nhớ lại được. Đến như câu đối có câu sau này được các bực văn-hào truyền tụng, gồm tất cả 100 chữ vì mỗi vế 50 chữ, là đôi câu đối tiên-sinh tặng cụ Vũ Hoành khi còn ở lao Hà-Đông :

«*Kệ thầy chúng nó, thi làm chi mà đở để làm chi, bấy lâu nay quen thú hào-hoa, nào là rượu đầy bàn, đàn đầy vách, sách đầy án, bạn đầy nhà, nghèo-ngao phong-nguyệt bốn mùa, chốc đã đủ mùi, nghĩ lại ai ra phùng mặt trắng ;*

*Còn có lũ mình, bất chẳng sợ mà tù cũng chẳng sợ, gặp đến lúc xoay nên thời-thế, này xem miệng như tép, mép như rồng, tiếng như cồng, mắt như đuốc, xác-vác giang sơn một gánh, làm cho xong việc, đi về ta hỏi bạn non xanh. »*

Sau khi thời-gian chờ đợi Hội-đồng Đê-hình xét xử, Lê tiên-sinh cùng các đồng-chí bị Hội-đồng này kết án rất nặng mặc dầu có luật-sư biện-hộ.

Các cụ Lê Đại, Vũ Hoành, Nguyễn Quyên bị án khổ sai chung thân ; cụ Dương-bá-Trạc, 15 năm khổ-sai ; cụ Khóa Dương (thân-sinh cụ Cử Trạc) và cụ Hoàng-tăng-Bí 5 năm khổ sai.

Khi Lê tiên-sinh bị đẩy ra Côn-đảo thì lúc đầu còn bị giam và phải làm những công việc vất-vả nặng nhọc, nhưng vì là chính-trị phạm nên về sau được cắt làm y-tá cho một ông bác-sĩ thì cũng không đến nỗi khổ cho lắm. Thường vẫn được giao tiếp với những anh em chính-trị phạm cả Bắc lẫn Trung, trong đó có nhiều bực khoa-bảng, đủ cả tiến-sĩ, phó-bảng, cử-nhân, tú-tài. Vì vậy khi rảnh việc cũng có thể xướng họa được với anh em đồng-chí hay tiêu sấu bằng tợp rượu câu văn.

Văn thơ cảm-khái của Lê tiên-sinh làm ở Côn-đảo thì nhiều. Nếu chép lại được cả đề lưu-truyền thì có hàng mấy tập. Hiềm vì toàn là những áng văn kích-thích, động chạm chẳng nhiều thì ít đến chính-trị, nên không thể biên ra mà gửi về nhà hay đợi đến khi được tha thì đem về được. Vì thế nên lâu ngày quên lãng mất nhiều.

May sau khi Lê tiên-sinh được tha về lần nghỉ mãi ra mới nhớ lại được ít nhiều thơ cùng câu đối thì có đọc cho con cháu chép. Nhưng tiếc rằng những tài-liệu đó phần nhiều cũng để cả ở Bắc-Hà.

Hiện ở đây, tôi chỉ có một bản chép ba bài thơ và mười đôi câu đối, xin biên như sau đây :

VĂN-HÓA — SỐ 48

### Thơ khầu-chiêm khi mới ra Đáo

Một mình lấm lúc nghĩ buồn thiu,  
Cái khổ nhân-sinh đủ mọi điều.  
Trời cách đầu non mây một đám,  
Nước nghiêng mặt bể gió hai chiều.  
Lòng trinh khắng-khít Kiều mơ Trọng,  
Mắt tục lơ-mờ Chích lộn Nghiêu.  
Thôi hãy xuyết-xoa mà đáng chịu,  
Ngã đau vì tính thích trèo cao.

### Thơ tự-thuật

Trông ra non nước nghĩ buồn tênh,  
Ngánh lại mây râu ngắm lại mình.  
Cứu nước thấy gì điều thực-sự,  
Lụy người đeo một cái hư-danh.  
Nói sương ba chữ ma nào sợ,  
Nhốt chặt mười năm cọp cũng lành.  
Lấm lúc tức mình thây kệ cả,  
Thôi về đánh chén với non xanh.

### Tiến cụ Huỳnh-thúc-Kháng và cụ Ngô-đức-Kế được tha về

Tiến nhau đây mãi khéo vô duyên,  
Nào biết ai về bụng nhớ quên.  
Họa chẳng theo vần, thơ bỏ lác,  
Uống không sợ phép, rượu thẳng điên.  
Giang-sơn ai đó phùng hào kiệt,  
Sách vở nào đâu chữ thánh hiền.  
Nghĩ đến tức mình không muốn viết,  
Giấy tôi còn trắng, mực còn đen.

### Đây là câu đối

(Khi được tin một người cháu họ đồ tú-tài, Lê liên-sinh gửi ngay một đôi câu đối về mừng, nhưng mừng dấy mà khuyên răn dấy)

« Ấy mới hay ! có mây không gió, lơ-lửng giữa chiều trời, một đôi khi

nhấn một đôi lời, từng hỏi thăm cả làng cả xóm, cả thân-thích họ hàng, gắng sức đưa tài, thường vẫn trông về nơi cụy-giới ;

Thời cũng được, chẳng lộn thì gà, qua-loa trong buổi chợ, mười lăm tuổi học mười lăm chữ, nếu biết nghĩ đến nước đến nhà, đến ông cha chú bác, đồng tai dương mắt, khuyên đừng tấp-tễnh cái hư-danh. »

### Viếng bà cụ thân-sinh cụ Vũ Hoàn

« Ói thương ôi ! mái thế này ư ? bấy lâu nay, cnh lưu-lạc quê người, anh thương anh, anh càng nghĩ đến anh em, lòng thần hồn muôn dặm luyến những bần-khoản, ngành lại non nhà, mây có-quốc mặt-mù miền đất Bắc ;

Thời đành vậy, biết làm sao được, ngót trăm tuổi, Cụ đi về cõi Phật, cụ vui cụ, cụ chẳng đợi gì con cháu, đường ly biệt đôi ta cùng nhau áy náy, trông ra bến nước, sóng tan trào rồn-rập góc trời Nam. »

### Viếng Ông Cụ thân-sinh Cụ Nghè Ngô-Đức-Kế

« Vinh hoa phú quý, cõi trần-hoàn cụ vội chán sao, chắc hẳn từ-bi là Phật, cao-khiết là tiên, giáng thế bấy nhiêu năm, tính những điền-viên trong vãn-luế ;

Cam chỉ thần hồn, bụng nhân-tử ai không muốn vậy, nếu ông có ích với thời, có danh với hậu, hiền-dương còn lấm vẻ, cứ gì chung-đỉnh lúc đương-niên. »

### Tiến một Cụ tôn.lão được tha về

« Sinh ra đời loạn, kiếp nam-nhi há phải lúc ngồi không, ai ngờ bút không mạnh, lưỡi không thiêng, việc chẳng ra gì, thoát đã sa chân vào gió bụi ;

Về có mẹ già, đạo nhân-tử hãy xin cho trọn vẹn, hễ mà đá chẳng mòn, sông chẳng cạn, thân này còn đó, rồi ra tính nợ với non sông. »

### Chúc mừng Song Nhạc vào dịp thất tuần thọ-khánh

« Trong một nhà sum-hạp, chiếu đông-sàng bỏ vắng chốc mười năm, trót làm giai sinh đời thứ hai mươi, đọc sách thánh hiền, ngồi nghĩ tưởng chừng trời đất hẹp ;

Ngoài bốn bề trông về, núi song nhạc đã cao hơn mấy trượng, nhớ đến ông tính tuổi vừa bày chực, cảm lòng cha mẹ, chúc mong còn mãi tháng ngày xuân. »

## Khóc em gái mất ở tỉnh Tuyên-Quang là nơi chờng phục-vụ

« Ngao-ngán thay ! đào thơ liễu yếu, em sinh ra phận gái chữ tòng, ngoài ngàn dặm, khi ở Sơn, khi ở Thăng, khi ở Phú-Thọ, lần lữa đèn Tuyên-Quang, tưởng rồi ra bốn bề một nhà, đôi chút thơ ngây, chén thọ cùng nhau dâng chúc mẹ ;

Đau đớn nhẽ, nước thăm non cao, anh gặp buổi con giai thời loạn, trong mười năm, nào khóc cội, nào khóc chú, nào khóc anh giai, bây giờ lại em gái, thôi từ đây muôn đời nghìn kiếp, hai đường xa cách, tám thương khôn dễ vạch kêu trời. »

**Viếng Nguyễn tiên-sinh là một bực danh-nho trong  
tỉnh Nghệ-An vì Cụ có đạo-đức văn-chương, lại là thầy  
học của Cụ Phan Sào-Nam (2 con cụ chết vì làm cách-mạng).**

« Trong một đời cầm bút, chép được mấy người, biết bao nào thân, nào sĩ, nào triều cũ quan tư, ai là quý vì nghĩa, trọng vì danh. đạo đức văn-chương sao Bắc-đầu ;

Ngoài bốn bề đốt hương, khẩn xin các cụ, phù hộ cho bạn, cho trò, cho lũ sau con cháu, may ra đức nên người, xoay nên việc, anh hùng thời-thế gió Nam-phong.

## Viếng Ông Cụ thân-sinh Ông Trần-cao-Vân

*(Ông ở Côn-đảo được tha về, vừa tròn 18 hôm thì ông Cụ tịch)*

« Bâng trời bằng bề, công cha mẹ biết dường bao, đã hay còn sống còn về, còn về còn thấy, mười tám bữa trăn cam thần tịch, một ngày xem gấp mấy tấc công, bỗng đâu ai biết cơ trời, tám-tức nghìn xưa, trên ngọn cây xanh lay động gió ;

Vì nước vì nhà, bụng anh em ai cũng vậy, cho nên càng quen càng biết, càng biết càng thân, một đôi lời thiết thạch thủy chung, tác dạ quần bao đường thiên lý, chợt thấy thư đưa tín cụ, ngậm-ngùi bốn bề, mảnh tình giấy trắng gửi theo mây. »

## Nghĩ hộ người ở Côn-đảo gửi về khóc em trai

« Ngựa-ngang ngang-ngựa, ngồi tức với sự đời, văn tướng vì nhà em không quên nước, thì vì nước anh cũng chẳng quên nhà, biết đâu đôi ngả thế-đò, mặt bẻ chiếc thuyền con gió bặt ;

Nhàng-nhớ nhớ-nhàng, nghĩ gớm cho con tạo, nào ngờ đáng chết như anh thì sống, mà đáng sống như em thì lại chết, bỗng thấy máy hàng gia-tín, chôn trời giọt lệ lúc mưa sa. »

Đọc ngàn ấy bài thơ, ngàn ấy đôi câu đối, chúng tôi thiết-tưởng độc-giã cũng đã lý-hội được tâm-tình của Lê tiên-sinh rồi. Bất cứ là văn tiến tặng hay mừng phúng, câu văn bao giờ cũng thành-thực, thiết-tha, cảm-động mà hùng-hồn, minh-hạch mà hấp-dẫn, nặng vì quốc-gia, chủng-tộc, đạo nghĩa, luân-thường.

Ấy cứ trong cái cảnh « có mây không gió, lơ-lửng giữa chiều trời » như đã chứng tỏ một vẻ câu-đối ở trên kia mà Lê tiên-sinh phải sống xa gia-đình, nhất là trên còn có mẹ già, dưới lại có con thơ mà việc nội-cố, tiên-sinh không thể đảm-đương được. Cho nên mỗi khi trông thấy áng mây trắng xuất-hiện ở phương Bắc, tiên-sinh lại nhớ đến quê nhà, lại nghĩ đến mẹ già, đầu bạc đứng tựa cửa mong con. Nhưng cũng may còn được có vợ hiền và em hiếu đảm-nhiệm việc phụng-dưỡng mẹ già thay cho, nên tiên-sinh cũng không phải lo âu về việc nội-cố cho lắm.

Cái tình-trạng ấy còn kéo dài nếu sau Chính-Phủ Pháp không cử một nghị-sĩ đảng Xã-hội sang giữ chức Toàn-quyền tại Đông-Dương để thi-hành một chính-sách mới. Ấy cũng nhờ có sự thay đổi chính-sách mà Lê tiên-sinh mới được trả lại tự-do.

Thế là kể từ ngày Lê tiên-sinh bị án tới ngày được tha, tức là cuối năm 1925, chốc đã 17 năm trời. Về tới nhà mà còn được phụng-dưỡng mẹ già trong ngót hai năm cũng là nhờ Trời cảm cái lòng hiếu của tiên-sinh mà cho lại được sống ít lâu trong cảnh đoàn-viên như cũ. Thực đúng như đôi câu đối của một ông bạn đồng-chí là cụ Nghệ Nguyễn-Sĩ-Giác viếng cụ thân-mẫu của tiên-sinh mất hai năm sau (1927), viết rằng chữ Hán sau phiên ra quốc văn như sau :

« Bao năm muôn dặm, vẹn danh thơm là rạng chữ « sinh-thành »  
xót người tựa cửa hôm mai, đầu bạc dăm-dăm đã mỏi mắt ;

Tấc cỏ ba xuân, mảnh sống thừa kịp đền ơn « dưỡng-dục »  
trông lúc thấp hương khăn vải, trời xanh thăm-thăm cũng chiều lòng. »

Kể từ khi về tới quê nhà, Lê tiên-sinh không lúc nào là dăm xao-nhãng việc thân hôn định tịch. Song, cũng vì nghĩ đến hai chữ « công-nghiệp » nên tiên-sinh phải tính đến lấy văn giúp ích một phần nào cho xã-hội cũng như gia-đình.

Nhân có một ông bạn tâm-giao quán ở làng Phú-Điện, huyện Từ-Liêm,

tỉnh Hà-Đông, tiên-sinh bèn rủ bạn mở chung một hiệu đối-trưởng lấy tên là «Từ-Long», tức là ghép tên huyện của bạn là Từ-Liêm với tên huyện của mình là Hoàn-Long làm tên biểu-hiệu. Biết đâu cái tên biểu-hiệu ấy đặt cho hiệu đối-trưởng lại thành ra một cái tên đặt thêm cho tiên-sinh sau này trong làng văn, làng thơ.

Đương lúc chữ Hán không ai học nữa, quốc-văn chưa mấy người sành, hiệu đối-trưởng mà được một thi-gia văn-gia kiêm cách-mạng gia chủ-trương, những người còn chuộng chữ tốt văn hay, hay hoặc có cảm-tình với nhà cách-mạng chân-chính, đều coi hiệu Từ-Long như một hiệu đối-trưởng vào bực nhất ở nơi nghìn năm văn-vật. Cho nên thức-giả thường lui tới hiệu Từ-Long để thừa trường hay câu-đối, hoặc nhờ viết hay nghĩ văn giùm. Từ đó chủ-nhân-ông hiệu Từ-Long là Lê Đại tiên-sinh biến thành Từ-Long tiên-sinh, và với cái tên xã-giao mới đặt ấy, Lê tiên-sinh nổi tiếng trong các kỳ-thi văn thơ do Hội Khai-Trí Tiến Đức tổ-chức, vì không mấy kỳ thi là tiên-sinh không trúng giải-thưởng.

Lê tiên-sinh lại càng nổi tiếng vì những câu văn làm cho khách hàng đến thừa đối trường ở hiệu, cho nên tiếng hay đồn xa, sĩ-phu Bắc-Hà không ai là không biết hiệu Từ-Long.

(Còn nữa)

Thùy-Thiên NGÔ-BÀNG-GIỰC



## ÂM-LỊCH VỚI DƯƠNG-LỊCH

LỊCH TA - LỊCH TÂY - LỊCH TÀU

(Tiếp theo V.H.N.S. số 47)

NGUYỄN TRIỆU

svu-tâm

**N**GUỜI La-mã thì vốn đã biết dùng lịch lâu lắm rồi, từ đời vua Romulus mà dân-tộc Pháp đã theo và dùng mãi : một năm chỉ có 300 ngày chia làm 10 tháng nhưng đến đời cháu là vua Numa lên kế-vị, lại cho thêm vào 2 tháng nữa nhưng rồi cũng luôn luôn sửa đổi và có những sự bất thường. Sau này mới có một thứ lịch khác lấy 355 ngày làm một năm được áp dụng : tháng 3, tháng 5, tháng 7 có 31 ngày ; tháng 2 có 28 ngày còn các tháng khác 29 ngày và trong 1 năm có 1 tháng nhuận (1).

Đến đời Jules César (101-44 trước T.L.) vì thấy thời-tiết mùa Hạ đã đến mà coi trong lịch thì vẫn còn là mùa Xuân nên quyết-định điều chỉnh lại tình-trạng ấy như sau :

Xét vì đã thấy lịch đi lùi sau thời tiết 3 tháng, Jules César hủy bỏ không theo tuần-trăng nữa mà chỉ theo Mặt Trời như lịch Ai-Cập và lấy 365 ngày làm một năm, mỗi năm cũng 12 tháng, luân-phiên mỗi tháng 30 hay 31 ngày, trừ tháng hai có 29 ngày thôi, vì thời bấy giờ lấy tháng hai làm tháng cuối năm (cũng như tháng chạp và đầu năm thì lại bắt đầu mồng một tháng ba).

(1) Theo lịch-pháp về Dương-lịch tân và cựu thì tháng 2 chỉ có 28 ngày mà thôi. Niên số năm nào mà chia cho 4 đủ thì tháng 2 năm ấy nhuận (có 29 ngày) tức bissext.

Tỷ-dụ năm 1960, (chia cho 4 đủ, năm này nhuận : tháng 2 có 29 ngày).

Đề bù trừ lại, Jules César lại ra lệnh cho thêm 3 tháng vào năm 46 (trước T.L) (tức Âm-lịch năm Bính-Tý), cho xuân-phân (Equinoxe de Printemps) đúng vào ngày 21 tháng 3 để lịch được đi đúng với thời-tiết.

Ngoài ra nhà vua lại còn lấy tên mình đặt cho một tháng trong năm, là tháng 7 mà Pháp gọi là Juillet, Anh gọi July (bởi chữ Jules).

Sau đến đời cháu César là Auguste (63-14 trước T.L) lên kế-vị, lại cũng lấy tên mình đặt cho tháng 8 là Août « August » và bỏ đi 1 ngày ở tháng 2 cho vào tháng 8 để cùng số 31 ngày ngang với tháng 7 của César.

Từ đây lịch này được gọi là lịch « Julien » hay « Cựu-lịch » và vẫn còn dư 3, 12 ngày. Đến năm 1580, Đức Giáo-hoàng Cách-Lập-Xa-Li thập-tam (Grégoire XIII), thấy mùa Xuân lại bắt đầu vào ngày 11 tháng 3 cựu-lịch, muốn cho Xuân trở lại đúng vào ngày 21 tháng 3 nên định rằng, ngày kế-tiếp theo ngày 4 tháng 10 năm 1582 là ngày 15-10-1582 (2) nghĩa là bỏ đi 10 ngày dư và chữa lại lịch Jules César bằng cách :

Trong 400 năm bỏ đi 3 năm nhuận (2-29) vào những năm tận cùng có 2 số không « 00 », trừ những năm chia 400 đủ thì không nhuận (tháng 2 có 28 ngày).

Tỷ-dụ : năm 1600, chia cho 400, đủ (1600 : 400 = 4) thì tháng 2 năm này nhuận, có 29 ngày. Theo thường lệ xưa nay thì cứ năm nào chia cho 4 mà đủ thì nhuận (tháng 2 có 29 ngày) nhưng theo quyết-định mới này của Giáo-hoàng thì trong 3 năm 1700, 1800 và 1900 tuy chia cho 4 đủ nhưng bỏ nhuận đi và chỉ có 28 ngày như thường.

Sau khi đã bỏ đi 3 ngày, trong khoảng 400 năm của cựu-lịch dư 3, 12 ngày, trong khoảng 400 năm ấy vẫn còn dư 0, 12 ngày nữa và dài 0, 12 ngày hơn 400 năm xuân-phân.

(2) Mặc dầu, đức Giáo-hoàng bỏ đi 10 ngày trong dương-lịch, nhưng đổi chiếu theo âm-lịch thì không thay đổi : vẫn là ngày 19-9, (ngày giáp-tuất, tháng canh-tuất, năm Nhâm-ngọ) tức năm Quang-hưng thứ 5 đời vua Thế-Tôn nhà Lê và năm Vạn lịch thứ 10, đời vua Thần-tôn nhà Minh bên Tàu.

Trong một khoảng  $400 \frac{1}{0,12} = 3.333$  năm, vậy Tân-lịch trễ đi một ngày vào năm 4915 (1.582 + 3.333 = 4.915).

Các nhà thiên-văn-học hiện-đại cũng nhìn nhận sự sai-biệt của dương-lịch mà ta đang dùng bây giờ và năm thật theo mặt trời đến năm nay là 27 giây. Sự sai-biệt này còn sẽ tăng dần lên đến 0 giây 53 mỗi năm vì năm thật càng ngày càng ngắn lại rất ít và đến năm 4.000 sau này thì Lịch của chúng ta sẽ đi mau hơn thời-tiết một ngày.



Theo tài-liệu Tàu về Âm-lịch, trước đời Hồng-Bàng bên nước ta, vua Phục-Hy (4.480 — 4.365 trước T.L.) người Trung-hoa đã bắt đầu có lịch, bày ra can (3) chi (4) và 12 giờ (5).

Đời vua Hoàng-đế (2697 — 2597 trước T.L.), đặt ra năm, tháng và

(3) 10 can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý.

(4) 12 chi là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi.

(5) 12 giờ chia ra như sau này :

Giờ Tý	23g00 — 01g00	giờ Ngọ	11g00 — 13g.00
— Sửu	01g00 — 03g00	— Mùi	13g00 — 15g 00
— Dần	03g00 — 05g00	— Thân	15g00 — 17g 00
— Mão	05g00 — 07g00	— Dậu	17g00 — 19g 00
— Thìn	07g00 — 09g00	— Tuất	19g00 — 21g 00
— Tỵ	09g00 — 11g00	— Hợi	21g00 — 23g 00

ngày, chia Hoàng-đạo (6) và xích-đạo (7)

Vua Nghiêu (2.357 — 2.255 trước T.L.) định ra 5 canh và 6 khắc, làm ra lịch để coi ngày tốt với ngày xấu, đặt ra ngày tháng cùng là tháng nhuận (8).

Vua nhà Tống (963 — 1278 sau T.L.) đặt ra chức quan bán Lịch-Nhà Nguyên (1280 — 1381 sau T.L.) in lịch bán cho dân.

Sử-ký cũng có chép đời vua Hoàng-đế họ đã biết đặt ra năm và tháng nhuận; từ đời Đế-Nghiêu, đã có đặt trong khoảng 1 « chương » nghĩa là 19 năm phải có 7 lần nhuận.

(6) Hoàng-đạo hay Hoàng-đới là vòng tròn gồm có 12 cung. Mặt trời xoay suốt vòng ấy (Zodiaque); 12 cung này theo tên Đông-phương là những cung Tuất, Dậu, Thân, Mùi, Ngọ, Tỵ, Thìn, Mão, Dần, Sửu, Tý và Hợi.

12 ngăn đi từ điếm ấy về hướng thuận, tên theo Tây-phương là :

- 1.— Bạch-dương (Bélier)
- 2.— Kim ngưu (Taureau)
- 3.— Song-tử (Gémeaux),
- 4.— Cự-giải (Cancer hay Ecrevisse)
- 5.— Sư-tử (Lion)
- 6.— Xử nữ (Vierge)
- 7.— Thiên xúng (Balance)
- 8.— Bọ-cạp (Scorpion)
- 9.— Nhân-mã cung (Sagittaire)
- 10.— Ma-Kết (Capricorne)
- 11.— Báo-bình (Verseau)
- 12.— Song-ngư (Poissons)

(7) Xích-đạo là đường vòng quanh ở khoảng giữa Địa-cầu cách Nam và Bắc-cực 90 độ. Nếu là vòng cũng thể trên các hành-tinh hay tinh-cầu khác thì cũng gọi là Xích-đạo (Equateur).

(8) Cũng vì đây nên ta có câu ca-dao còn lưu-truyền :

“ Ai về nhân hỏi Hy-Hòa,

Nhuận năm sao chẳng nhuận và trống canh ”.

(Hy-Hòa là tên hai ông quan đời vua Nghiêu chuyên về việc làm lịch).

Vào khoảng năm 1629, vua nhà Minh, nhân đã biết tài về Thiên-văn của các giáo-sĩ Tây-phương bèn nhờ mấy ông cố-đạo dùng phương-pháp khoa-học mà sửa đổi lại lịch Tàu và sau đó mới xuất-bản được quyển “ Khâm-Định Vạn-niên thư ”, soạn ra lịch từ năm 1624 đến 2.020. Đến đời vua Khang-Hy (1662 — 1721) những lịch-pháp Tàu được thu-thập cả vào bộ “ Lịch-Tượng Khảo Thành ” phát-hành vào hồi năm 1738 và đã được nhiều giáo-sĩ hiệu-định lại để áp-dụng với một phần tài-liệu về thiên-văn.

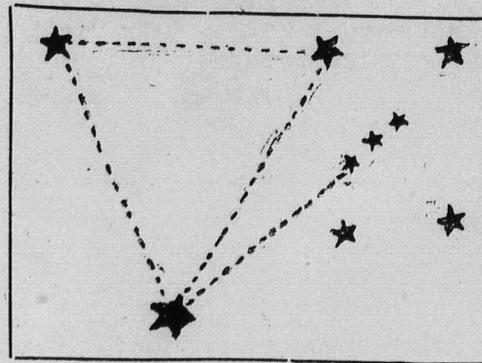
Sau này đến đời vua Càn-Long nhà Thanh (1736—1795) thì lại thêm có một bộ nữa nhưng về phần thiên-văn và lịch-pháp thì có rất ít, và phần thuật-số thì trái lại, có rất nhiều.

Về ngày nay thì chỉ có bộ “ Vạn Niên thư ” là nguồn gốc của các quyển lịch Tàu thường tung ra bán hàng năm ở trong nước họ và các nước lân-bang.

(Còn nữa)  
NGUYỄN TRIỆU

### ĐÍNH-CHÍNH

Trong V. H. N. S số trước (số 47, trang 1605), do sơ-xuất của ấn-công, nên tám ảnh về sao *Lang-tinh* (*Sirius*) đã cho « in lộn ngược », vậy kỳ này xin in lại như sau đây cho đúng vị-trí của sao.đó, rất mong bạn đọc thông-cảm và lượng-thứ.



# NGẢI CHÂM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 46)

Tài liệu

của BỔ-THUẬN

và NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

## D. NGẢI YÊU

### 1.— Ngải Kun (ngải nấu).

— Muốn nấu ngải người ta phải kiếm những cây Ka-tiáh và các hoa thơm đem về ở một nơi thanh-khiết. Đùng đầu năm (đầu năm Châm vào khoảng tháng 3, tháng 4 âm-lịch), tắm gội sạch sẽ, đem trầu rượu cầu khẩn thần-linh, rồi đem ra chỗ người ta thường ngồi đông mà nấu. Đang nấu ai hỏi gì cũng không nói.

— Mỗi khi nói gì mà muốn cho người khác miễn chuộng thì lấy một chút xoa lên môi; làm một lần không hiệu-nghiem thì tiếp-tục làm vài lần.

### 2.— Ngải Lạp-phạp kạp-krư (ngải ăn nói).

— Củ như củ nén, lá như lá hành, ruột vàng, mùi thơm.

— Khi nói chuyện muốn cho hoạt bát thì lấy một chút xoa lên môi.

### 3.— Ngải Pái-pól-Prang-khiêm-Prang-krao (ngải nói cho người yêu).

— Củ lớn hơn củ hành, (có củ tròn), lòng hơi vàng, vỏ xanh, lá cũng giống lá hành.

— Dùng cũng như ngải trên và nói ra tất được mọi người yêu mến.

### 4.— Ngải Ka-báh-ka-tráu (ngải củ)

— Củ tròn như hột nén, lá như lá hành củ, có cái đuôi như mỏ chim gáy.

— Có củ này trong người thì dễ thu hút được tình yêu. (Cả trai lẫn gái đều dùng được ngải này).

### 5.— Ngải Ka-báh mur-núk (ngải gà)

— Củ tròn, có cái đuôi như mỏ gà, lá như lá hành ta, củ có ruột trắng, vỏ xanh.

— Công-dụng của ngải giống như trên. Muốn thử thứ ngải này thì lấy vài củ, băm nát, chọn với dơ trong người rồi cho gà ăn. Nếu mình đi đâu gà theo đó thì mới là ngải thiệt.

(Đàn ông thử với gà mái, đàn bà với gà trống)

### 6.— Ngải ka-báh pa-tay ta pha (ngải chuối hương)

— Củ dài, lá như lá hành, mùi thơm như chuối hương.

— Công-dụng như ngải trên.

### 7.— Ngải ka-báh I-káu pa-tih (ngải cá trắng)

— Củ như củ hành, ruột trắng, vỏ đỏ, lá cũng như lá hành.

— Ngải này vị cay và ăn cá trắng. Đem về một con cá trắng vào gốc buổi chiều hôm nay thì sáng mai tiêu hết. Công dụng của nó cũng như ngải trên nhưng trước khi dùng phải cúng bằng 2 trứng gà và trầu, rượu. Khi cúng phải gọi đúng tên ngải, khấn tên mình và phải coi nó như bạn chí thân.

## E. NGẢI THỪ

### 1.— Ngải Ca-mư-lai (xem trang 1)

— Ngải này độc, ăn phải sinh đau ốm, chảy máu ở hậu môn.

— Ngải này nuôi cần-thận thì không hại chủ nhưng nếu không nuôi sẽ phản chủ.

Gặp trường-hợp ấy phải chữa bằng huyết rắn Rồng (rắn màu xanh lá cây, ở thường trên lá cây và không cần người). Bắt rắn này cắt cổ lấy huyết mà uống với rượu thì trừ được ngải trên.

Gặp trường hợp bị kẻ thù bỏ vào món ăn, biết ngay thì chữa được bằng huyết rắn, để lâu ngải ngấm vào ruột gan thì vô phương-chữa chữa.

### 2.— Ngải Xa nam pà xa li

— Ngải này là thứ ngải thông thường (không thấy tả hình dáng trong sách) mà người Thượng dùng để hộ thân (?). Người yếu bóng vía nom thấy ngải này sinh đau ốm.

— Muốn chữa phải rước chủ ngải về trừ hay thầy cao tay mà diệt. Nuôi ngải này phải cho ăn và khi dùng phải cúng trứng, trầu, rượu.

3.— Ngải Ha rô, ha ran.

— Lá sống đỏ, củ như củ nghệ, vị cay.

— Chạm đến ngải này thì chảy huyết ở họng và lỗ khu.

Khi bị chứng này thì lại lấy củ nó, cắt thành từng lát, để người bị bệnh ngồi lên, nó hút máu ra tất khỏi.

F.— NGẢI TRỪ TÀ, MA, PHÙ, YÊM

1.— Ngải Chru Tháh-mo

— Giống đực, củ như củ gừng, còn gọi là ngải ba vòng vì ruột có 3 lớp (Ruột tím, giữa xanh, và ngoài vàng).

— Chuyên-trị người và súc-vật bị ma chà hay đất độc (đất có ma).

— Người thì lấy củ giã nhỏ, chộn với rượu, mà xoa. Súc-vật thì hòa nước cho uống. Ngải này tính hăng (không hiền), có thể phá lại người khi thiếu ăn. Bị nó hại lại thì cứ cho ăn đủ và lấy nó trị nó là mau hết.

2.— Ngải Chru Chó-mo.

— Ngải này cùng thứ trên như giống cái cây và lá tương tự nhưng củ lớn hơn và cũng có 3 vòng.

— Cách dùng và công-dụng như ngải trên nhưng nếu dùng cả 2 hợp lại thì không tốt.

3.— Ngải Pa-ka (Ngải rào).

— Cây và lá như nghệ, củ như củ gừng. Giáo (cây non) nó khoanh lại 3, 5 hay 7 lớp, sắc vàng. Có hai thứ : thứ giáo lớn không tốt, thứ nhỏ bằng chiếc đũa con rất tốt.

— Ngải này dùng để hộ thân, chống lại trừ ếm (hay yêm), ma chà (ma trêu), đất nghịch và còn để chống bệnh thời khí nữa. Khi dùng lấy củ ăn hay uống với rượu. Tính ngải này rất hiền.

4.— Ngải Đám-hang

— Lá tròn và dày, cây cao độ 3, 4 tấc. Củ như củ tỏi (mỗi cây có một củ).

— Người hay súc-vật bị ma, tà chà thì lấy lá vò nước xoa tất khỏi. Nặng hơn thì lấy củ giã nhỏ, uống với rượu. Tính nó cũng khá hiền.

5.— Ngải Chru Sel-pa-long

— Thứ đực lá xanh có sống đỏ, củ có lòng vàng.

6.— Ngải Chru Xel-ba len

— Thứ cái, cây và củ cũng như thứ đực nhưng củ nặng hơn.

— Hai thứ ngải trên đây đều dùng để trị tà, ma. Lấy củ giã nhỏ, súc-vật cho uống, người đem xoa tất khỏi.

Hai thứ này đều rất dữ, người yếu vương đến nó nếu không què tất chảy máu ở hậu môn, nhưng chúng là thứ trị tà, ma linh-nghiệm nhất.

7.— Ngải Chru Kalan Par

— Cây và lá giống như gừng nhưng sống lá đỏ. Củ thì vỏ ruột đều vàng nhạt.

— Ngải này trị tà ma chà người và súc-vật khi dùng đem giã nhỏ mà xoa bóp. Ngải này tính lành.

8.— Ngải Chru Kli-thục

— Cây và lá giống như nghệ, củ hơi tròn.

— Trị bệnh tà, ma, đất độc hoặc bị ngải khác phá. Người ta đâm (giã) nhỏ củ ngải này mà xoa cho người. Súc-vật có thể cho uống được. Ngải này dùng riêng nó không được tốt nhưng dùng với ngải Chru Kalan-Par thì lợi hơn và rất linh-nghiệm.

9.— Ngải Chru Tháh-ta-pa.

— Cây và củ cũng giống như nghệ.

— Dùng để trị tà ma nhưng hợp với ngải trên thì tốt hơn vì riêng nó tính không tốt.

10.— Ngải Chru Chay-li-nghi bia-li-ngau

— Cây và củ như gừng nhưng lòng trắng.

— Trị tà ma, thời khí, và đất nghịch. Người ta thường ăn củ và uống với rượu hay gói trong người để hộ thân những khi đi săn bắn trong rừng sâu, núi độc.

11.— Ngải Chru u-la-kók, Ngải Ta-bun-kók.

— Hai thứ này cây như cây nghệ, lá sống đỏ, củ như củ gừng, ruột trắng.

— Trị ma chà, đất độc. Người ta đem lấy củ giã nhỏ xoa cho người và cho súc-vật uống. Tính nó không tốt.

12.— Ngải Chru Xák ta-ban-chang pa-lay.

— Cây, lá giống như loại trên nhưng củ có vị cay.

— Trị tà, ma, thời khí. Cách dùng tương tự ngải trên.

Tánh nó không tốt vì hay phá chủ. Nếu bị phản thì phải cúng lễ, cho ăn rồi lại lấy củ nó, giã nhỏ mà xoa bóp thì khỏi.

13.— Ngải Ka-nhip Ha chàng (Nghệ mun).

— Cây và lá như nghệ, củ to, dài có 2 vòng, vòng trong hơi đen, vòng ngoài vàng.

— Ngải này dùng đầu mọi ngải vì xử-dụng được trong nhiều trường-hợp như trừ ma, tà (nấu nước mà gội), chống các ngải khác, chữa xung trật khớp xương, nhức chân tay (giã nhỏ, hòa rượu mà bóp). Tính nó không được tốt, khi dùng phải cúng trứng gà, rượu, trâu và khấn đúng tên nó mới hiệu-nghiệm.

14.— Ngải Bóh-li thun kám (Hột Nén)

— Trẻ con ho, cảm gió, lấy 7, 8 hạt giã nhỏ với một hạt muối, hòa với nước cho uống hai, ba lần sẽ khỏi. Ngải này cũng trị cả tà ma nữa. Lấy vài hạt giã nhỏ xoa vào người bị ma chà thì người ấy la kêu, vùng vẫy ãm-ĩ.

15.— Ngải Chru Ta-li-chân ta-bân ri-da

— Cây như nghệ, củ như gừng nhưng lòng vàng nhạt.

— Trị tà ma, trừ ếm, dịch tễ. Người ta thường mang theo ngải này để hộ thân, ăn nhấm-nháp khi uống rượu. Ngải này tính nóng, ăn nhiều không tốt.

16.— Ngải Chru kóp-dan

— Thứ đực cây như nghệ, sống lá đỏ, củ cũng giống như nghệ

nhưng lớn hơn, có 2 vòng (vòng trong thì tím, vòng ngoài xanh biếc), mùi hôi, tanh.

— Thứ cái củ lòng trắng, cay như nghệ. Hai thứ trên trị là ma, đất độc v. v..

### CÁCH NUÔI NGẢI

Muốn nuôi ngải phải tìm một chỗ kín, khuất và có nước. Trước khi mang về phải cúng thần ngải, khấn đúng tên nó và cho nó ăn (tùy từng thứ ngải, mà cho nó ăn) rồi lấy mỗi thứ một ít củ, giã nhỏ xoa cho cả nhà để ngải quen với người nhà, không phá họ. Khi cúng cũng phải khấn tên tuổi các người nhà để ngải khỏi phá lắm.

Muốn ngải linh-nghiệm, phải cho ăn đều và coi nó như bạn chí thân.

Nếu không cho ăn đầy đủ, nó sẽ thành ngải hoang và sẽ rất nguy hại cho mọi người.

### SỰ-TÍCH NGẢI

Theo cuốn « Sơn-thần phổ » (1) thì ngải có sự-tích như sau :

Ngày xưa có một ông thầy giảng (2) rất giỏi. Môn-hạ có đến một trăm người nhưng chỉ có tên A-da-hin là giỏi hơn cả. Chàng thông minh, học một, biết mười, nghe đâu nhớ đấy, hạnh-kiểm lại rất tốt nữa nên thầy yêu-mến lắm.

A-da-hin đã giỏi, lại được hầu trà nước sát bên thầy nên bị bạn bè đố-ky. Họ cho rằng vì có công hầu hạ thầy nên thầy eho bùa chú mới được như thế chứ người thường làm sao mà giỏi quá thế được !

Học được nửa năm, A-da-Hin tiến-bộ quá, vượt bỏ xa các bạn, các bạn không theo kịp lấy làm hổ thẹn và thù ghét chàng thêm.

Đến ngày thứ sáu nhằm ngày lễ thánh Âu-loáh (3), học trò được nghỉ học hai ngày, đồng lòng xin phép thầy vào rừng chơi. Thầy bằng lòng cho đi và dặn mỗi người lúc về kiểm cho thầy một bó củi để thầy đun nước uống. Học trò vâng lời, kẻ kiếm dao, người mang dĩa tản-mát vào rừng. Họ hẹn nhau khi mặt trời đứng trên đỉnh đầu thì phải tề-tụ ở một chỗ để cúng về.

(1) Sách chàm của cụ Bó-Thuận (N.K.N.).

(2) Các thầy Chàm thường dạy chữ, dạy thuốc và tà-thuật luôn.

(3) Thánh Allah của đạo Hồi.

Thế rồi mỗi người đi một nơi, vài người thân nhau tụ-hợp nhau chơi đùa hay nói chuyện. Khi bàn đến sự thông minh quá đời của A-la-Hin thì một người bảo rằng :

— Chúng mình muốn học giỏi như nó thì phải ăn thịt nó mới được!

Tưởng là lời trêu-cợt, ai ngờ cả bọn ùa lại dè A-da-Hin xuống, lấy dĩa cắt cổ, kẻ hút máu, người xẻ thịt ăn, còn xương bỏ vào bụi.

Đến chiều, mọi người về đến nhà, thầy ra đón và nhận cũi thì không thấy A-da-Hin đâu, mới hỏi thì 99 người còn lại đến trả lời :

— Khi vào rừng chúng con hẹn đến trưa thì gặp nhau ở một chỗ để về cùng, nhưng không thấy A-da-hin về chỗ hẹn, chúng con đợi mãi và tìm khắp nơi mà không thấy, không rõ anh ấy lạc vào chỗ nào hay bị hổ beo ăn thịt rồi.

Ông thầy hơi nghi, ngồi bấm số một lát rồi quả quyết :

— Chúng mày thấy nó giỏi, thấy nó được thầy yêu, chúng mày đố-ky, chúng mày giết nó rồi còn gì ?

Các học trò đều chối :

— Thưa thầy chúng con ai lại có bụng xấu đến thế ạ ?

Thầy liền bảo tất cả xếp hàng 10, còn thừa 9 người cho đứng ở hàng trước và yên lặng nghe thầy đọc chú chiêu hồn A-di-hin. Sau ba lần thần-chủ thì trong bụng các học trò đều có tiếng A-di-hin ứng tiếng đáp lại.

Học trò không thể chối cãi được nên đành thú thực khai trình.

Thầy nghe xong, bùi-ngùi, buồn bã, liền triệu thỉnh song thân A-da-hin đến nói cho biết đầu đuôi và xin ông bà ấy tha tội cho lũ học trò đại-dột.

Thầy lại bắt tất cả phải nhận hai ông bà ấy làm cha mẹ mà phụng dưỡng suốt đời.

Thế rồi tất cả đi ra chỗ bỏ xương A-da-hin thu về, làm lễ chiêu hồn. Sau đó 37 mảnh xương sót lại của A-da-hin hóa thành 37 thứ ngải trên,



Kem thể tuy ngải có một sự-tích huyền-bí nhưng xét tính-chất công-dụng của nó ta thấy :

- 1) Ngải loại A (ngải chữa bệnh) là hoàn toàn vị thuốc.
- 2) Ngải loại B vừa là vị thuốc, vừa là gia-vị như gừng, nghệ của ta.
- 3) Ngải loại C cũng chỉ là một thứ thuốc dùng cho người đi săn tránh

súc-vật. Thứ thuốc này ở các vùng đồng-bào Thượng đầu đầu, cũng có, chứ không cứ gì người Chăm. Ở một vài vùng dân đánh cá Việt-nam cũng còn dùng thuốc để cá khỏi thấy nữa.

4) Ngải loại E chỉ là những vị thuốc độc, có thứ ăn vào thì chết có thứ sờ vào thì chết và có thứ chỉ ngửi vào cũng đã chết. Những loại thuốc độc tương tự không hiếm gì ở các nước văn-minh ngày nay.

5) Loại ngải F là những vị thuốc giải ngải, trừ tà và chống thời khí cũng như ta treo cành đào mồng 5 tháng 5 để trừ ma, tây-phương treo hoa tỏi để tránh quỷ v.v..

6) Riêng có loại ngải yêu là có vẻ huyền-bí nhưng những thứ tương tự không phải là không thấy ở các nước văn-minh.

Như vậy ta có thể bảo rằng : Ngải Chăm không phải là những thứ gì đáng sợ mà lại là những vị thuốc đôi khi rất linh-nghiệm. Ta cần phải nghiên-cứu nó cẩn-thận để làm giàu kho đồng y-dược của ta.

BỔ-THUẬN

và NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

Tòa soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

NHA VĂN-HÓA Bộ Quốc-gia Giáo-dục

266, Đường Công-ly — Sài-gòn

Điện-thoại : 24.633



— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM  
— Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM  
— Quản-ly : BÙI-ĐÌNH-SAN  
— Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH



Ấn-Quán : BÌNH-MINH

149, Đường Yên-Đô — Sài-gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT

329, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

# CỒ-TÍCH DANH-THẮNG VIỆT-NAM

(Tiếp theo V.H.N.S. số 40)

## TU-TRAI

### THÀNH HỒ 胡城

Thành này ở xã An-tôn, huyện Vĩnh-lộc tỉnh Thanh Hóa ; có một tên nữa gọi thành Tây-Nhat 西街. Đời vua Thuận-Đế nhà Trần (1389-1398), Hồ-Quý-Ly toan thoán vị nhà Trần nên bức sử dòi dỏ. Bèn khiến người đến chỗ ấy (xã An-tôn) đắp thành đào ao, lập miếu-xã, mở đường-xá, gọi là Tây-dô thành.

Thành vuông, rộng hơn 200 mẫu, cửa nam xây đá 3 tầng, như cửa Chu-tước ở thành Thăng-Long. Ba phía đông tây và bắc đều xây một cửa đá, dưới đều lót đá xanh, cửa thành và mặt đường đều lót đá hoa, cho nên có hiệu là Hoa-Nhai (đường hoa).

Ngoài thành có hào, hai bên tả hữu có núi đá, mặt tiền giáp sông Mã, mặt sau có sông Bào chảy quanh theo. Ngoài đắp đất làm la-thành, phía tả từ tổng Cồ-biện ngang qua các xã Bình-bút, Cồ-điệp dọc bờ sông Bào qua phía nam đến Đốn-sơn ; phía hữu từ tổng Quan-hoàng thuộc huyện Cầm-thủy dọc theo bờ sông Mã qua phía đông thẳng đến núi An-Tôn, dài dặt hơn vài muôn trượng. Hiện nay đã sụp lở khai phá làm ruộng cả.

### BI-KỊCH CỦA HỒ-THÀNH

Ngày tháng giêng niên-hiệu Quang-Thái nhà Trần năm thứ 10 (1392), Quý-Ly khiến Thượng-thư Đổ-Tĩnh coi đo họa hình thế đề khởi công xây đắp. Trước khi khởi công có quan Hành-khiên Phạm-cự-Luận và Chủ-sự Cơ-mật Nguyễn-nhữ-Thuyết can ngăn, nhưng Quý-Ly không nghe. Trong lúc xây đắp có viên Cống-sinh hiệu là Bình-khương 平姜 coi đốc việc làm. Cống-sinh thường can nói làm cho Quý-Ly cả giận, khiến xô Cống-sinh vào chỗ hũng thành ấy rồi đắp đất lấp lại.

Bà vợ Cống-sinh nghe tin động lòng thương xót đến chỗ kêu khóc đập đầu vào đá và hai tay cũng cào đập vào đá rồi quyên-sinh, làm cho hòn đá ấy có dấu hũng-hiệu và có dấu cào sứt, ấy là do cái đầu bà chọi vào và hai bàn tay xúc phạm vào.

Sau khi ấy có tiếng đồn ra, xa gần ai cũng cảm-động và xe ngựa đến tấp-

Trong niên hiệu Tự-Đức (1848-1883), viên Đốc-học Mỹ-hóa là Võ-bá-Sĩ có vinh bài thơ :

Kháng khái quyên xu xúc thạch-cương,

慷 慨 捐 軀 觸 石 岡

Tông phu thệ chí Đốn - sơn dương.

從 夫 誓 指 頓 山 陽

Tử nhi vị tử tâm kiên thạch,

死 而 未 死 心 堅 石

Sinh bất hư sinh tiết ngạo sung.

生 不 虛 生 節 傲 霜

Tạm dịch :

Đập đầu vào đá quyên-sinh,

Đốn-sơn chí thệ trọn tình tông phu.

Lòng sắt đá ngàn thu tồn tại,

Tiết băng sương mãi dạt trắng trong.

Sĩ lại vịnh :

Xích-chủy quân vương tri dã vô,

赤 嘴 君 王 知 也 無

Đầu lô xúc thạch thệ tông phu,

頭 顱 觸 石 誓 從 夫

Túng-nhiên địa lão thiên hoang hậu.

縱 然 地 老 天 荒 後

Thạch tích niên niên chỉ hậu Hồ.

石 磧 年 年 只 恨 胡

Tạm dịch :

Xích-chủy quân-vương (1) có biết không ?

Đập đầu vào đá thác theo chông.

Dầu sau trời đất có già ruột,

Mỗi hận còn tro dầu đá nung.

Nguyễn-xuân-Ôn Tiến-sĩ Nghệ-an vịnh :

Hà vật khuê-phòng nhất nữ lưu,

何物閨房一女流

Cang trường lẫm lẫm nhật sượng thu.

剛腹凜凜日霜秋

Hồ nhân dĩ nhẫn khi cô tử,

胡人已忍欺孤子

Khương thị-hà dung phụ trượng-phu.

姜氏何容負丈夫

Nguyệt chiếu đời thành cao tiết bạch,

月照額城高節白

Tuyết xâm ngoan thạch lựu côn lưu.

雪侵頑石澣痕留

Trần gia nhị bách niên thiên-hạ,

陳家二百年天下

Thùy thị nhân gia đích hảo cừ.

誰是人家是好處

Tạm dịch :

Khuê - phòng nữ - giót chi chi,

Cang thường lẫm-liệt khác gì sượng thu.

Chúa Hồ nở dạ khi cô,

Nường Khương đành phật quyên-xu theo chông.

Thành nguyệt trắng rọi tiết trong,

Lựu rơi trên đá còn rờng tuyết pha.

(1) Xích-Chủy quân-Vương là chi Hồ-Quý-Ly (Việt-sử tổng-vịnh).

Hai trăm niên kỷ Trần-gia,  
Khắp trong thiên-hạ ai mà sánh đôi.

Trong niên-hiệu Đổng-Khánh (1886-1888), có người Hương-hào trong ấp sợ người ta thường qua lại quan sát di-tích ấy, phải nhọc giao-tiếp phiên-phúc. Hương-hào bèn lên thuê người thợ đá gỡ đá ra đem chôn lấp đất để cho mất tích. Làm xong, người thợ đá thỉnh linh chết ngay, rồi Hương-hào cũng kế chết luôn.

Sau viên Tri-phủ Quảng-Hóa là Đoàn-Thước 段燦 dò hỏi biết được việc ấy, khiến đào đá ấy lên đem lại chỗ cũ, xây dựng ở phía đông Thành-Hồ và chạm vào đá mấy chữ rằng: *Trần-triều Cống-sinh Bình-khương nương phu nhân chi thạch*. 陳朝貢生平姜娘夫人之石. (Hòn đá của Cống-sinh Bình-khương nương Phu-nhân ở triều nhà Trần).

Lại ở nơi Cống-sinh bị lấp chôn nào chỗ hũng thành ấy, cũng dựng đá làm dấu mấy chữ rằng: *Trần-triều Cống-sinh Bình-khương-nương phu-quân chi phiếm* 陳朝貢生平姜娘夫君之寔 (Lỗ chôn Cống-sinh Bình Khương-Nương phu-quân ở triều nhà Trần).

Viên Tri-phủ lại dựng bi-đình ở nơi phía tả có đề thơ rằng :

Duẩn lữ hoa cù không tịch tịch,

笋蕪花衢空寂寂

Bi khẩu Bình-khương do trách trách.

碑口平姜猶嘖嘖

Thư-sinh đương thử vạn gia chi.

書生當此萬家脂。

Nhược chất cang ư nhất phiến thạch.

弱質剛於一片石

Gian-hùng thất diện thủ song côn,

姦雄失面手雙痕

Thượng-tướng hiều sơn thanh cộng hách.

上將號山聲共赫

Bán thiên nhật nguyệt đáo như kim.

半天日月到如今

Nguyễn tục Đông-A trung liệt sách.

願 績 東 阿 志 烈 冊

Tạm dịch :

Đường hoa lữ trúc tiêu-tao,  
 Bình-khương chuyện cũ, còn rao miệng đời.  
 Chàng chết thể cho muôn người khổ cực,  
 Nàng nhìn xem đá cứng như không.  
 Dầu tay mắt mặt gian hùng,  
 Lại thêm Thượng-Tướng (1) kêu rùng Đốn-San.  
 Gương nhật nguyệt lưu quang kìm cò,  
 Sĩ Trần-gia nên tặng bỏ « Tiết-trung ».

Giáo thọ Hồ-đắc-Dự cũng có vịnh bài thơ :

Dịch thơ như hỏa trúc dân sầu,  
 役 書 如 火 蔡 氏 愁  
 Quân dĩ thân đương thiếp dĩ đầu.  
 君 以 身 當 妾 以 頭  
 Oan hận cánh thâm Tinh-Vệ thạch,  
 冤 恨 更 深 精 衛 石  
 Bỉ thanh tăng đất Trạch-môn âu.  
 悲 聲 增 怛 澤 門 謳  
 Vị ứng sơn hà thành hư thệ.  
 未 應 山 河 成 虛 誓  
 Trọng vị giang hà chướng đảo lưu.  
 重 為 江 河 障 倒 流  
 Tồn một bất quan hưng phế cuộc,  
 存 沒 不 關 興 廢 局  
 Lãm nhiên chính khí khẩu bi lưu.  
 凜 然 正 氣 口 碑 留

(1) Thượng-tướng-quân Trần-Khắc-Chân cùng bọn Trần-Nguyên, Trần-Đôn, Phạm-ngưu-Tất mưu giết Hồ-Quý-Ly, việc bị bại lộ bất thành, trở lại bị Quý-Ly đem hành hình ở núi Đốn-sơn cao đặng hơn 370 người (Việt-sử tổng-vịnh).

Tạm-dịch :

Việc xâu hòa-tốc đắp thành sầu,  
 Chồng lấy thân đương, vợ lấy đầu.  
 Tinh-Vệ hàm-oan còn kếm thế (1).  
 Trạch-môn bị-đất thấm chi đầu (2).  
 Đất tình sơn-hải lời tương-thệ,  
 Vì nổi giang-hà sóng nghịch-lưu (3).  
 Còn mất thình suy thây thể cuộc,  
 Bìa danh chính khí vẫn dài lâu.

Xét thành ấy nay cách phủ-ly Quảng-Hóa độ vài dặm. Năm Tự-Đức thứ 21 (1868) định dời phủ-ly đến đây nhưng vì có địa-chướng (khí độc) rồi không dời, hoặc giả họ Hồ gây nên thù oán giết chóc, cho nên oan-khí uất-kết đã lâu mà chưa tan.

TU-TRAI



(1) Tinh-Vệ là tên con chim. Nguyên người con gái vua Viêm-Đế tên là Nữ-Nhai đi chơi ở Đông-Hải bị sa nước chết đuối rồi hóa ra con tinh-vệ, thường ngâm cây đá để lấp biển. (Sự-loại phú).

(2) Hoàng-quốc-Phủ làm quan Thái-tê nước Tống, bắt dân đắp dài cho vua Bình-Công ở cửa Trạch-môn, không cho dân rảnh gặt hái, nên dân than phiền mà hát rằng: «Trạch-môn chi Tích, thật hưng ngã dịch» (Ông Tích—tên Hoàng quốc-Phủ—bắt chúng ta làm xâu phiền khổ ở gần cửa Trạch-môn). (Tả-truyện).

(3) Hay: Ba-sinh chưa trọn lời tương-ước,  
 Một thác liêu ngăn sóng nghịch-lưu.

## BÙI-HUY-BÍCH

(1744-1816)

### TRỌNG-ĐỨC

**C**UỐI triều Lê Trung-hưng, sĩ-phu đương thời đều ngưỡng-mộ tài-đức một bậc danh-thần hơn đời về tâm-thuật và tài trí, trước sau vẫn giữ vững được khí-tiết giữa lúc kỹ-cương đổ-nát và thế-đạo suy-vi: Đó là ông Búi-Huy-Bích.

### DÒNG ĐỐI

Ông người làng Tịnh-liệt (sau đổi là Thịnh-liệt), huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông, sinh ngày 28 tháng 8 năm Giáp-tý, niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 5 (1744) đời vua Lê Hiến-Tôn. Ông tự là Hy-chương, (sau lại đổi là Âm-chương), hiệu là Tồn-Am và Tồn-Ông.

Ông là cháu 6 đời của Tiên Quận-Công Búi-binh-Uyên và cháu 8 đời của Quảng Quận-Công Búi-xương-Trạch, đều là những bậc danh-thần đời Hậu-Lê.

Họ Búi nguyên xưa là người thôn-Hạ, làng Quảng-Công (sau đổi là Định-Công), huyện Thanh-dàm (sau đổi là Thanh-trì) thuộc trấn Sơn-Nam. Từ đời nhà Trần đã từng có người hiền-đạt, sau trải qua bao phen binh lửa của các triều-đại đổi thay, nên gia-phả họ Búi bị thất-lạc, con cháu không sao tra-cứu được rõ ràng. Rồi đến đời phụ-thân ông Búi-xương-Trạch mới từ làng Quảng-công thiên-cư tới làng Thịnh-liệt (tục gọi làng Sét), ở thôn Búi-Đông.

Búi-xương-Trạch thi đậu đồng tiến-sĩ năm Mậu-tuất (1478), năm 28 tuổi, đã từng hộ-giá vua Lê Thánh-Tôn đi đánh Chiêm-Thành và đã từng sang sứ nhà Minh dâng đồ tước-cống. Ông làm đến chức Binh-bộ Thượng-thư, kiêm chương-lục-bộ, tính rất thanh-liêm kiệm-ước, thường đem bổng lộc chia cấp cho họ hàng, làng xóm. Ông thọ 79 tuổi và sau khi mất, được truy-tặng là Thái-phó Quảng-Quận-công, thụy là Văn-Lượng.

Ông có hai con trai là Búi-Trụ và Búi-Vĩnh trước làm quan nhà Mạc, sau gặp khi nhà Lê trung-hưng, hai ông này đều quy-thuận triều Lê và giúp được rất nhiều công-trạng, nên được phong-thưởng, Búi-Trụ tước đến Kinh-Quốc-Công, và Búi-Vĩnh tước đến Mai-Quận-Công.

Con trưởng của Mai-Quận-Công là Búi-binh-Uyên, học-vấn uyên bác, cũng lập được nhiều công-trạng với triều-đình, nên sau được phong làm Tiên-Quận-Công. Khi ông làm quan tại triều, cha con anh em đều được phong tước công, còn con cháu được phong tước hầu đến hơn mười người, họ Búi trở nên xương-thịnh và thành một thế-tộc công-thần.

Con trai của Tiên-Quận-Công là Búi-công-Cần, tức là cao-tò của Búi-huy-Bích, cũng được phong tước Thiếu-bảo Duyên-Quận-Công.

Tằng-tò của Huy-Bích là Búi-Công-Liêm và tở-phụ Búi-xương-Tự sau cũng được phong tước hầu bá cả.

Đến đời thân-phụ ông là Búi-Dụng-Tân, hiệu là Trúc-viên cư-sĩ, không ra làm quan, và ở nhà dạy học. Ông sinh hạ được một gái và hai trai. Người con trai lớn tức là Búi-huy-Bích.

Xem thế, Búi-huy-Bích vốn là dòng dõi hiển-hoạn cao-khoa, gia-phong truyền nối đã bao nhiêu đời.

### BUỔI THIẾU-THỜI và TRÁNG-NIÊN

Thuở nhỏ, Búi-huy-Bích người vốn gầy còm ốm yếu luôn, cha mẹ thường lấy làm lo ngại về sức khỏe của ông. Sau có một thầy tướng xem tướng-mạo cho Huy-Bích, có khen rằng :

— Cậu bé này mắt sáng và dài, mày cong như vành trăng mà ăn-duơng lại rộng, dài tai dài, dằm chắc chỉ ngoài hai mươi là phát quý, dù nay có lắm bệnh-tật cũng chẳng can chi.

Nhà vốn nghèo, thân-phụ ông thường đi ngồi dạy học ở làng An-lâu, huyện Thanh-miền, tỉnh Hải-Dương, để giúp-đỡ bà vợ chẵn nuôi đàn con nhỏ.

Khi lên 17 tuổi, Huy-Bích đến thụ-giáo ông nghề Nguyễn-bá-Trữ, hiệu Thân-Trai, người làng Linh-Đường (cùng huyện) và đã tỏ ra thông-tuệ khác thường. Thầy và bạn đều mến phục và rất tin vào tiền-trình rực-rỡ của Huy-Bích.

Quả-nhiên, năm 19 tuổi, tức năm Nhâm-ngọ, niên-hiệu Cảnh-Hung thứ 23 (1762), Huy-Bích dự-khoa thi hương, đỗ ngay hương-cống (tức là cử-nhân).

Năm sau, ông đi thi hội, rui không trúng cách. Ông bèn theo học trường quan Bảng-nhơn Lê-quý-Đôn, người huyện Duyên-Hà (tỉnh Thái-Bình) và cũng được thầy và bạn mến-chuông tài-học của ông.

Bấy giờ, chúa Trịnh là Trịnh-đô-vương Trịnh-Sâm, quyền hành lấn át cả vua Lê, nên sĩ-phu phần nhiều bất-phục. Thấy triều-chính đảo-điên, Huy-Bích tỏ vẻ chán nản vô cùng. Đến mùa xuân năm Kỷ-sửu (1769), lại xảy ra việc thái-tử Lê-duy-Vĩ bị bắt bỏ ngục. Huy-Bích càng thấy buồn rầu, không thiết-tha cầu-danh trên đường sĩ-tiến.

Rồi khi triều-đình yết bằng sắp sửa mở khoa thi hội, ông cũng chẳng buồn nộp quyền dự thi. Sau vì Trúc-Viên tiên-sinh (thân-phụ Huy-Bích) khuyên con nhiều lần :

— Ta đã già, đi dạy học mãi đã thấy suy-nhược trong người. Ta mong con ra thi hội khoa này, nếu đỗ-đạt, ta sẽ về làng, nghỉ-ngơi đôi chút. Ta còn sống ngày nào, thấy con thành-danh, còn gì vui hơn nữa. Nếu sau này triều-chính nát, mình sẽ có cách xử-trí, đâu có ngại gì!

Chiều lòng cha, ông miễn cưỡng dự khoa thi hội và đã được trúng cách. Tới khoa thi đình, ông được đỗ đình-nguyên hoàng-giáp.

Được tin con đỗ, Trúc-Viên tiên-sinh mừng rỡ vô cùng, còn ông thấy cha già vui thỏa, cũng tự lấy làm an-ủi một phần-nào, song buồn nản về triều-chính ngửa-nghiêng.

Nguyên bà Chính-phi của Trịnh Minh-vương Trịnh-Doanh không có con trai, và chỉ sinh được một con gái là Tiên-Dung, tục gọi là « bà chúa Đò ». Hiếm-hoi, chính-phi khuyên Minh-vương đem con gái mình gả cho Đông-cung Duy-Vỹ. Vì thế, lễ-nghi đã được đổi trao, và chỉ còn đợi kỳ làm lễ nghinh hôn, là Tiên-Dung sẽ về với thái-tử (nhưng sau Tiên-Dung mất sớm, trước khi thành hôn với Thái-tử).

Bấy giờ, Minh-vương đã lập con là Trịnh-Sâm làm thế-tử, mà Trịnh-Sâm là con trai một bà thứ-phi. Một hôm, Thái-tử và Thế-tử cùng vào hầu

Minh-vương. Hai người được lưu lại ăn cơm và cùng ngồi ăn một chiếu Chính-phi thấy vậy nói :

— Chúa sao lại được ngồi ăn chung với vua!

Rồi bà sai dọn riêng mỗi người một mâm.

Thế-tử vùng-vàng đứng dậy, bảo thái-tử :

— Sau đây, sẽ phải một còn một mất, chứ vua ấy chúa này quyết không thề sống chung với nhau được.

Quả nhiên về sau, khi kế-vị cho cha, Trịnh-Sâm tìm kế trả thù xưa. Đến năm Cảnh-Hung thứ 30 (1769), Trịnh-Sâm đồng-mưu với Phạm-huy-Đĩnh vu-hãm cho thái-tử Duy-Vỹ tư-thông với cung-nhân của Trịnh-Uy-Vương Trịnh-Giang, đem tội-trạng tâu vua Hiến-Tôn, rồi bắt thái-tử bỏ giam vào ngục gần 3 năm. Cuối cùng, Trịnh-Sâm lại bắt thái-tử thắt cổ tự-tử, thật tàn-nhân độc-ác vô cùng.

### TRONG HOẠN-TRƯỜNG

Đỗ đình-nguyên xong, Huy-Bích được bổ-chức Hàn-lâm-viện hiệu-lý, một quan-chức khá nhàn rỗi. Bởi vậy, ông thường ở nhà đọc sách, hoặc về quê thăm cha và săn-sóc thuốc thang.

Năm Cảnh-Hung thứ 31 (1771), Huy-Bích được thăng chức Thị-Chế, sau lại thụ-chức Thiêm-sai Phủ-liêu tri-hệ-phiên, kiêm chức Đông-các Hiệu-thư.

Năm Cảnh-Hung thứ 38 (1777), ông được lĩnh chức Đốc-Đông Nghệ-An, rồi phụng-sai làm Thuận-hóa Tuyên-dụ. Đất Thuận-hóa này vốn trước của chúa Nguyễn; chúa Trịnh thừa dịp chúa Nguyễn đương lúng-túng về cuộc khởi-bình của Tây-Sơn, bèn sai quân vào chiếm đoạt lại. Huy-Bích vào Thuận-hóa phủ-dụ trăm họ, rồi lúc trở ra, thảo tờ điều-trần về công tội của các tướng-sĩ và tình hình khổ sở điều-linh của dân-gian.

Gặp hồi miền Trấn-Ninh (một phủ ở về thượng-du trấn Nghệ-An) có giặc Mường-Thai kéo vào quấy-nhiều, triều-đình lại sai Trương-Đông-Hầu Nguyễn-xuân-Phủ đem quân đánh dẹp, và cử Huy-Bích làm Tham-Hiệp nhưng-vụ để phụ-lực và tùy-nghi phòng-thủ, ông đã khéo dùng thanh-thế để chiêu-dụ thổ-dân, nên không bao lâu, miền Trấn-Ninh lại được an-ninh.

Năm Cảnh-Hung thứ 41 (1780), Huy-Bích ở nơi quân-thứ trở về Vinh-Doanh (trấn-thành Nghệ-An, nay gọi chệch ra là Vinh), và được thăng chức Hiệp-trấn Nghệ-An, kiêm lĩnh chức Tham-chính. Ông liền hợp-lực với quan Trấn-thủ

Nghệ-An là Côn-linh-hầu Vũ-tá-Côn tra xét lại số dân đình àu-lậu, và đặt ra tuần ry để đánh thuế muối. Đối với mọi việc lớn nhỏ, ông tỏ vẻ sáng-suốt và khoan-hồng, nên trăm họ đều cảm mến và tỏ lòng biết ơn.

Đến năm Tân-sửu (1781), ông được Trịnh Tĩnh-vương gọi về triều, bổ ông linh-chức Nhập-thị Bồi-tụng, song ông có đệ khai-văn vào vương-phủ xin từ chức. Ông nghĩ thầm cho Tĩnh-Vương không phải là vị chúa hiền-minh, triều-chính lại mục-nát, tự lượng tài mình vị tất đã cứu-vãn được nổi. Tờ khai-văn đệ vào, chúa Trịnh nhất-định không cho rút lui.

Bấy giờ, Tĩnh-vương đương say mê bà phi người làng Phù-Đông tên là Đặng-thị-Huệ. Đặng-phi sinh hạ một vương-tử là Trịnh-Cán. Năm 1781, Cán mới lên 5 tuổi, thường hay ốm đau luôn. Tĩnh-vương còn có một người con lớn là Trịnh-Tông (sau đổi là Trịnh-Khải) do bà Dương-thị sinh ra, năm đó đã 19 tuổi. Vì Dương-thị không được sủng-ái như Đặng-Phi, nên ngôi thế-tử, lý ưng về phần Trịnh-Tông, lại được dành cho Trịnh-Cán. Tuy nhiên, Tĩnh-vương vẫn còn thắc-mắc e ngại một phần nào, vì sợ các phủ-liệu ngăn cản việc này.

Cho rằng dự-định bỏ trưởng lập thứ là cái mầm họa-loạn mai sau, nên Bùi-huy-Bích vẫn chủ-tâm can ngăn chúa Trịnh một cách khôn khéo, nhưng chưa có dịp nào. Chợt trong nước có thiên-tai động đất, Tĩnh-vương xuống chỉ cầu lời trung-trực để vua chúa biết đường sửa để kịp thời may tránh tai-họa cho quốc-gia. Thừa dịp, Huy-Bích bèn dâng tờ điều-trần thứ nhất đại-ý nói rằng:

« Nay kính thấy lượng trên đức ngày cao lên, lại sẵn lòng tìm hỏi những lời cổ-huấn, hẳn đề tinh tâm mà soi xét cõi lòng, để sẽ theo như lời thánh hiền, « sửa mình ít dục » trong sách Mạnh-tử, « làm lành đời lỗi » trong Kinh Dịch, « làm vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con », trong sách Luận-Ngữ, ung-dung hàm-dương ở chốn thâm sâu kín-đáo, đề đón cái khí thái-hòa của trời đất. . »

Xem tới đó, Tĩnh-vương mỉm cười bảo:

— Bùi Tồn-Am ý chừng muốn răn bảo ta đây!

Trong tờ điều-trần thứ hai của Huy-Bích, có đoạn nói rằng:

« Trong chỗ cha con, thật là khó nói vô cùng! Lòng cạn, phận sơ, đầu dám xen vào những lời sàm-sở! Dám xin lượng trên tìm hỏi nghĩa lý cao sâu ở sách đời xưa, ngõ-hầu tìm kế hay cho muôn đời về sau... »

Xem xong, Tĩnh-vương lầm nhăm gật đầu và giao tờ khai thứ nhất cho Huy quận-công Hoàng-đình-Bảo xét kỹ thi-hành; còn tờ khai thứ hai thì

giữ lại để xem. Lại truyền cho Bùi-huy-Bích sau dăm hôm nữa, buổi sớm đến chờ ở tâm-môn, Tĩnh-vương sẽ triệu vào hỏi. Không may Trịnh-vương lâm-bệnh mà Huy-Bích không được gọi vào hầu.

Cuối năm đó (1781), Trịnh-Cán được lập làm thế-tử, còn Trịnh-Tông (tức Khải) bị giáng xuống làm con thứ. Dân gian thấy vậy mới đặt câu hát rằng:

*Dục cùn thì giữ lấy tông,*

*Dục long cần mất, còn mong nổi gì ?*

Tháng chín năm sau, niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 43 (1782), Trịnh-Sâm mất, thọ 44 tuổi, để di-chiếu lập Trịnh-Cán làm chúa, tức là Tôn-Đô vương, còn Huy quận-công Hoàng-đình-Bảo được cầm quyền phụ-chính. Trịnh-Cán non tuổi quá mà lại ốm yếu luôn, ít người chịu phục, nên không bao lâu xảy việc biến-loạn trong Trịnh phủ.

Quả nhiên, được hơn một tháng, quân Tam-phủ (1) nổi dậy, mưu giết Huy quận-công, rồi cùng đi rước Trịnh-Khải (tức Trịnh-Tông) lên ngôi phủ-đường, tôn lên ngôi vương. Làm lễ chúc mừng xong, quan quân mới tâu lên vua Lê Hiến-Tôn và Nguyễn-thái-Phi (tức mẹ Trịnh-Sâm). Trịnh-Khải được sắc-phong làm Nguyên-sứ Đao-nam vương, còn Trịnh-Cán bị giáng xuống làm Cung-quốc-công, mẹ là Đặng-thị-Huệ cũng bị truất cả ngôi vương-phi. Trịnh-Cán vẫn yếu đau hoài và sang tháng 11 năm ấy (1782) bị ốm nặng mà mất.

Trịnh-Khải, sau khi lên ngôi chúa, bèn trọng-thưởng quân Tam-phủ, và phong quan-tước cho bọn Nguyễn Bằng (người chủ-mưu giết Huy quận-công Hoàng-đình-Bảo). Được ưu-đãi, quân Tam-phủ càng thêm kiêu-túng hơn trước, thường đi cướp phá các nhà, bắt cứ thường dân hay quan lại, những chức viên cai-quản không sao kiềm-chế nổi.

(1) Quân Tam-phủ tức là quân ba phủ Thiệu-thiên (nay là Thiệu-Hóa), Hà-trung và Tĩnh-gia, thuộc tỉnh Thanh-Hóa. Nguyên hồi Lê trung-hưng, đánh nhau với họ Mạc, chúa Trịnh toàn nhờ ở quân lính Thanh Nghệ, phần nhiều là người trong 3 phủ nói trên. Diệt xong họ Mạc, triều-đình có lệ ưu-đãi quân Tam-phủ, và đất Kinh-kỳ chỉ dùng lính này (gọi là *ưu-binh*) để làm quân túc-vệ. Do sự ưu-đãi ấy, quân Tam-phủ dễ sinh kiêu-túng, và thường hay cậy công làm nhiều điều can đở trái phép (phá nhà, giết quan-lại, v.v...), gây ra cái loạn *kiêu-binh* sau này.

Hồi đó, ông Bồi-tụng Bùi-huy-Bích đã được thăng chức làm Nhập-thị Hành Tham-tụng (1) kiêm tri Kinh-diên, phong tước Kế-liệt-hầu. Thấy quân Tam-phủ càn rỡ quá chừng, ông dùng đủ mọi cách để phủ-úy, đem diêm nghĩa-lý giảng-giải để giáo-hóa họ dần. Họ có nghe theo một phần nào, nhưng vẫn không chịu vào khuôn phép của triều-đình. Ngày ngày họ họp-tập, rồi bàn-bạc chính-trị và đòi hỏi ân-trạch hoài. Nếu triều-thần ai đề-nghị điều gì xem có phần bất-lợi cho họ, tức thì họ hăm-dọa cướp phá nhà cửa hay giết chết. Vì thế, năm Giáp-thìn (1764), họ đã phá nhà quan tham-tụng Nguyễn-Khản, nhà Dương-Khuông (cậu ruột Trịnh-Khải) và giết Nguyễn-Chiêm ngay trước cửa phủ-chúa.

May sao Nguyễn-Khản tìm cách trốn thoát lên Sơn-Tây, bàn định với em là Nguyễn-Điều rước Trịnh-Khải ra ngoài, sau sẽ gọi quân các trấn về trừ kiêu-binh. Không may việc tiết-lộ ra ngoài, quân kiêu-binh (tức quân Tam-phủ) chia nhau canh giữ phủ-chúa, Trịnh-Khải không sao ra được. Họ còn chia nhau canh phòng rấi ngặt các cửa ở trong kinh-thành. Bấy giờ, quân các trấn đã lục-tục kéo về, quân Sơn-nam thì đã tiến đến làng Cồ-Điền, thuộc huyện Thanh-trì (tỉnh Hà-đông).

Tình-thế hết sức nguy-ngập, chúa Trịnh vời quan Hành Tham-Tụng Bùi-huy-Bích vào vấn-kế. Ông liền thưa trình :

— Nỗi tức giận chung của một đám đông người như ngọn lửa đốt rừng thì đừng nên khiêu-khích. Giữa tình-thế này, cần nên bình-tĩnh mà xử-trí mới an-toàn được. Nếu trong lúc triều-chính chưa ổn, kỷ-cương chưa dựng, mà hấp-tấp đi mượn quân ngoài để trừ quân trong, e rằng chóng sui giục gây mầm nguy-loạn cho nước nhà.

Chúa Trịnh nghe lời, ra lệnh cho các trấn rút quân về và ngừng hoạt-động. Vì thế, tình-thế đương căng thẳng lại dịu dần.

Năm Cảnh-hưng thứ 46 (1765) mùa thu tháng 7 năm ngày khánh-thọ thất-tuần vua Lê Hiến-Tôn, Huy-Bích trước sau vốn có ý tôn-phù nhà Lê, nên khuyên chúa Trịnh làm lễ dâng tôn-hiệu một cách long-trọng. Chúa Trịnh cũng nghe theo, lễ khánh-thọ vua Lê đã tồ-chức rất đường hoàng, nên có người đã phải thốt câu : “ Hơn năm mươi năm trời, nay dự lễ này mới lại được trông thấy nghi-vệ thiên-tử.”

(1) Chức này cũng như chức Tề-Tướng.

Được ít lâu, xảy ra việc viên Nội-giám Mãn quận-công giữ chức Trấn-thủ Thanh-Hóa bị quân sĩ phát đơn kiện, nên phải bãi chức về. Có kẻ gièm pha với Mãn quận-công cho việc kiện nói trên do Huy-Bích cầm-đầu.

Vừa bực mình vì lời sấm-báng nhỏ nhen, vừa chán-nản vì triều-chính càng thêm đổ nát, Tôn-Am Bùi tiên-sinh bèn cáo-bệnh xin từ-chức. Chúa Trịnh nài giữ không được phải cho ông về, song khuyên ông cứ ở kinh-thành dưỡng-bệnh, để tiện đường thăm hỏi.

Vâng lệnh, ông lui về nhà-dưỡng tại tư-đệ ở phường Bích-câu (Hà-nội), vào năm ông mới ngoài 40 tuổi. Ông đã không thiết-tha lộc-vị tại triều-đình, nên ngày tháng chỉ lấy việc thưởng hoa và ngâm thơ phú làm vui để ký-thác nỗi lòng. Xin lục đăng sau đây vài bài đề ta thấu rõ phần nào tâm-sự của ông :

#### ĐẠ TỌA THỈNH ĐỔ-QUYÊN

Bán khải thư quynh vũ hậu thiên,  
Nhất huê chủng trúc nhất bồn liên.  
Tú-uyên giao định hồ trung nguyệt,  
La-diệp trừ sợ thụ điều yên.  
Cách tộ bất năng tì quốc chủ,  
Khởi suy hà dĩ kế ngô tiên.  
Thế đồ khuyhnh trắc môn phong bạc,  
Độc tọa nghiêm canh thỉnh đổ-quyên.

Tạm dịch là :

ĐẸM NGỒI NGHE TIẾNG CUỐC KÊU  
Song thơ hé mở trông trời,  
Bồn sen, luống cúc hiên ngoài thơm tho.  
Tú-uyên trắng loáng gương hồ,  
Thành La phơ phất, khói mờ rặng cây.  
Kinh-luân nghĩ thẹn mình thay,  
Nối nhà, giúp nước, chưa hay chước gì.  
Đường đời lắm nỗi khát-khe,  
Canh dài bóng chiếc ngồi nghe quynh gào.

(Trúc-Khê dịch)

XUÂN DA

Nhiều nhiều can qua bách tính cùng,  
Hà thời thiên-địa phiến dung phong.  
Minh thanh triết hiếu thời nhân tứ,  
Trì hạ hà-mô vũ hạ trùng.

Tạm dịch là :

ĐÊM XUÂN

Bình đảo nhiễu loạn khổ muôn dân,  
Trời đất bao giờ thôi gió xuân ?  
Suốt sáng kêu hoài, sao ghẹo khách,  
Trong ao châu-chuộc, để ngoài sân !

(Tùng-Phong dịch)

Tuy rằng Tôn-Am tiên-sinh không thiết-tha dự nghe việc triều-chính nữa, nhưng chúa Trịnh thời thường vẫn sai người hỏi thăm sức khoẻ, và mỗi khi có việc quốc-gia đại-sự, vẫn triệu ông vào phủ để luận-bàn riêng. Ông cảm lòng quyến-cố, vẫn cố đem hết sở-học sở-năng của mình để cứu vãn thời-cuộc được phần nào chăng.

Tiểu thay, thời-vận vua Lê chúa Trịnh đã bắt đầu tàn, khó mà hưng-khởi được nữa. Niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 47 (1786), vị anh-hùng áo vải Tây-Sơn là Nguyễn-Huệ, theo lời Nguyễn-hữu-Chính, đem quân từ Nam ra Bắc, tung khẩu-hiệu « Phù Lê diệt Trịnh » để mua chuộc lòng người. Trấn-thủ Sơn-Tây là Hoàng-phùng-Cơ được chúa Trịnh cử đi cầm quân cự địch. Ít lâu, lại có chỉ triệu Bùi-huy-Bích làm Giám-quân kiêm Đốc-chiến, đem quân ứng-viện giúp Phùng-Cơ. Huy-Bích tuân lệnh linh chức, nhưng vừa đem quân cứu-viện tới bến Thủy-Ái (huyện Thanh-Trì) thì quân của Phùng-Cơ đã đại bại. Thăng trận, quân Tây-sơn tiến gấp lên chiếm Thăng-Long (Hà-nội). Trịnh-Khải chạy trốn ra ngoài, còn Huy-Bích cũng phải ẩn-lánh trong đám dân quê. Nguyễn-Huệ vào thành Thăng-Long, đóng ở Trịnh-phủ. Trịnh-Khải trốn chạy tới Sơn-Tây thời bị bắt, rồi sau phải tự-tử. Tháng 7 năm đó (1786), vua Lê

Hiển-tôn thăng-hà; Hoàng-tự-Tôn lên kế-vị, lấy niên-hiệu là Chiêu-Thống (năm 1787).

Vua Lê Chiêu-Thống bèn triệu Bùi-huy-Bích ra giúp nước, nhưng ông đương bị ốm nặng vì sốt-rét, không thể ra ngay. Mãi đến tháng 7 năm đó (1787), ông mới khỏi, về Thăng-Long nằm dưỡng-bệnh ở nhà riêng.

Tháng 8 âm-lịch, sau khi quân Tây-Sơn rút về Nam, một người trong đảng họ Trịnh là Trịnh-Bồng, cậy có binh-lực, liền về triều, ép vua Lê-Chiêu-Thống phải phong cho làm An-Đò vương và lập lại phụ-chúa. Vua Lê lấy làm ỨC LẮM, sau có xuống mật-chiếu với Nguyễn-hữu-Chính ở Nghệ-An về giúp vua diệt-trừ chúa Trịnh.

Còn Bùi-huy-Bích, tháng 9 năm đó thì khỏi hẳn bệnh, bèn vào làm lễ bái, điếu ở tế-cung vua Lê Hiển-Tôn và viếng mộ-phần Trịnh-Khải. Vua Lê chúa Trịnh liền ban cho ông chức Bình-Chương-Sự, kiêm Nhập-thị Kinh-diên, Nhập-thị Tham-Tụng, song ông dùng lời lẽ thống-thiết lâm-ly và cáo ốm để chối từ. Cuối cùng, ông được vua Lê chúa Trịnh chuẩn-nhận, lại sắc ban cho làm chức Chính-Nghị đại-phu và cho về nhà tĩnh-dưỡng.

Được ít lâu, tại triều-đình, Nguyễn-hữu-Chính, sau khi đánh bại Trịnh Bồng, cậy công chuyên quyền, làm nhiều điều trái phép.

Được tin, Nguyễn-Huệ ở Phú-Xuân liền sai Vũ-văn-Nhâm ra bắt Nguyễn-hữu-Chính để trị tội. Quân của Chính bị đại bại. Thấy thế, vua Chiêu-Thống hoảng-sợ, bỏ kinh thành, chạy trốn sang Kinh Bắc, còn Hoàng Thái-hậu chạy lên Cao-Băng cầu cứu vua nhà Thanh. Tháng 12 năm Chiêu-Thống thứ hai (1788), Tổng-đốc Lương-Quảng là Tôn-sĩ-Nghị thống-xuất 20 vạn quân kéo sang nước ta, mượn tiếng giúp nhà Lê, song kỳ thực muốn xâm-lăng đất nước. Tướng Tây-Sơn Ngô-văn-Sở, theo lời khuyên của Ngô-thời-Nhiệm, bỏ thành Thăng-Long để tạm tránh cuộc xung-đột ban đầu. Ông rút toàn quân-lực về đóng giữ từ núi Tam-Điệp (1) ra tới bờ bể và chờ Nguyễn-Huệ đem quân ở Nam ra sẽ đại phá quân địch.

Khi nghe tin Tôn-sĩ-Nghị kéo quân tới Kinh-Bắc (Bắc-Ninh), vua Chiêu-Thống vội ra chào mừng, rồi theo quân Thanh về Thăng-Long. Sau khi nhờ họ khôi-phục được nước, nhà vua và triều-thần mãi lo việc báo oán hơn

(1) Núi Tam-Điệp (trước gọi là đèo Ba-Đội) ở ngay nơi phân địa-giới tỉnh Ninh-Bình và tỉnh Thanh-Hóa.

mọi việc khác. Vua Chiêu-Thống có tuyên-triệu những cựu-thần trung-thành như Phạm-đình-Dữ, Phạm-quý-Thích v.v... và muốn vời Bùi-huy-Bích ra ủy-quyền chấp chính. Nhà vua có sai Phạm-quý-Thích là bạn thân của Huy-Bích nhờ khuyến-dụ họ. Hồi đó, ông bị đau mắt, nên lại cáo bệnh từ chối. Ông có bảo riêng với Quý-Thích rằng :

— Việc khần-yếu ngày nay là phải tâu vua rộng cầu lời nói thẳng và gặp chính-đốn việc binh-bị, kéo ngại sau này không kịp bảo-toàn được đại-cục.

Ở Thuận-Hóa, Nguyễn-Huệ, khi được tin quân Thanh mượn tiếng cứu nhà Lê phục-quốc, liền tổ-chức thêm quân-đội, lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Quang-Trung (1788), rồi tự thống-xuất đại-binh ra đánh phá quân Thanh tại Bắc-Hà. Quân Thanh bị đại-bại vào đầu năm Kỷ-dậu (1789). Tôn-sĩ-Nghị hoảng sợ bỏ cả ấn-tín mà chạy thoát thân. Quân-sĩ cũng tranh nhau chạy trốn. Rồi đến vua Chiêu-Thống và cung-quyển cũng lật-đật chạy theo Tôn-sĩ-Nghị sang Tàu.

Đại-phá được quân Thanh, vua Quang-Trung muốn tránh cho dân khỏi nạn binh lửa và muốn giải mối thù xưa, bèn gửi sang nhà Thanh một tờ biểu rất khôn khéo, vừa xin lỗi vừa đe dọa, lại vừa xin cầu phong vương-hiệu. Biểu này thảo xong, vua Quang-Trung đòi các cựu-thần nhà Lê cùng các kỳ-lão trong nước, bắt liên-danh ký vào để chứng-minh lòng dân đã hoàn-toàn quy-hướng về nhà Tây-Son.

Huy-Bích vốn là một vị đại-thần của triều Lê; nên bị đòi gọi ra nhiều lần. Không thể trốn tránh được, ông phải ra, nhưng đã giấu sẵn thuốc độc trong mình để khi cần tới, ông thà chịu chết, chứ không chịu ký để cầu-phong cho một triều đại Tây-Son đã làm cho quốc-triều cũ của ông lâm vào cảnh « quốc phá quân vong ». Ông bèn giả cách ốm và đã khéo tránh khỏi phải ký tên vào tờ biểu nói trên, mà lại không làm cho vua Quang-Trung nổi trận lôi-đình.

#### GIỮ BỀN KHÍ-TIỆT

Gặp hồi quốc-vận suy-vi, non sông đổi chủ, lại thẹn mình không đủ tài-năng cứu-vãn được tình-thế, ông đành lo giữ sao cho bền tiết-tháo, không vì lợi-lộc âm-ảnh mà thay lòng đổi dạ.

Tháng 2 năm Kỷ-dậu (1789), sau khi tránh thoát khỏi phải ký vào tờ biểu của vua Quang-Trung, ông lên trốn ra khỏi thành Thăng-Long và lên tỉnh Sơn-Tây, nương náu ở làng Di-Nậu (huyện Thạch-Thất), hoặc ở vài nơi khác quanh vùng đó. Một đêm sương lạnh, tá-túc ở thôn Khánh-Tân, ông phải đốt củi để sưởi ấm, và có làm một bài thơ cảm-tác như sau :

Phong-nguyệt thê-lương nhất tiêu trai,  
Kê-thanh viễn viễn động cơ hoài ;  
Hộ hòa dã ngoại thùy xuy bối ?  
Tịch vụ sàng biên tự nhiệt sài.  
Thiên-đạo tự cung thùy bát đĩnh,  
Nhân-sinh như miện nhậm an bài.  
Sơ dung bệnh tâu tri hà dụng ?  
Đãn mộ xừ qua, thù vị giai.

Tạm dịch là :

Gió trăng lạnh-lẽo một hiên thơ,  
Eo-óc gà thôn, dạ ngàn-ngờ.  
Giữ lúa đồng khuya ai rúc ốc,  
Hun sương buổi vắng khách gây lò.  
Như cung, lẽ đạo trời xui vậy, (1)  
Tựa bột, con người số định xưa.  
Già yếu làm chi thân bĩng nhác !  
Cước vờn vui với thú giồng dưa. (2)

(Trúc-Khê dịch)

Àn-tránh gần 6 năm tại Sơn-Tây cho đến năm Giáp-dần (1794), ông lại

(1) Rút ý trong câu nói của Lão-Tử : « Thiên chi đạo kỳ do trường cung hồ ? » nghĩa là : « Đạo trời như chiếc cung giương ? » Ý nói chiếc cung giương thẳng rồi lại phải chùng.

(2) Rút ý trong câu thơ cổ : « Tịch thời cổ liệt hầu, Lão tác xừ qua sĩ » nghĩa là : « Xưa kia vốn là bậc phong-hầu, tuổi già về làm một kẻ giồng dưa ».

thiên cư xuống Hải-Dương, ở xã An-lâu, huyện Thanh-miền (1). Đến tháng giêng năm Canh-thân (1800), ông mới lên về thăm cố-hương, hoặc đôi khi phải tạm lánh ở những làng chung quanh cho khỏi lộ tung-tích.

Bấy giờ, ông đã gần 60 tuổi, cảnh nhà đông con cái và sống trong cảnh bần-hàn; tuy thế, ông vẫn vui vẻ chịu đựng, không thay đổi tiết-tháo vì cảnh khốn cùng.

Đến năm Nhâm-tuất (1802), vua Gia-Long nhà Nguyễn, sau khi đem quân ra Bắc diệt nhà Tây-Son, bèn cho vời những cựu-thần toàn-tiết của nhà Cồ-Lê, ban cấp y-phục tiền bạc, và chiếu phẩm-trật cũ mà bổ-dụng. Riêng đối với ông, nhà vua rất trọng đãi, ban cấp cho ông rất hậu, vì biết ông nghèo túng; dù ông cố chối từ, nhà vua diện-dụ bắt ép phải nhận.

Khi vua Gia-Long từ Thăng-Long sắp về Phú-Xuân, ông đến bái tạ, tự nói mình là kẻ da-bệnh, chỉ mong được làm một kẻ thôn-lão cho trọn tuổi già. Nhà vua mỉm cười, tỏ ý ưng-chuẩn, và khi đã hồi-giá về Phú-Xuân (Huế), thỉnh thoảng vẫn gửi lời hỏi thăm sức khoẻ quan Hành Tham Bùi Tồn-Am.

Năm Quý-hợi (1803), khi nghe tin nhà Thanh cho đưa di-hài vua Lê-Chiêu-Thống tự Yên-Kinh về Thăng-Long, ông liền tìm đến nơi tạm quân ngục-cốt làm lễ khóc viếng cố-quân. Nhân hôm đó trời mưa, ông có làm bài thơ bái-điếu như sau:

Tặc thù kim dĩ tận,  
Lời vũ thượng dư phần.  
Thiên-bắc tương tập binh,  
Nhật-nam thử quy thần.

Đại-ý là: « Giặc thù nay đã hết, nhưng sấm mưa vẫn chưa hết nỗi giận hờn. Trời bắc đương rắp họp tập binh-sĩ, cõi nam đã thấy đưa ngục-cốt về ».

Sau khi làm lễ viếng di-hài cố-quân, ông lại rút lui về chốn cố-hương. Học đỗ tới Hoàng-giáp, quan làm đến Tề-tướng, mà khi đó về già, ông vẫn sống

(1) Nơi mà thân-phụ ông (Cụ Trúc-Viên) đã từng ngồi dạy học và ông đã từng theo hầu ngày tuổi trẻ.

trong cảnh bần-bách túng-thiếu, ăn bữa sớm lo bữa mai. Tuy vậy, như cây tùng bách, không vì sương tuyết mà kém vẻ xanh tươi, ông vẫn « cố cùng » không vì nghèo khổ mà thay đổi lòng trung-kiên.

Ông sinh hạ được 6 con trai và 7 con gái. Sáu người con trai (là Đĩnh, Dương, Luyện, Cư, Hạo, Mục) về đời Cồ-Lê đều được ám-phong Hoàng-Tín và Hiền-cung đại-phu, nhưng gặp hồi truân-bĩ, có đến 3 người mất sớm lúc ông hãy còn.

Mỗi khi nhớ nước thương nhà, ông lại mượn thơ văn để gửi niềm tâm-sự. Đề mua vui, ông cùng xướng họa thi-ca với em ruột là Bùi-Cảnh và cháu họ là Cử-nhân Bùi-Trục, hoặc đi du-ngoạn với vài người cố-hữu tâm-giao như ông Lập-Trai Phạm-quý-Thích.

Ngoài ra, ông còn rèn luyện con cháu học lễ-nghĩa thi-thư, sai các con biêu chép những thơ văn do ông đã soạn từ trước đến giờ và san-dịnh thành từng tập loại như sau:

a) Thơ chia làm nhiều tập: 1) Bích-Câu tiền hậu tập (2 cuốn); — 2) Nghệ-An thượng hạ tập (2 cuốn); — 3) Thoái-hiến tập (3 cuốn, soạn khi lui về ẩn lánh tại Sơn-Tây, Hải-Dương và quê nhà).

b) Văn chia làm 4 loại: 1) Tấu, khải, công-văn; — 2) Tản-văn; — 3) Lệ-ngữ (văn biền-ngẫu); — 4) Thư-trát.

Ông còn soạn thêm một tập tùy-bút gọi là « *Lữ trung tạp-thuyết* » và mấy bộ sách khác rất có giá-trị:

1) *Nghệ-An chí* (nói về địa-dư, lịch-sử và phong-tục tỉnh Nghệ-An).

2) *Hoàng-Việt thi-tuyên* (hay *Lịch đại thi sao*), sưu-tập những áng thơ hay từ đời Lý Trần đến đời Lê-Mạt.

3) *Hoàng-Việt văn-tuyên*, sưu-tập những áng văn hay từ đời Lý-Trần đến đời Lê-Mạt.

Ông đã sửa gọn lại bộ « *Tứ-thư đại-toàn* » của Tàu, làm thành một bộ giản-ước về Tứ-thư, cho học-trò dễ học (1)

Ông cũng có mở trường dạy học, song xem xét rất kỹ tính-cách từng

(1) Bộ Tứ-thư giản ước này học trò quen gọi là « *Tứ-thư quan Hành* », nghĩa là bộ sách Tứ-thư do quan Hành Tham-tụng Bùi-huy-Bích sửa gọn.

người, có đáng nhận mới cho thụ-giáo. (Hai vị danh-thần triều Nguyễn là Hà-tôn-Quyền và Doãn-Uần đều là môn-đệ của ông).

Ông ở luôn quê nhà từ năm Nhâm-tuất (1802) đến năm Mậu-dần (1818) thời bị trọng-bệnh. Lúc đó, ông không muốn ăn uống gì cả, thần nhiên đợi cho tử thần rước đi. Ông tạ-thế vào đêm ngày 25 tháng 5 năm Mậu-dần (1818), hưởng thọ 75 tuổi. Trước khi mất, ông còn đọc một bài thơ thất-ngôn tứ tuyệt cho con cháu nghe và còn khuyên người nhà, trong việc tang ma, chỉ cốt giữ cho đủ lễ, và chớ theo những lối thế-tục vắn dưng.

Khi nghe tin ông thành người thiên-cô, khắp sĩ-phu trong nước đều thương; cảm mến tiếc vô cùng, không phải vì ông đã lập nên những chiến-công hiển-hách cho đất nước, mà chính vì ông là một bậc danh-nho đạo-đức, giữ được nhân-phẩm trác-việt hơn người, đáng là bậc « *trọng-phu* » theo quan-niệm của Khổng-Mạnh, « *giàu sang không đáng được tâm, nghèo hèn không đời được tiết, uy-quyền vũ-lực không đè-nén được chí* ».

Và để kết-thúc bài này, xin mượn ngay câu ông đã viết trong tập « *Lữ-rung tạp-thuyết* » mà ông đã đem thực-hành trong suốt đời ông, khi phú-quý cũng như lúc bần cùng :

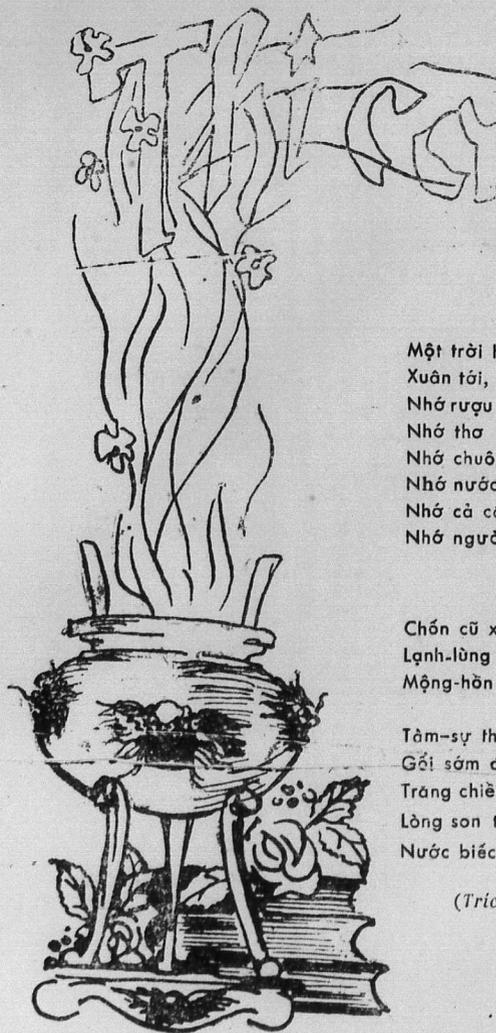
« *Khéo ở cảnh nghèo hèn thì có cái vui về nghĩa lý ; không khéo ở thì khỗ sở gian-truân. Khéo ở cảnh giàu sang thì có cái đẹp về đạo-đức ; không khéo ở thì đầy ròi tràn, cao ròi đồ.* »

*Thịnh suy trị loạn là hệ ở thời, phải trái được mất là do ở người. Kẻ sĩ-phu sinh ra đời, nên ở cho hết đạo. Hết ở hết đạo thì tụy vào khoảng cuối đời Thương là lúc cực suy cực loạn, cũng không trở ngại gì cho sự làm nên Cơ-tử, Vi-tử (1). Nếu không thế, thì như Đào-Ngột Thao Thiết (2), tụy sống gập vào đời Nghiêu Thuấn, cũng chẳng ích gì ».*

TRỌNG-ĐỨC

(1) Tỉn hai vị hiền-thần.

(2) Tên hai người độc-ác và tham-lam.



XUÂN TỬ

I

Một trời hương sắc, một rừng hoa  
Xuân tới, lòng ai chạnh nhớ nhà ;  
Nhớ rượu Nam-kiều khi chénh-choáng,  
Nhớ thơ Vĩ-dạ lúc ngâm-ngã ;  
Nhớ chuông Thiên-mụ lay hồn tục,  
Nhớ nước Hương-giang rửa ruột tà ;  
Nhớ cả cây đa và bến cũ,  
Nhớ người áo lục phớ Đông-ba.

II

Chốn cũ xa trông núi nhợt mờ,  
Lạnh-lùng quán khách gió xuân đưa.  
Mộng-hồn chợt tỉnh, chuông ngân  
tiếng,  
Tâm-sự thêm buồn, liễu rối tơ.  
Gối sớm đã hoen dòng lệ tủi,  
Trăng chiều như gợi mối tình thơ.  
Lòng son thắm mãi dù đầu bạc,  
Nước biếc non xanh vẫn đợi chờ.

(Trích trong tập HỒN VŨ-TRỤ  
sẽ xuất-bản)

BỮU CẨM

VĂN-TẾ

BÀ TRUNG-TRẮC TẾ ÔNG THI-SÁCH  
SAU KHI PHỤC QUỐC

Than ôi !

Và trời lập biểu, việc dầu khó thành ;

Trọn nghĩa vẹn tình, nợ vừa trả đủ.

Nhớ lang-quân xưa :

Quyết một lòng cứu nước, với quân thù chẳng đội trời chung ;

Vì trăm họ quên mình, đổi nước địch rập đời đất cũ.

Không ngờ

Chàng mưu khởi-nghĩa, kẻ chứa thi-hành ;

Giặc bắt tri-tình, việc đã bại-lộ.

Ngán nỗi anh-hùng thất thế, cam bẽ thác với non sông ;

Tìm gan, nhi-nữ phục thù, ra sức chống cùng sóng gió.

Đuối giặc chạy hàng dư nghìn dặm, hết nạn xâm-lãng ;

Cùng em thu lại sáu nhâm thành, phá nền đồ-hộ.

Dựng cờ đặc-lập, từ đây đất nước về ta ;

Rung trống hợp-quân, giờ đã có hoa mừng chủ.

Ba chén rượu rót dâng trước án, ngắm-ngồi cảm nhớ tình xưa ;

Một nén hương đốt cắm trên bình, cầu-nguyện độ-trì nước tổ.

Thăng-hình hội mới, kính cần một tuần ;

Chứng-giám tác thành, anh-linh muôn thuở.

Thượng hương !

THUY-THIÊN soạn

CÀ-MÂU THẮNG CẢNH

Đây thắng cảnh miền Cà-Mâu yêu dấu,  
Sông Đốc Vàng : ngư cảng cửa ngày mai.  
Trong vàm sông, tàu ngoi quốc nổi dãi,  
Thả neo đậu, chờ trời êm. mưa cá.  
Dân chài lưới sống quanh năm biển cả,  
Tung mái chèo, mạnh mẽ vượt trùng dương.  
Bao gian-lao nguy hiểm, trí không sờn.  
Chiếc ghe nhỏ với đọt dương bát ngát.  
Lòng tôi dâng bao tình yêu thắm-thiết,  
Khi nhìn buồm căng gió, nổi đuôi nhau  
Về Cái Đồi, Sạc Lưới, Rạch Tàu...  
Hay núp gió Hòn Hàn, Hòn Chuối...  
Tôi yêu cả Hòn Khoai vang tiếng suối,  
Bắt nguồn từ Đòng Nai Thượng xa xôi.  
Quận Năm Căn, rừng cây đước ngát trời,  
« Vàng đen » ấy nuôi bao người lao-động !  
Sông Ông Trọng, và Đầm Cưng sâu rộng,  
Bao lợi nguồn vô tận : cá, tôm cua...  
Rừng U-Minh, dòng nước đỏ quanh co,  
Khu cấm địa, tài nguyên chưa khai thác.  
Và Thái Bình, Đầm Dơi, Cái Nước...  
Những cánh đồng lầy-lội đất màu đen.  
Bao rạch, kênh, chằng-chịt nổi khắp miền,  
Người dân Việt thanh-bình hòa nhịp sống.  
Trên mặt nước, ánh trăng soi rung động,  
Khẽ đưa chèo, cô lái mắt mơ-màng...  
Mím nụ cười, tặng du khách sang ngang,  
Như thăm hẹn ngày trở về chốn cũ...

★

Đã hết rồi, cảnh diêu-tàn khói lửa,  
Đã xa rồi, những tàn-sát diên cường,  
Nhắc làm chi, bao dĩ vãng đau thương...  
Tôi chỉ thấy Cà-Mâu trời bừng sáng !  
Ôi Cà-Mâu ! xưa thê-lương âm-đạm,  
Đã hồi sanh... và bất diệt muôn đời...

VÕ-LANG

## CƠM, CHÁO, BÁNH, XÔI

VŨ-ĐỨC-TRINH

Bên mâm đồng có bát cơm ;  
Khói xanh bay uốn, hương thơm tỏa đầy.  
Cơm ngon duyên nhớ bùn lầy ;  
Người ăn có nhớ người cấy hay không ?

Cháo hoa tôn kính cháo hành ;  
Trên mâm bát sứ, bát sành cùng miệng.  
Gia đình nghèo, dưới đèn chong,  
Bưng giã bát cháo, xoay vòng, húp trôi.

Bánh chưng kết nghĩa bánh dày :  
Vuông, tròn, thơm, dẻo, sum vầy, nuôi ai.  
Người ta sáng trí, nổi tài,  
Nâng cao phẩm vị của vài thức ăn.

Trên bàn, xôi gấc thơm thớ,  
Sánh ngang xôi, đỗ, xôi vò, khéo xôi.  
Của thiên nhiên vốn quý rồi ;  
Thêm mùi nhân tạo, cả nời chớ ngon.

## THE COOKED RICE, RICE SOUP, CAKES, STEAMED RICE

By VŨ-ĐỨC-TRINH

Beside a copper serving-tray there exists a bowl of cooked rice.  
The green smokes fly curlingly ; a fragrant scent spreads fully.  
The delicious cooked rice remembers with attachment the boggy mud.  
Does the eater remember the ploughman or not ?

The plain rice soup pays regard to the rice soup with onions.  
On a serving-tray the bowls of porcelain and the bowls of crockery wait together.  
A poor family, under a lamp kept burning,  
Holding some five bowls of rice soup, turning them round, absorbs it flowingly.

The cake of glutinous rice ties friendship with the cake of pounded rice :  
Square, round, fragrant, flexible <sup>1</sup>, they assemble in nourishing someone.  
Our men, bright in intellect and eminent in talents,  
Raise up the quality-savor of some two food stuffs.

On the table the sweet-smelling steamed rice with momordica  
Is compagable to the steamed rice with peas, to the scrambled steamed rice,  
cleverly done.

Natural things are ever precious already ;  
With artificial flavors added, the whole pot : with perforated bottom is tasty.

1) « Square » and « fragrant » qualify the first cake, while « round » and « flexible » qualify the second one. These cakes are especially made by the Vietnamese on the occasion of their New Lunar Year's Days and are offered to divinities of the sky and earth. The square and round forms of the cakes, being contradictory, symbolize the female and male elements of nature.

2) Pot : Potful. This is a trope called synecdoche.

## TẾT MƯA

Từ trước Nam-phần Tết nắng to,  
Năm nay mưa Tết, có ai ngờ ?  
Mọi người mát mặt reo ầm pháo,  
Trận gió không tay phất rộn cờ.  
Rán kính : đậm-dà hoa trở gấm,  
Cuốn màn : mơn-mởn liễu buông tơ,  
Xuân này các bạn ra chơi bề,  
Có thấy triều dâng khác thuở xưa ?

Tết Canh-Tý  
ĐÔNG-XUYỀN

## ĐÊM TRĂNG ĐI XE LỬA ĐÀ-LẠT

Muôn dặm đường trường trải nước non,  
Trên cao vẳng vặc bóng trăng tròn.  
Từng mây khói tỏa sương mờ-mịt,  
Đường sắt xe lăn bóng chập-chờn.  
Cây cối dường phô muôn sắc biếc,  
Đất đai như nhuộm một màu son.  
Tiếng còi vang động bầu trời thăm,  
Du-khách bàng-khuàng tỉnh mộng-nôn.

BÀ HỒNG-THIÊN

## QUÊ TÔI

Nhân đọc ba bài *Quê-hương*, *Nhớ quê*  
và *Nhớ quê-hương* của ba thi-sĩ Đoàn-Thêm,  
Phạm-xuân-Độ và Phạm-văn-Hạnh đăng trên  
Văn-Hóa nguyệt-san số 33, 40 và 43.

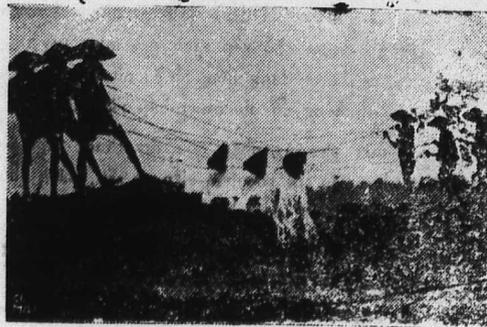
Quê tôi trước sống bằng nghề ruộng-rẫy,  
Năm sát bên cánh phải Cửa-Long-Ciang.  
Cứ mỗi khi lúa rục cánh đồng vàng,  
Nông-dân xúm rù nhau đi gặt hái.

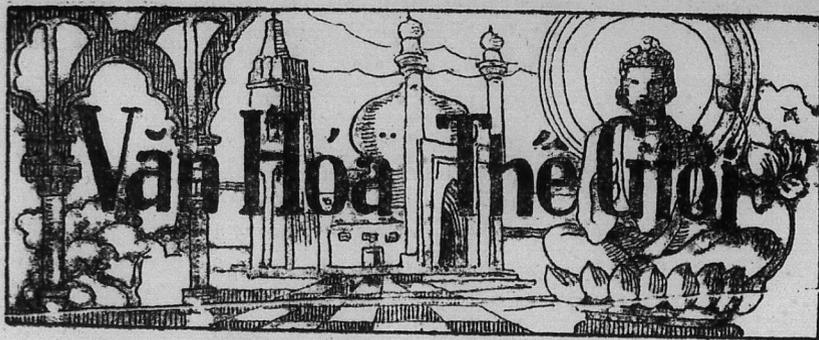
Trên đồng rộng kết thành đàn năm bảy,  
Tay đua làm miệng hát véo-von ran.  
Mỗi chiều sương, tắt nắng, mỗi mai hồng,  
Là lúc họ về, đi trong ước-vọng.

Sau những buổi cần-cù ngoài nước đọng,  
Muôn hạt vàng màu-mỡ được xe về.  
Mùi thơm-tho lúa mới phi lòng quê,  
Mùa ruộng trúng nông-phu sung-sướng quá !  
Trời ! nhưng lúc chiến-tranh về tàn-phá,  
Gót hung-tàn dẫm nát ruộng yêu đương.  
Người nông-dân thắm áo lệ ly-hương,  
Bừng chỗi dậy dặm trường tung kiếm mã.

Nay xa cách trên đường đời rộn-rã,  
Lòng thiết-tha tôi luôn nhớ quê xưa :  
Cánh đồng xanh, nước bạc, mấy hàng dừa...  
Tiếng trâu rống, thợ gặt hò, ôi ! nhớ lắm !  
Tôi nhớ lắm lại càng đau xót lắm !  
Tôi nghĩ rằng phải cố-gắng hơn lên !  
Phải hy-sinh tranh-đấu, vững lòng bền.  
Ất hạnh-phúc quê-hương về trong ấy.

Bút-trạch  
NGUYỄN-VĂN-HÀU





## CÁC HỆ-THỐNG

# THƯ-VIÊN THẾ-GIỚI

*Nguyễn-hùng-Cường*

Nguyên tập-sự

tại các Thư-viện Pháp-Quốc

SỰ phân-loại để xếp sách trên các kệ trong thư-viện là một trong những công việc quan-trọng của ngành thư-viện học. Việc đó có 3 mục-dịch sau :

- 10) Để hoàn bị sự giữ-gìn sách báo ;
- 20) Để tìm kiếm dễ dàng một tác-phẩm khi cần tới ;
- 30) Để tiết-kiệm chỗ xếp sách đến mức tuyệt đối.

Tới nay, người ta đã và đang dùng nhiều phương-pháp xếp sách (modes de classement). Dĩ nhiên, không có phương-pháp nào là hoàn toàn cả.

Việc chọn lọc một phương-pháp còn tùy thuộc tính cách của mỗi thư-viện, các loại sách mà thư-viện có, số nhân-viên có sẵn, cách thức của địa-điểm và cuối cùng là sự đòi hỏi của độc-giả thư-viện đó.

Ngay trong một thư-viện, người ta cũng có thể áp-dụng nhiều phương-pháp xếp sách tùy theo đó là ban cho mượn sách về nhà, là phòng nhi-đồng, là phòng đọc sách của người lớn hay là những loại sách khảo-cứu.

Dù sao, tiêu-chuẩn dùng để chọn một phương-pháp xếp sách là phải phân biệt hai loại sách :

- a) Loại sách để độc-giả có quyền tự-do chọn lấy ở kệ ;
- b) Loại sách lưu-trữ trong kho chứa do nhân-viên thư-viện tìm hộ và giao cho độc-giả mượn.

Về trường-hợp trên, nghĩa là khi độc-giả được phép tự do chọn lấy sách trên kệ (libre accès aux rayons), các sách phải được xếp theo một hệ-thống, một phương-pháp có môn-loại (système) ; các tác-phẩm thuộc chung một đề-tài phải tập hợp với nhau. Lối xếp sách này rất khoa-học.

Về trường-hợp thứ hai nghĩa là khi nào độc-giả phải nhờ tới sự trung-gian của nhân-viên thư-viện mới tìm thấy sách, các tác-phẩm được xếp theo cỡ sách (format) và theo thứ tự thời-gian nhận được sách. Theo lối này, độc-giả phải tham khảo thư-mục (catalogue) để kiểm số hiệu (cote) Phương-pháp xếp sách theo cỡ là phương-pháp giản-dị nhất là không choán chỗ.

Như vậy, về phương-diện căn-bản xếp sách, ta có thể nhìn nhận 2 căn bản :

- 10) Đề-tài sách.
- 20) Hình-thức sách.

Do đó, ta có hai loại hệ-thống xếp sách, mỗi loại dựa vào một căn-bản trên :

- Loại căn-cứ vào căn-bản « Đề-tài » gồm có hệ-thống thư-viện Anh-Mỹ hay hệ-thống theo phương-pháp thập phân Dewey.
- Loại căn-cứ vào căn-bản « Hình-thức » sách gồm có hệ-thống thư-viện Pháp-La-tinh hay hệ-thống xếp sách theo cỡ.

### A. — HỆ-THỐNG THƯ-VIÊN ANH MỸ HAY HỆ-THỐNG THEO PHƯƠNG-PHÁP THẬP PHẦN DEWEY

Hệ-thống này áp-dụng phương-pháp phân loại sách do ông Melvil Dewey sáng tạo vào năm 1873 tại Đại-học đường Amherst thuộc tiểu-bang Massachusetts, Hoa-kỳ. Phương-pháp Dewey không phải là hoàn toàn nhưng hiện giờ cũng chưa có phương-pháp nào tuyệt đối hơn. Do phương-pháp này, người ta có thể xếp sách theo đề-tài.

Khi sáng-tạo phương-pháp thập phân, ông Melvil Dewey phân chia « Sự hiểu biết của loài người » ra làm chín loại :

- |                      |                        |
|----------------------|------------------------|
| — Triết-học          | — Khoa-học thực-nghiệm |
| — Tôn-giáo           | — Mỹ-thuật             |
| — Xã-hội học         | — Văn-chương           |
| — Ngôn-ngữ học       | — Sử-học               |
| — Khoa-học thuần túy |                        |

Vì lẽ mỗi phương-pháp phân loại đều phải có một loại tổng-quát, nên ông soạn thêm loại thứ mười, đứng đầu bằng phân loại Dewey và dành riêng cho sách thuộc loại tổng-quát. Trong bảng phân loại, ông Dewey dùng ba số A-rập để ghi chú. Nhưng loại đề-mục chính và những số-hiệu của những sách đó được phân chia như sau :

- |                       |                            |
|-----------------------|----------------------------|
| — 000 Sách tổng-quát  | — 500 Khoa-học thuần túy   |
| — 100 Triết-học       | — 600 Khoa-học thực-nghiệm |
| — 200 Tôn-giáo        | — 700 Mỹ-thuật             |
| — 300 Khoa-học xã hội | — 800 Văn-học              |
| — 400 Ngôn-ngữ học    | — 900 Sử-học               |

Sau khi đã chọn xong những loại chính, ông Dewey thấy cần phải chia mỗi loại đó ra làm nhiều phần tử nhỏ. Theo đúng lý, mỗi loại có thể được phân ra làm hai hay nhiều loại phụ, nhưng ông Dewey nhận thấy phải dùng kế hoạch chia mỗi loại ra làm chín phần tử nhỏ và cứ tiếp-tục chia như thế mãi.

Ví dụ, loại 500 được chia ra toán-học, thiên-văn học, vật-lý học, hóa-học, địa-chất học, cơ sinh-vật học, sinh-vật học, thực-vật học, động-vật học.

Theo trên đây, cứ tùy mỗi đề-tài mà ghi vào sách, số-hiệu lấy trong bảng Dewey và xếp sách lên kệ đã dành cho từng môn loại.

Các nước Anh-Cát-Lợi, Hoa-Kỳ, Gia-Nã-Đại đều theo lối Dewey. Mới đây ở Việt-Nam, Thư-viện Học-viện Quốc-gia Hành-chánh, Thư-viện Thông-tin Hoa-Kỳ, Thư-viện Văn-khoa Đại-học đường, Phòng đọc sách đồ-thành của bộ Thông-tin đã áp-dụng phương-pháp thập phân Dewey.

B.— HỆ-THỐNG THƯ-VIÊN PHÁP LA-TINH HAY  
HỆ-THỐNG XẾP SÁCH THEO CỠ

Hệ-thống Thư-viện Pháp La-tinh bao trùm một phần lớn các thư-viện phía Tây và Bắc Âu-Châu : Ý, Pháp, Đức, Bỉ, Na-Uy, Đan-Mạch, Thụy-Điền, Y-Pha-Nho, Bồ-Đào-Nha.

Hệ-thống Pháp La-tinh xếp sách theo cỡ (format) tức là theo hình thức quyển sách, không cần quan tâm tới đề-tài. Chỉ riêng các sách về loại sưu-tập (collections) hay loại có nối tiếp (ouvrages à suite) phải tập-hợp với nhau.

Đĩ nhiên, lối xếp sách theo cỡ không choán chỗ và lại làm tăng về thẩm mỹ của thư-viện.

Thường thường, người ta chia sách ra làm ba cỡ :

a) Cỡ nhỏ (petit format) : bề cao không quá 20 phân. Số hiệu sẽ là N, là F hay là In-12 thêm một số thứ-tự.

b) Cỡ trung (moyen format) : giữa 20 và 35 phân. Số hiệu là T, là M hay là In-8 và In-4<sup>o</sup>.

c) Cỡ đại (grand format) : trên 35 phân. Số hiệu là Đ, là G hay là In-fol.

Lối xếp sách này thì rất thực-tế nhưng không khoa-học như lối Dewey và lại cần có một thư-mục làm rất cần-thận và tinh-vi vì chỉ nhờ có thư-mục mà người ta tìm thấy sách.

Ở Pháp, lối xếp sách theo cỡ được áp-dụng trong các thư-viện lớn như Thư-viện Quốc-gia Paris và các thư-viện Đại-học.

Ở Việt-nam, cựu Thư-viện Trung-ương Hà-nội, Thư-viện Quốc-gia (số 34, đường Gia-long), Tổng Thư-viện (P. Ký), Thư-viện Phái-doàn Văn-hóa Pháp (số 31, đường Đồn-Đất), Thư-viện trung-tâm diềm Văn-hóa Đức-quốc đều dùng lối xếp sách theo cỡ.

Tuy nhiên, ở Pháp, những thư-viện cho mượn sách về nhà, thư-viện lưu-động, thư-viện nhi-đồng đều áp-dụng lối thập phân đơn-giản Dewey vì họ muốn để độc-giả tự chọn lấy sách trên kệ theo đề-tài.

Với những đặc-diểm chuyên-môn mới này, các thư-viện bên Pháp tuy vẫn thuộc hệ-thống Pháp La-tinh, có thể coi như đã bắc một nhịp cầu trung-gian nối liền với hệ-thống Anh-Mỹ.

## KẾT-LUẬN

Lược khảo hai hệ-thống thư-viện trên thế-giới, những lời bàn trên đây của tôi không nhằm mục-dịch đi sâu vào chi-tiết của sự đối chiếu hai lối xếp sách, xong thiết-tưởng cũng đủ đem lại cho chúng ta một vài yếu-tố quan trọng về công việc cải tiến thư-viện Việt-Nam.

Để nền thư-viện có thể tiến-triển cùng một đả với xã-hội và hướng về các đòi hỏi tiên đoán của một tương lai phù-hợp với nguyện-vọng của độc-giã Việt-Nam, chúng ta cần ghi cả hai phương-pháp :

a) Hoặc dùng lối xếp sách theo cơ của hệ-thống Pháp La-tinh cho các Phòng đọc sách lớn.

b) Hoặc dùng lối thập phân đơn-giản Dewey của hệ-thống Anh-Mỹ cho các thư-viện mượn sách về nhà, cho thư-viện nhi-đồng và thư-viện lưu-động.

NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG

HÀNG THÁNG HÃY ĐÓN ĐỌC :

## VĂN-HÓA Á-CHÂU

Cơ-quan phát-huy văn-hóa dân-tộc, nghiên-cứu tinh-thần Á-Châu và dung-hợp tư-tưởng Đông-Tây

Chủ bút : NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC

Thư-ký tòa soạn : LÊ-XUÂN.KHOA

Tòa-soạn : 201, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn

Giá bán mỗi số : 20đ.

# GIÁO DỤC



KHẢO-CỨU NỀN GIÁO-DỤC NHẬT-BẢN HIỆN-ĐẠI

## PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC Ở THỜI ẤU-TRÌ

(ÉDUCATION MÉTHOD OF CHILDREN OF PRÉ-SCHOOL AGE)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 47)

Đoàn-văn-An

Tiến-sĩ Văn-khoa Nhật-Bản

Tốt nghiệp Đại-học Cao-đẳng Sư-phạm

### III.— ẤU-TRÌ-VIỆN

(Kindergarten)

Phương-pháp giáo-dục ở gia-đình là hoàn toàn dựa vào tình gia-tộc, kỷ-nhi viện là căn cứ vào mục-dịch giúp các bà mẹ giải-quyết vấn-đề kinh-tế gia-đình. Cho nên thật ra mà nói thì chỉ có Ấu-trì-viện mới thật là cơ quan giáo-dục thật thụ, chú trọng hoàn toàn đến mục-dịch giáo-dục cho các trẻ em ở thời ấu-nhi. Vậy cho nên sau đây chúng ta cần phải tiếp-tục nghiên-cứu về lịch-trình phát-triển, cách thức tổ-chức và phương-pháp giáo-dục của

VĂN-HÓA — SỐ 48

Ấu-tri-viện đề cho phần nghiên-cứu « phương-pháp giáo-dục ở thời ấu-nhi » này được thêm hoàn-bị.

### I.— LỊCH-TRÌNH PHÁT-TRIỂN CỦA ẤU-TRÍ-VIỆN

Căn cứ vào lịch-sử giáo-dục Nhật-Bản thì Ấu-tri-viện được chính thức thành lập từ năm 1886. Sự thành lập Ấu-tri-viện này không phải là một kết-quả tình-cờ ngẫu nhiên, mà là do sự tuần tự phát-triển từ những thời đại xa xưa để lại. Lịch-trình phát-triển ấy như thế nào?

a) *Thời đại Tokugawa (Đức-Xuyên) 1603-1868*: Trong thời đại Tokugawa, ở Edo, thủ-đô của Nhật-Bản thời ấy cũng đã có những tổ-chức giáo-dục chuyên dạy cho các trẻ em ấu-nhi như các trường Terakoya v. v. Về điểm này trong quyển « Education in Tokyo » chép « Especially with reference to Terakoya, it was generally believed from quite olden times that if a child entered Terakoya on the 6 th month of the year when he became 6 years old, he would later become very skillful in hand-writing, and the parents were almost impatient in waiting for their child to reach six years ». (1) Nghĩa là « Nhất là với các trường Terakoya, ngày xưa người Nhật-Bản tin rằng: Nếu cho con vào học ở các trường này đúng vào ngày mồng 6 tháng thứ 6 của năm thì khi lớn lên, được 6 tuổi, người con ấy sẽ có tài-hoa về nghệ-thuật viết chữ. Vì thế cha mẹ rất nóng lòng đợi cho con lên 6 tuổi ». Căn cứ vào đoạn văn này chúng ta thấy: ở thời đại Tokugawa xa xưa ấy, trong các trường Terakoya cũng có những lớp học dành riêng cho các trẻ em dưới 6 tuổi, tương đương với tuổi các em học ở Ấu-tri-viện ngày nay. Về phương-pháp giáo-dục của các lớp này cũng có nhiều điểm giống với Ấu-tri-viện hiện tại như tập vẽ, tập viết, tập xếp giấy thành hình các loài động-vật, kể chuyện, thủ-công v. v. Cho nên với những tổ-chức ấy chúng ta có thể xem như là Ấu-tri-viện trong thời kỳ còn thô-sô ấu-trí vậy.

b) *Thời đại Minh-trị duy tân (1868-1912)*: Thời đại Minh-trị duy tân bắt đầu từ năm 1868. Điều quan trọng trong thời đại này là chủ-trương thâm nhập tất cả nền văn-minh Âu Mỹ, và ban hành chế-độ giáo-dục mới. Trong chế

(1) « Education in Tokyo » trang 39.

độ giáo-dục mới này hoạch-định rõ ràng các tổ-chức và phương-pháp giáo-dục từ Tiểu-học đến Đại-học. Trong điều-khoản thứ 22 của sắc-lệnh « Giáo-dục pháp quy » công bố năm 1872, về mục Tiểu-học có đề cập đến Ấu-nhi Tiểu-học (Elementary school for Infants) như sau: « Các trường Ấu-nhi Tiểu-học là nhằm đến mục-dịch dạy mở lòng cho tất cả trẻ em trai và gái dưới 6 tuổi, trước khi chúng nó vào học ở Tiểu-học ». (2) Căn cứ vào điều-khoản này chúng ta thấy các trường Ấu-nhi Tiểu-học, tức là Ấu-tri-viện hiện tại đã nảy mầm phát sanh từ thời-đại Minh-trị duy tân.

c) *Trường Nữ Sư-phạm đầu tiên của ngành Ấu-tri-viện*: Ở thời đại Minh-trị duy tân, trong chế-độ giáo-dục mới mặc dù đã có đề-xướng đến ngành giáo-dục của Ấu-nhi, nhưng vì là giai-đoạn đầu nên các trường Ấu-nhi Tiểu-học còn là một chuyện mới lạ đối với dân chúng, vì thế số trẻ em, nhất là các em gái vào học ở đây rất ít ỏi. Để đào tạo thêm giáo-viên và để làm tiên phong hướng đạo cho phong-trào giáo-dục Ấu-nhi, nên bộ Giáo-dục đã chấp thuận đề-nghị mở một trường Nữ Sư-phạm cho ngành giáo-dục này vào năm 1874 ở Tokyo. Đến ngày 2 tháng 2 năm 1875, trong khi làm lễ lạc thành trường Nữ Sư-phạm này, Minh-Trị Thiên Hoàng đã ban sắc-lệnh với một câu kết như sau: « Đàn bà là cơ-sở của ngành giáo-dục Ấu-nhi, điều ấy không ai có thể phủ-nhận được ». (Womanhood is foundation of infant education and should not be disregarded). Chúng ta có thể xem đây là một lời khuyến-khích nồng-nghệ của Thiên-Hoàng đối với các giới phụ-nữ trong vấn-đề giáo-dục Ấu-nhi. Và đây cũng là một trường Nữ Sư-phạm về ngành Ấu-tri-viện đầu tiên của Nhật-Bản vậy.

Tóm lại, ngành giáo-dục ở Ấu-tri-viện đã bắt đầu phát sanh từ thời-đại Tokugawa và Minh-Trị, nhưng ở 2 thời-đại này Ấu-tri-viện chỉ là một ngành phụ thuộc trong ngành giáo-dục Tiểu-học và cũng chưa lấy gì làm phát-triển lắm. Đến thời Đại-Chánh và Chiêu-Hòa, sau khi sắc-lệnh Ấu-tri-viện ban hành (1926), ngành Ấu-tri-viện được xem là một ngành giáo-dục riêng biệt ngoài Tiểu-học. Từ đó, cách thức tổ-chức cũng như phương-pháp giáo-dục mỗi ngày một được cải-thiện hoàn-bị hơn, và do đó ngành giáo-dục ở Ấu-tri-viện được lần lần phổ-cập trong quần-chúng. Ở đây, cần nhắc lại một lần nữa là: Ngành Ấu-tri-viện của Nhật-Bản một phần lớn đều dựa vào cách thức tổ-chức và phương-pháp giáo-dục của Ấu-tri viện ở nước Đức, do ông Frobel đề-xướng và phát-minh.

(2) « 80 chế-độ giáo-dục » trang 723.

### NHỮNG ĐIỀU-KHOẢN TRỌNG-YẾU TRONG SẮC-LỆNH ẤU-TRÍ-VIỆN (3)

Trong bản sắc-lệnh « Tiểu-học thi hành quy-tắc » công bố năm Minh-Trị thứ 33 (1900) và bản « Ấu-trí-viện thi hành quy-tắc » công-bố năm Đại-Chánh thứ 15 (1926) có ghi rõ tất cả chi-tiết về quy-tắc, điều-lệ, mục-dịch, cách thức tổ-chức, phương-pháp giáo-dục của Ấu-trí-viện. Nhưng vì quá nhiều, nên ở đây tôi chỉ rút ra một vài điều-khoản trọng yếu để làm tài-liệu nghiên-cứu mà thôi.

**Khoản I.**— Mục-dịch của Ấu-trí viện là nhằm đến sự phát-triển tài năng; bồi bổ cá-tánh, tăng cường sức khỏe và đào-luyện cho các em ấu-nhi những hành-vi, đức hạnh tốt đẹp đối với gia-đình và xã-hội.

**Khoản II.**— Các em Ấu-nhi bất cứ là trai hay gái từ 3 tuổi đến 6 tuổi đều có thể vào học ở Ấu-trí-viện. Tuy nhiên, tùy theo trường hợp đặc-biệt, các trẻ em trên 2 tuổi cũng được nhận vào học, và các trẻ em đã quá 6 tuổi cũng có thể được phép lưu lại ở Ấu-trí viện.

**Khoản VII.**— Các giáo-viên ở Ấu-trí-viện được xem như những người dưỡng-mẫu, có bổn-phận chăm nuôi săn sóc các em ấu-nhi trong Ấu-trí-viện, không cần phải có người nhà giúp đỡ. Tuy nhiên, với hoàn cảnh đặc biệt người nhà cũng có thể ở lại giúp đỡ cho đến khi em ấu-nhi ấy quen với đời sống tập thể ở Ấu-trí-viện. Ngoài ra, những em ấu-nhi không thể đi lại trường một mình được thì cần phải có người nhà mang đến và đưa về.

**Khoản IX.**— Các Ấu-nhi đã được nhận vào học ở Ấu-trí-viện phải tùy theo tuổi-tác mà chia thành nhiều lớp. Những trẻ em trên 5 tuổi được liệt vào lớp nhất, những em 4 tuổi liệt vào lớp nhì và các em 3 tuổi vào lớp ba.

**Khoản X.**— Thời-giờ chăm nuôi dạy bảo được quy-định mỗi ngày 4 giờ. Tuy vậy, tùy theo trường-hợp bất thường, các em Ấu-nhi có thể được phép trở về nhà sớm hơn.

Ngoài những điều-khoản trên đây, vì 2 bản sắc-lệnh này là nòng cốt của Ấu-trí-viện, nên trong đây có nêu rõ tất cả những chi-tiết tỷ-mỷ, tường

(3) Theo tài-liệu trong bộ « 80 chế-độ giáo-dục sử » từ trang 789 đến trang 805.

tận. Thiết nghĩ với những điều-khoản đã ghi trên cũng đủ cho ta một khái-niệm tổng-quát về cách thức tổ-chức Ấu-trí-viện của Nhật-Bản, cho nên tôi không ghi vào đây nhiều.

### 3.- ĐIỀU-KIỆN XÂY DỰNG TRƯỜNG-ỐC VÀ GIÁO-VIỆN CỦA ẤU-TRÍ-VIỆN

Đại phạm muốn xây dựng một Ấu-trí-viện, bất cứ là công hay tư cũng phải theo đúng những điều-kiện và quy-tắc đã vạch định trong bản sắc-lệnh « Ấu-trí-viện thi hành quy-tắc » khoản 19 sau đây : (4)

a) Xây dựng những nơi không có tánh-cách phương hại đến vấn-đề vệ-sinh sức khỏe và luân-lý đạo đức của trẻ em.

b) Không được xây thêm nền quá cao và phải có đủ phòng học, phòng chơi và các thứ phòng cần yếu khác.

c) Bề rộng của phòng học là tùy theo số trẻ em, nhưng ít nhất cũng phải rộng 1 tsubo (5) cho 5 trẻ em.

d) Sân chơi thì ít nhất mỗi trẻ em cũng phải có một khoản đất rộng 1 tsubo.

d) Trong một Ấu-trí-viện cần phải có đủ các dụng-cụ cần-thiết như đồ chơi, tranh ảnh, nhạc-khí, bảng đen, bàn ghế v.v., nhất là phải có phòng thuốc và phòng khám bệnh.

Còn về giáo-viên cũng trong bản sắc-lệnh « Ấu-trí-viện thi-hành quy-tắc » ấy đã nêu rõ như sau :

**Khoản III.**— Trong một số Ấu-trí-viện chỉ có thể thu nhận dưới 120 trẻ em. Nhưng tùy theo hoàn cảnh đặc-biệt, số ấu-nhi cũng có thể tăng lên đến 200.

**Khoản IV.**— Một giáo-viên chỉ có thể nuôi dạy 40 trẻ em trở xuống.

**Khoản V.**— Phải tùy theo tuổi tác của trẻ em mà chia thành nhiều lớp.

**Khoản VI.**— Phải tùy theo các lớp học, môn học, giờ học mà phân phối giáo-viên phụ trách cho đủ.

(4) « Nhật-Bổn Giáo-dục sử » (Đại-Chánh niên-gian) trung 71.

(5) 1 tsubo là rộng 6 thước vuông Nhật, tức là độ hơn 2 thước vuông bên ta. Tsubo là đơn-vị đo-lường về nhà, ruộng, vườn v.v... của Nhật.

**Khoản VIII.**— Viện-trưởng của Ấu-trí-viện phải là người có bằng Sư-phạm về cấp Tiều-học. Còn giáo-viên thì cần có bằng sư-phạm Ấu-trí-viện. (6)

**4.— SỰ BÀNH-TRƯỞNG PHÁT-TRIỂN CỦA ẤU-TRÍ-VIỆN QUA CÁC THỜI-ĐẠI**

Ở giai-đoạn đầu, Ấu-trí-viện là một hình thức giáo-dục mới lạ đối với dân chúng, vì thế cả toàn quốc chỉ có 1 Ấu-trí-viện ở thủ-đô Tokyo mà thôi. Nhưng từ khi mở trường Nữ Sư-phạm của Ấu-trí-viện vào năm 1875 trở đi, nhờ sự khuyến khích của chính-phủ và sự nỗ-lực làm việc của những người hữu trách đối với ngành giáo-dục ấy, nên dân chúng mỗi ngày một thấy rõ lợi ích thiết thật của nó. Do đó, ngành Ấu-trí-viện được mỗi ngày một bành-trướng phát-triển, cho đến bây giờ thì khắp cả thành thị đến thôn quê, tất cả mọi nơi đều có mọi Ấu-trí-viện. Sau đây là bản thống-kê lịch-trình bành-trướng phát-triển của ngành giáo-dục Ấu-trí-viện qua các thời đại từ xưa đến nay:

BẢN ĐỒ ẤU-TRÍ-VIỆN (7)

Thời đại	Niên đại	Số trường	Giáo viên	HỌC SINH		Tổng cộng	
				trai	gái		
Minh Trị	10	1876	1	5	101	57	158
—	12	1879	4	7	132	121	253
—	20	1887	67	137	2.252	1.895	4.147
—	30	1897	222	529	10.591	9.134	19.727
Đại Chánh	2	1913	568	1.605	25.303	22.065	47.368
—	15	1926	1.066	3.274	48.520	45.902	94.422
Chiêu Hòa	2	1927	1.183	3.598	5.1094	48.280	99.374
—	7	1932	1.706	5.333	66.257	62.744	129.001
—	16	1941	2.084	7.182	107.456	104.006	211.462
—	27	1952	2.837	14.165	189.506	181.161	370.667

Căn cứ vào bản thống-kê này chúng ta đã thấy sự bành-trướng phát-triển của Ấu-trí-viện ở Nhật-Bản. Nhất là mấy năm gần đây do tình thế ổn định, kinh-tế phát-triển, nên số trẻ em học sinh cũng như Ấu-trí-viện mỗi ngày một tăng lên vùn

(6) « Nhật-Bản giáo-dục sử » trang 67-68.

(7) Phòng lược theo 2 bản đồ thống-kê về Ấu-trí-viện trong cuốn « Education in Tokyo » trang 44-45 và bộ « 80 chế-độ giáo-dục sử » trang 1040-41.

vực. Hiện tại thì hầu hết các chùa ở Nhật đều có ít nhất là mỗi chùa một Ấu-trí-viện do các Sư-ni hoặc các nữ tín-đồ trông nom. Mà chùa ở Nhật thì thật vô số kể! Cũng vì lẽ đó nên số trường tư-lập bao giờ cũng nhiều hơn xấp 2 hoặc 3 lần các trường công-lập. Theo bản thống-kê trong cuốn « Education in Tokyo » thì vào năm 1933 tổng cộng tất cả có 1.862 Ấu-trí-viện, mà trong đó tư-lập chiếm hết 1.309, còn công-lập chỉ có 553 trường mà thôi. Và theo bộ « Education in the New Japan » thì đến năm 1938 đã có hơn 2000 Ấu-trí-viện, trong đó hết hai phần ba là thuộc về tư lập. (In 1938 there were over 2.000 in existence, of which two-thirds were privately operated). (8).

**5.— MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC CỦA ẤU-TRÍ-VIỆN**

Ở đây cũng thế, để hiểu qua mục-dịch và phương-pháp giáo-dục của Ấu-trí-viện, không gì hơn là căn cứ vào các bản sắc-lệnh và các đạo luật đã được công bố từ xưa đến nay. Các đoạn trên chúng ta đã căn cứ vào 2 bản sắc-lệnh của thời Minh-Trị và Đại-Chánh, vậy ở đây chúng ta hãy nương theo đạo luật của thời Chiêu-Hòa hiện đại để hiểu qua sự đồng dị của nó. Về mục-dịch của Ấu-trí-viện, đạo luật « Học-hiệu giáo-dục: pháp công-bố năm 1947 » chép:

**Khoản 77.**— Mục-dịch của Ấu-trí-viện là tạo một hoàn cảnh thích đáng, nuôi dạy và phát-triển những khả-năng về thân thể, tâm hồn của trẻ em ấu-nhi.

Còn về phương-pháp giáo-dục cũng trong đạo luật ấy chép như sau:

**Khoản 78.**— Để thực-hiện mục-dịch trên, giáo-viên cần phải nỗ-lực thực-hành theo những phương-pháp sau:

a) Tập cho trẻ em quen với những phong-tục tập-quần của đời sống hằng ngày và điều hòa phát-triển những cơ-năng trong thân thể.

b) Khuyến-kích trẻ em vui sống với đời sống tập đoàn để rút kinh-nghệm; đồng thời đào-tạo trẻ em có tinh thần tự-chủ và tự-trị.

c) Hướng-dẫn trẻ em đến một sự hiểu biết đúng đắn đối với nhân-quần xã-hội và những sự-vật xung quanh.

d) Huấn-luyện cách ăn nói và làm cho trẻ em biết vui thích thưởng thức những câu chuyện, những tranh ảnh, sách vở thuộc về loại nhi-đồng.

(8) « Education in the new Japan » trang 55.

d) Làm này-nở óc sáng-tác và biết cách phê-bình thường thức các thứ âm-nhạc, hội-họa, trò chơi v.v... (9)

Nói một cách vắn tắt, mục-dịch của Ấu-trí-viện là làm cho trẻ em quen với đời sống tập-thể, nuôi lớn một thân thể mạnh khoẻ cường tráng, phát-triển mọi khả-năng về lý-trí tình-cảm của tuổi Ấu-nhi. Vì thế, tất cả những phương-pháp giáo-dục có tánh cách đưa trẻ em đến mục-dịch ấy đều được áp-dụng ở đây.

#### 6. — CÁCH THỨC ÁP-DỤNG PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC Ở ẤU-TRÍ-VIỆN

Trong bản sắc-lệnh « Ấu-trí-viện thi hành quy tắc » của thời Đại-Chánh về khoản thứ 2 có nêu rõ : « Phương-pháp giáo-dục trẻ em ở Ấu-trí-viện gồm có chơi đùa, ca hát, quan-sát, kể chuyện và thủ-công » (10). Phương-pháp giáo-dục này vẫn được ứng-dụng ở các trường Ấu-trí-viện của thời Chiêu-Hòa hiện tại. Vì thế ở đây chúng ta hãy tìm hiểu cách thức áp-dụng ấy như thế nào ?

a) *Chơi đùa* : Để làm phát-triển này nở mọi cơ-quan trong thân thể của trẻ em, ở Ấu-trí-viện có nêu rõ : Phải có ít nhất một sân chơi rộng-rãi và những dụng-cụ cần thiết để các em có thể tập-tành, chơi đùa, chạy nhảy, thể-dục v.v. Đại-khái mà nói thì cách chơi đùa ở Ấu-trí-viện có chia thành 2 loại : chơi đùa theo lối tự-do ở ngoài sân rộng và chạy nhảy ca múa theo nhịp-điệu âm-nhạc ở trong phòng học.

b) *Ca hát* : Ca hát cũng là một môn giáo-dục quan-trọng ở đây. Tuổi ấu-nhi là tuổi động, các em không thể ngồi điềm tĩnh yên-lặng lâu được. Lợi-dụng năng-tánh ấy, ở Ấu-trí-viện thường chỉ dạy cho các em cách ca hát, chơi âm-nhạc v.v... Âm-nhạc thì chú-trọng dạy các em đọc nốt nhạc, nghe nhạc và ý-nghĩa các bài hát. Còn ca hát thì dạy các em những bài hát dễ nhớ, dễ hiểu của Ấu-nhi. Những bài hát này thường phỏng-tác theo những chuyện vui, chuyện thần tiên, hoặc diễn-tả theo những đoạn lịch-sử anh hùng của dân tộc, với mục-dịch gọi cho trẻ em những ý-niệm cảm-tình đẹp đẽ về đời sống và tuổi trẻ.

(9) Trích dịch trong bộ « Lục pháp toàn-thơ » về luật giáo-dục trang 1473.

(10) « Nhật-Bồn giáo-dục sử » trang 67.

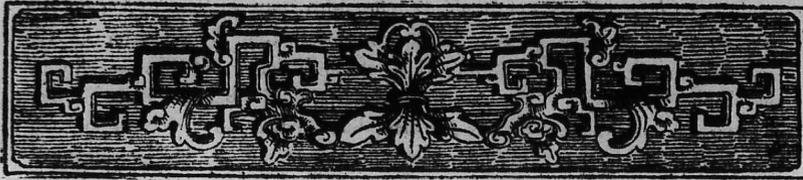
c) *Quan-sát* : Tuổi ấu-nhi là tuổi thích tìm hiểu. Các trẻ em thường nhìn những sự-vật xây ra xung quanh với một thái-độ tò-mò, chăm-chú tìm hiểu. Để làm này-nở khuynh-hướng thích tìm hiểu ấy, và để đào-tạo cho trẻ em nhanh thêm về óc suy-nghĩ, trí xét-đoán nên các bài học thuộc về loại quan-sát này thành lập. Các bài học này thường dựa vào những sự-khiến đã xảy ra xung quanh để giải-thích, hỏi han, hướng-dẫn trẻ em đến một sự quan-sát hiểu biết đúng đắn. Đồng thời cũng có những bài dựa vào những tình-dục, những sự hiểu biết sẵn có của trẻ em rồi phân-tích giảng-giải thêm đưa các em đến một thái-độ rộng rãi, yêu người và sự-vật chung quanh.

d) *Kể chuyện* : Trong ấu-trí-viện giờ học thích-thứ nhất của trẻ em là giờ kể chuyện. Bài học thuộc về loại kể chuyện này gồm có các loại : chuyện thần-tiên, chuyện ngụ-ngôn đặt-sử, chuyện cổ-tích và các câu chuyện có tánh cách lịch-sử đời xưa và đời nay. Trong đây các câu chuyện thuộc về loại chuyện thần tiên có lẽ làm cho trẻ em thích-thứ nhất. Trong khi kể chuyện người giáo-viên khéo léo gọi cho trẻ em những tình-cảm đẹp đẽ, những tư-tưởng, ý nghĩ trong sáng, và đồng thời cũng kích-thích óc tưởng-tượng, trí phán-đoán, lòng kính trọng đối với những bậc anh-hùng nghĩa-dũng v.v...

e) *Thủ-công* : Những ngày lễ quốc-khánh, ngày lễ kỷ-niệm của trường hoặc ngày sinh-nhật của các em là một dịp tốt để đào-luyện cho trẻ em về kỹ-thuật thủ-công. Thủ-công ở đây phần nhiều nhằm đến việc làm hình nhân, xếp giấy thành hình những động-vật, đồ dùng, hoặc nắn đúc tạo về những sự vật, hiện-tượng xung quanh. Hiện tại ở Nhật-Bản người ta có làm sẵn các đồ chơi nhỏ bằng gỗ hoặc bằng giấy cứng cho trẻ em coi, đến giờ thủ-công thường bảo trẻ em tập sắp những đồ chơi ấy thành hòn núi, cái nhà, chiếc thuyền v.v. Nói một cách khác, giờ thủ-công là chú-trọng đào-tạo cho trẻ em óc sáng-tạo, thuật thẩm mỹ, tài kiến-trúc và cách xử-dụng tay chân.

Tóm lại, phương-pháp giáo dục ở Ấu-trí-viện là chơi và học tương đương: trong khi chơi mà học, trong khi học mà chơi. Giáo-viên ở đây không phải là những người để mà trừng phạt, bắt buộc trẻ em làm những việc các em không thích; trái lại, họ là những người chỉ, người mẹ, bao giờ cũng hiền dịu dạy bảo, dỗ dành các em. Do đó, Ấu-trí-viện đối với trẻ em cũng như là một đại gia-đình với đời sống tập-thể, đến đó các em được chơi, được học, được thầy bạn chiều chuộng triu mến. Cho nên ngoài phương-pháp giáo-dục ở gia-đình, và cách nuôi dạy trẻ con ở các Ký-nhi-viện, ngành Ấu-trí-viện ở Nhật-Bản thật là một tổ-chức đáng chú ý trong phương-pháp giáo-dục trẻ em ở thời Ấu-nhi vậy.

ĐOÀN-VĂN-AN



## THÚ XEM TRUYỆN TÀU

(Tiếp theo V.H.N.S. số 45)

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

### KẾT-LUẬN

Trong hai bài dài « Từ ngựa hay . . . » « Qua cái hay của những pho truyện Tàu » tôi đã rón nêu cao nghệ-thuật kể chuyện của người Trung-Hoa Nay xin có ít lời đại-lược bàn qua phương-pháp viết sử

Xét ra người Pháp viết sử, xán-lạn vô cùng, vừa gọn vừa khéo. Nhưng đôi khi vì quá chú-trọng sự văn-tất, bởi quá gọn ghẽ mà văn thiếu nhựa sống, gằn thành khô khan. Bởi quá dồn ép trí nhớ, không bỏ sót chi tiết : năm, tháng, ngày, giờ nào đã xảy ra sự việc gì đều biên chép kỹ càng khiến nên sinh-viên rón nhớ muốn bề đầu và mỗi năm sau mùa thi cử, đậu cũng như rớt, học-trò đều trả lại cho thầy dạy, gởi cho các vị giám-khoa chủ khảo : bataille de Rocroi xảy ra năm nào ? trận Valmy, hòa-ước Versailles phai mờ dần trong trí não, mặc dù học tập kỹ càng đến đâu về sau không tài nào nhớ và kể lại đủ ngọn ngành và kẻoi trá như ta đã kể được truyện Tàu.

Sử Việt cũng thế. Văn nhại đi nhại lại mãi những tích cũ chép trong các bản không còn hợp thời, hoang-dường, sai lệch cũng mặc, phương-pháp la-không thống nhất : khi thì kể ngày theo dương-lịch khi thì chép theo âm-lịch, chánh-tả không thận trọng, bản đầu sai lệch, tái-bản cũng đề y không chịu sửa chữa cho đúng sự thật. Tích nó thần, tích sùng tề-giác rẽ đường dưới nước cho đi dạo Thủy-phủ, nên gọi Hùng-vương hay Lạc-vương, Trưng-Trắc chạy Chung-chắc, Triệu-Ấu hay bà Triệu, thật là rối và khó nhớ. Lại còn nạn ra-

nói thêm. Thời Cổ Hỷ mà đánh nhau binh muôn này và muôn khác, quên rằng đời xưa vận tải khó khăn, binh nhiều quá giải lương thảo sao cho kịp ăn.

Đến như người Tàu sao họ khéo thế? Nói chơi mà nghe, như mấy con chiến-mã trong truyện, dám chắc ít ai cố muốn nhớ làm gì. Nhưng bởi cách kể chuyện hứng-thú, bởi sự khéo xếp-đặt có mạch lạc thêm gay cấn, nên những ai đã từng đọc truyện Tàu một lần cũng nhớ được mờ nhảm, để khi trả dư từu hậu, đem ra luận-bàn thật thích-thú vô cùng.

Tuy vẫn biết người Tàu thời xưa, khi chép sử, hoặc khi kể truyện vẫn chú-trọng việc vua chúa, việc triều-đình, ít khi quan tâm đến vấn-đề xã-hội, vấn-đề kinh-tế của dân-gian, đây cũng là một sở-đoàn đáng tiếc, nhưng sở-trường mà ai ai cũng nhìn nhận là họ có một phương-pháp thuật chuyện rất duyên dáng và dễ nhớ.

Tam-Quốc, Tây-Du, Phong-Thần, Thủy-Hử, đàn-bà, đàn-ông, lão quan, thiếu-sinh, người học-thức, hạng dân quê dốt, đều nhớ không nhiều thì ít, gặp nhau đều thông-cảm và có thể trao đổi tư-tưởng bằng những tỷ hứng đây thi vị rút trong nhân-vật truyện Tàu (Việt-Nam, Thái-lan, Nhật-bản, Khmer đều có dịch Tam-Quốc ra quốc-văn mỗi nước).

Đến đây tôi xin mở một dấu ngoặc :

— Người Tàu tả hai nước giao-tranh, tương ra đánh với tướng, « một tới một lui một qua một lại », khi nào có một tướng bị giết, thì quân sĩ của tướng ấy kéo nhau chạy dài. Thế thì xưa cần tướng hơn binh, phải chăng? Truyện Tàu tả những trận giáp-chiến na-ná như thế, có thể tin được chăng? Tôi có từng nghe ông bà kể lại như vào đời Tự-Đức, người Cao-miền miệt Sóc-trăng đánh nhau với người Việt, nghe đâu như lúc đó ông Nguyễn-tri-Phương đã từng cầm binh xuống miệt Ba-xuyên dẹp giặc này (1). Trong những trận giặc « mùa » (vì đợt mùa lúa chín dân Thổ mới ra cướp giết) hoặc mỗi lần « sóc dậy », tức khi người Miên kéo cả xóm, cả sóc (srock) ra « đánh giặc » thì đôi bên cùng chà-gạc mác thông mà chém giết lẫn nhau, kẻ nào đánh

(1) Ở miệt Sóc-trăng ông già bà cả còn kể tên giặc Xà-na Tea, tức là giặc Thổ tên Tea. (Tea, là chim vịt.)

giặc thì lo đánh, kẻ nào đành phá cướp giựt thì chuyên lo đốt phá cướp giựt. Trái lại đàn bà, trẻ nhỏ, nếu chắc trong lòng binh phe mình đông, giữ thể thảng trong tay, thì cũng dám ở đằng xa đứng trên gò nòng xem chơi, thật cũng lạ. Ta thử tưởng-tượng : Ai đánh mặc ai, đàn bà trong xóm vẫn có thể âm con ra thị-thiền, ngó chừng như đi xem hát, chán thì về, rùi thua cũng biết đường mà chạy trước. Giặc giã như thế, tin được chăng ? Hết giặc mùa, đàn trở lại làm ăn, cấy cày, huê thú. Có chiến, có hưu.

Cách nay trên ba mươi năm, tôi có được nghe một ông già quốc-thước xứ Tầm-Du, lúc ấy ông-tuổi tròm-tròm chín mươi. Ông thuật với tôi rằng thuở đàng cừu, trận giặc ta đánh với Tây trên sông Vàm-cỏ, ông thuở ấy vẫn là lính đàng ta nên có dự chiến một đời trận. Ông kể lại mấy ngày hai bên đình chiến, ông đã từng bơi xuống ra kiếm chắc gần tàu đồng quân địch. Ông thì không biết một tiếng Tây tiếng U gì. Nhưng muốn hiểu nhau cũng không khó. Ông đứng dưới xuống lấy tâm vòng vật nhọn bêu một nài chuỗi đưa lên và ra dấu . . . Trên tàu đồng, sơn-đá thâu nài chuỗi rồi gắn một ổ bánh mì to-tướng trả lễ lại, người Việt ta từng ném mùi vị bánh mì Tây có lẽ ông già Vàm-cỏ này là một. Sau sự đời chắc hòa-nhã hứng thú như vậy, kịp đến khai chiến trở lại thì ai vị chứa nấy, phe bắn súng phe đâm xà-ber mặc tình. Ông còn nói thêm rằng thuở ấy lính đàng cừu cũng biết đào đất làm hang núp. Nghe nói đến đây, tôi khó nín cười liền tưởng đến hầm ẩn-trú kim thời, nhưng ông vội cãi, rằng thuở ấy đào hang núp rồi ở dưới hầm chông móng la cho thật lớn để bên địch lăm tưởng bên ta binh-lính đông đảo và cũng để trợ oai cho người trên mặt trận. Khi nào binh ta ít, cự địch không lại thì kéo nhau nháy khỏi hầm chạy nà, chớ nào phải núp để liệt tạc-đạn hay bắn trái phá như chiến-lược ngày nay. Tôi chép sự này với bao dè-dặt gọi góp tài-liệu vào giai-thoại đánh giặc thời đàng cừu.

Ban sơ, nước Tàu chuyên dùng binh bộ. Đời Tam-Quốc, Tào-Tháo khoe dùng tám mươi muôn binh qua phạt Đông-Ngô. Nay ta thử hỏi vào thời ấy, sự chuyển vận rất khó, lúa má lương thực làm sao cung cấp cho 80 muôn binh ấy dùng ?

Gióc quá ! (1)

(1) Dốc và gióc, chánh-tả nào đúng ?

Theo tôi, nếu «nói dốc» là nói như đường cao dốc ngược, thì e ý cặn không đúng bằng «nói gióc», lấy điển «đánh gióc» thời xưa là tiếng nói riêng của giới cờ bạc, tả cách đánh trước, đặt trước, gạt cho kẻ khác lầm mà đánh theo.

Đánh gióc trong lúc nói chuyện là gạt gẫm.

Rồi binh Hung-nô trên phương Bắc kéo xuống chuyên dùng ngựa nhậm lệ hơn. Thêm biết sử-dụng cung nỏ bắn tên lợi hại... Rồi đến lượt binh mã-ky thua binh đàng ngựa kéo chiến xa. Rồi chiến-mã, chiến-xa thua đạo binh biết sử-dụng súng đồng (Đời Tống đã có nói đến địa-lôi hỏa pháo). Lần lượt súng hỏa-hồ, súng hỏa mai, thiết-giáp, thiết-xa... Xe bọc sắt bị lựu đạn và hỏa-tiến chặn ngừng, v.v... Sau rốt máy bay và bom nguyên tử. Ngày nay kêu mưa hú gió đã thực hiện (mưa nhân-tạo, máy lạnh, quạt máy).

Nghĩ cho đời Tần, đề ngăn chống mã-ky Hung-nô, nên Tần Thủy-Hoàng mới làm vận-lý trường thành để ngăn-cản ngựa. Vách thành thỉnh-thoảng cách bao nhiêu dặm thì có cửa ải để đổi trao hóa-phẩm và luôn luôn có canh phòng nghiêm ngặt. Đến đời có máy bay, súng cao-xạ thì vách thành đã hết linh-nghiem.

Đời xưa, việc chở chuyên đều do đường nước nên mới có tích Tùy Dương Đế khai kinh để xuống Giang-Nam xem quỳnh-hoa nở mỗi năm một kỳ. (Sự thật là để vận tải lương-thảo về kho vua chứa tại kinh-dô).

Sau nữa mới bày ra lộ-đường...

Nước ta nghèo sắt, nghèo đá nên khi ông Phan-Thanh-Giản đi Tây về làm sớ tâu vua thuật rằng bên Pháp họ có «thiết kiều thạch lộ» thì các quan hạch tội đi xa về nói khoác.

Nhắc lại khi kỵ-binh ra đời thì cuộc diện chiến-tranh đã đổi khác : nước nào nhiều chiến-mã thì có phần gát hơn những nước còn giữ bộ binh. Chiến-mã, vì thế, nên rất quý.

Xưa hơn nữa, sông Huỳnh-hà chia nước Trung-Hoa ra làm hai khu vực, đời Lục-Triều. Phải đợi đến Mạt-Tùy, Lý-thế-Dân đưa binh qua sông Huỳnh-hà mới thống-nhất Bắc và Nam Trung-Hoa làm một.

Đời Thượng-cồ, Trung-Hoa chưa có ngựa. Trong truyện Phong-thần còn nhắc các vị tiên-ông kỵ thú, ông dùng hắc-hổ, ông cỡi thanh-mao sư-tử hay bạch tượng. Hoàng-phi-Hồ kỵ thanh-ngưu. Lão-Tử cỡi kỵ thanh-ngưu. Tiên cô, tiên bà thì cỡi hạc, loan hay chim phụng.

Ngựa Xích-thố, phải chăng vì màu lông đỏ như lông thỏ nên gọi như thế ? Đời Hán, chóp mao đề lông dài hay cắt vẫn ? Chơn-đụng đã có chưa mà có câu «hạ mã đề ngân», «thượng mã đề kim»? Đuôi xích-thố hót cụt hay đề dài ? Xin hỏi các họa-sĩ nhà ta đã suy-nghi các vấn-đề này chưa ? Tại Viện

bảo-tàng quốc-gia Sài-gòn, còn trưng trong tủ kính phòng « Hoa-Việt » một lục lạc bằng đồng ri xanh tuyệt đẹp; ấy là lục-lạc đời Tam-Quốc đồng thời với xích-thở danh mã.

Truyện Tàu đã đem lại cho tôi rất nhiều thú-vị.

Trong hai bài : « Từ chuyện ngựa hay . . . » « . . . qua cái hay của những pho truyện Tàu », tôi cố đem hết những điều hiểu biết, dở có hay có, đề biện bạch . . . nhưng đến trang chót, tôi mới thấy chỗ nông-cạn của mình. Sức một người không làm gì cho kham, nên chỉ tôi rất mong các bậc lão-thành sẵn lòng tiếp tay chỉ dẫn cho thêm đầy đủ.

Dầu sao, truyện Tàu đã giúp tôi lướt qua nhiều bước vất-và nhút trên đường đời. Từ ngày không còn « thú ở nhà quê góp lúa mà ăn », từ ngày bỏ chạy, phải trải thân làm công-nhật kiếm cơm hằng bữa, — nói cho có trời làm chứng — tôi biết thêm bốn thú phong-lưu mới : chơi đồ cổ, chơi sách, nghe hát bội, xem truyện Tàu.

— Chơi đồ cổ, mới nghe tưởng làm rằng đó là lỗi thời, làm cái việc giỡn tiền vô ích. Nhưng đối với tôi, chơi đồ cổ là mót-máy các sử-liệu tản mát nhiều nơi, rất hữu ích cho kho sử nước nhà, cho nên tôi rất thích nó. Lại cũng không quên nhờ nó mà tôi có sở ăn sở làm ngày nay.

— Muốn chơi đồ cổ cho rành, phải có sách. Mua sách lâu ngày, lậm như uống trà Tàu, không bao giờ đã. Sách và đồ cổ là bạn trung-thành nhứt trong đời tôi. Và lại gặp sách dở, đồ xưa giả-hiệu, còn nước xé bỏ, đập bỏ, là quyền của mình. Không như rúi gập đàn-bà đàn-ông phân-bội, muốn trả thù cho sướng tay, chỉ e ngồi tù lảng nhách.

— Sao cho bằng thú thứ ba : kiếm chỗ êm ngồi nghe hát . . .

Nghe hát bội tuy rằng phong-lưu thật, nhưng phải thuộc diển thuộc tường. Vì thế có phong-lưu thứ tư trên đời tôi là xem truyện Tàu, đề học hỏi với người xưa. Truyện Tàu dạy tôi nhiều điều nên tôi gọi rằng hay. Nhưng tôi dám khuyên chảng nên học truyện để nhớ tích dị-đoan, phép yêu, phù chú ếm-đối của tà-đạo, ngoài ra truyện Tàu đầy đầy gương tốt, truyện Tàu là rừng lớn, biển sâu. Rừng có danh-mộc lẫn đĩa vạt, cũng như biển chứa cá mà cũng chứa dến. Tôi chưa từng gặp vạt cũng chưa gặp dến cừm. Tôi thích truyện Tàu. Trong truyện Tàu, tôi gặp đủ hạng người các đời trước.

những bạn tốt không khi nào làm phiền-lụy tôi, và mỗi khi tôi han hỏi, vẫn có câu trả lời tức-trực. Có bạn nhắc tôi những dĩ-vãng về xưa, có bạn chỉ tôi những huyền-diệu trong vũ-trụ. Bạn dạy tôi sống cho phải đường, bạn dạy tôi chết cho phải cách. Trong những khoảng đời eo-le bối-rối, tôi đều có thể trông cậy vào bạn tôi . . . và người bạn quý ấy chỉ mong được một chỗ yên-tĩnh nhỏ-hẹp trong vương nhà thanh-dạm của tôi là đủ hài lòng, những bạn ấy, không cần nói, là các pho truyện Tàu yêu quý trong tủ sách của tôi vậy.

VƯƠNG-HỒNG-SÈN



Mỗi thứ Năm, Quý Bạn yêu văn-ngệ tìm đọc :

### VĂN-NGHỆ TIỀN-PHONG

Tuần-báo Văn-Nghệ Chính-Trị Trào-Phúng

Nội-dung phong-phú

Ấn-loát mỹ-thuật

Trình-bày trang-nhã

Với sự cộng-tác của nhiều cây bút hữu-danh

trên văn-đoàn Thủ-đô.

36 trang khổ lớn

Giá : 6 đồng



## CUỘC SINH - DIỆT CỦA THIÊN - THỂ

THÙY-NHÂN

*biên-khảo*

Khởi thủy Chúa Trời tạo ra trời đất. Khi ấy đất còn trống trải, màn tối bao trùm các vực thẳm, Thần Linh của chúa phảng-phất trên các sông biển. Chúa phán : « Hãy sáng » và ánh sáng liền xuất-hiện. Chúa thấy ánh sáng là sự tốt lành nên phân sáng ra khỏi tối. Chúa gọi sáng là « ngày » và tối là « đêm ». Khi ấy liền có một buổi chiều và một buổi sáng : đó là ngày đầu tiên...

(Theo Kinh Thánh)

Người xưa truyền lại là thế. Khoa-học, tuy chưa tin hẳn cái thứ tự giản-dị ấy, nhưng cũng phải rất phân vân về một điểm : Chúa đã tạo ra « sự sáng ». Ánh sáng vốn là một thứ năng-lực thuần túy, không phân âm dương, cũng giống hệt như cái « hồn mang » nguyên thủy theo quan-niệm cổ-truyền Á-Đông. Phải chăng đây là « vật » đã được tạo ra đầu tiên và là nguồn gốc tất cả trong vũ-trụ ? Khoa-học đã chẳng đi lần đến cái kết-luận cuối cùng : mọi vật chỉ là năng-lực thuần túy động lại mà thành đấy ư ?

Khoa-học không thể nghiên-cứu tự thời kỳ khởi thủy cho đến ngày nay, mà trái lại chỉ căn cứ vào sự vật hiện tại mà dờ lần trang sử của trái đất, đi ngược

trở lại, cái ngày đầu tiên ấy. Vì tất phải có ngày đầu tiên, như đã nói trong Kinh Thánh.

Trái đất là một thiên-thể quan trọng đẽ nhứt đỏi với ta. Nó đã già có lẽ tới 5.000.000.000 (5 tỷ) năm. Tuy thế, dưới làn vỏ ngoài nguội lạnh, nó vẫn chưa tiêu-tan đợc hết cái nhiệt-năng ghê-gớm tiềm-tàng từ ngày nó rời khỏi mặt trời để nghiêm nhiên thành một thiên-thể riêng biệt : Nhiệt-độ tăng lên đều đặn, 30 độ bách phân mỗi khi ta xuống sâu dưới đất một cây số ngàn. Nhiệt-độ trung bình tại mặt đất là 20° nên chỉ xuống đến 2 km 500 là nước sẽ sôi sục bốc thành hơi. Sự kiện này đã bắt buộc người ta phải dùng máy điều hòa nhiệt-độ tại mỏ vàng Robinson Deep (nam Phi Châu) vì mỏ này sâu nhất thế-giới, sức nóng đủ làm cho thợ mỏ bị chết cháy. Hai chữ « địa ngục » đi liền với những cảnh lửa đỏ, dầu sôi, hẳn đã xuất-hiện do sự liên-tưởng đến cái độ nóng ghê-gớm dưới chân ta vậy.

Vỏ trái đất dày chừng 50 cây số, ở độ sâu ấy, sức nóng từ 1 200° đến 1800° nhiều thứ đá cũng phải chảy, lỏng như nước. Đây chỉ là một cách nói, vì nếu thế thì cái vỏ mỏng của trái đất sẽ không sao giữ cho hình dáng của nó đợc nguyên vẹn dưới dẫn-lực ghê-gớm của mặt trời, mặt trăng. Sự thực thì trái đất cứng rắn như có một làn vỏ dày tới 3.000 cây số, tức phần nửa đường bán kính. Sờ dī như vậy là vì tuy đã bị chảy ra, nhưng dưới cái áp-lực ghê-gớm của toàn khối trái đất, nó trở nên quánh. Vật quánh cứng lại với những sức mạnh bên ngoài muốn làm cho nó biến dạng mau chóng. Tỉ-dụ như miếng si gấn thợ, nếu ta bẻ tất gãy. Nhưng trái lại, nếu ta để nó nằm trên một mặt cong thì lâu dần nó sẽ cong xuống chứ không giữ đợc nguyên hình như vật thực cứng hẳn. Chết lỏng trong lòng trái đất cũng tương-tự. Tuy nó lỏng thực, nhưng độ quánh của nó khiến nó cứng lại một cách hiệu-nghiem những dẫn-lực muốn làm nó biến dạng, vì dẫn-lực này tương đỏi chuyēn hướng mau chóng nên nó không kịp chuyēn hình theo.

Nhưng cái khối lửa dưới hai nghìn độ bách phân kia mới chỉ là hình ảnh lu mờ của chiếc lò vĩ đại đã đúc ra nó : Mặt Trời.

Mặt trời tuy có trước trái đất mà vẫn đều đặn sáng tỏ, bề mặt nó vẫn nóng hàng sáu nghìn độ bách phân và trong lòng lên tới hai chục triệu độ. Không một chất nào có thể « cháy » lâu đợc đến như thế. Cho dầu toàn khối mặt trời đều là nhiên-liệu (như các-bon nguyên chất chẳng hạn) thì đốt mãi cũng đã vạc từ lâu lắm rồi.

Nhân loại bán-khoản mãi, cho tới ngày tìm hiểu được nguyên-tử và khám phá rằng vật-chất không phải chỉ có những phản-ứng hóa-học, mà còn có những phản-ứng ở hạch tâm (réaction nucléaire) hiệu-nghiệm gấp bội, nó biến một phần đáng kể của khối-lượng thành năng-lượng. Hai nhà bác học H. Bethe và C. Weizsacker đã đồng thời cùng tìm ra cái công-thức « siêu hóa học » của chu-kỳ và các-bon như dưới đây (chu-kỳ đó được mệnh-danh là « chu-kỳ Bethe »).

Dưới sức xô đẩy mãnh-liệt của độ nóng ghê-gớm trong nội tâm mặt trời, nhân một nguyên-tử các-bon thường (gồm 6 dương tử và 6 trung hòa tử : C<sup>12</sup>) nhận được một dương tử liền biến thành chất đồng vị nhẹ nhất của đạm chất (7 d.t. + 6 t.h.t. : N<sup>13</sup>) và đồng thời nó phóng ra một tia quang tuyến gamma rất mạnh. Chất đồng vị này ở thê không bền, nên nhân đó phóng ra một phân tử bêta dương làm cho một dương tử của nó trở nên trung hòa và chính nó thành ra nhân của chất đồng vị nặng nhứt của các-bon (6 d.t. + 7 t.h.t. : C<sup>13</sup>). Chất đồng vị của các-bon này hiện có trong thiên nhiên nhưng cực kỳ hiếm. Một dương tử nữa lại được bắn vào, biến nhân đó thành nhân đạm chất thường (7 d.t. + 7 t.h.t. : N<sup>14</sup>) và đồng thời cũng lại tiết ra một tia quang tuyến gamma. Thêm một dương tử nữa thì chất đó chuyển sang thành chất đồng vị phóng xạ của dương khí (8 d.t. + 7 t.h.t. : O<sup>15</sup>) và cũng lại thêm một tia quang tuyến gamma nữa. Đây là một chất phóng xạ; một dương tử của nhân phóng ra một điện tử dương để biến thành trung hòa tử, thế là ta đã có được chất đạm ở thê bền (7 d.t. + 8 t.h.t. : N<sup>15</sup>). Cuối cùng, nhân này lại nhân thêm một dương tử nữa và vỡ tung ra làm hai mảnh: một là nhân của hélium (2 d.t. và 2 t.h.t.) tức là phân tử alpha, và một nữa là nhân của các-bon thường (6 d.t. + 6 t.h.t. : C<sup>12</sup>). Thế là vừa xong một chu-kỳ và có thể bắt đầu một chu-kỳ mới.

Như ta đã thấy, chất các-bon thường C<sup>12</sup>, bốn lần biến hóa vì nhận được mỗi lần một dương tử, và hai lần tự biến hóa vì ở thê không bền, đã phát ra những số năng-lực rất lớn dưới hình thức các quang tuyến gamma, các phân tử bêta dương (tức các điện tử dương) và các phân tử alpha (tức nhân của hélium).

Xét về một mặt khác thì ta thấy chuỗi phản ứng này đã dùng bốn dương tử của bốn nguyên tử khinh khí để tạo ra nhân hélium. Như vậy ta có thể nói

là chu kỳ các-bon là một chuỗi phản-ứng « siêu hóa-học » biến khinh khí thành hélium nhờ có sức nóng cao độ và những vật xúc tác (catalyseurs) là các-bon và đạm chất. Phản-ứng « siêu hóa-học » đó đã tạo ra những số nhiệt-năng khổng lồ để cho mặt trời phung phí hàng bao tỷ năm nay chưa hết.

Đi đủ một chu-kỳ như vậy lâu tới 5 triệu năm, như vậy tức là lúc nào cũng chỉ có một phần cực kỳ nhỏ bé của toàn khối mặt trời được biến cải. Tuy thế, chỉ cần một phần cực nhỏ của số năng-lực do cuộc biến-cải chậm chạp ấy phát ra, rọi trên mặt đất, đã đủ gây ra mọi hoạt động mà ta được chứng kiến.

Các tinh tú khác cũng có lẽ theo một đường lối tự tạo năng-lực đó, tuy nhiên có chỗ khác, là khối lượng sai nhau thì độ nóng nội tâm cũng sai nhau, khiến đà tạo năng lượng cũng nhanh chậm khác nhau. Chẳng hạn ngôi sao 02 Eridani C nhẹ hơn mặt trời năm lần, sáng không bằng 1/100 mặt trời. Trái lại ngôi sao Alpha Canis Majoris A thường gọi là sao Lang, khối lượng chỉ gấp 2 lần rưỡi mặt trời mà sáng được tới gấp 40 lần. Đến những ngôi sao khổng lồ, như sao Y-380 Cygni lớn gấp 40 lần mặt trời, sáng tỏ gấp mấy mươi vạn lần. Nói tóm lại, khối-lượng càng lớn thì ngôi sao càng sáng, ta có thể quan-niệm là vì « chu-kỳ các-bon » nói trên càng ngắn nhờ nhiệt-độ nội tâm cao hơn.

Một mặt khác, ta lại nhận thấy là ngôi sao càng lớn khối lượng, thì đường kính càng lớn đồng thời mật-độ lại suy giảm.

Đây là nói đến những ngôi sao bình thường. Nhưng còn có nhiều ngôi sao không theo công lệ ấy, chẳng hạn những ngôi sao khổng lồ màu đỏ, tuy đồng khối lượng (masse) với những ngôi sao cùng một độ sáng như nó, nhưng kích thước lại lớn hơn rất nhiều, chẳng hạn những ngôi sao Capella, Scheat, Aldebaran v.v...

Rõ rệt là có một lý-do thâm-kín nào đó đã làm cho chúng bị « nở » ra quá độ, khiến mật-độ của chúng kém hẳn những ngôi sao bình thường.

Trái lại cũng có ngôi như bị dòn đặc lại. Với tầm vóc bình thường, chúng có một khối lượng kinh khủng, mật-độ trung bình bằng năm mươi vạn lần mật-độ của nước (tức là một lít chất của sao đó đem cân trên mặt đất này sẽ nặng tới năm trăm tấn. Nếu đây là một thanh tròn, tiết-diện chừng vài phân vuông mà ta chống trên mặt đất, nó sẽ chạy tụt xuống, không đá nào cân lại được).

Chắc hẳn ở những ngôi sao này, thường gọi là « sao lùn » (étoile naine), chất khinh khí đã biến hết.

Nguyên khinh khí là một chất rất sẵn, do sự cô đặc các vi phân tử tản mát

trong không trung, giữa các thiên-thể, mà thành. Trong một ngôi sao non, khinh khí chiếm tới 50 phần trăm tổng số khối-lượng Một chu-kỳ các-bon trên mặt trời, như ta đã thấy, thực là chậm chạp. Chẳng nói các bạn cũng hiểu là phải một thời gian cực kỳ lâu mới làm biến hết được số khinh khí của nó. Mỗi giây đồng hồ, chiếc lò siêu hóa học của mặt trời « đốt » hết 760 triệu tấn khinh khí. Mặt trời nặng được 2.000.000.000.000.000.000 triệu tấn, mà phần nửa là khinh khí. Làm thử một con tính ta sẽ thấy con « tàu không gian » ấy đủ nhiên-liệu để xài trong 15.000.000.000.000.000 giây đồng hồ, tức là... 50 tỷ năm. Mặt trời mới sống được khoảng 5 tỷ năm, nó còn rất trẻ và ta chớ vội lo cho cái ngày chúng sinh tiêu-diệt vì mặt trời hết sáng.

Đây là nói về mặt trời, một ngôi sao « tí hon » của vũ-trụ. Nhiều ngôi sao khác lớn hơn nó nhiều, và như trên đã nói, những sao ấy sống một cuộc đời huy hoàng hơn nhiều lắm. Xài nhiều thì chóng cạn, đó là lẽ dĩ-nhiên. Ti như sao Lang, khối lượng gấp 2, 3 mặt trời, nhưng vì nội tâm nó nóng hơn nhiều một chu kỳ các-bon ở đây cũng ngắn hơn, nên chất khinh-khí bị tiêu-thụ nhanh gấp 39 lần ở mặt trời. Kho dự-trữ chỉ gấp 2, 3 mà tiêu thụ lại bằng 39 lần, sao Lang sẽ chết yểu sau chừng 3 tỷ năm ngôi sáng trong bầu trời. Đến những ngôi lớn hơn nữa, như ngôi Y-Cygni khối lượng lớn gấp 17 lần, mà sáng gấp những 30.000 lần, chúng sẽ không thọ ngoài 100 triệu năm được.

Sau khi tiêu-thụ hết nhiên-liệu chúng sẽ ra sao? Trong suốt cuộc đời của chúng, số nhiệt-năng tạo ra đánh thẳng bằng với số nhiệt-năng bị phung phí, nên tình trạng của vị sao tương đối không thay đổi. Nhưng nay chúng chỉ còn là một khối nóng, tất nhiên chúng sẽ dần dần nguội như một cục sắt đỏ bỏ ra ngoài gió. Nhiệt-độ càng xuống thì kích thước của chúng cũng co dần lại và mật-độ cũng từ từ tăng thêm.

Những sao đang co lại như vậy, thiên-văn học phát-giác ra hàng mấy chục vạn ngôi. Tuy đã mất nhiều nhiệt-năng, nhưng nhờ khối của chúng bé đi nên nhiệt-độ còn giữ được khá cao, và mặt ngoài vẫn sáng trắng. Sở dĩ ta không thấy chúng rõ cho lắm là vì chúng đã teo lại nhỏ quá, tổng số ánh sáng phát ra không được là bao. Đây là những ngôi « sao lùn » màu trắng, đã được nói đến trên kia.

Nhiệt-năng vẫn tiếp tục từ những ngôi sao đó rơi ra khắp hướng của không gian, và dần dần chúng ngả màu để trở nên những ngôi « sao lùn đen », tình trạng cuối cùng của thiên-thể. Những tảng vật chất tối om ấy trong không gian

không thiếu gì, chúng âm-thầm lao đi trên những quãng đường dài vô-tận, không mong gì được người đời biết đến nữa, vì chẳng còn có một phương-pháp nào để chiêm-nghiệm chúng khi nhóm lửa cuối cùng của chúng đã tắt...

Nhưng không phải ngôi nào cũng cam phận héo-hắt và chết mòn như thế đâu. Nhiều ngôi như muốn cưỡng lại cái định-mệnh của mình, bùng sáng rực lên trong khi khí lực đã gần tàn. Đây là những ngôi sao mà ta vẫn thường mệnh danh là « sao mới ».

Những biến cố này xảy ra đã nhiều lần, khiến các nhà thiên-văn rất chú ý. Chỉ trong có vài ngày, một ngôi sao không có gì tỏ ra khác những ngôi sao khác, bỗng đột-nhiên sáng rực lên gấp mấy mươi vạn lần và mặt ngoài của nó trở nên cực kỳ nóng. Nhờ những sự biến-cải trong quang phổ của chúng mà người ta tìm thấy là chúng nổ ra cực nhanh, những tầng ngoài cùng của chúng nổ ra nhanh hàng hai trăm ngàn cây số mỗi giây đồng hồ. Nhưng cũng như một chiếc pháo-bông, tuy rằng rực-rỡ xán-lạn, nhưng chỉ trong chớp lát. Sau khi sáng đến cực-độ rồi, ngôi sao dịu xuống rất nhanh, và thường chỉ một năm trời là nó trở lại cái độ sáng nguyên-thủy.

Chính ngôi sao thì thu lại như cũ, nhưng tầng khí quyển của nó đã cùng với ngôi sao nổ tung ra bây giờ vẫn tiếp tục nổ chưa thôi, thành thử ngôi sao bị bọc trong một màng hơi sáng đường kính ngày một lớn hơn.

Đáng chú ý hơn nữa, là những ngôi sao mới khổng lồ (supernovae) xuất-hiện trong dải ngân-hà của ta, chừng vài thế-kỷ một ngôi. Đây lại là những vụ sao nổ nhưng với một tầm quan trọng ghê-gớm hơn nhiều. Độ sáng của nó tăng lên gấp nhiều triệu lần khi bình thường. Lúc sáng nhất, một mình nó có thể sáng bằng tất cả các ngôi sao khác trong cùng một dải ngân-hà nhập lại. Tỷ như ngôi sao do Tycho Brahe tìm thấy năm 1572, sáng tỏ giữa ban ngày, và ngôi sao do các thiên-văn gia Trung-Hoa ghi lại vào năm 1054 (có lẽ chính là ngôi sao lạ từng hướng-dẫn ba vua phương Đông châu ngự chúa Giê-su tại hang đá thành Bethléem) đều là những ngôi sao mới khổng lồ trong dải ngân-hà của ta.

Những vụ nổ tạo thành sao mới khổng lồ chỉ khác những ngôi sao mới thường ở cái tầm quan trọng mà thôi, còn thì vẫn nhiều điểm tương tự: chúng cũng nổ ra rất nhanh và cũng thu lại rất chóng, cũng có một quãng hơi sáng bao bọc và tiếp tục nổ mãi, chỉ có một điều khác là đối với những ngôi sao mới thường, màng hơi này sau khi nổ ra thật lớn trở nên mỏng manh và lâu

dẫn tan loãng ra với không trung khó nhận thấy, còn đối với những ngôi sao mới không lồ thì mào hơi đó tung ra thành cả một khối sáng vĩ đại, biến thành một tinh-vân ngay nơi xảy ra vụ nổ. Chẳng hạn tinh-vân « Con Cua », hiện ở chỗ xảy ra vụ nổ của ngôi sao mới không lồ năm 1054, chỉ là những hơi do ngôi sao đó tung ra mà đến tận nay vẫn còn ngời sáng. Ở giữa đám tinh-vân ấy, người ta hiện còn nhận thấy được hình thù một ngôi sao bé nhỏ: một ngôi sao « lùn trắng », dấu tích của ngôi sao nguyên thủy đã nổ.

Xét-nghiệm thấy là một chuyện, hiểu cái cơ-cấu huyền-bí của sự-khien lại là một chuyện khác. Các nhà bác-học tự hỏi: tại sao lại có những vụ sao co lại nhanh chóng như thế ?

Hiện khoa-học đã biết đích-xác rằng các ngôi sao chỉ là những khối hơi nóng khổng lồ. Dẫn-lực dồn các phân tử của hơi vào thành một khối đặc, nhưng nhiệt-độ ghê-gớm của nội tâm làm cho các phân tử ấy bị ly tan. Hai lực lượng tương phản nhưng quân bình làm hình thù của ngôi sao được vững. Nhiệt-năng rọi ra khắp các phía được « chu-kỳ các-bon » tại nội tâm bù đắp đều đặn. Đến khi các phản ứng « siêu hóa-học » đã tắt vì hết khinh khí, thì ngôi sao chỉ còn được cái tiềm-năng giữ trong khối hơi nóng đó mà thôi. Thế rồi, nhiệt-năng sút kém phần nào, thì dẫn-lực lại thắng thế phần ấy, từ từ dồn các phân tử vào gần nhau khiến cho kích thước của ngôi sao thu dần lại. Nói một cách khác, dẫn-lực năng đã biến dần thành phóng-xạ nhiệt (chaleur rayonnante). Lê tất nhiên là sự kiện này không thể xảy ra mau chóng được, vì vỏ ngoài của ngôi sao nguội trước, đặc dần lại, khiến nhiệt-năng ngày càng thêm khó khăn mới truyền được tự nội tâm ra đến bên ngoài. Thí-dụ mặt trời mà không còn tự tạo được năng-lực nữa, thì muốn thấy nó nhỏ lại bằng nửa kích thước hiện tại, cũng phải đợi chừng 10 triệu năm. Nếu đột nhiên nó co lại nhanh quá thì lập tức nhiệt-độ gia tăng, áp-lực của nội tâm cũng nhờ đấy mà lớn hơn và có thể kìm hãm việc co rút. Nay ngôi sao đột nhiên co rút nhanh thì tất nhiên phải có sự hỗn-loạn nào xảy ra trong cái cơ-cấu điều hòa đó. Lý do dễ hiểu hơn cả là có một cơ cấu đặc-biệt tiêu thụ bớt số tiềm-năng nội tâm, làm cho áp-lực của nội tâm không cần được ảnh hưởng co rút của dẫn-lực. Nền sự dày-đặc (opacité) của tinh-chất bị suy giảm xuống còn một phần tỷ chẳng hạn, thì năng-lực của thiên thể thoát ra không gian cũng nhanh gấp hàng tỷ lần, như thế thì chẳng bao lâu (chỉ vài ngày), ngôi sao sẽ mất hết sức nóng. Nhưng trường hợp này khó lòng có thể xảy ra nổi, vì sự dày-đặc của tinh chất đi đôi với mật-độ

của nó, không thể sai biệt được bao nhiêu, dù là chỉ gấp mười lần mà thôi.

Các nhà bác-học đưa ra một giả-thuyết: thủ-phạm cuộc đánh cắp năng lực của nội tâm các ngôi sao có lẽ là những hạt « neutrino ». Đây là những cực vi phần tử, cũng bị phóng ra khỏi nhân với điện tử của nhân. Điện tử có thứ âm, có thứ dương (électron positif ou négatif), vì điện-tính của chúng chịu ảnh hưởng của các nguyên-tử nên khó lòng thoát khỏi khối tinh-chất. Nhưng đối với neutrino (điện-tính trung-hòa), thì các nguyên-tử xung quanh không có ảnh hưởng chi hết. Dù rằng trước một tấm tường toàn bằng chất chì, dày hàng bao nhiêu năm ánh sáng, nó cũng đi suốt như bỡn, nói chi đến cái bề lớn của một vị sao, có thẳm vào đâu.

Vậy ta có thể tạm quan-niệm rằng: khi một điện-tử được phóng rất nhanh vào trong nhân của một nguyên-tử, một neutrino liền thoát ra đem theo một năng-lượng rất lớn, đồng thời nhân sẽ lâm vào một thế không bền, tuy trọng-lượng vẫn giống như khí chưa tiếp nhận điện-tử. Vì ở thế không bền nên nhân đó chỉ trong khoảnh khắc sẽ lại tự phân tán, bằng cách phóng hạt điện-tử thừa đó ra, và đồng thời cũng lại phóng luôn một neutrino nữa.

Dưới sức nóng ghê-gớm của nội tâm ngôi sao, những cuộc tiếp-nhận và phóng trả điện-tử như thế xảy ra liên liên, và mỗi lần ném ra không gian một cặp neutrino với những mớ năng-lực rất lớn.

Người ta đã dự tính rằng với sự trung-gian của neutrino, các nhân của nguyên-tử trong một cà-ram sắt sẽ dễ thoát ra mỗi giây đồng hồ tới 100 tỷ erg, một cà-ram ốc-xy tới 100 triệu tỷ erg. Tính theo đơn-vị thường ta sẽ thấy số năng lượng mỗi một cà-ram ốc-xy rút của nội tâm ngôi sao đủ thắp sáng 100 triệu ngọn đèn mỗi ngọn 100 watt.

Nếu những tên gian-phi neutrino hoạt-dộng đồng thời trong tất cả các nhân của nguyên-tử, thì chỉ cần 25 phút đồng hồ đủ cho chúng rút đi tất cả tiềm năng của nội-tâm ngôi sao.

Khi vỏ ngôi sao đã phần nào đặc lại vì nguội chóng hơn nội-tâm, chiếc vỏ đó tất nhiên là có mật-độ lớn hơn nội-tâm, — nếu áp-lực của chất hơi trong nội-tâm không đủ chống đỡ nữa thì chiếc vỏ rạn vỡ và rơi vào trong lòng sao.

Nhưng vỏ của sao không cùng một áp-lực tại khắp các điểm, ở hai cực chúng đè nặng hơn ở đường xích-đạo. Vì ngôi sao nào cũng xây tròn, nên tại đường xích-đạo áp-lực của vỏ bị ly-tâm lực làm cho suy giảm. Do đó, những khối vỏ ở hai cực lọt vào nội tâm, làm trào ra tại đường xích-đạo những khối lỏng: Ngôi sao bỗng nhiên rực sáng như ta thường thấy. Những

miếng vỏ nguội lạnh rơi vào lòng sao ngày một nhiều, thể tích của sao càng thêm nhỏ bé, rút lại thành những ngôi sao lùn trắng, rất đặc, trong khi hơi sáng do nó phun ra vẫn tiếp-tục theo đà sẵn có mà tản-mát thành vùng rộng lớn như những tinh-vân.



Trở lại mặt trời, là vị sao đối với ta quan-hệ mật-thiết hơn hết, ta cũng phải nhận-định là nó sẽ không khỏi cái công-lệ : hữu sinh tất hữu diệt. Nhưng có một điều chưa được nói đến ở trên : phản-ứng siêu hóa-học biến khinh-khí thành hélium không phải yếu dần cho đến khi hết « nhiên-liệu ». Trái lại, khinh khí càng vơi thì phản-ứng ấy càng mãnh-liệt và càng tiêu-thụ khinh-khí nhanh chóng hơn. Vì thế, tổng-số khinh-khí trên mặt trời, hiện ước được là 35% khối lượng của toàn thể mặt trời, sẽ chỉ đủ để xài trong chừng hơn một chục tỷ năm nữa thôi. Tuy sau hai tỷ năm đã qua, nhiệt-độ trên mặt đất không tăng thêm là bao (vài độ bách phân là cùng) nhưng người ta dự đoán là sau mười tỷ năm nữa, tức là đến lúc mặt trời hấp-hối thì độ sáng và nóng của nó tăng lên gấp trăm lần hiện tại. Khi đó, mặt đất đủ nóng để cho bao nhiêu nước đều bốc thành hơi, biển sẽ cạn, không khí nóng quá tản mát ra khắp quang không.

Khi ấy thì trên mặt đất này sẽ không còn một ai sống sót. Nếu nhân-loại tự nay đến lúc đó không giải quyết được vấn-đề di dân đến các hành tinh xa xôi kia thì đây là giờ tận thế.

Có một điều chắc chắn là chẳng ai còn tồn tại được trên mặt đất này để chứng kiến mặt trời nổ tung và nóng sáng lên gấp triệu lần. Tuy thời gian rực sáng ấy chỉ ngắn ngủi chừng vài ngày, nhưng chắc hẳn cũng đã thừa để tiêu-hủy hết mọi dấu vết của con người sau hàng chục tỷ năm lịch-sử và tiến-bộ đã để lại trên mặt đất : mọi hành-tinh của thái-dương hệ sẽ đều chảy lỏng ra hết.

Sau cuộc rực sáng ấy, tất cả sẽ nguội dần và tiến vào một cuộc đời tăm tối. Không ai còn biết đến những con người đã từng suy nghĩ, vật lộn, tìm tìm tòi, đã từng sướng, khổ, yêu, ghét trên cái hành-tinh nhỏ bé là địa-cầu này.

Kinh Thánh cũng đã nói là ngày tận thế lửa trên trời sẽ xuống đốt hết mọi sinh-vật, tẩy hết mọi nhơ-nhớp tội lỗi của trần gian, mỗi linh hồn, hình ảnh của Chúa Trời, sẽ nhập vào xác để chịu sự phán xét của Chúa và sau đó sẽ vĩnh-viễn tồn tại...

Một lần nữa kết-luận của Khoa-Học lại gặp được lời tiên-tri của Kinh-Thánh. Nhưng đối với những tâm-hồn chính-đính thì lời tiên-tri của Kinh-Thánh thực là an-ủi biết bao.

THUY-NHÂN  
VĂN-HÓA — SỐ 48

## TÌM HIỂU VĂN-CHƯƠNG ANH-CÁT-LOẠI

L.M. TRẦN PHÚC VY

TIỂU-THUYẾT THẾ-KỶ XVIII

Tiểu-thuyết theo nghĩa ta hiểu ngày nay có thể nói là mới có từ thế-kỷ XVIII. Thời-dại nào đàn chúng cũng ưa nghe truyện thần-tiên, mạo-hiêm, phiêu-lưu, hoang-đường, cô-tích, kiếm-hiệp. Những truyện nghĩa-hiệp Trung-cổ có thể gọi là tiểu-thuyết, chỉ có điều là nhân-vật không có thật, toàn bịa đặt, và tình-tiết không được chặt chẽ. Phải chờ mãi đến thế-kỷ thứ XVIII mới có tiểu-thuyết (Novel) theo nghĩa ta hiểu thời nay. Tiểu-thuyết là một câu truyện viết bằng văn xuôi và phải có bố-cục. Tình-tiết thì bày đặt ra, hoặc nửa thật nửa lịch-sử cũng được. Nhân-vật phải là những người thật. Bối-cảnh phải ăn khớp với đời sống. Mục-đích thì có thể răn dạy và nâng cao tinh-thần, nhưng cốt nhất là để mua vui cho độc-giả.

Daniel Defoe mở đường cho tiểu-thuyết loại mới. Nhưng tác-phẩm của ông thiếu hai tính-cách, tình-cảm và hài-hước, chính là đặc-điểm của những bản tiểu-thuyết của Richardson, Fielding, Sterne, Smollett, và Goldsmith.

Trong những dòng sau đây chúng tôi sẽ lần lượt bàn về bốn tác-giả đầu : Richardson và Sterne (thuộc phái tình-cảm) ; Fielding và Smollett (thuộc phái tả-chân).

### 1. — SAMUEL RICHARDSON (1689-1761)

Richardson sinh ra năm 1689 tại Devon, một tỉnh miền tây nam nước Anh. Thân-phụ làm nghề thợ mộc. Cụ rời gia-đình về Luân-Đôn, nên ở đây Samuel được đi học gọi là tạm đủ. Samuel học nghề ấn-loát tại một nhà in, quen biết con gái ông chủ, cưới được nàng, rồi lập nhà in riêng, buôn bán phát tài lắm, và ông nghiêm-nhiên trở nên giàu có phú-quí đáng kể ở Luân-Đôn.

VĂN-HÓA — SỐ 48

Samuel Richardson khi mới lên mười ba đã bắt đầu thử viết tiểu-thuyết: ba thiếu-nữ si-tình tỏ bày tâm-sự với Richardson đề nhờ cậu viết thơ tình hộ! Nhưng mãi khi ông ngoại ngũ-tuần cuốn tiểu-thuyết đầu tiên của ông mới ra đời, nhan đề là *Pamela*. *Pamela*, phó-đề là *Virtue Rewarded*, ra đời năm 1740 và được hoan-ngênh nhiệt-liệt, vì nhân-vật trong truyện mới lạ đối với độc-giả đương-thời. Đó là truyện một người nữ-tỳ nghèo khó nhưng đức-hạnh, bị ông chủ xấu nết lấy làm vợ và dần dần nàng đã cải-thiện được chồng. Richardson viết xong trong vòng có hai tháng trời. Cuốn *Pamela* gồm những bức thư thay vì chương tiết.

Sau *Pamela* là cuốn *Clarissa, or the History of a Young Lady*. *Clarissa* là truyện một thiếu-nữ bị lừa gạt và bị mưu-hại, ngược hẳn với cốt truyện *Pamela*. Số phận bi-thảm của nàng *Clarissa* làm cho độc-giả trong nước bùi-ngùi cảm-thương.

Cuốn tiểu-thuyết thứ ba, và là cuốn sau cùng, cũng theo thể thư-trát, là *The History of Sir Charles Grandison*, truyện một nhà quân-tử.

Ra ba cuốn tiểu-thuyết xong, ông thôi không viết nữa. Danh tiếng ông làm cho ông có cơ-hội tiếp-xúc với giới văn-học và phái thượng-lưu. Nhiều người viết thơ tỏ lòng sùng-mộ thân-thể ông, ông không để một lá thư nào mà không có phúc-đáp, vì thế thư-từ ông để lại rất nhiều về sau đã góp thành sách. Ông mất năm 1761.

## 2. LAURENCE STERNE (1713-1768)

Laurence Sterne là người Ái-nhĩ-Lan. Ông là chắt một giám-mục Anh-quốc-giáo (Anglican). Cụ thân-sinh là sĩ-quan trong quân-đội Anh. Cụ mất nên Laurence nghèo túng. May có người bà con cho đi học Đại-học Cambridge. Sterne đỗ mục-sư, và nhờ sự can-thiệp của người chú làm mục-sư tại York, Sterne được bổ về coi một họ đạo tại York.

Pho tiểu-thuyết *Tristram Shandy* ra đời năm 1760 và mãi bảy năm sau mới hết. Hai tập đầu rất được hoan-ngênh tại Luân-đôn, nhưng ở York bị công-kích kịch-liệt. *Tristram Shandy* kể truyện gia-đình Tristram. Sterne không bố-cục một cách chặt-chẽ, nên hay kể truyện ra ngoài đề một cách bất ngờ. Thấy hai tập đầu thành-công ông cứ mỗi năm ra hai tập, suốt bảy năm trời, mãi đến năm 1767 ông mới thôi, vì lý-do sức khoẻ. Cũng năm này ông ly-dị bà vợ.

Ông sang Pháp và Ý nghỉ đề lấy lại sức khoẻ, ở bên lục-địa Âu-châu hai năm, nhưng không nhân-cư. Ông viết pho tiểu-thuyết thứ hai, *A Sentimental*

*Journey to France and Italy*, một bộ tiểu-thuyết trường-giang đại-hải theo ý định của ông, nhưng ông mới ra được hai tập thì đã mắc bệnh sưng màng phổi mà khuất-núi, cô-lập, năm ấy là năm 1768.

Tiểu-thuyết của ông Sterne thuộc về loại tình-cảm. Đứng về phương diện nghệ-thuật và luân-lý, Sterne giống Rabelais.

## 3. HENRY FIELDING (1707 — 1754)

Henry Fielding dòng dõi quý-phái, sinh năm 1707 ở quận Somersetshire. Henry được học tại trường trung-học danh-tiếng Eton (gần Windsor, không xa Luân-đôn) nhưng không được học Đại học. Ông có soạn kịch mấy năm đề kiếm ăn, về sau học luật, nhưng cây bút vẫn không ngừng hoạt-động. Khi viết báo, lúc viết tiểu-thuyết. Ông được làm thăm-phán ở Luân-đôn, tận tâm với nhiệm-vụ, chu-đáo với bổn-phận. Địa-vị ông cho ông hiểu rõ ràng thâm-tâm của tội nhân, ông lợi dụng kiến-thức ấy trong những tác-phẩm của ông sẽ viết sau này.

Tác-phẩm đầu tiên là pho tiểu-thuyết ông viết đề chế-nhạo bắt chước cuốn *Pamela* (của Richardson), *The History of the Adventures of Joseph Andrews, and of his friend Mr. Abraham Adams*. Năm sau ông ra một cuốn tiểu-thuyết phúng-thích, *Jonathan Wild*, kể truyện một tên ăn trộm có tiếng bị xử-giáo tại Newgate. Mặc dầu công việc pháp-đình bề bộn, ông cũng còn kiếm thời giờ đề viết hai pho tiểu-thuyết: *The History of Tom Jones, a Foundling* và *Amelia*. Văn ông viết hoạt-kê, tâm-lý sâu-sắc, thấu-triệt nhân-tâm, đượm giọng trào-lộng chua cay trong cuốn *Jonathan Wild*, nhưng khéo-léo hơn trong truyện *Tom Jones*. Tuy hơi có vẻ cổ (vì ông dùng « hath » thay vì « has »), văn ông sáng-sủa tươi-tắn. Ông kể truyện hí-hôm, thích tả-thực, nhưng đáng tiếc là ông theo thời nên lời văn thiếu cao-nhã tế-nhị.

Hồi ông viết sách báo ở Luân-đôn trước khi làm quan án, ông mãi miết vui chơi, theo lối các nhà văn-sĩ tài-tử phóng-dãng. Sức khỏe suy-nhược, ông xuất-dương sang Bồ-Đào-Nha, khí hậu ấm-áp hơn, may ra khỏe lại. Đến Lisbon được hai tháng ông mất, để lại thủ-bản « Cuộc hành-trình sang Lisbon », *Journal of a Voyage to Lisbon*.

## 4. TOBIAS SMOLLETT (1721-1771)

Tobias Smollett sinh năm 1721. Ông là người Tô-cách-Lan. Ông học tại Glasgow, theo ngành y-khoa, nhưng vì cụ thân-sinh mất sớm, gia-đình không

thè cung-cấp cho Tobias theo học được, nên ông tình-nguyện làm phụ-tá cho bác-sĩ giải-phẫu trên một chiếc tàu đi quần-đảo Antilles (West Indies). Tại Jamaica ông làm quen với một chủ đồn-điền, cưới con gái làm vợ, rồi hai vợ chồng đưa nhau về Luân-đôn. Suốt mấy năm ông vừa làm nghề thuốc (giải-phẫu) vừa làm nhà văn (trước-tác).

Ông viết một vở bi-kịch, làm thơ trào-lộng, dịch sách Gil Blas và Voltaire, soạn một vở kịch khôi-hài, và còn ra hai cuốn tiểu-thuyết, *Roderick Random* và *Peregrine Pickle*. Smollett là nhà văn-ti đầu tiên đưa biển khơi vào trong tiểu-thuyết. *Roderick Random* kể truyện một tên hải-tặc, đó là một văn-phẩm miêu-tả phong tục bọn bợm-điếm (picaresque novel).

Ông châm-chích người ta, nên gây nhiều kẻ thù. Đã có lần bị phạt tiền và bị bỏ tù. Tính ông nóng như lửa, lại dễ cảm-xúc, ông rầu-rĩ quá vì mất cô con gái nên sinh bệnh. Ông phải sang miền nam nước Pháp dưỡng sức tại tỉnh Nice. Trở về Anh, ông lại ngã bệnh, đành phải sang lục-địa, lần này nghỉ bên Ý-Đài-Lợi, gần tỉnh Livorno. Ký-ức hai cuộc hành-trình ông ghi chép trong *Travels through France and Italy*. Nghỉ tại Livorno mà ông cũng còn viết được một pho tiểu-thuyết cuối cùng, *Humphrey Clinker*. Cũng như Sterne, tiểu-thuyết ông là phản-ảnh phong-tục bi-lậu thô-lỗ thời bấy giờ. Ông vẫn còn khôi-hài một cách chua-cay, nhưng quan-sát đời sống và nhân-tình thế-thái với một cặp mắt chín-chắn. Ông mất tại Livorno mùa thu năm 1771. Mộ ông nay ở nghĩa-trang Anh bên tỉnh đó.

*Goldsmith* (mà chúng tôi sẽ có dịp nói sau) cũng là một tiểu-thuyết gia, nhưng trái hẳn với các bạn đồng-nghiệp đương thời. Lời văn tao-nhã, tình-tứ quảng-đại, lòng hiếu danh-dự, thêm vào đó tính ngay-thơ chất-phác của giống người Celts, làm cho mọi người, cả trẻ con, cũng đọc được cuốn *The Vicar of Wakefield* của ông.

(Còn tiếp)

Linh-Mục TRẦN PHÚC VY



## LUẬN VỀ SỰ LẬP CHÍ

THEO QUAN-NIỆM CỦA KHÔNG-TỬ

Hoài-Nam  
ĐẶNG-MỘNG-LÂN  
biên-khảo

### I.— ĐỊNH NGHĨA

Theo tự dạng chữ *Chí* (志), ta thấy đây một chữ hội ý, ghép bởi hai chữ: *Sĩ* (士) là người học trò; *Tâm* (心) trái tim, lòng người ta dùng để suy-nghĩ hay cảm biết (1). Cả hai chữ có nghĩa là người học trò đi học để cả tâm chí vào sự học tức là *Chí* vậy.

*Chí* còn có một nghĩa đen là cái lòng muốn riêng của người, nhưng thực ra, thế chưa đủ, chữ *Chí* theo *Không-Tử* có một nghĩa rộng-rãi bao quát hơn. *Không-Tử* cho như thế này:

Ví-dụ — một người muốn làm một việc gì rất khó khăn, tất trước hết họ phải có một sự ham muốn thành thực, định một kế-hoạch và can đảm hành động để thành-công, dù có gặp rất nhiều trở-lực cũng không ngã lòng, mà còn hăng-hái hoạt-dộng hơn nữa. Như thế là người ấy đã lập được *Chí*.

Vậy ta có thể tóm-tắt như:

« Cái ý muốn mãnh-liệt, sự quyết-định một hành-dộng và lòng dũng-cảm để được toại-nguyện » chính là nghĩa chữ *Chí* theo ý của *Không-Tử*.

Mọi người đã có *Chí*, dù việc rất khó cũng có thể thành-công được. *Cổ-nhân* có nói: « Người có chí, mọi việc tất thành » — (*Hữu chí giả, sự cánh thành* 有志者事竟成).

Trên đây ta đã nhận nghĩa của chữ *Chí* như thế, vậy ta phải lập chí như thế nào?

(1) Ngày xưa, người ta cho rằng: Nghĩ ngợi hay cảm biết đều do tâm người ta cả.

Khổng-Tử cho rằng : « Muốn lập chí được hoàn toàn nhất, ta phải có hai điều kiện căn-bản : Đạo-Đức và Học-Thuật, Đạo-đức thuộc về phần Tinh-Thần, Học-thuật thuộc về phần Thực-tế.

Muốn thành người Quân-Tử, trước hết phải có nhân, đức. Người đã bất nhân, tất không phải là người, mà như vậy thì cho có tài năng đến đâu chẳng nữa cũng vô ích.

Khi có nhân rồi, tất cần có học-thuật tinh-vi làm công-cụ để thi hành điều nhân của mình.

Do đó ta có thể nói rằng tiêu-chuẩn lập chí của Khổng-Tử có hai phần chính :

I/ Tinh Thần. — Khổng-Tử thường nói rằng : «Đã là người quân-tử phải giữ lấy điều nhân, nếu bỏ đi, thì làm sao mà thành danh Quân-tử được (Quân-Tử khứ nhân, ô hồ thành danh 君子去仁惡乎成名).

Khổng-Tử muốn nói với chúng ta, đã là người quân-tử thì bất cứ lúc nào cũng phải gìn giữ lấy điều nhân, dù khi vội-vàng hay gian-nan.

Ngài còn muốn dạy ta rằng : «Một người đã quyết giữ điều nhân, hành động theo điều nhân, thì việc làm dù không được hoàn-hảo lắm cũng không đến nỗi đang tâm làm việc ác» (Cầu chí ư nhân hĩ, vô ác giả苟志於仁矣無惡也).

Khổng-Tử cũng nói rằng : « Muốn lập chí người ta phải học hỏi Đạo lý thánh hiền, nhưng muốn được thế phải căn cứ vào đức tốt; phải nương dựa vào nhân, và sau cùng mới tới nghệ-thuật — (Chí ư Đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ — 志於道據於德依於仁遊於藝). Theo đây ta thấy rằng, Khổng-Tử rất chú trọng vào phép lập chí là lấy Đạo Đức làm căn-bản. Ngài muốn người ta phải lấy Đạo (道) làm mục-đích, lấy Đức (德) làm căn-cứ và lấy Nhân (仁) làm chỗ để nương dựa.

Vì lẽ Khổng-Tử cho rằng : Người trong thiên hạ, sở dĩ biết được đạo-lý, chủ-nghĩa hoàn-hảo là nhờ có đức Nhân. Đành rằng trí khôn dùng để tư tưởng, nghị-lực dùng để thực-hành (tức là Nhân). Nhưng nếu ta thiếu nhân,

tất không giữ được đạo-lý chủ-nghĩa ấy. Như thế tuy có tạm giữ được ít lâu, rồi cũng bỏ mất mà thôi — (Trí cập chí, nhân bất năng thủ chí, tuy đắc chí tất thất chí 知及之仁不能守之雖得之必失之).

Trên đây ta đã thấy Khổng-Tử chú-trọng đặc-biệt về Đạo-đức trong sự lập chí. Dưới đây ta lại xét đến tiêu-chuẩn thứ hai trong phép lập chí.

2) Phần thực-dụng. — Trong phần này Khổng-Tử cho rằng, muốn lập chí cũng phải học hỏi. Nếu không học thì mọi sự không có thể thành được. Ngài nói rằng : « Người ta ai cũng muốn nhân, mà không muốn học, thường bị cái hiểu nhân che lấp mình nên thành ra người ngu » (Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tế giả ngu — 好仁不好學其蔽者愚).

Như thế ta phải học cái gì? Khổng-Tử khuyên ta học Nghệ-thuật, học Văn.

Ngài nói : « Những người đi học, trong gia-đình thì hiếu với cha mẹ, đi ra ngoài thì kính yêu người hơn tuổi. Cần thận mà tin thực, rộng yêu mọi người mà thân với người nhân, làm được những việc ấy có đủ sức rồi mới học văn » (Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn — 弟子入則孝出則悌謹而信汎愛衆而親仁行有餘力則以學文) hay : «Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ». Cả hai câu nói trên, ta đều thấy rõ ý muốn của Khổng-tử : trước hết ai đã đi vào con đường lập chí tất phải có đạo-đức, nhân-nghĩa, những điều đó có đầy đủ, khi ấy mới học tới văn-chương.

«Học văn» ở đây cũng giống như «du ư nghệ». Đây là tất cả cái phần vật-chất quan-trọng trong phép lập chí, phần này rất cần và bổ-túc đặc-biệt cho phần trên.

Vì sau khi đã học đạo-đức, nhân-nghĩa rồi, phải học văn. «Du ư nghệ». Nếu lập chí mà chỉ có tinh thần đạo-đức không, thì chỉ là một lý-luận suông không thực-hành được. Cho nên khi đã hiểu kỹ thế nào là Đạo, Đức, Nhân, ta phải trau giồi thêm về «Nghệ». Nghệ đây là lục nghệ, 6 môn học chính-yếu trong cửa Khổng (Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số).

Những môn-học này nhằm mục-đích làm cho tài trí ta được tân tiến mãi, để khi ra hoạt-động ngoài đời, mới làm cho Đạo, Đức, Nhân phát-triển được.

Trên đây ta đã thấy, cái phần thực-dụng trong phép lập chí quan-trọng không kém cái phần tinh-thần.

Nhưng nếu xét kỹ, Không-Tử vẫn muốn ta nhấn mạnh về phần tinh-thần hơn, nên ngài mới viết « Chí u Đạo » ở trên hết, vì ngài sợ chúng ta lập chí sai chằng.

Xem thế thì « Chí » thật là quan-trọng, chúng ta khi lập chí, trước hết phải để ý vào chí u đạo (志於道).

### III. — ĐỐI TƯỢNG CỦA SỰ LẬP CHÍ

Người ta lập chí, không phải là để sau này được hưởng bổng lộc nhiều. Đối với những hạng người đi học mà chỉ chăm lo vào lợi-ích vật-chất, Không-Tử đã lên án một cách rất khắt-khe.

Ngài nói: « Một kẻ sĩ đã lập chí ở đạo thánh, mà còn cảm thấy hổ thẹn, khi phải ăn mặc của' xấu, thì hạng người ấy không đủ tư-cách để bàn Đạo-lý (Sĩ chí u đạo, nhi ỉ ác y ác thực, vị túc dĩ nghi giá — 士志於道而恥惡衣惡食未足與議也).

Như thế đủ biết: Không-tử muốn ta lập chí phải cho đúng, lập chí mà sai thật là nguy hiểm, nhân-cách của ta cũng vì đó mà bị tổn thương.

#### 1) Kiện-toàn nhân-cách

Không Tử khuyên-khích ta nên tránh tuyệt đối hai điều: Bất năng (不能) và Vô năng (無能). Ngài nói rằng: « Người Quân-tử chỉ nên lo cho mình không tài, còn người đời mà không ai biết đến thì đừng lo » hoặc là: « Đừng lo người đời không biết đến mà lo không đủ tài năng để gánh vác việc đời » — (Quân tử bệnh vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỳ tri giá, hay: Bất hoạn nhân chi bất kỳ tri, hoạn kỳ bất năng giá 君子病無能焉不病人之不知 hay 不患人之不知患其不能也).

Ý Không-Tử muốn dạy ta, đã là người có học-thức, tất trước hết phải trau dồi lấy chữ Năng (能), nghĩa làm cho tài-đức của mình được toàn-bích.

Tài đức đã sẵn, thì mọi việc trong xã-hội quốc-gia dù khó đến đâu ta làm cũng được kết-quả tốt đẹp.

Nếu bất năng, vô năng, thì thật nguy-hiêm cho nhân-cách đạo-đức của ta, thật đáng lo, đã lo phải cố gắng làm cho có tài có đức, có thể nhân-cách của ta mới mong được tốt đẹp.

(còn nữa)

HOÀI-NAM  
ĐẶNG-MỘNG-LÂN

VĂN-HÓA — SỐ 48



## A — TIN TRONG NƯỚC

1— CUỘC CÔNG-DU CỦA TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
TẠI TRUNG-HOA DÂN-QUỐC (15-1-60) VÀ TẠI MÃ-LAI (15-2-60)

☆ Đáp lời mời của Tổng-Thống Tưởng-Giới-Thạch, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã rời Sài-gòn hồi 7 giờ sáng ngày 15-1-1960 cùng với Phái-đoàn tháp-tùng chánh-thức gồm 11 nhân vật, để qua Đài-bắc chánh-thức viếng-thăm Trung-hoa Dân-Quốc trong 4 ngày.

Ra tiễn hành Tổng-Thống tại phi-trường Tân-Sơn-Nhút, người ta nhận thấy có Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thor kiêm Bộ-Trưởng Bộ Kinh-tế và các vị Bộ-Trưởng; các vị Trưởng Phái-đoàn Ngoại-giao tại Sài-gòn; ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội, và nhiều vị Dân-biêu; Đại-tướng Lê-văn-Ty, Tổng Tham-Mưu Trưởng Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa; các viên-chức cao cấp đại-diện các Nha Sở; các đại-diện các đoàn-thể trong nước và các tổ-chức quốc-tế ở Việt-Nam cùng rất nhiều nhân vật văn-võ khác. Dân-chúng tụ-hợp gần phi-trường Tân-Sơn-Nhút hết sức đông.

Tại phi-trường, nhiều phân-đội Hải Lục Không quân với quân kỳ và quân nhạc đã dàn chào Tổng-Thống.

Trong thời-gian chánh-thức viếng-thăm Trung-Hoa Dân-quốc, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã hội-đàm nhiều lần với Tổng-Thống Tưởng-Giới-Thạch, và đã tiếp-kiến nhiều nhân-vật Trung-Hoa Dân-quốc.

— Đáp lời mời của Quốc-Vương Yang Di Pertuan Agong, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-hòa đã rời Sài-gòn hồi 7 giờ 50 sáng ngày 15-2-60 cùng với Phái-đoàn tháp tùng chánh-thức, để qua Kuala Lumpur chánh thức viếng thăm Liên-bang Mã-Lai trong 5 ngày.

Cuộc tiến-hành Tổng-Thống tại phi-trường Tân-sơn-Nhứt cũng long-trọng như cuộc tiến-dưa Tổng-Thống khi Người chánh-thức viếng thăm Trung-Hoa Dân-Quốc (15-1-60).

## 2.- DIỄN-THUYẾT VỀ « TỒ-CHỨC VĂN-HÓA LIÊN-HIỆP-QUỐC VÀ VẤN-ĐỀ ĐỐI-THOẠI ĐÔNG-TÂY TẠI SÀI-GÒN

☆ Ngày 13-1-60, hồi 18 giờ chiều, Trường Đại-Học Văn-khoa Sài-gòn đã tổ-chức tại Giảng-đường 106 nhà Trường một buổi diễn-thuyết đặc-biệt dưới quyền chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

Quan-khách (trong số có Ông Phạm-Biêu-Tâm, Khoa-Trưởng Trường Đại-Học Y-Dược Sài-gòn, Ông Jean Martinelli, Cố-vấn Văn-hóa của Tòa Đại-Sứ Pháp v. v...), các giáo-chức Pháp Việt, Nam nữ sinh-viên nhà trường và và một số nữ học-sinh hai Trường Nữ Trung-học Trưng-Vương và Gia-Long đến dự thính rất đông.

Sau lời giới-thiệu của Ông Khoa-Trưởng, diễn-giả Ô. Jacques Havet, phụ-trách dự-án Quan-trọng Văn-Hóa Đông-Tây lên diễn-đàn thuyết-trình về : « *Tổ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc và vấn-đề đối-thoại Đông-Tây* »

Trong phần thảo-luận, nhiều thính-giả như các Ông : Khoa-Trưởng Nguyễn-Huy-Bào, Khoa-Trưởng Phạm-Biêu-Tâm, Giảng-sư Nordmann, Giảng-sư Monlau, Giảng-sư Raguin đã lên diễn-đàn phát-biểu ý-kiến. Cuộc thảo-luận rất sôi-nổi trong bầu không-khí thân-mật.

## 3.- CUỘC TRIỀN-LÂM KỶ-NIỆM ĐỆ THẬP CHU NIÊN QUAN-NIỆM KẾ-HOẠCH COLOMBO

Chiều ngày 14-1-1960, Ngoại-Trưởng Vũ-Văn-Mẫu đã chủ-tọa lễ khai-

mạc cuộc Triền-lâm kỷ-niệm đệ thập chu niên quan-niệm Kế-hoạch Colombo tại Phòng Thông-Tin đường Tự-Do Sài-gòn.

Hàng trăm tranh ảnh, đồ-biểu và tập-san, tài-liệu về công cuộc phát-triển nền kinh-tế của Việt-Nam và sự góp phần của Kế-hoạch Colombo vào công cuộc đó đã được trưng bày trong phòng Triền-lâm.

Trước khi viếng thăm cuộc Triền-lâm, Ngoại-Trưởng Vũ-Văn-Mẫu đã đọc bức Thông-diệp của Tổng-Thống nhân dịp kỷ-niệm đệ thập chu niên quan-niệm Kế-hoạch Colombo.

Một cuốn phim về các tiến-bộ Mỹ-thuật mà miền Nam và Đông-Nam Á đã thực-hiện được cũng được mang ra chiếu.

Hiện-diện trong buổi lễ khai-mạc cuộc Triền-lâm nói trên, có quý ông Trương-Vinh-Lễ, Chủ-tịch Quốc-Hội ; Trần-Hữu-Thế, Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cùng một số đồng đại-diện các Phái-bộ ngoại-giao ở Sài-gòn.

4 - TẬP-SAN « UNESCO VIỆT-NAM »  
SẮP XUẤT-BẢN

Ủy-Hội Quốc-Gia thuộc Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp Quốc (Unesco) nay mai sẽ xuất-bản một tập-san phát-hành 3 tháng một kỳ lấy tên là « Unesco Việt-Nam ».

Tập-san này (gồm 36 trang khổ 24x16, giá bán 5đ một số) nhằm mục-đích phát-triển ngành giáo-dục, khoa-học và văn-hóa quốc-gia.

Tập-san sẽ được ấn-hành với sự viện-trợ của Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp Quốc.

## 5.- KHAI-GIẢNG KHÓA XI TẠI TRƯỜNG BÁCH-KHOA BÌNH-DÂN (Ở SÀI-GÒN VÀ CHỢ-LỚN)

Nhằm mục-đích phổ biến văn-hóa, hội Văn-Hóa Bình-Dân khai-giảng khóa XI trường Bách-khoa Bình-Dân Sài-gòn. Khóa học bắt đầu tối thứ ba 1-3-1960 và thu nhận học-viên kể từ ngày 15-2-1960 vào buổi tối tại trường Tôn-Thọ-Tường Sài-gòn và ngày 2-2-1960 tại trường Đổ-Hữu-Phương Chợ-lớn.

Ngoài các lớp văn-hóa phổ-thông, trong khóa này, trường có mở nhiều lớp mới như Bảo-hiểm, Nhiếp-ảnh, Thư-viện và Văn-khố, Huấn-luyện trắc-nghiệm viên...

Lệ phí nhập học cả khóa 180\$.

## 6 — MỘT PHÁT-MINH VIỆT-NAM CÓ THỂ QUAN-HỆ ĐẾN VĂN-HÓA QUỐC-TẾ

Ông Nguyễn-văn-Thành, Tân-sĩ Khoa-học, đã phát-minh một bản toán gọi là «Bản Toán Việt-Nam». Đây là một cái máy làm toán rất dễ sử-dụng. Trẻ em ở các lớp tiểu-học, đã biết đọc và biết đếm, đều có thể dùng làm bốn phép toán, sau vài phút chỉ-dẫn. Người lớn có thể dùng làm các kiểu toán ghép chung nhau hoặc tìm căn-số bậc hai.

Hiện nay ông đã trình lên Chánh-Phủ để nghiên-cứu cho dạy tại các trường.

Nhờ giản-tiện và tính-cách khoa-học, «Bản toán Việt-Nam» có thể quan-hệ đến Văn-hóa Quốc-tế.

### 7.— MẤY CUỘC TRIỀN-LÂM KHÁC TẠI SÀI-GÒN

★ Cuộc Triền-lâm các tác-phẩm của Họa-sĩ Nguyễn-Cương, giáo-sư Trường Cao-Đẳng Mỹ-Nghệ, được tổ chức từ ngày 22-1 đến 2-2-60 tại số 165 đường Tự-Do, Sài-gòn.

62 họa-phẩm đủ các loại sơn dầu, vẽ trên lụa, vẽ bằng phấn màu, sơn mài, v.v... trong đó những họa-phẩm danh tiếng như «Kiều gây đàn» «Vịnh Hạ Long», «Dahlia» và «Thu» được trưng bày trong cuộc Triền-lâm này.

Các họa-phẩm của ông Nguyễn-Cương đã được trưng bày tại Sài-gòn, Hà-Nội, Ba-Lê và Nhật-Bản. Ông Cương cũng đã từng đi nghiên-cứu về hội-họa tại Nhật-Bản.

★ Ngày 6-2-60, ông Hoàng - Nam - Hùng, Hội-Trưởng Hội Việt-Hoa Thân-hữu đã khánh-thành ở tòa nhà số 240 đại-lộ Đồng-Khánh, Chợ-Lớn, cuộc Triền-lâm trên một trăm bức ảnh về cuộc công-du của Ngô Tổng-Thống tại Trung-Hoa Dân-Quốc hồi tháng Giêng.

Cuộc Triền-lâm này do báo «Việt-Hóa» bảo-trợ, còn các bức ảnh trưng-bày, thì do hãng nhiếp-ảnh «Kiều Quang» ở Trung-Hoa Dân-Quốc gửi sang Việt-Nam.

★ Tối ngày 12-2-60, ông Elbridge Durbrow, Đại-sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam, đã đến khai-mạc cuộc triền-lâm hình ảnh và tranh ảnh với đề-tài «Abraham Lincoln và Mỹ-Quốc ngày nay» do Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ tổ-chức tại Thư-viện mới «Abraham Lincoln» số 145 đại-lộ Nguyễn-Huệ, Sài-gòn nhân dịp kỷ-niệm sinh-nhật lần thứ 145 của Cố Tổng-Thống Abraham Lincoln.

Hiện-diện trong buổi lễ này, người ta nhận thấy có ông Trần-Hữu-Thế, Bộ-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, các nhân-viên trong Chính-Phủ và Ngoại-giao đoàn.

Nhiều tranh ảnh, hình ảnh, bản chụp lại các hình ảnh về cuộc nội-chiến Nam, Bắc Mỹ-Quốc, do nhiếp-ảnh gia nổi danh thời đó là Matthew Brady thực hiện, cùng các bản chụp lại những bài diễn-văn của cố Tổng-Thống Abraham Lincoln do các nhân viên và sinh-viên tốt-nghiệp trường Đại-học danh tiếng Yale của Hoa-Kỳ lựa chọn, đã được trưng-bày trong cuộc triền-lâm này.

Thư-viện mới Abraham Lincoln hoạt-động kể từ ngày 15-2-1960.

### 8.—MẤY CUỘC DIỄN-THUYẾT KHÁC VỀ VĂN-HÓA.

Chiều 7-1-60, ông Trần-Chánh-Thành, Bộ-Trưởng Bộ Thông-Tin đã đến chủ-tọa buổi nói chuyện của nhạc-sĩ Phạm Duy về «Sự thành hình và sự biến hình của nhạc-ngữ Việt-Nam qua ca nhạc cổ-truyền ba miền» do Trường Đức-Minh và Hội Phụ-huynh học-sinh trường tổ-chức tại số 146 đường Hiền-Vương, Sài-gòn.

Ý-nghĩa buổi nói chuyện này là tiếp-tục câu chuyện về «Hương sắc ba miền», do các ông Phạm-Đình-Tân, Thái-Văn-Kiểm và Nguyễn-Thành-Cung trình bày vừa rồi tại trường Taberd.

Ông Phạm Duy đề-cập đến sự thành hình của nhạc-ngữ mà ông cho rằng âm-nhạc cổ truyền Việt-Nam được xây dựng trên âm-giai ngũ cung: Hồ xư xang xê cồng (do re fa sol, la). Nhưng trước khi có đủ 5 cung bậc để ca hát, người Việt cũng như mọi dân-tộc khác vào thời âm-nhạc sơ-khai, đã qua những giai-đoạn chỉ dùng 2 cung, 3 cung hoặc 4 cung trong ca nhạc.

Sau khi nói đến ngũ độ âm-giai nhảy bậc (saute de quinte), so sánh các âm-giai và phách-họa qua các cung nhị, tam, tứ, ngũ, ông Phạm Duy đã nhớ nhiều ca nhạc sĩ trình-diễn nhiều bản cổ-truyền như trống quân, hát chèo...

\* Hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-Lạc Văn-hóa Á-châu đã tổ-chức sáng ngày 21-2-60 một buổi nói chuyện về cuộc trình-bày Văn-hóa Việt-nam tại hội-nghe Giảng-Quang, tại Đại-học Văn-khoa Sài-gòn do hai ông Nguyễn-Đặng-Thực, Hội-Trưởng hội Việt-Nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-châu và Nguyễn-đình-Hòa, giáo-sư diễn-giảng tại trường Đại-học Văn-khoa, đại-diện Việt-nam tại Hội-nghe nói trên tường-thuyết.

Ông Nguyễn-Đình-Hòa cho biết rằng, trong thời-gian hội-nghe nhóm tại khu Đại-học Giảng-Quang, nhiều bài thuyết-trình về lịch-sử và văn-học, khoa-học xã-hội và khoa-học thiên-nhiên đã được thuyết-trình do các học-giả của các nước tham dự hội-nghe. Hội-nghe phân ra hai nhóm đề thuyết-trình :

- a) Về các đề-tài khoa-học nhân-bản, sử, văn, ngữ.
- b) Về các đề-tài khoa-học tự nhiên.

Ngày 30-12-59, ông Nguyễn-Đặng-Thực, đại-diện Việt-Nam Cộng-hòa có thuyết-trình tại Hội-nghe về đề-tài « Sự dung-hòa của Văn-hóa Việt-Nam » và ông Nguyễn-đình-Hòa có nói về « Vấn-đề cải-cách chữ quốc-ngữ ».

Tiếp lời ông Nguyễn-đình-Hòa, ông Nguyễn-đặng-Thực, phách-họa chương-trình thuyết-trình các đề-tài mà ông nhấn mạnh rằng chỉ có tính-cách thuần-túy văn-học.

#### 6.- GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Văn-Hóa nguyệt-san đã nhận được sách báo mới sau đây của các tác-giả hoặc của các nhà xuất-bản gửi tặng. Xin cảm-tạ nồng-hậu và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân-mến :

— *Việt-Nam gấm vóc* do ô. Phan-xuân-Hoà biên-soạn. Tác-giả, trước đã soạn nhiều sách giáo-khoa về Lịch-sử và Địa-lý, nay lại lược-khảo những danh-lam thắng-cảnh, di-tích lịch-sử, phong-tục lễ-nghe và sinh-hoạt kinh-tế của nước Việt-Nam. Sách trình-bày trang-nhã, có nhiều tranh-ảnh về giang-sơn gấm-vóc nước nhà. Sách dày 360 trang, giá bán 100\$, do nhà Thụy-Đình (367, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) phát-hành.

VĂN-HÓA - SỐ 48

— *Ngữ-bút duyên văn* do thi-sĩ Đạm-Nguyên trước-tác là một tập thi-văn gồm đủ các lối (dịch-thuật, ngâm-đề, xướng-họa, phê-bình v. v...) đã làm trong khi tân-cư, hồi-cư và di-cư. Vốn dòng-dõi cao-khoa hiền-hoạn (cháu nội cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ, con thứ hai cụ Phó-Bàng Nguyễn-Cúc-Sơn), thi-sĩ Đạm-Nguyên đã sớm hấp-thụ được một nền văn thơ uyên-thâm và tế-nhị, nên giáo-sư Đỗ-tế-Huyền đã đề-tặng hai câu thơ :

*Nền-nếp vẫn nguyên lòng cánh phượng.*

*Văn-chương chưa dứt sợi tơ hồng.*

Thi-phẩm này trình bày sáng-sủa, dày 104 trang, giá 30đ, có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô và các tỉnh.

— *Pháp-văn lớp đệ-tứ* (toàn tập) do Ô.Ô. Vũ-quý-Mão và Ngô-dức-Kính hợp soạn. Cũng như ba cuốn sách *Pháp-văn lớp đệ-thất*, *đệ-lục* và *đệ-ngũ*, cuốn này đã được hai vị lão-thành trong giáo-giới biên-soạn rất chu-đáo cả công-phu, theo đúng phương-pháp sư-phạm và đúng chương-trình hiện hành của Bộ Quốc-gia Giáo-dục. Sách gồm 24 chủ-điêm, mỗi chủ-điêm có đủ bài dùng (văn-phạm, ngữ-vựng, chính-tả, tập-văn, phiên-dịch, phân-dịch, v.v...) trong một tuần-lễ. Cách trình bày lại trang-nhã, kèm thêm nhiều tranh vẽ vui mắt, nên dám chắc sẽ giúp ích nhiều cho các bạn học-sinh bậc Trung-học về môn học Pháp-văn. Sách dày 312 trang, giá bán 60\$, do nhà sách Khai-Trí (62, đường Lê-Lợi, Sài-gòn) phát hành.

— *Lặng lẽ* do Nguyễn-Phụng sáng-tác là một thi-phẩm gồm nhiều bài thơ mới, từ điệu tân-kỳ. Sách trình bày rất sáng sủa, bìa sách do họa-sĩ Tú-Duyên minh-họa. Sách dày 56 trang, giá bán 20\$, do nhà Ánh-Sáng (2, đường Đinh-Bộ-Lĩnh, Mỹ-Tho) xuất-bản.

— *Nghị-luận luận lý* do giáo-sư Dương-Kỵ soạn cho học-sinh lớp đệ ngũ, đệ tứ và đệ tam bậc Trung-học, đúng theo chương-trình mới. Sách gồm ba phần chính: rèn-luyện, phương-pháp và những dàn-bài kiểu mẫu. Sách in lần thứ hai, dày 110 trang, giá bán 29\$, in tại nhà Khánh-Quỳnh (8A, đường Đinh-bộ-Lĩnh, Huế).

— *Nghị-luận văn-chương* cũng do giáo-sư Dương-Kỵ soạn cho học-sinh đệ tam và đệ nhị bậc Trung-học. Sách gồm ba phần: Rèn luyện phê-bình, nghị-luận phê-bình và nghị-luận phân-tích. Sách in lần thứ nhất, dày 152

VĂN-HÓA - SỐ 48

trang, giá bán 30đồng, do nhà sách Khai-Trí (62, đường Lê-Lợi, Sài-gòn) phát hành.

— *Toán-Pháp lớp Nhất* do ông Nguyễn-văn-Phúc soạn và cho tái bản. Tác-giả biên-soạn rất công phu, theo đúng phương-pháp sư-phạm và đã sửa đổi cho sát với chương-trình của Bộ mới ban hành ngày 16-7-59. Sách gồm đầy đủ mọi phần trong toán-pháp (số-học và tính nhâm, đo-lường, hình học). Phần « Bài tập » và « Tính đố » đều gia-tăng và có soạn thêm cả « phần giải đáp ». Cách trình bày sáng sủa, tranh vẽ lại rõ ràng. Thực là một cuốn sách rất hữu-ích cho học-sinh lớp nhất, sắp sửa thi bằng Tiểu-học và thi vào lớp đệ thất Trung-học. Sách dày 250 trang, giá bán 32đồng, do nhà sách Nam-Sơn (Sài-gòn) phát hành.

— *Sống* là một tập bán nguyệt-san (xuất-bản ngày 1 và 15 mỗi tháng) là một cơ-quan tranh đấu của Hội nạn-nhân Cộng-sản nhằm mục-đích góp vào công cuộc tiến chung của dân-tộc trên đường vừa kiến-quốc vừa diệt Cộng. Tạp-chí này do Ô. Ngô-trọng-Hiếu đứng làm chủ-nhiệm và Ô. Lưu-Hùng làm chủ-bút, trước ra mỗi tháng một kỳ, nay đổi mới mỗi tháng ra 2 lần, kể từ số 7 (15-2-1960). Mỗi số dày độ 60 trang, giá bán 7%. Tòa-soạn ở số 169-171, Đường Hồng Thập-Tự, Sài-gòn.

— *Tam-Nguyên Yên-Đồ Nguyễn Khuyến tiêu-sử điển-ca* do nữ sĩ Hồng-Thiên sáng-tác là một tập lục-bát trường-thiên lược-thuật thân-thể và hành-trạng của Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ Nguyễn-Khuyến (mà nữ-sĩ là chất ngoại). Tác-giả vốn dòng-dõi khoa bảng trâm-anh đã khéo dùng lời văn đúc chuoát, nhẹ nhàng và thanh tao đề nêu cao khí-tiết của một bậc đại thi-hào Việt-Nam. Sách dày hơn 30 trang, giá bán 12%, có bán tại các hiệu sách ở Đô-Thành và các tỉnh.

— *Tin Sách* là một tập thư-mục các sách xuất-bản hàng tháng trong nước. Tập này do Ô. Nguyễn-ngọc-Phách đứng chủ-trương biên-tập, thông báo đầy đủ về các loại sách mới xuất-bản (tiểu-thuyết, truyện ngắn, thi-ca, sách dịch-thuật và sách biên-khảo). Ta có thể coi nó là nhịp cầu nối liền độc-giả với các nhà xuất-bản và giúp một cách đặc lực cho sách được phổ-biến sâu rộng và mau chóng hơn. Tập Tin Sách này do nhà Công-dân (60-62, đường Kỳ-Con, Sài-gòn) đứng in, chỉ gửi biếu, chứ không bán.

VĂN-HÓA — SỐ 48

— *Việt-Nam văn học toàn thư : quyển II* do Hoàng-trọng-Miên biên-soạn. Sau khi xuất-bản quyển I khảo về thần-thoại Việt-Nam, soạn-giả tiếp-tục cho ấn-hành quyển II này gồm rất nhiều truyện cổ có phân-loại rõ ràng : cổ-tích, lịch-sử, phong-tục, thể-sự, tình-cảm, tôn-giáo, hoang đường. Ngoài ra, soạn-giả còn tập trung những tinh-hoa truyện cổ của các sắc-dân đồng bằng và miền núi Việt-Nam. Sách biên-soạn theo phương-pháp tổng hợp, trình bày rất mỹ-thuật và gồm ngót ba chục phụ-bản nghệ-thuật cổ-dại Việt-Nam. Sách dày 450 trang, giá bán 100% do nhà Văn-Hữu Á-Châu xuất-bản.

— *Thơ Lam-Sơn* là một thi-phẩm do nhà thơ Lam-Sơn Lê-Tấn-Lợi trước-tác. Sách gồm có 63 bài thơ đủ các thể (lục-bát, đờng-luật, song-thất lục-bát, v.v...) chia làm 5 mục : thơ hùng, thơ phiêu-linh, thơ sống, thơ vui và thơ tình cảm. Giọng thơ có lúc trầm-hùng, lâm-ly, có lúc dí-dòm, nhẹ nhàng. Sách trình bày trang-nhà, do họa-sĩ Nguyễn-Đán vẽ bìa và do tác-giả xuất-bản lấy. Sách dày trên 100 trang, giá bán 50%.

— *Luật-pháp Phổ-thông* do Ô. Phạm-quang-Lộc, chủ-nhiệm tập-san « Giáo-dục phổ thông » nghiên-cứu và biên-soạn. Sách này giúp các bạn đọc hiểu biết rõ những điều luật-lệ thường-thức và cần-thiết về hương-hòa, bất động-sản, thương-mại, hiệp-hội, v.v... và những thủ-tục cần phải thực hành cho hợp-pháp đối với chánh-quyền. Sách này in khổ nhỏ, dày 384 trang, giá bán 45đồng.

— *Năm mươi năm cách-mạng hải-ngoại* (hay : Hồi-ký của cụ Hoàng-Nam-Hùng) do ông Phạm-giật-Đức biên-soạn. Sách này lược-thuật lịch-sử cách-mạng Việt-nam cận-kim và các cuộc nội-chiến Trung-Hoa. Xem cuốn sách này, ta còn rõ thêm nhân-phẩm và khí-tiết của Hoàng-Nam-Hùng tiên-sinh, một nhà Ái-quốc Việt-Nam đã sống hơn 40 năm trên đất Trung-Hoa, và đã hăng hái phụng-sự cho nền cách-mạng của Trung-Hoa và của Tổ-quốc nữa. Sách dày 248 trang, giá bán 50 đồng, in tại nhà in Hồng-Phát (431, đường Đông-Khánh, Chợ-lớn).

## B — TIN NGOÀI NƯỚC

1 — BUỔI TRÌNH-BÀY ĐẶC-BIỆT VỀ PHỤ-NỮ  
VIỆT-NAM TRÊN ĐÀI VÔ-TUYẾN TRUYỀN-HÌNH PHÁP

Tối hôm 4-2-1960, hồi 19 giờ 30, tại Ba-Lê, đài Vô-Tuyến Truyền-Hình Pháp đã khởi-sự phần đầu buổi trình-bày đặc-biệt về Phụ-nữ Việt-Nam.

VĂN-HÓA — SỐ 48

Chương-trình ghi-âm và thu-hình về buổi Vô-Tuyến Truyền-Hình đặc-biệt này đã được thực-hiện tại Việt-Nam và do Jacqueline Baudrier trình-bày trên đài Vô-Tuyến Truyền-Hình Pháp.

Trong chương-trình đó, bà Ngô-Đình-Nhu, Dân-biểu Quốc-Hội Lập-Pháp Việt-Nam Cộng-Hoà đã trả lời những câu hỏi về vấn-đề giải-phóng phụ-nữ Việt-Nam và về đạo Luật Gia-đình Việt-Nam.

## 2- CUỘC TRIỂN-LÂM THỦ-ẤN HỌA VIỆT-NAM TẠI BA-LÊ

Ngày 11.2.1960, một cuộc triển-lâm thủ-ấn họa Việt-Nam đã khai-mạc tại Viện Bảo-tàng Guimet ở Ba-Lê (Pháp) và mở cửa cho công chúng vào xem trong thời gian 2 tháng.

Các thủ-ấn họa trưng-bày tại cuộc triển-lâm này là sở-hữu của Trường Viễn-Đông Bác-Cô. Các họa-phẩm này tách riêng từng tác-phẩm, không có một giá-trị thương mại nào đáng kể, nhưng hợp chung lại thì đó là cả một kho-tàng mỹ-thuật rất quý báu về phương-diện nhân-chủng học.

Các thủ-ấn họa Việt-Nam trưng-bày tại Bảo-tàng viện Guimet đã diễn-tả các đề-tài về tôn-giáo, luân-lý, lịch-sử và phong-tục tập-quán của Việt-Nam.

Đài Vô-tuyến Truyền-thanh và Truyền-hình Pháp đã bình-luận rất lâu về cuộc triển-lâm này để ca-tụng những thủ-ấn họa Việt-Nam.

## 3- THAM-DỰ HỘI-NGHỊ ĐỊA-PHƯƠNG CÁC ĐẠI-DIỆN ỦY-HỘI QUỐC-GIA TỔ-CHỨC VĂN-HÓA LIÊN-HIỆP-QUỐC Ở Á-CHÂU

Hội-Nghị địa-phương các đại-diện Ủy-Hội Quốc-gia thuộc Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc ở Á-Châu, nhóm tại Manille từ 18 đến 24-1-60, với sự tham-dự của 20 quốc-gia hội-viên.

Phái-đoàn Việt-Nam tham-dự Hội-nghị nói trên do Ông Nguyễn-Khắc-Kham, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Tổng-Thư-Ký Ủy-hội Quốc-gia trong Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc, hướng-dẫn và gồm có các ông Nguyễn-Từ-Án, Chánh sự-vụ sở Ngoại-Viện Bộ Quốc-gia Giáo-dục, Phạm-văn-Thuật, Thanh-Tra Trung-Học và Cô Phạm-Thị-Tri, chuyên-viên Sở Tu-Thư Dịch-Thuật và Ấn-loát Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

VĂN-HÓA - SỐ 48

Hội-nghị thảo-luận về nhiều vấn-đề, như sự tổ-chức và tham-gia của các Ủy-ban quốc-gia, mở rộng ngành giáo-dục cưỡng-bách bậc Tiểu-học tại Á-Châu, sự hiểu biết lẫn nhau về các giá-trị Văn-hóa Đông-phương và Tây-Phương, v.v... Ngoài ra, Hội-nghị cũng cứu-xét dự án ngân sách, niên-khóa 1961 - 62.

Phái-đoàn Việt-Nam đã rời Sài-gòn tối 15.11.60 để qua Manille, do chuyển máy bay thường lệ của Công Ty Hàng Không PAA.

## MỘT HỌA-SĨ VIỆT-NAM ĐƯỢC TẶNG-THƯỞNG BA TẮM HUY- CHƯƠNG CAO QUÝ VỀ MỸ-THUẬT

Ông Vinh-Tu, một họa-sĩ trẻ tuổi Việt-Nam, sinh-viên trường Quốc-Gia Mỹ-thuật Ba Lê, hiện đang tham-dự cuộc Triển-lâm họa-phẩm quốc-tế tại Amsterdam.

Mới đây, ông Vinh-Tu đã tỏ ra xuất-sắc tại cuộc Triển-lâm họa-phẩm quốc-tế ở Deauville (Pháp) và được tặng-thưởng ba tấm Huy-chương cao quý về Mỹ-thuật. Nhân dịp này, tập-san « Le Revue Moderne » một tập-san của Pháp chuyên về phê-bình Nghệ-thuật, đã dành cho họa-sĩ Vinh-Tu một bài báo, trong đó tác-giả hết sức ca ngợi tài-năng của họa-sĩ.

### Tòa soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

NHA VĂN-HÓA Bộ Quốc-gia Giáo-dục

266, Đường Công-lý — Sài-gòn

Điện-thoại : 24.633

✱

— Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM  
— Chủ-bút : THAI-VĂN-KIỆM  
— Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN  
— Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

✱

Ấn-Quán : BÌNH-MINH

149, Đường Yên-Đồ — Sài-gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT

329, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn

Muốn chấn-hưng Văn-Hóa và xây đắp tương-lai xin đọc :

## VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

và

## VĂN - HÓA TÙNG - THƯ

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục  
(Số 266, đường Công - Lý - Sài-gòn) xuất - bản



### Những tập VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

xuất-bản năm 1959 :

- SỬ-LIỆU VIỆT-NAM  
Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn . . . . . 25\$
- ĐÀI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ  
(LỤC-TÍNH NAM-VIỆT)  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng . . . . . 20\$  
Tập hạ . . . . . 15\$

Có bán lẻ khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh và nhà Tổng-phát-hành THỐNG-NHẤT (329, Đường Trần-hưng-Đạo, Sài-gòn).